

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP

-----o0o-----



BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

KHU NHÀ Ở ĐỂ BÁN 129D TRƯƠNG ĐỊNH

Địa điểm: 129D Trương Định, phường Tương Mai, Hà Nội

Hà Nội, tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP

-----o0o-----

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ

KHU NHÀ Ở ĐỂ BÁN 129D TRƯƠNG ĐỊNH

Địa điểm: 129D Trương Định, phường Tương Mai, Hà Nội

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Quốc Tuấn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Linh

Hà Nội, tháng năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	9
1.2. TÊN CƠ SỞ	9
1.2.1. Tên cơ sở	9
1.2.2. Địa điểm cơ sở.....	9
1.2.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến hình thành cơ sở	11
1.2.4. Quy mô của cơ sở.....	12
1.2.5. Phân nhóm dự án đầu tư.....	16
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ.....	16
1.3.1. Công suất, sản phẩm của cơ sở	16
1.3.2. Công nghệ vận hành của cơ sở.....	16
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.....	16
1.4.1. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành của cơ sở.....	16
1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện sử dụng của cơ sở	17
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	18
1.4.4. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	21
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....	21
1.5.1. Quá trình hình thành của cơ sở	21
1.5.2. Tình hình hoạt động của cơ sở	23
1.5.3. Tổ chức quản lý và vận hành của cơ sở	23
1.5.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng hoàn thành của cơ sở	24
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	26

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	26
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	26
2.2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	26
2.2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải.....	27
2.2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải thông thường, chất thải nguy hại.....	27
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	28
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	28
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	33
3.1.3. Thu gom, thoát nước bể bơi.....	40
3.1.4. Hệ thống tuần hoàn nước bể bơi	43
3.1.5. Hệ thống xử lý nước thải	44
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	58
3.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện giao thông.....	58
3.2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy điều hòa, máy phát điện	58
3.2.3. Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống XLNT	59
3.2.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí khác	59
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	60
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	64
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	68
3.6.1. Sự cố cháy nổ	68
3.6.2. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước.....	68
3.6.3. Sự cố trạm XLNT	68

3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC	80
3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	80
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	83
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	83
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	83
4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	83
4.1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa	83
4.1.4. Phương thức xả thải	83
4.1.5. Chế độ xả nước thải	83
4.1.6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	84
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	85
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	85
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	86
5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	86
5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI	86
5.2.1. Diễn biến lưu lượng xả nước thải	86
5.2.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ	87
5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	91
5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI	95
5.4.1. Đối với chất thải rắn thông thường	95
5.4.2. Đối với chất thải nguy hại	97
5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	101
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	102

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	102
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	102
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	102
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	102
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	102
6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.	103
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	105

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1 Vị trí cơ sở.....	11
Hình 1. 2 Hình ảnh khu nhà chung cư cao tầng.....	15
Hình 1. 3 Hình ảnh hiện trạng khu nhà thấp tầng.....	15
Hình 1. 4 Sơ đồ sử dụng nước và phát sinh nước thải của tòa nhà.....	18
Hình 1. 5 Mô hình tổ chức quản lý của tòa nhà.....	24
Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của khu nhà chung cư cao tầng.....	29
Hình 3. 2 Sơ đồ thu gom nước mưa của khu nhà thấp tầng.....	30
Hình 3. 3 Mô tả vị trí điểm xả nước mưa của cơ sở.....	32
Hình 3. 4 Sơ đồ thu gom thoát nước thải.....	34
Hình 3. 5 Mô tả đường ống và vị trí điểm xả nước thải của cơ sở.....	39
Hình 3. 6 Hình ảnh điểm xả nước thải của cơ sở.....	40
Hình 3. 7 Sơ đồ thu gom thoát nước bể bơi.....	41
Hình 3. 8 Mô tả vị trí điểm xả thoát nước xả kiệt bể bơi.....	42
Hình 3. 9 Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt.....	45
Hình 3. 10 Mô hình bể tự hoại 3 ngăn.....	47
Hình 3. 11 Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải.....	57
Hình 3. 12 Hình ảnh máy phát điện tại cơ sở.....	59
Hình 3. 13 Hình ảnh phòng thu gom rác từng tầng.....	62
Hình 3. 14 Hình ảnh điểm tập kết chất thải rắn của cơ sở.....	63
Hình 3. 15 Hình ảnh thùng chứa CTNH.....	67
Hình 3. 16 Hình ảnh phòng thu gom rác từng tầng.....	96
Hình 3. 17 Hình ảnh điểm tập kết chất thải rắn của cơ sở.....	97
Hình 3. 18 Hình ảnh thùng chứa CTNH.....	100
Hình 5. 1 Mô tả vị trí lấy mẫu.....	94

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 Tọa độ ranh giới của cơ sở	10
Bảng 1. 2 Quy mô của cơ sở	12
Bảng 1. 3 Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành của cơ sở	16
Bảng 1. 4 Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	17
Bảng 1. 5 Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn thực tế	19
Bảng 1. 6 Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất của cơ sở	21
Bảng 3. 1 Bảng tổng hợp các hạng mục công trình thoát nước mưa	33
Bảng 3. 2 Bảng tổng hợp các hạng mục công trình thoát nước thải	36
Bảng 3. 3 Thông số chất lượng nước thải đầu vào và ra trạm xử lý	37
Bảng 3. 4 Danh mục máy móc thiết bị hệ thống lọc nước bể bơi	44
Bảng 3. 5 Hóa chất xử dụng cho hệ thống lọc nước bể bơi	44
Bảng 3. 6 Các thông số cơ bản của hệ thống XLNT	49
Bảng 3. 7 Danh mục thiết bị trạm XLNT	50
Bảng 3. 8 Bảng tổng hợp chế độ vận hành của hệ thống XLNT	55
Bảng 3. 9 Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải	58
Bảng 3. 10 Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh theo từng nguồn	61
Bảng 3. 11 Dự kiến thành phần và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	61
Bảng 3. 12 Dự kiến khối lượng CTNH phát sinh	65
Bảng 3. 13 Tổng hợp các công trình, thiết bị quản lý CTNH	66
Bảng 3. 14 Sự cố thông thường của bơm và biện pháp khắc phục	69
Bảng 3. 15 Sự cố đối với máy khuấy chìm và biện pháp khắc phục	71
Bảng 3. 16 Sự cố đối với máy bơm định lượng và biện pháp khắc phục	72
Bảng 3. 17 Sự cố đối với máy thổi khí và biện pháp khắc phục	74
Bảng 3. 18 Sự cố tạo bọt và biện pháp khắc phục	77
Bảng 3. 19 Các nội dung thay đổi sao với quyết định ĐTM	81
Bảng 3. 20 Dự kiến thành phần và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	95
Bảng 3. 21 Dự kiến khối lượng CTNH phát sinh	98
Bảng 3. 22 Tổng hợp các công trình, thiết bị quản lý CTNH	99
Bảng 4. 1 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt	84

Bảng 4. 2	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước xả kiệt bể bơi	84
Bảng 5. 1	Lưu lượng xả nước thải trung bình từ tháng 06/2024 đến tháng 05/2025	86
Bảng 5. 2	Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022	88
Bảng 5. 3	Kết quả phân tích chất lượng nước thải	89
Bảng 5. 4	Kết quả phân tích chất lượng nước xả kiệt bể bơi	91
Bảng 5. 5	Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh quý II/2022	92
Bảng 5. 6	Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh quý IV/2022	92
Bảng 5. 7	Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh tháng 06/2025	93
Bảng 5. 8	Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở	95
Bảng 6. 1	Chi phí quan trắc môi trường hàng năm	103

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG TỪ VIẾT TẮT
1	BTC	Bộ Tài chính
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
3	BXD	Bộ Xây dựng
4	BYT	Bộ Y tế
5	CTR	Chất thải rắn
6	CHXHCNVN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
7	CP	Chính phủ
8	CTNH	Chất thải nguy hại
9	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
10	ND	Nghị định
11	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
12	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
13	QĐ	Quyết định
14	QH	Quốc hội
15	SXD	Sở Xây dựng
16	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
17	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
18	TP	Thành phố
19	TT	Thông tư
20	TTg	Thủ tướng
21	UBND	Ủy ban nhân dân
22	XLNT	Xử lý nước thải

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP

- Địa chỉ trụ sở chính: 129D Trương Định, p.Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quốc Tuấn Chức vụ: Tổng giám đốc

- Điện thoại: 0243.8639968

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần: Số 0103013025 do phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/7/2006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 13 ngõ Yên Thế, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc Việt Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

- Điện thoại: 0243.7471927

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần: Mã số doanh nghiệp 0100106955 do phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 13/9/2005; Đăng g ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/3/2015.

1.2. Tên cơ sở

1.2.1. Tên cơ sở

KHU NHÀ Ở ĐỂ BÁN 129D TRƯƠNG ĐỊNH

1.2.2. Địa điểm cơ sở

- Địa chỉ: 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Vị trí tiếp giáp của cơ sở:

+ Phía Tây giáp Ngõ 129D Trương Định

+ Phía Bắc giáp đất Công ty Vật tư Công nghiệp Hà Nội

+ Phía Đông giáp đường quy hoạch

+ Phía Nam giáp khu dân cư

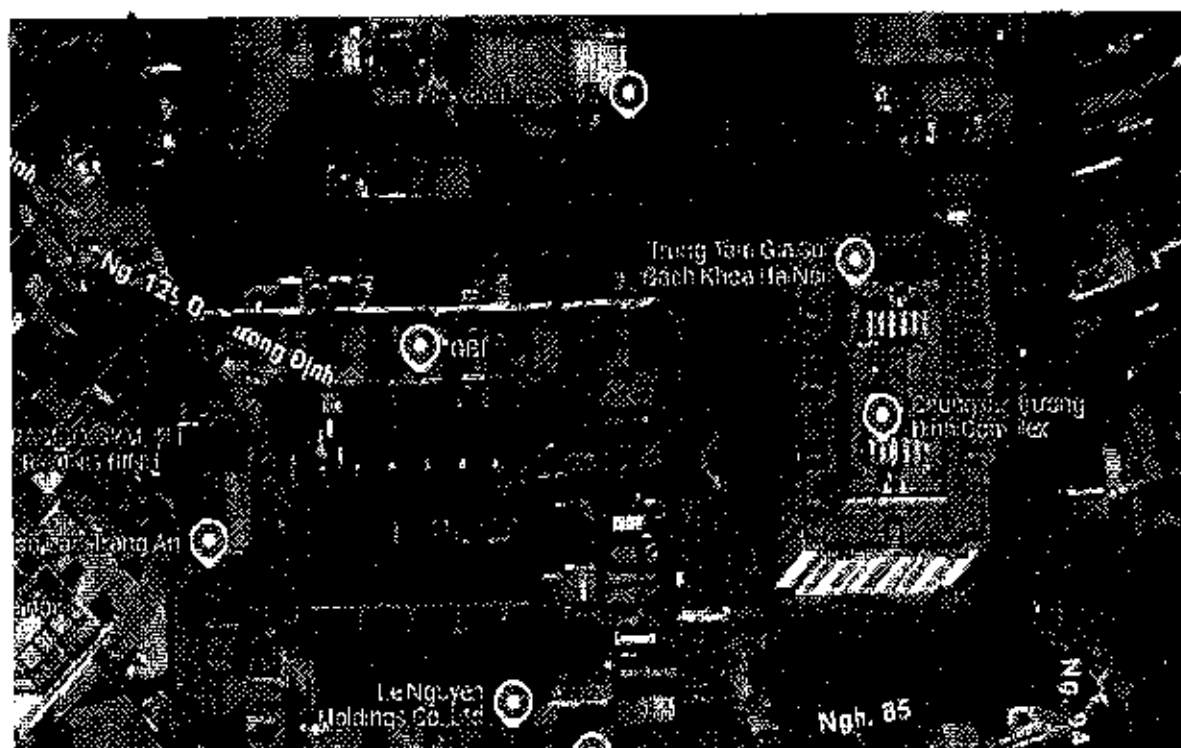
Bảng 1. 1 Tọa độ ranh giới của cơ sở

TT	Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	TT	Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	A	2322288.43	588315.70	31	29	2322270.55	588256.15
2	B	2322222.54	588316.96	32	30	2322270.03	588231.69
3	1	2322284.21	588181.00	33	31	2322270.23	588231.68
4	2	2322285.56	588260.88	34	32	2322269.34	588181.21
5	3	2322287.97	588260.86	35	33	2322279.52	588181.04
6	4	2322288.03	588266.81	36	I	2322280.20	588181.04
7	5	2322288.56	588331.30	37	II	2322281.88	588267.27
8	6	2322238.99	588331.51	38	III	2322274.64	588273.29
9	7	2322229.97	588331.62	39	IV	2322222.73	588273.53
10	8	2322222.46	588331.66	40	xd1	2322280.08	588285.25
11	9	2322222.76	588275.87	41	xd2	2322280.19	588308.65
12	10	2322222.65	588264.56	42	xd3	2322278.79	588308.66
13	11	2322225.23	588264.47	43	xd4	2322278.81	588312.21
14	12	2322225.25	588263.65	44	xd5	2322264.56	588312.28
15	13	2322225.76	588263.56	45	xd6	2322264.57	588313.08
16	14	2322229.21	588263.39	46	xd7	2322245.07	588313.16
17	15	2322237.30	588263.26	47	xd8	2322245.06	588312.36
18	16	2322243.32	588263.00	48	xd9	2322230.81	588312.43
19	17	2322243.34	588263.11	49	xd10	2322230.79	588308.88
20	18	2322247.21	588262.99	50	xd11	2322229.39	588308.89
21	19	2322251.14	588262.71	51	xd12	2322229.28	588285.49
22	20	2322253.97	588262.63	52	xd13	2322230.68	588285.48
23	21	2322256.76	588262.49	53	xd14	2322230.67	588281.93
24	22	2322259.55	588262.45	54	xd15	2322244.92	588281.86
25	23	2322262.70	588262.28	55	xd16	2322244.91	588281.06

Chủ đầu tư: Liên danh CTCP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22 và CTCP Đồng Tháp

TT	Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	TT	Tên điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
26	24	2322267.32	588262.11	56	xd17	2322264.41	588280.98
27	25	2322268.22	588261.66	57	xd18	2322264.42	588281.78
28	26	2322270.12	588259.62	58	xd19	2322278.67	588281.71
29	27	2322270.44	588258.95	59	xd20	2322278.68	588285.26
30	28	2322270.66	588257.96				

Vị trí của cơ sở được thể hiện ở hình dưới đây:



Hình 1.1 Vị trí cơ sở

1.2.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến hình thành cơ sở

* Văn bản chấp thuận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000886 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010.

- Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép Công ty Cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6 m² đất tại số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán 129D Trương Định.

* Văn bản liên quan đến quy hoạch và xây dựng

- Giấy phép quy hoạch số 2505/QPQH ngày 27/4/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội.

- Giấy phép xây dựng số 33/GPXD-SXD ngày 18/5/2015 của Sở xây dựng.

- Văn bản số 3172/QHKT-TMB-PAKT(KHTH) ngày 26/5/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về việc Chấp thuận bản vẽ điều chỉnh tổng mặt bằng và phương án kiến trúc.

~~* Các loại giấy phép liên quan đến môi trường~~

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 04/GP-UBND do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/01/2017.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2020.

1.2.4. Quy mô của cơ sở

- Loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ: Khu nhà ở để bán 129D Trương Định được xây dựng với chức năng là Dịch vụ công cộng, nhà trẻ, sinh hoạt cộng đồng, nhà ở cao tầng và thấp tầng.

- Quy mô hoạt động:

Bảng 1. 2 Quy mô của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Quy mô
1	Diện tích ô đất	m ²	4.729,5
2	Diện tích xây dựng	m ²	2.439
	Khu nhà chung cư cao tầng	m ²	1.560,8
	Khu nhà ở thấp tầng	m ²	878,2
3	Mật độ xây dựng	%	51,57%
4	Tổng diện tích sàn (không gồm tầng hầm, tầng dịch vụ kỹ thuật và tum thang)	m ²	31.382
	Khu nhà chung cư cao tầng	m ²	27.409
	Khu nhà ở thấp tầng	m ²	3.973
5	Tổng diện tích sàn đỗ xe	m ²	4.688,38
	Diện tích bố trí tại nhà chung cư cao tầng	m ²	4.483,38

STT	Thông số	Đơn vị	Quy mô
	Diện tích bố trí tại sân, đường giao thông nội bộ	m ²	205
6	Tầng cao công trình		
	Khu nhà chung cư cao tầng	Tầng	21
	Khu nhà ở thấp tầng	Tầng	05
7	Số tầng hầm	Tầng	01
8	Chiều cao công trình (tính từ cao độ sân, đường nội bộ đến đỉnh mái công trình)		
	Khu nhà chung cư cao tầng	m	70,35
	Khu nhà ở thấp tầng	m	17,85
9	Số căn hộ (bao gồm nhà ở cao tầng và thấp tầng)	Căn	219
	Khu nhà chung cư cao tầng	Căn	204
	Khu nhà ở thấp tầng	Căn	15

* Công trình nhà chung cư cao tầng

- Tầng hầm (01 tầng): Bố trí chỗ đỗ xe, khu kỹ thuật phục vụ công trình: Diện tích sàn xây dựng khoảng 2.432,78 m² (trong đó diện tích sàn đỗ xe khoảng 2.043,1 m²), chiều cao 2,7m và 3,6m.

- Tầng 1: Bố trí không gian sảnh, đỗ xe, dịch vụ công cộng và khu phụ trợ; Diện tích xây dựng khoảng 1.560,8 m² (trong đó diện tích sàn đỗ xe khoảng 1.009,37 m²), chiều cao tầng 2,55m (cốt cao độ tầng 1 cao hơn cốt cao độ sân, đường nội bộ là 0,9m).

- Tầng lửng: Bố trí đỗ xe, nhà trẻ và khu phụ trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 1.241,21 m² (trong đó: Diện tích sàn nhà trẻ khoảng 554,24 m²; diện tích sàn đỗ xe khoảng 551,15 m²) chiều cao 3m.

- Tầng dịch vụ, kỹ thuật: bố trí đỗ xe, dịch vụ (bể bơi) và khu phụ trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 1.560,8 m² (trong đó diện tích sàn đỗ xe khoảng 879,76 m²), chiều cao 3,3m.

- Tầng 2 – 18: Bố trí chức năng căn hộ ở và khu phục trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 1.447,47 m²/tầng, chiều cao 3,3m/tầng; có 12 căn hộ/tầng.

- Tầng tum thang: Bố trí phòng sinh hoạt cộng đồng, kỹ thuật và khu phụ trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 583,38 m² (trong đó diện tích sàn sinh hoạt cộng đồng khoảng 179,84 m²); chiều cao 3,3m và 4,5m.

*** Công trình nhà ở thấp tầng**

a. Khu nhà ở thấp tầng mẫu số 1 (tổng có 10 công trình)

- Tầng 1: Bố trí Gara đảm bảo chỗ đỗ xe cho bán thân công trình, bếp, phòng ăn và phòng khách; Diện tích xây dựng khoảng 59,4 m²; chiều cao 3,9m (cột cao độ sàn tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,45m);

- Tầng 2: Bố trí phòng ngủ, phòng sinh hoạt chung; Diện tích sàn xây dựng khoảng 70,2 m²; chiều cao là 3,6m;

- Tầng 3,4: Bố trí phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 70,2 m²; chiều cao tầng 3 là 3,6m; tầng 4 là 3,3m.

- Tầng tum: Bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi; Diện tích sàn xây dựng khoảng; Diện tích sàn xây dựng khoảng 32,86 m², chiều cao 3m.

b. Khu nhà ở thấp tầng mẫu số 2 (tổng có 04 công trình)

- Tầng 1: Bố trí Gara đảm bảo chỗ đỗ xe cho bán thân công trình, bếp, phòng ăn và phòng khách; Diện tích xây dựng khoảng 52,8 m², chiều cao 3,9m (cột cao độ sàn tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,45m);

- Tầng 2: Bố trí phòng ngủ, phòng sinh hoạt chung; Diện tích sàn xây dựng khoảng 62,4 m²; chiều cao là 3,6m;

- Tầng 3,4: Bố trí phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 62,4 m²; chiều cao tầng 3 là 3,6m; tầng 4 là 3,3m.

- Tầng tum: Bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi; Diện tích sàn xây dựng khoảng; Diện tích sàn xây dựng khoảng 29,12 m², chiều cao 3m.

c. Khu nhà ở thấp tầng mẫu số 3 (tổng có 01 công trình)

- Tầng 1: Bố trí Gara đảm bảo chỗ đỗ xe cho bán thân công trình, phòng khách; Diện tích xây dựng khoảng 73 m², chiều cao 3,9m (cột cao độ sàn tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,45m);

- Tầng 2: Bố trí bếp, phòng ăn, phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 80 m²; chiều cao là 3,6m;

- Tầng 3,4: Bố trí phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng 80 m²; chiều cao tầng 3 là 3,6m; tầng 4 là 3,3m.

- Tầng tum: Bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi; Diện tích sàn xây dựng khoảng; Diện tích sàn xây dựng khoảng 32,86 m², chiều cao 3m.

Một số hình ảnh của cơ sở:



Hình 1. 2 Hình ảnh khu nhà chung cư cao tầng



Hình 1. 3 Hình ảnh hiện trạng khu nhà thấp tầng

1.2.5. Phân nhóm dự án đầu tư

- Cơ sở thuộc số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ do vậy cơ sở thuộc nhóm III.

- Căn cứ khoản 2, điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

- Cơ sở đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, do vậy căn cứ khoản 3 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND thành phố Hà Nội.

⇒ Báo cáo được thực hiện theo phụ lục X – Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động (kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất, sản phẩm của cơ sở

Khu nhà ở để bán 129D Trương Định có công suất, sản phẩm hiện nay như sau:

- 01 tầng hầm: Dịch vụ trông giữ xe
- Tầng 01: Dịch vụ chung cư (không gian sảnh, bãi đỗ xe và dịch vụ công cộng)
- Tầng lửng: Dịch vụ trông giữ xe, nhà trẻ với diện tích 554,24 m²
- Tầng kỹ thuật: Dịch vụ trông giữ xe, bể bơi (01 bể bơi người lớn thể tích 325 m³ và 01 bể bơi trẻ em thể tích 40 m³)
- Tầng 2-18: Dịch vụ căn hộ ở tổng 204 căn

1.3.2. Công nghệ vận hành của cơ sở

Cơ sở khi đi vào vận hành, Chủ đầu tư thuê một đơn vị độc lập ban quản lý tòa nhà, quản lý hoạt động mua bán, cho thuê các căn hộ, cho thuê văn phòng, quản lý an ninh tòa nhà, chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục các sự cố, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành của cơ sở

Bảng 1. 3 Danh mục máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành của cơ sở

TT	Danh mục thiết bị máy móc	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống thang máy	Hệ thống	04
2	Máy biến áp 1600 kVA	Chiếc	02
3	Máy phát điện 500kVA	Chiếc	01
4	Máy phát điện 60 kVA	Chiếc	01

TT	Danh mục thiết bị máy móc	Đơn vị	Số lượng
5	Hệ thống bơm tăng áp cấp nước cho tòa nhà	HT	02
6	Hệ thống chiếu sáng và ổ cắm	HT	01
7	Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà	HT	01
8	Hệ thống chống sét	HT	01
9	Hệ thống chống sét lan truyền đường nguồn	HT	01
10	Hệ thống cáp quang thông tin FTTH	HT	01
11	Hệ thống âm thanh thông báo công cộng	HT	01
12	Hệ thống camera quan sát	HT	01
13	Hệ thống quản lý đỗ xe	HT	01
14	Hệ thống thông gió	HT	01
15	Hệ thống cấp thoát nước	HT	01
16	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	HT	01
17	Hệ thống an ninh	HT	01
18	Hệ thống chiếu sáng	HT	01
19	Hệ thống cấp nước nóng	HT	01
20	Hệ thống cấp nước lạnh	HT	01
21	Hệ thống thoát nước bẩn	HT	01
22	Hệ thống thoát nước mưa	HT	01
23	Hệ thống lọc nước tuần hoàn bể bơi	HT	01
24	Hệ thống xử lý nước thải 185 m ³ /ng.đ	HT	01

1.4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện sử dụng của cơ sở

Nguồn cấp điện: Nguồn điện phục vụ cho toàn bộ cơ sở được lấy từ lưới điện trung thế 22kV của điện lực quận Hai Bà Trưng do Công ty điện lực Hai Bà Trưng cung cấp, qua trạm biến áp tại tầng 1 để cấp điện hạ thế cho toàn cơ sở.

Trạm biến áp: 01 trạm gồm 02 máy biến áp công suất 1600kVA

Máy phát điện dự phòng: gồm 02 máy phát điện 01 máy công suất 500kVA và 01 máy công suất 60kVA

Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở từ tháng 12/2024 đến tháng 05/2025 như sau:

Bảng 1. 4 Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

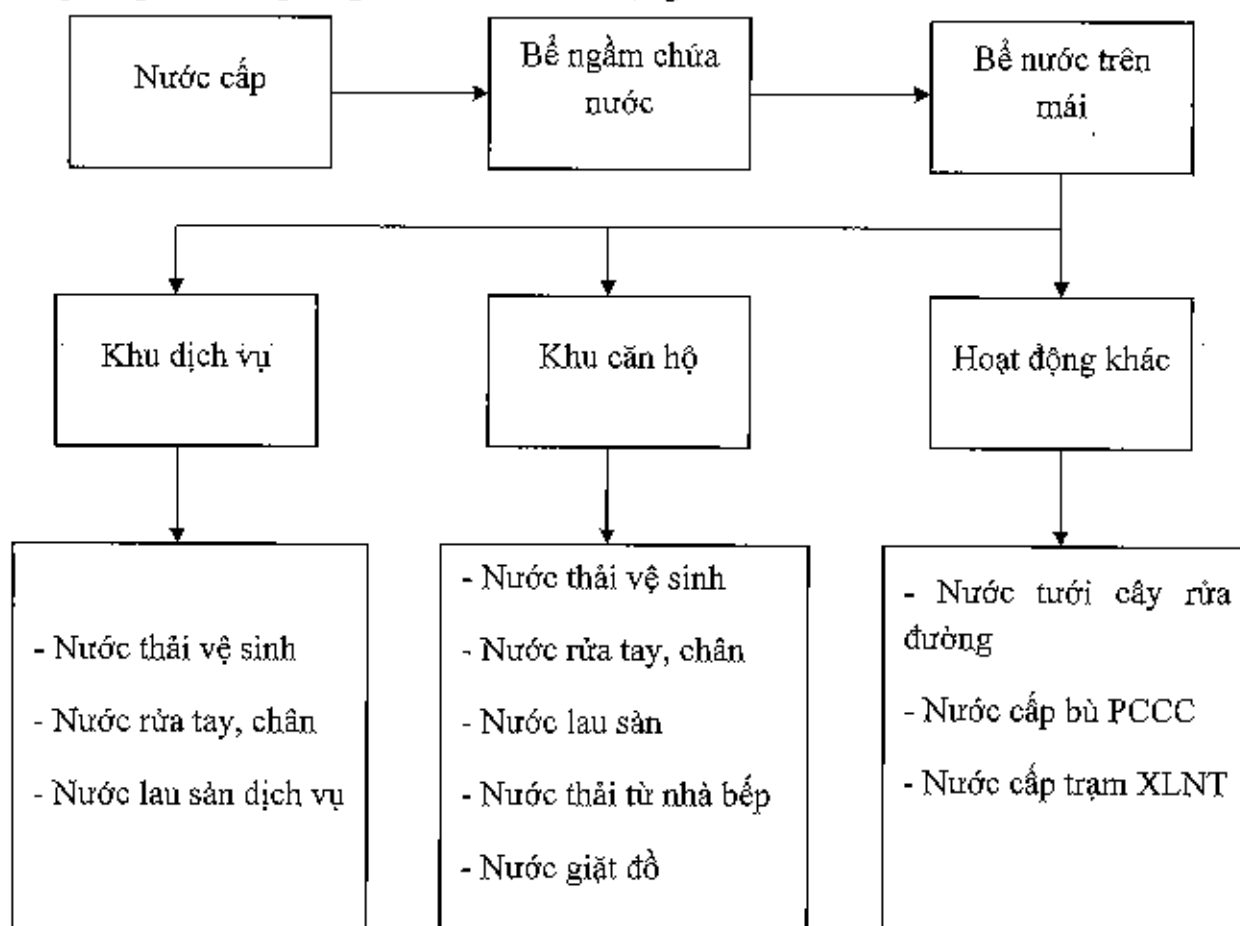
TT	Tháng sử dụng	Lượng điện tiêu thụ kWh
1	12/2024	18.878
2	01/2025	19.185
3	02/2025	17.558
4	03/2025	19.927

TT	Tháng sử dụng	Lượng điện tiêu thụ kWh
5	04/2025	17.182
6	05/2025	17.842
Trung bình		18.429

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nguồn nước từ đơn vị cung cấp nước sạch là Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội (theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Xi nghiệp KDNS Hoàng Mai và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22)

Nước cấp chứa trong bể ngầm (dung tích 280 m³), sau đó dùng bơm tăng áp (02 bơm Q=35 m³/h, H=125m) bơm lên bể nước trên mái (12 bể, mỗi bể dung tích 10 m³), rồi phân phối xuống từng căn hộ. Sơ đồ sử dụng nước và xả thải của cơ sở như sau:



Hình 1. 4 Sơ đồ sử dụng nước và phát sinh nước thải của tòa nhà

* Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt

Hiện tại, tầng 18 của tòa chung cư vẫn chưa bàn giao hết và khu nhà ở thấp tầng mới chỉ ở 04/15 căn. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của cơ sở từ tháng 01/2025 đến tháng 05/2025 như sau:

Bảng 1. 5 Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn thực tế

STT	Tháng sử dụng	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /tháng)	Số ngày	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày.đêm)
1	12/2024	2.591	31	84
2	01/2025	2.398	31	77
3	02/2025	2.264	28	81
4	03/2025	2.620	31	85
5	04/2025	2.794	30	93
6	05/2025	3.009	31	97
	Trung bình			86

Nhu cầu sử dụng nước khi cơ sở đi vào hoạt động 100% như sau:

- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân

Khi cơ sở đi vào hoạt động 100% công suất thì theo quy hoạch tại cơ sở tối đa 815 người. Lấy định mức sử dụng nước là 180 lít/người/ngày.đêm (căn cứ TVCN 4513:1988) thì lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các căn hộ của cơ sở ước tính đạt:

$$Q_{nd} = 815 \times 180 = 146.700 \text{ lít/ngày.đêm} = 146,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Nhu cầu sử dụng nước cho khu vực nhà trẻ

Quy mô hoạt động của nhà trẻ là 50 trẻ. Lấy định mức nhu cầu sử dụng nước là 75 lít/trẻ (căn cứ bảng 1, TCVN 4513:1988). Vậy nhu cầu sử dụng nước của khu vực nhà trẻ đạt:

$$Q_{nt} = 50 \times 75 = 3.750 \text{ lít/ngày} = 3,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Nhu cầu sử dụng nước của giáo viên nhà trẻ và nhân viên ban quản lý tòa nhà

Hiện tại nhân viên ban quản lý tòa nhà (gồm ban quản lý, đội an ninh và vệ sinh) là 14 người, khi nhà trẻ đi vào hoạt động, dự kiến đạt khoảng 20 người. Với định mức 45 lít/người/ngày (Căn cứ TCXDVN 33:2006) thì lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt đạt:

$$Q_{nv} = 20 \times 45 = 900 \text{ lít/ngày.đêm} = 0,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

→ Nhu vậy nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt trung bình 1 ngày của cơ sở khi hoạt động 100% đạt:

$$Q_{sh} = Q_{nd} + Q_{nt} + Q_{nv} = 146,7 + 3,75 + 0,9 = 151,35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Lấy hệ số dùng nước không điều hòa ngày ($K_{\text{ngày.max}} = 1,2$ – Căn cứ mục 3.3 TCXDVN 33:2006) thì nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt lớn nhất của cơ sở đạt:

$$Q_{sh \text{ max}} = 151,35 \times 1,2 \approx 182 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

** Nhu cầu sử dụng nước cho bể bơi*

- Cơ sở có 02 bể bơi tổng dung tích 365 m³ trong đó có 01 bể bơi người lớn thể tích 325 m³ và 01 bể bơi trẻ em thể tích 40 m³ để phục vụ cho hoạt động vui chơi, giải trí, bơi lội của người dân. Lượng nước từ bể bơi sẽ được tuần hoàn qua hệ thống lọc và khử trùng để tái sử dụng. Định kỳ 01 năm/lần hoặc khi có sự cố cơ sở sẽ phải xả toàn bộ nước bể bơi ra ngoài qua cửa xả đáy. Hàng ngày sẽ có một lượng nước thất thoát do bay hơi và do quá trình bơi lội của người dân. Căn cứ bảng 1, TCVN 4513:1988 thì lượng nước thất thoát cần bổ sung hàng ngày được tính bằng 10% dung tích bể. Vậy lượng nước cần bổ sung hàng ngày là:

$$Q_{\text{bể bơi}} = 10\% \times 365 = 36,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Nhu cầu sử dụng nước rửa hệ thống lọc nước bể bơi. Định kỳ 01 tháng/lần cơ sở sẽ tiến hành rửa ngược hệ thống lọc nước bể bơi. Công suất lọc của hệ thống là 20 m³/h vậy công suất rửa ngược là 20 m³/h, thời gian rửa ngược trong vòng 5 phút. Vì vậy lượng nước sử dụng khoảng $Q_{rl} = 1,7 \text{ m}^3/\text{lần rửa}$

→ Tổng nhu cầu sử dụng nước trung bình của cơ sở:

$$Q_{SDN \text{ TB}} = Q_{sh} + Q_{\text{bể bơi}} + Q_{rl} = 151,35 + 36,5 + 1,7 = 189,55 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

→ Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất của cơ sở

$$Q_{SDN \text{ max}} = Q_{sh \text{ max}} + Q_{\text{bể bơi}} + Q_{rl} = 182 + 36,5 + 1,7 \approx 221 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

** Nhu cầu sử dụng nước cho phòng cháy chữa cháy*

Tại cơ sở có sử dụng nước cho mục đích cứu hỏa trong trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra. Lượng nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy tại cơ sở được lấy từ bể chứa nước sạch của cơ sở có dung tích 280 m³.

** Nhu cầu xả nước thải*

- Theo quy định tại Điều 39 Nghị Định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sinh hoạt.

- Tính toán lượng nước thải dự kiến 1 ngày của cơ sở là:

$$Q_{\text{thải}} = Q_{sh \text{ max}} + Q_{rl} = 182 + 1,7 \approx 184 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Lưu lượng nước thải lớn nhất theo tính toán có phần thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt là 400 m³/ngày.đêm. Vì vậy để tránh lãng

phí và hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt nhất, chủ cơ sở đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải 185 m³/ngày, đảm bảo hoàn toàn đảm bảo khả năng xử lý nước thải phát sinh của cơ sở.

1.4.4. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất của cơ sở được liệt kê trong bảng dưới đây

Bảng 1. 6 Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất của cơ sở

TT	Loại nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng/năm
1	Hóa chất Clorine khử trùng nước thải (khoảng 4g/lm ³ , 1 tháng khoảng 23 kg)	kg	276
2	Hóa chất PAC thêm vào bể lắng (mỗi ngày khoảng 1-1,5kg)	kg	547
3	Dầu DO, dầu nhớt cho hoạt động của máy phát điện dự phòng	lít	250
4	Dầu nhớt ray thang máy	lít	5
5	Mỡ bôi trơn quạt, bơm và các động cơ khác	kg	60
6	Nước rửa tay Lifebouy	lít	35
7	Nước lau sàn Swat	lít	680
8	Nước tẩy bồn cầu Gift	lít	65
9	Thuốc diệt côn trùng RB Pronil 800WG Icon 2.5 SC Cypado 25 EC	kg	15

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Quá trình hình thành của cơ sở

- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000886 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010.

- Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép Công ty Cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6 m² đất tại số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán 129D Trương Định.

- Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán 129D

phố Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đồng Tháp làm chủ đầu tư;

- Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở 129D Trương Định”;

Trong đó, ở thời điểm được cấp quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM thì quy hoạch kiến trúc của cơ sở như sau:

+ Công trình chung cư cao tầng: có chiều cao 17 tầng (không kể 01 tầng hầm, 01 tầng kỹ thuật, 01 tầng kỹ thuật mái). Diện tích sàn xây dựng tầng 1 khoảng 1.310 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 23.445 m² với 01 tầng hầm cao 4,05m dùng làm nơi để xe và các phòng kỹ thuật phục vụ. Tầng 1 cao 6,0m dùng làm khu chức năng dịch vụ công cộng cho nhà ở trên khu đất (siêu thị, ngân hàng,...), một phần cho khu vực nhà trẻ 4 nhóm trẻ; phần nhà trẻ có bố trí tầng lửng diện tích 314 m². Tầng kỹ thuật cao 2,7m. Tầng 2-17 mỗi tầng cao 3,3m được bố trí các căn hộ ở. Tầng kỹ thuật mái cao 4,5m. Chiều cao toàn bộ công trình từ cốt nền tầng 1 đến điểm mái là 61,5m, đến đỉnh mái là 70,3m. Công trình được bố trí 02 khu thang máy (mỗi khu 02 thang) và 03 thang bộ đi suốt chiều cao nhà để phục vụ giao thông đứng và ngang cho công trình.

+ Khu nhà ở thấp tầng: gồm 15 nhà được chia làm 05 mẫu nhà khác nhau cao 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng 811,7 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 2.940,9 m² với: tầng 1 cao 3,9m, tầng 2-4 mỗi tầng cao 3,6m được bố trí các không gian ở. Tầng tum cao 2,5m, chiều cao đến điểm mái là 14,7m, đến đỉnh mái là 17,2m.

+ Các công trình phụ trợ gồm cây xanh, sân đường nội bộ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

- Giấy phép quy hoạch số 2505/QPQH ngày 27/4/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội;

- Văn bản số 3172/QHKT-TMB-PAKT(KHTH) ngày 26/5/2017 của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về việc Chấp thuận bản vẽ điều chỉnh tổng mặt bằng và phương án kiến trúc.

Phương án kiến trúc công trình điều chỉnh như sau:

+ Công trình chung cư cao tầng: có chiều cao 21 tầng và 01 tầng hầm. Diện tích sàn xây dựng tầng 1 khoảng 1.560,8 m², tổng diện tích sàn xây dựng (chưa bao gồm 01 tầng hầm, 01 tầng dịch vụ - kỹ thuật, 01 tum thang) khoảng 27.409 m² với 01 tầng hầm cao 2,7m dùng làm nơi để xe. Tầng 1 cao 2,55m bố trí không gian sảnh, đỗ xe, dịch vụ công cộng và khu phụ trợ. Tầng lửng cao 3m bố trí đỗ xe, nhà trẻ và khu phụ trợ. Tầng dịch vụ, kỹ thuật cao 3,3m bố trí đỗ xe, dịch vụ (bể bơi) và khu phụ trợ. Tầng 2-18 mỗi

tầng cao 3,3m được bố trí các căn hộ ở. Tầng kỹ thuật mái cao 4,5m. Chiều cao toàn bộ công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái là 70,35m.

+ Công trình nhà ở thấp tầng: gồm 15 nhà được chia làm 03 mẫu nhà khác nhau cao 05 tầng, diện tích xây dựng khoảng 878,2 m², tổng diện tích sàn xây dựng (chưa bao gồm tầng tum thang) khoảng 3.973 m² với tầng 1 cao 3,9m bố trí gara đỗ xe, phòng khách, bếp, phòng ăn. Tầng 2 cao 3,6m bố trí phòng ngủ, phòng sinh hoạt chung. Tầng 3,4 cao 3,3m được bố trí các không gian ở. Tầng tum cao 3m bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi. Chiều cao công trình tính từ cao độ sân đến sàn mái tầng tum thang là 17,85m.

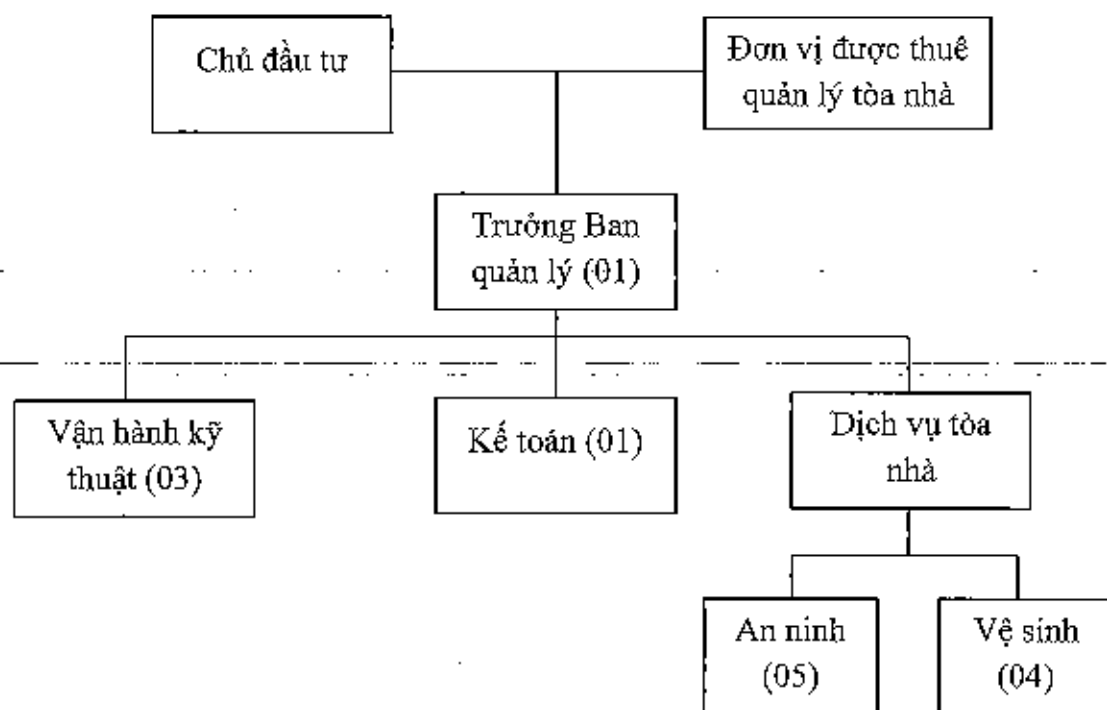
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND ngày 21/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội.

1.5.2. Tình hình hoạt động của cơ sở

- Cơ sở thi công xây dựng xong vào năm 2017
- Tháng 01/2017 cơ sở được cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 04/GP-UBND ngày 04/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội.
- Trạm XLNT nghiệm thu từ tháng 12/2017
- Năm 2017 – 2018, bắt đầu bàn giao nhà cho người dân
- Năm 2019, khối chung cư cao tầng tỷ lệ lấp đầy >90%, có 192/204 căn hộ ở. 12 căn hộ tầng 18 chưa được bàn giao đến thời điểm hiện tại
- Khối nhà ở thấp tầng cũng đã bàn giao toàn bộ nhưng đến thời điểm hiện tại mới chỉ có 04/15 căn ở.
- Đến tháng 01/2020 cơ sở được cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND ngày 21/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội.

1.5.3. Tổ chức quản lý và vận hành của cơ sở

Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng quản lý, mô hình tổ chức như sau:



Hình 1. 5 Mô hình tổ chức quản lý của tòa nhà

1.5.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng hoàn thành của cơ sở

Các công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng hoàn thiện tại cơ sở bao gồm:

- 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 185 m³/ngày.đêm. Công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải từ nhà bếp (được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ) và nước thải xí, tiểu → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể trung gian → Bể lắng đứng (bùn lắng xuống đáy, một phần được tuần hoàn liên tục 24/24 về bể thiếu khí, một phần bùn dư sẽ được bơm sang bể chứa bùn. Tại bể chứa bùn: Nước dư được tuần hoàn trở lại bể điều hoà thông qua ống dẫn để tiếp tục xử lý) → Bể khử trùng (NaOCl) → Hồ ga thoát nước thải → Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên ngõ 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1))

- Hệ thống thu gom thoát nước thải. Các hạng mục hệ thống thu gom thoát nước thải bao gồm:

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống UPVC D180	M	344,4
2	Ống UPVC D160	M	278
3	Ống UPVC D140	M	737,7
4	Ống UPVC D125	M	4.206
5	Ống UPVC D110	M	2.207,4

Chủ đầu tư: Liên danh CTCP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22 và CTCP Đồng Tháp

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
6	Ống UPVC D90	M	1.133,5
7	Ống UPVC D60	M	30
8	Ống UPVC D200	M	17
9	Côn thu D180	Cái	1
10	Côn thu D160	Cái	11
11	Côn thu D140/125	Cái	33
12	Côn thu D125/110	Cái	2
13	Côn thu D125/76	Cái	17
14	Côn thu D110/76	Cái	18
15	Côn thu D75/34	Cái	35
16	Bơm nước thải loại chìm (1 dự phòng 1 làm việc)	Bộ	4
17	Hố ga (500x700x600)	Cái	4
18	Hố bơm (1,5mx1,5mx1,5m)	Cái	2
19	Bơm nước sự cố	Bộ	4
20	Bể tự hoại (tổng 250 m3)	Cái	04
21	Hệ thống XLNT	HT	01

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công)

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa. Các hạng mục hệ thống thu gom thoát nước mưa bao gồm:

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống UPVC D180	M	49
2	Ống UPVC D140	M	1.103,6
3	Phễu thu nước mưa	Cái	8
4	Ống UPVC D160	M	23
5	Ống UPVC D125	M	12
6	Ống UPVC D110	M	38
7	Côn thu D140/76	Cái	8
8	Côn thu D75/34	Cái	8
9	Hệ thống rãnh thu nước mưa	HT	01

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công)

- Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường bố trí tại tầng 01 của cơ sở;
- Kho lưu giữ chất thải rắn nguy hại diện tích 15 m2 tại tầng hầm của khu nhà chung cư cao tầng
- Hệ thống lọc nước tuần hoàn bể bơi;
- Hệ thống thông gió tầng hầm, điều hòa không khí;
- Hệ thống Phòng cháy chữa cháy.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Mối quan hệ với các quy hoạch phát triển* - - - - -

Theo hướng dẫn tại Phụ lục X “Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động” ban hành kèm theo Nghị định số 05/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Tại Chương II sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường có hướng dẫn: “Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi”.

Hiện tại, cơ sở đã đang đi vào hoạt động ổn định. Cơ sở không có thay đổi về quy hoạch cũng như quy mô dự án, do vậy cơ sở đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

** Mối quan hệ với cơ sở hạ tầng khu vực*

- Hệ thống đường giao thông: Khu vực có tuyến đường chính như đường Trương Định, ngõ 129 Trương Định, ngõ 94 đường Hoàng Mai thuận tiện, đáp ứng nhu cầu lưu thông đối nội, đối ngoại thuận lợi. Nhiều hướng tiếp cận công trình, để tổ chức các phương án PCCC và cứu hộ khẩn cấp,...

- Hệ thống cấp điện: Nguồn cấp điện cho cơ sở được lấy từ Công ty Điện lực Hai Bà Trưng.

- Hệ thống cấp nước: Nguồn cấp được lấy từ mạng lưới cấp nước của thành phố do Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội.

- Hệ thống thoát nước: Hướng thoát nước chung của cơ sở được thoát chung vào hệ thống thoát nước hiện có trên ngõ 129D Trương Định.

Nhìn chung, vị trí của cơ sở phù hợp với các quy hoạch phát triển, phù hợp với quy hoạch về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật điện, nước, đường giao thông,... của khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Môi trường không khí khu vực chỉ bị tác động bởi khí thải từ các phương tiện giao thông và máy phát điện (khí sử dụng); mùi hôi từ khu vực tập kết chất thải và xử lý nước thải sinh hoạt, tiếng ồn từ máy phát điện (khí sử dụng) và hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí). Tuy nhiên lượng khí thải phát sinh từ các hoạt động này không nhiều, để

khuyết tán vào không khí, mặt khác sân đường giao thông tại cơ sở đã được bê tông hóa, tầng hầm để xe được bố trí hệ thống thông gió, chất thải rắn sinh hoạt được lưu giữ tại các thùng rác có nắp đậy và thu gom hàng ngày, CTNH được lưu giữ tại các thùng nhựa kín, máy phát điện chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện hoặc cháy nổ nên khả năng tác động đến môi trường không khí khu vực cơ sở và không khí xung quanh không lớn. Vì vậy, môi trường không khí tại khu vực đảm bảo khả năng tiếp nhận, khuếch tán các chất ô nhiễm phát sinh từ cơ sở.

2.2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải

Nước thải của “Khu nhà ở để bán 129D Trương Định” sau xử lý có hàm lượng cặn lơ lửng là 37,8 mg/l thấp hơn so với quy chuẩn cho phép (TSS = 100 mg/l theo QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B). Vì vậy, việc xả nước thải của cơ sở sẽ ít ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy của nguồn tiếp nhận.

Khu nhà ở để bán 129D Trương Định có 01 cửa xả nước thải, lưu lượng xả trung bình của cơ sở là 185 m³/ngày.đêm, lưu lượng xả lớn nhất là 550 m³/ngày.đêm (khi xả kiệt bể bơi) tương đương với 0,006 m³/s, do đó lưu lượng nước thải của cơ sở tác động đến khả năng tiêu thoát nước thải của nguồn tiếp nhận là không đáng kể.

Theo kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý tại Khu nhà ở để bán 129D Trương Định (Theo kết quả phân tích vào tháng 06/2025) có tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong quy chuẩn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1) vì vậy việc xả nước thải của cơ sở sẽ ít gây ảnh hưởng đến nguồn nước tiếp nhận nước thải của cơ sở và ít gây ô nhiễm đến môi trường xung quanh, hệ sinh thái thủy sinh.

Theo kết quả khảo sát, hiện nay tại khu vực khi có mưa lớn xảy ra trong nhiều ngày, ngõ 129D Trương Định có hiện tượng ngập úng nhẹ nhưng sớm được đơn vị có chức năng giải quyết, khắc phục kịp thời.

2.2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải thông thường, chất thải nguy hại

Tại cơ sở không phát thải chất thải thông thường, CTNH ra môi trường. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường do vậy khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của cơ sở hoàn toàn có thể đáp ứng được.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải và được thoát theo nguyên tắc tự chảy.

Hệ thống thu gom thoát nước mưa bao gồm hệ thống thoát nước mưa trên mái và hệ thống thoát nước mưa bề mặt (xung quanh các công trình)

Hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở được xây dựng hoàn thiện, cụ thể như sau:

* Đối với khu chung cư cao tầng

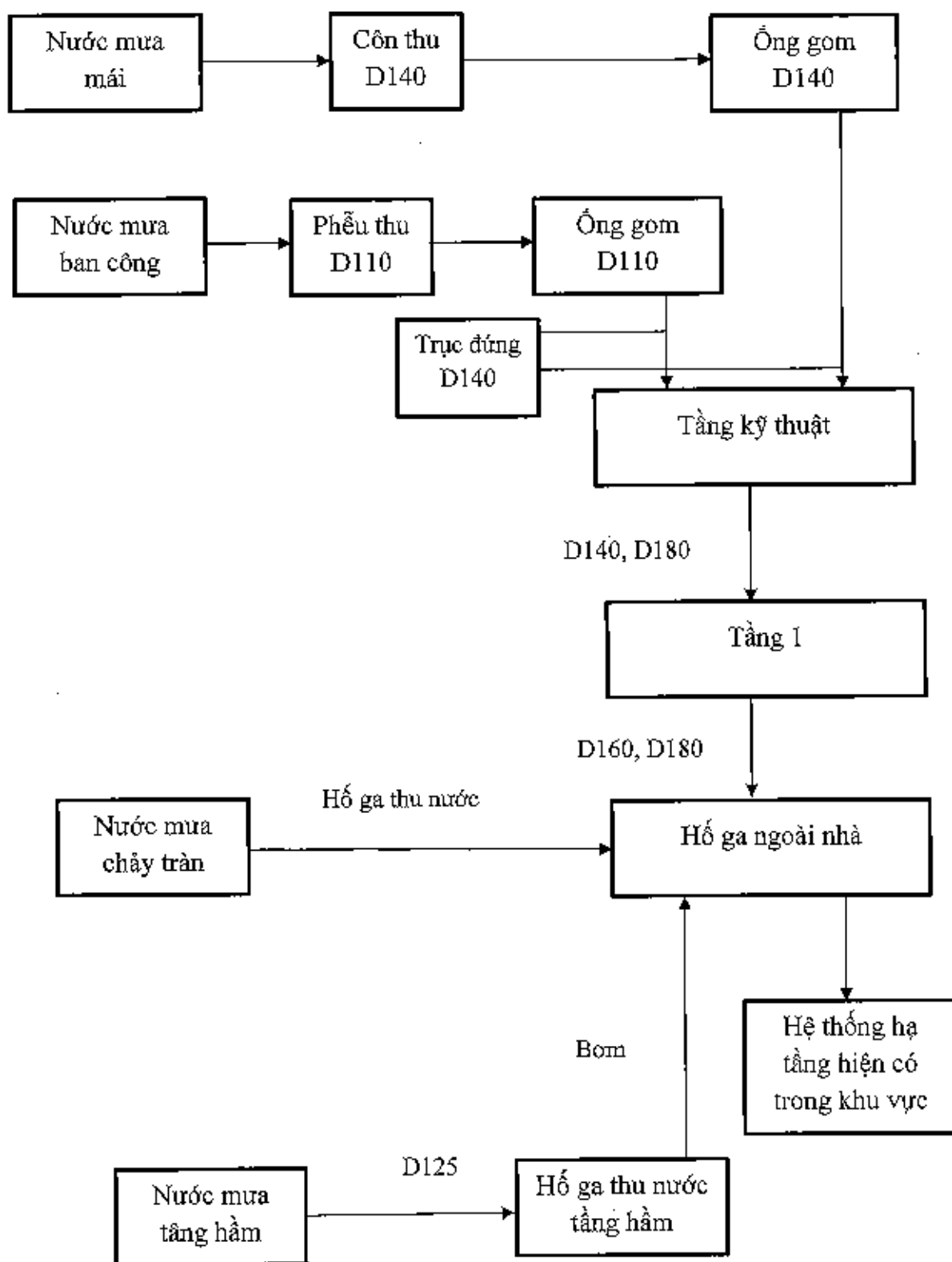
- Nước mưa mái được thu gom bằng côn thu có kích thước D140 trên mái, qua ống nhánh D140 để giảm áp, sau đó được thoát bằng các trục đứng D140 xuống tầng kỹ thuật. Đến tầng kỹ thuật nước mưa được thu qua đường ống ngang D140/D160 trừu trực để giảm áp và chảy qua ống đứng D140/D180 xuống tầng 1, từ đó qua các ống nhánh D160/D180 thoát nước ra hố ga ngoài nhà

- Nước mưa ban công được thu gom bằng ống côn thu D110, sau đó theo ống đứng D140 xuống tầng kỹ thuật. Đến tầng kỹ thuật nước mưa được thu qua đường ống ngang D140/D160 trừu trực để giảm áp và chảy qua ống đứng D140/D180 xuống tầng 1, từ đó qua các ống nhánh D160/D180 thoát nước ra hố ga ngoài nhà.

- Nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom theo bề mặt các rãnh thu nước mưa rồi chảy ra hố ga ngoài nhà.

- Đối với nước mưa thoát xuống sân tầng hầm: Nước thoát sân theo các rãnh thu nước tầng hầm và hố thu nước tầng hầm, sau đó chảy qua ống D125 vào hố bơm. Tại hố bơm có bố trí 02 bơm hoạt động luân phiên, bơm nước lên hố ga thoát nước ngoài nhà sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của khu nhà chung cư cao tầng như sau:



Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của khu nhà chung cư cao tầng

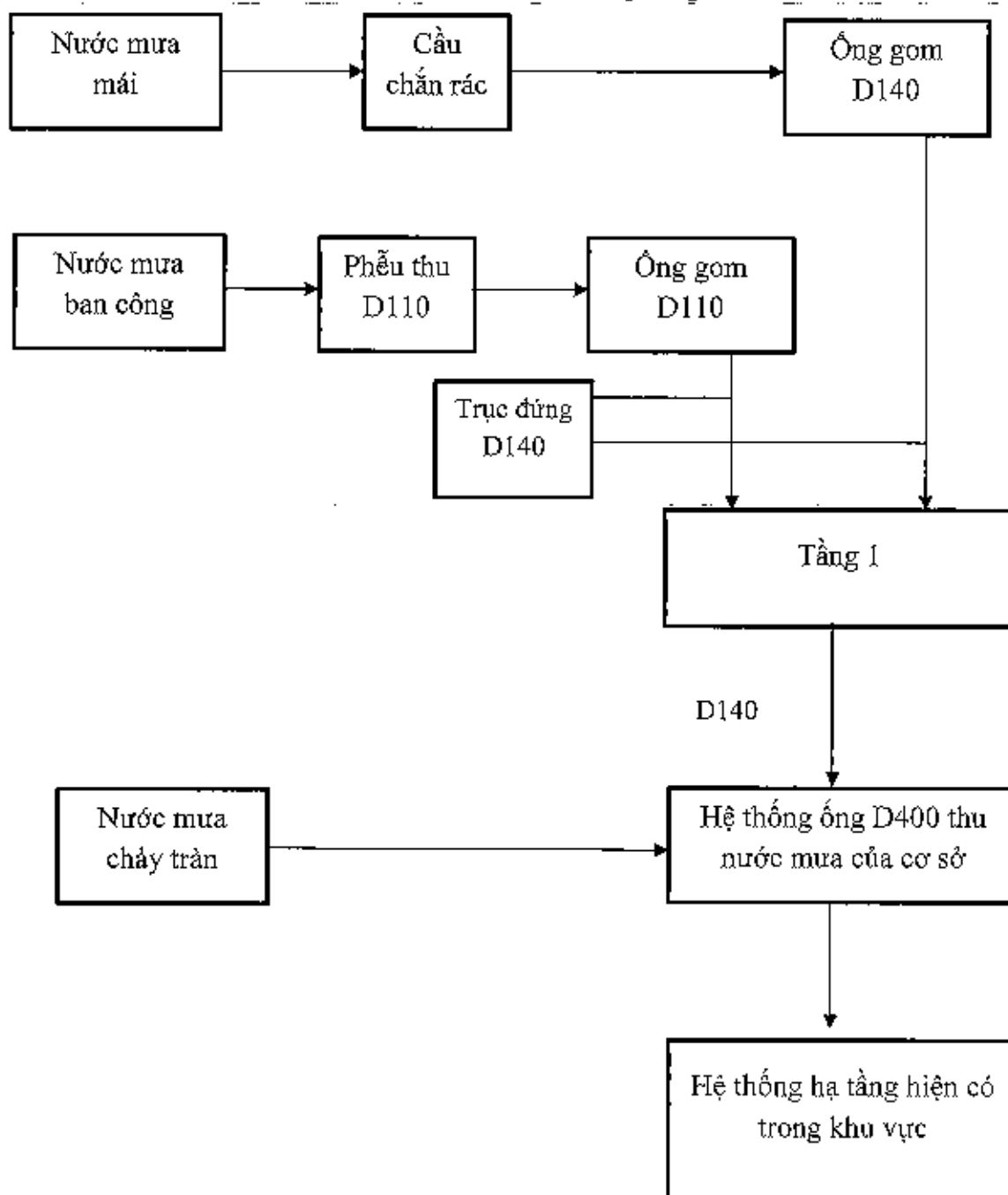
* Đối với khu nhà thấp tầng

- Nước mưa mái qua các rọ cầu chắn rác sau đó theo ống D140 dẫn tự chảy về hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.

- Nước mưa ban công qua các phễu thu nước mưa sau đó theo ống D140 dẫn tự chảy về hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.

- Nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom theo bề mặt các rãnh thu nước mưa rồi chảy ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của khu nhà ở thấp tầng như sau:



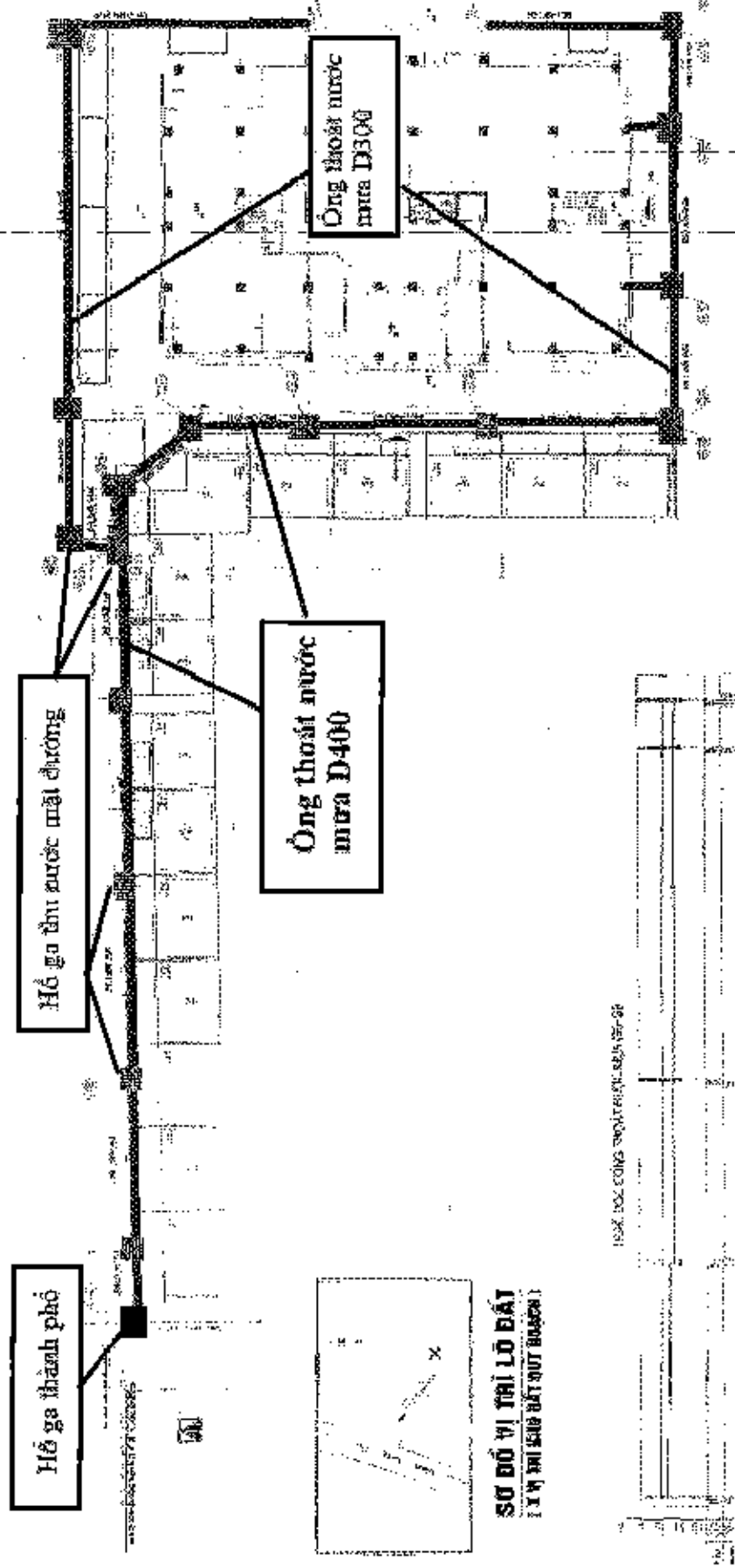
Hình 3. 2 Sơ đồ thu gom nước mưa của khu nhà thấp tầng

Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn được bố trí bằng hệ thống rãnh thu nước mưa xung quanh cơ sở. Toàn bộ nước mưa được thu gom và chảy qua các hố ga lắng cặn trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại ngõ 129D Trương Định qua 01 điểm xả trùng với điểm xả nước thải

Vị trí điểm xả nước mưa

$$X = 2322277$$

$$Y = 588276$$



Hình 3. 3 Mô tả vị trí điểm xả nước mưa của cơ sở

Bảng tổng hợp các hạng mục công trình thoát nước mưa của cơ sở như sau:

Bảng 3. 1 Bảng tổng hợp các hạng mục công trình thoát nước mưa

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống UPVC D180	M	49
2	Ống UPVC D140	M	1.103,6
3	Phễu thu nước mưa	Cái	8
4	Ống UPVC D160	M	23
5	Ống UPVC D125	M	12
6	Ống UPVC D110	M	38
7	Côn thu D140/76	Cái	8
8	Côn thu D75/34	Cái	8
9	Hệ thống rãnh thu nước mưa	HT	01

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom thoát nước thải

- Nước thải của cơ sở phát sinh từ 04 nguồn thải sau:

+ Nguồn thải 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cư dân khu chung cư cao tầng

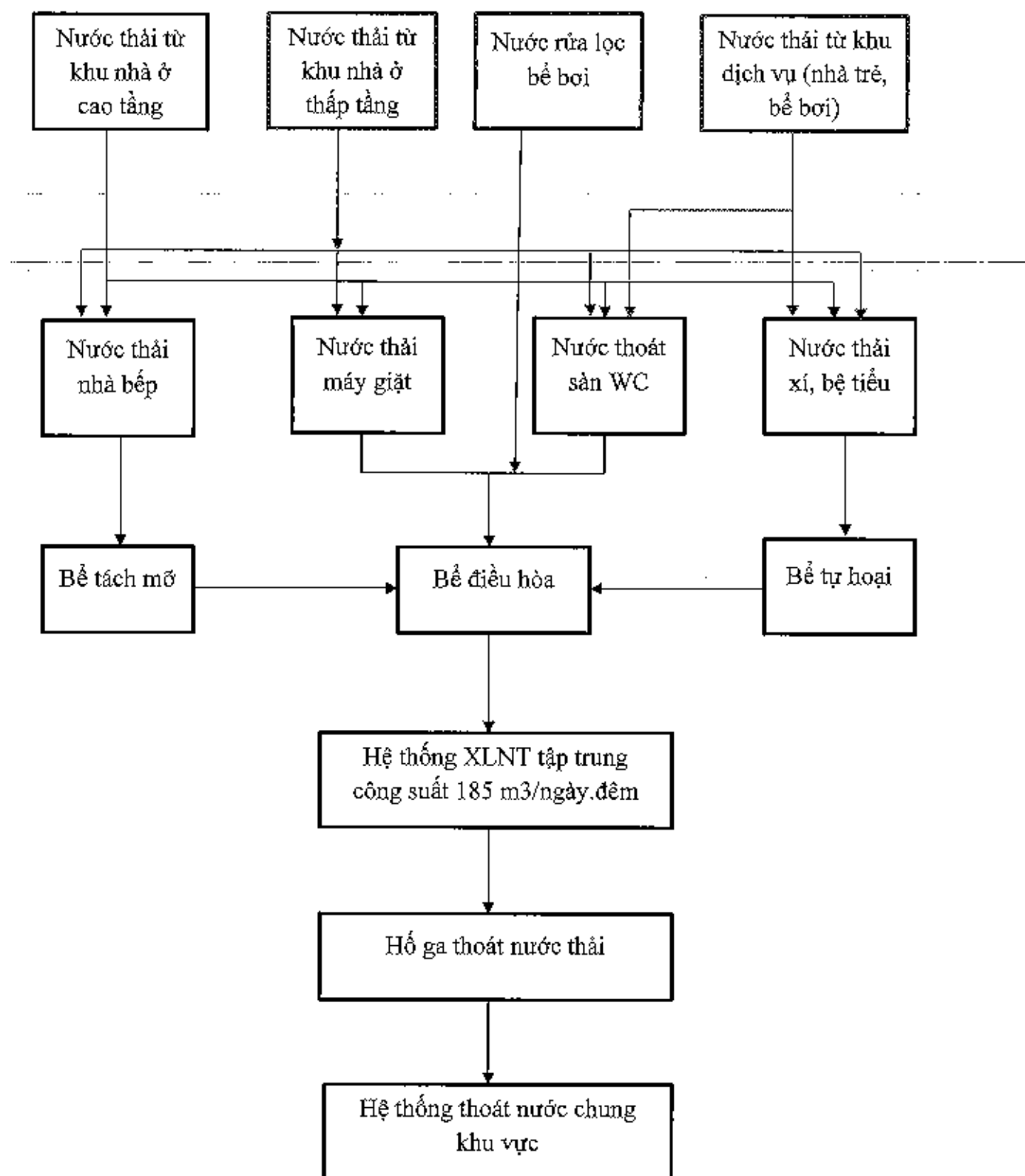
+ Nguồn thải 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cư dân khu nhà ở thấp tầng

+ Nguồn thải 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dịch vụ (bể bơi, nhà trẻ)

+ Nguồn thải 04: Nước rửa lọc hệ thống lọc nước bể bơi

- Trong đó toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở được thu gom về hệ thống XLNT tập trung công suất 185 m³/ngày.đêm được xây tại tầng hầm của cơ sở.

- Sơ đồ thu gom thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở được mô tả ở hình dưới đây:



Hình 3. 4 Sơ đồ thu gom thoát nước thải

Thuyết minh sơ đồ thu gom

* Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu chung cư cao tầng

- Nước thải phát sinh từ xí, bệ tiểu của các căn hộ tòa nhà được thu về ống D110, sau đó theo ống đứng D110 xuống tầng kỹ thuật, nước thải được thu gom về ống nhánh D140 sau đó theo trục đứng D140 xuống tầng hầm và sẽ được đưa vào bể tự hoại (04 bể tổng dung tích 250 m³ đặt ngầm tại tầng hầm) để xử lý sơ bộ trước khi đưa vào bể điều hòa của trạm xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ máy giặt được thu gom về ống ngang D90, sau đó theo ống đứng D110 xuống tầng kỹ thuật, nước thải được thu gom về ống nhánh D140 sau đó theo trục đứng D140 xuống tầng hầm rồi đưa về bể điều hòa của trạm XLNT.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa, phễu thu sàn WC theo ống ngang D90 đến trục đứng D110 xuống tầng kỹ thuật, sau đó qua ống nhánh D140 đến trục đứng D140 chảy xuống bể điều hòa của trạm XLNT

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa bếp theo ống ngang D90 đến trục đứng D110 xuống tầng kỹ thuật, sau đó qua ống nhánh D140 đến trục đứng D140 chảy xuống bể tách mỡ. Nước thải sau khi được tách dầu mỡ sẽ được lọc qua song chắn rác trước khi chảy về bể điều hòa của trạm XLNT

* Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở thấp tầng

- Nước thải phát sinh từ xí, bệ tiểu của các căn hộ được thu bằng ống D110 về bể tự hoại của mỗi căn nhà (15 bể, mỗi bể 6 m³) để xử lý sơ bộ trước khi đưa vào bể điều hòa của trạm xử lý nước thải bằng ống D200.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ máy giặt được thu gom bằng ống D90, sau đó theo ống đứng D110 xuống tầng 1, sau đó theo ống D200 đưa về bể điều hòa của trạm XLNT.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa, phễu thu sàn WC theo ống D110 xuống tầng 1 của mỗi căn, sau đó theo ống D200 dẫn về bể điều hòa của trạm XLNT

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa bếp theo ống D90 chảy xuống hố ga tách mỡ kích thước 0,5x0,5x0,8m đặt tại mỗi căn nhà. Nước thải sau khi được tách dầu mỡ sẽ được lọc qua song chắn rác sau đó theo ống D200 dẫn về bể điều hòa của trạm XLNT

* Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực dịch vụ (nhà trẻ, bể bơi)

- Đối với khu vực nhà trẻ:

+ Nước thải phát sinh từ xí, bệ tiểu từ khu vực nhà vệ sinh của nhà trẻ thu gom bằng ống D110 ở tầng lửng sau đó theo ống đứng D140 về bể tự hoại đặt ngầm tại tầng hầm để xử lý sơ bộ trước khi đưa về trạm bể điều hòa của trạm XLNT.

+ Nước thải phát sinh từ chậu rửa, phễu thu sàn WC theo ống nhánh D90 đến trục đứng D140 xuống bể điều hòa của trạm XLNT.

- Đối với khu vực dịch vụ bể bơi:

+ Nước thải phát sinh từ xí, bệ tiểu từ khu vực nhà vệ sinh thu gom bằng ống D110 sau đó theo ống đứng D140 về bể tự hoại đặt ngầm tại tầng hầm để xử lý sơ bộ trước khi đưa về trạm bể điều hòa của trạm XLNT.

+ Nước thải phát sinh từ chậu rửa, phễu thu sàn WC theo ống nhánh D90 đến trực đứng D140 xuống bể điều hòa của trạm XLNT.

* Đối với nước rửa lọc từ hệ thống lọc nước bể bơi

- Các ống đứng thoát nước đều được bố trí 1 ống thông hơi phụ, ống đứng thông hơi có đường kính D110 và cao khỏi mái 0,7m.

- Các ống thoát nước tự chảy ở trong nhà có độ dốc 2-3% hoặc không được nhỏ hơn 1/D. Ống thông hơi nằm ngang có độ dốc 1%.

Chủ cơ sở đã xây dựng 01 hệ thống XLNT tập trung công suất 185 m³/ngày.đêm tại tầng hầm của khu nhà cao tầng. Toàn bộ nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường

Bảng tổng hợp các hạng mục công trình thoát nước thải của cơ sở như sau:

Bảng 3. 2 Bảng tổng hợp các hạng mục công trình thoát nước thải

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống UPVC D180	M	344,4
2	Ống UPVC D160	M	278
3	Ống UPVC D140	M	737,7
4	Ống UPVC D125	M	4.206
5	Ống UPVC D110	M	2.207,4
6	Ống UPVC D90	M	1.133,5
7	Ống UPVC D60	M	30
8	Ống UPVC D200	M	17
9	Côn thu D180	Cái	1
10	Côn thu D160	Cái	11
11	Côn thu D140/125	Cái	33
12	Côn thu D125/110	Cái	2
13	Côn thu D125/76	Cái	17
14	Côn thu D110/76	Cái	18
15	Côn thu D75/34	Cái	35
16	Bơm nước thải loại chìm (1 dự phòng 1 làm việc)	Bộ	4
17	Hố ga (500x700x600)	Cái	4
18	Hố bơm (1,5mx1,5mx1,5m)	Cái	2
19	Bơm nước sự cố	Bộ	4

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
20	Bể tự hoại (tổng 250 m ³)	Cái	04
21	Hệ thống XLNT	HT	01

b. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý được bơm lên hồ ga thoát nước thải ngoài nhà đoạn cống ra vào của cơ sở, sau đó theo đường ống thoát nước tự chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm trên ngõ 129D Trương Định.

c. Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải của cơ sở sau khi xử lý sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm trên ngõ 129D Trương Định.

* Chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra trạm xử lý

- Thành phần đặc trưng của nước thải sinh hoạt là các chỉ tiêu: BOD₅, COD, TSS, N, P, dầu mỡ và Coliform,...

- Chất lượng nước sau xử lý đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1.

Bảng 3. 3 Thông số chất lượng nước thải đầu vào và ra trạm xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Nước thải đầu vào	Nước thải đầu ra (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1)
1	pH	-	5 - 9	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	300	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	-	1.000
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	50	10
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	-	4
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	-	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	-	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	10
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	-	10
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	30.000	5.000

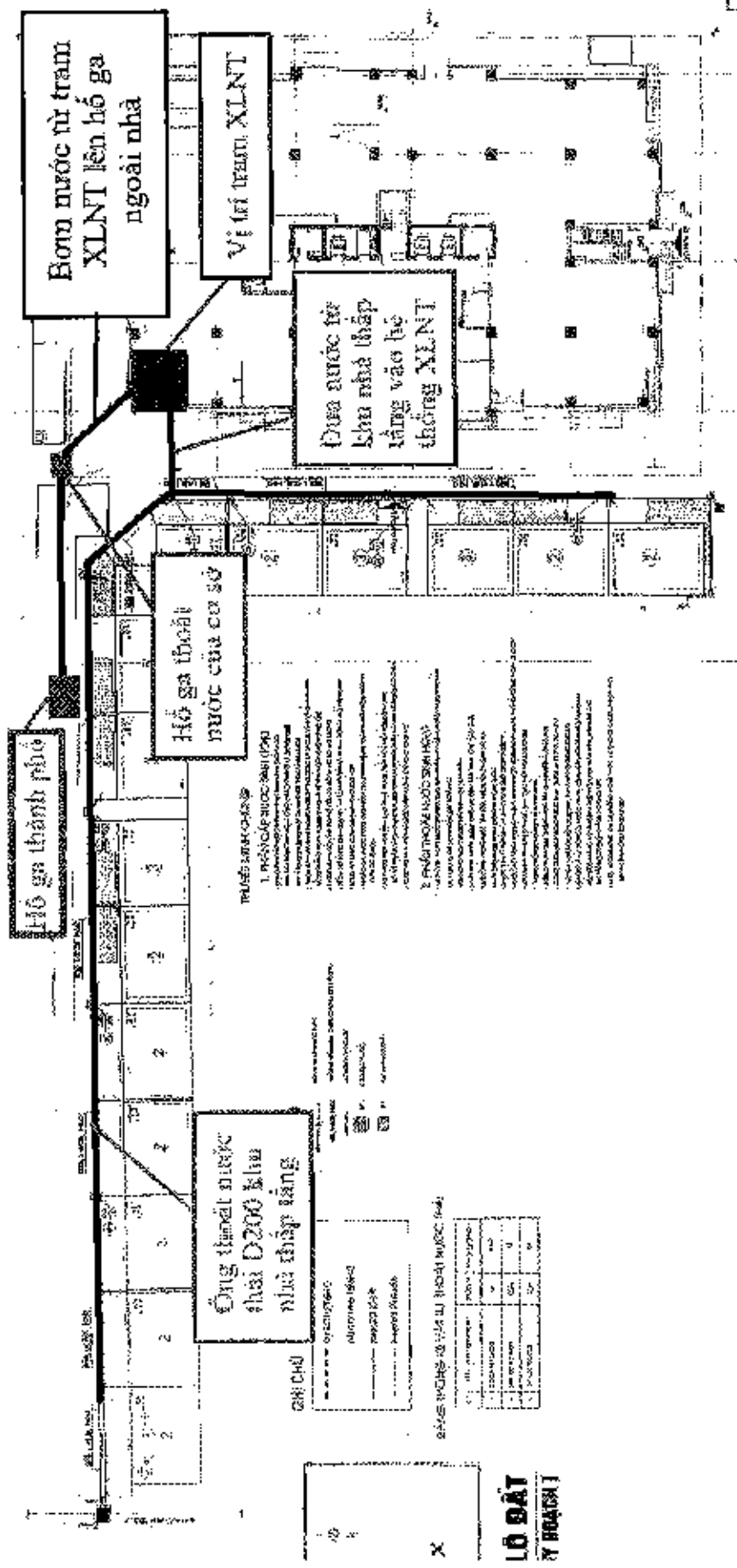
* Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý được bơm ra hồ ga thoát nước thải ngoài nhà ở phía cổng ra vào cơ sở, nước thải sau khi lắng cặn sẽ tự chảy ra hệ thống thoát nước chung khu

vực nằm trên ngõ 129D Trương Định. Tọa độ điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000), cụ thể như sau:

$$X = 2322277$$

$$Y = 588276$$



Hình 3. 5 Mô tả đường ống và vị trí điểm xả nước thải của cơ sở



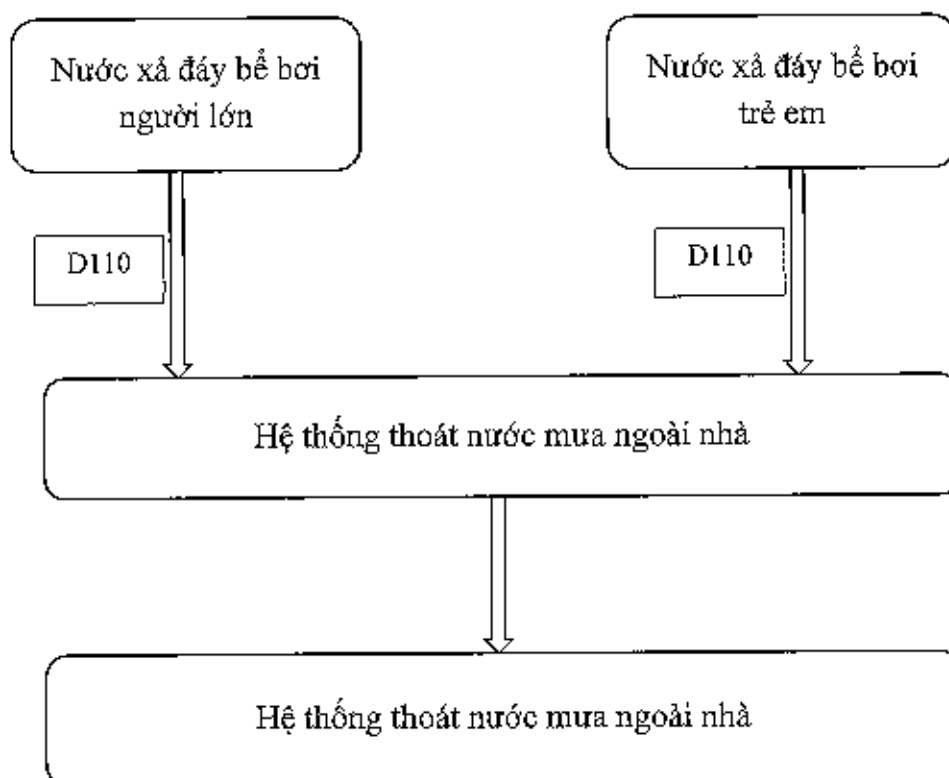
Hình 3. 6 Hình ảnh điểm xả nước thải của cơ sở

Hố ga thoát nước ngoài nhà của cơ sở có kích thước 800x800mm, sâu 0,9m. Thiết kế kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường.

Tại hố ga có trang bị van đảo chiều để hạn chế nước tràn ngược vào hệ thống khi có triều cường.

3.1.3. Thu gom, thoát nước bể bơi

Cơ sở có 01 khu dịch vụ bể bơi phục vụ cư dân sinh sống tại cơ sở, gồm 01 bể bơi trẻ em thể tích 85 m³ và 01 bể bơi người lớn thể tích 280 m³.



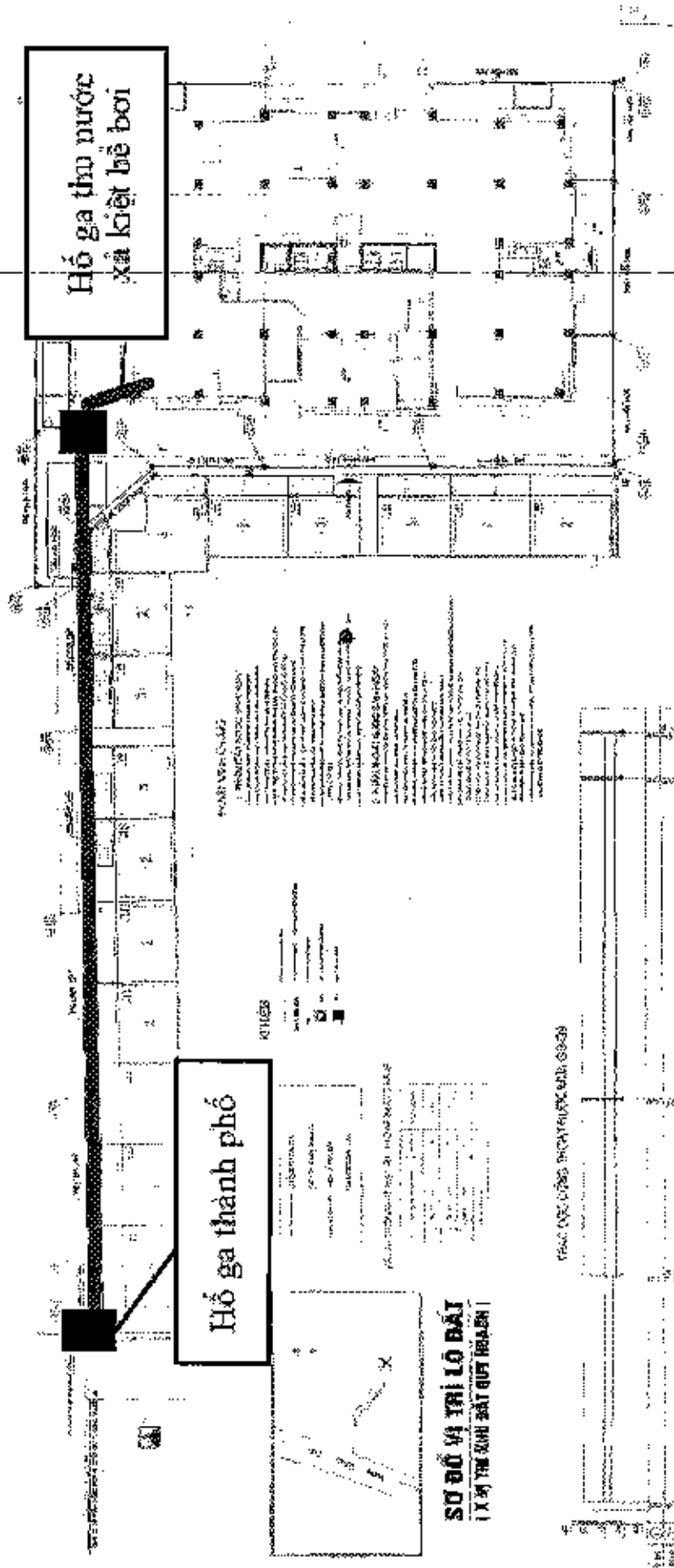
Hình 3. 7 Sơ đồ thu gom thoát nước bể bơi

- Nước bể bơi của cơ sở khi xả kiệt được thoát cùng hệ thống thoát nước mưa của tòa nhà, cụ thể như sau: Nước bể bơi được thu về ống D110, chảy qua ống đứng D140 xuống tầng 1 và theo ống nhánh D200 thoát nước mưa ngoài nhà.

- Toàn bộ nước bể bơi của cơ sở khi xả kiệt được thu gom xuống tầng 1 rồi theo ống B400 chảy ra hệ thống thoát nước chung khu vực thông qua 01 điểm đấu nối chung với vị trí xả nước thải và nước mưa của cơ sở (theo hệ thọa độ VN2000), cụ thể như sau:

$$X = 2322277 \quad Y = 588276$$

- Tần suất xả kiệt bể bơi: 01 lần/năm



Hình 3. 8 Mô tả vị trí điểm xả thoát nước xả kiệt bể bơi

3.1.4. Hệ thống tuần hoàn nước bể bơi

*** Nguồn nước cấp cho bể bơi**

Nước bể bơi của cơ sở là nước được lấy từ nguồn cấp dùng trong sinh hoạt. Trước khi được đưa vào sử dụng trong bể bơi, nước đã được xử lý các yếu tố lý, hóa theo tiêu chuẩn cho phép của nước dùng trong sinh hoạt.

*** Nguyên nhân gây ô nhiễm nước bể bơi**

Sau khi qua sử dụng nước bể bơi sẽ bị nhiễm bẩn. Những nguyên nhân gây ô nhiễm chính là sự bài tiết từ cơ thể người bơi, bụi bẩn và sự phát triển của các loại vi sinh vật, thực vật sống trong nước.

Các chất gây ô nhiễm cho nước bể bơi phân loại thành 03 nhóm chính sau:

+ Nhóm 1: Các váng dầu, váng mỡ nổi trên bề mặt

+ Nhóm 2: Các chất rắn lơ lửng

+ Nhóm 3: Các chất cặn lớn chìm dưới đáy bể

Vì vậy, chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống thiết bị lọc nước tuần hoàn để xử lý nước thải bể bơi để đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng và môi trường cảnh quan của bể bơi.

*** Hệ thống lọc nước bể bơi**

a. Bơm nước sạch bổ sung đầy bể

Khi lượng nước hút từ bể chứa cấp về bể bơi bù đủ lượng nước đã hao hụt thì nước bắt đầu tràn qua rãnh xả tràn chảy về bể cân bằng. Khi đó dừng bơm để bắt đầu quá trình lọc.

b. Hệ thống lọc

Sau khi nước bắt đầu tràn về bể cân bằng, mở van hút bể cân bằng và van hút đáy bể bơi của hệ thống.

- Bật bơm các bơm, lọc nước cho bể

Nước từ bề mặt bể bơi tràn qua rãnh thu nước máng tràn kích thước 20 x 20cm rồi thu về bể cân bằng. Nước từ bể cân bằng và nước từ nắp thu đáy bể bơi sẽ được bơm theo đường ống PVC D90, D140, D200 vào 03 bể lọc áp lực D1000 bằng vật liệu cát, sỏi. Nước sau khi được lọc sẽ theo đường ống nhựa PVC D75, D140 cấp vào bể bơi. Bể lọc được trang bị hệ thống van điều khiển đa chức năng: lọc, rửa ngược, rửa xuôi, xả nước, tuần hoàn nước và thiết bị kiểm tra chất lượng nước. Nước sau khi được xử lý bằng bể lọc sẽ được khử trùng bằng hóa chất khử trùng NaOCl để loại bỏ vi khuẩn độc hại có trong nước thải (E.coli, Coliform,...) và Soda để cân bằng nồng độ pH của nước. Nước sau khi được xử lý sẽ được dẫn vào bể bơi bằng đường ống PVC D40.

Hệ thống điều chỉnh độ pH:

- Kiểm tra nếu độ pH thấp ($<7,2$) thì tiến hành nâng độ pH bằng cách hòa Soda vào bình chứa, hàm lượng theo tỷ lệ 10 kg Soda/200 lít nước, đảm bảo mức hóa chất trong bình chứa luôn đủ cho quá trình hoạt động, không để bơm chạy khô dẫn đến cháy, hỏng bơm định lượng.

- Độ pH bể bơi tiêu chuẩn cần đạt 7,2-7,6. Do thiết bị tự động hoạt động nên người vận hành không cần điều chỉnh gì trên máy mà chỉ cần kiểm tra lượng hóa chất trong bình chứa, không để cạn dẫn đến cháy, hỏng bơm định lượng.

Hệ thống châm hóa chất khử trùng:

- Đổ nước NaOCl vào bình chứa. Đảm bảo mức hóa chất trong bình chứa luôn đủ cho quá trình hoạt động, không để bơm chạy khô dẫn đến cháy, hỏng bơm.

- Bộ điều chỉnh clo này hoạt động theo nguyên tắc tự động hoàn toàn.

Bảng 3. 4 Danh mục máy móc thiết bị hệ thống lọc nước bể bơi

STT	Thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1	Bơm lọc áp lực	Cái	03	Đài Loan
2	Bơm tuần hoàn nước bể bơi	Cái	03	Nhật Bản
3	Bơm định lượng hóa chất	Cái	02	Nhật Bản
4	Bồn lọc áp lực	Cái	03	Việt Nam

Nguồn: Liên danh CTCP Đồng Tháp và CTCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội 22

c. Hóa chất xử dụng cho xử lý nước bể bơi

Bảng 3. 5 Hóa chất xử dụng cho hệ thống lọc nước bể bơi

TT	Tên loại nguyên liệu, hóa chất	Quy cách	Khối lượng
1.	Hóa chất khử trùng NaOCl	Kg/tháng	156
2.	Hóa chất pH Soda	Kg/tháng	198

3.1.5. Hệ thống xử lý nước thải

a. Quy mô, công suất, công nghệ xử lý

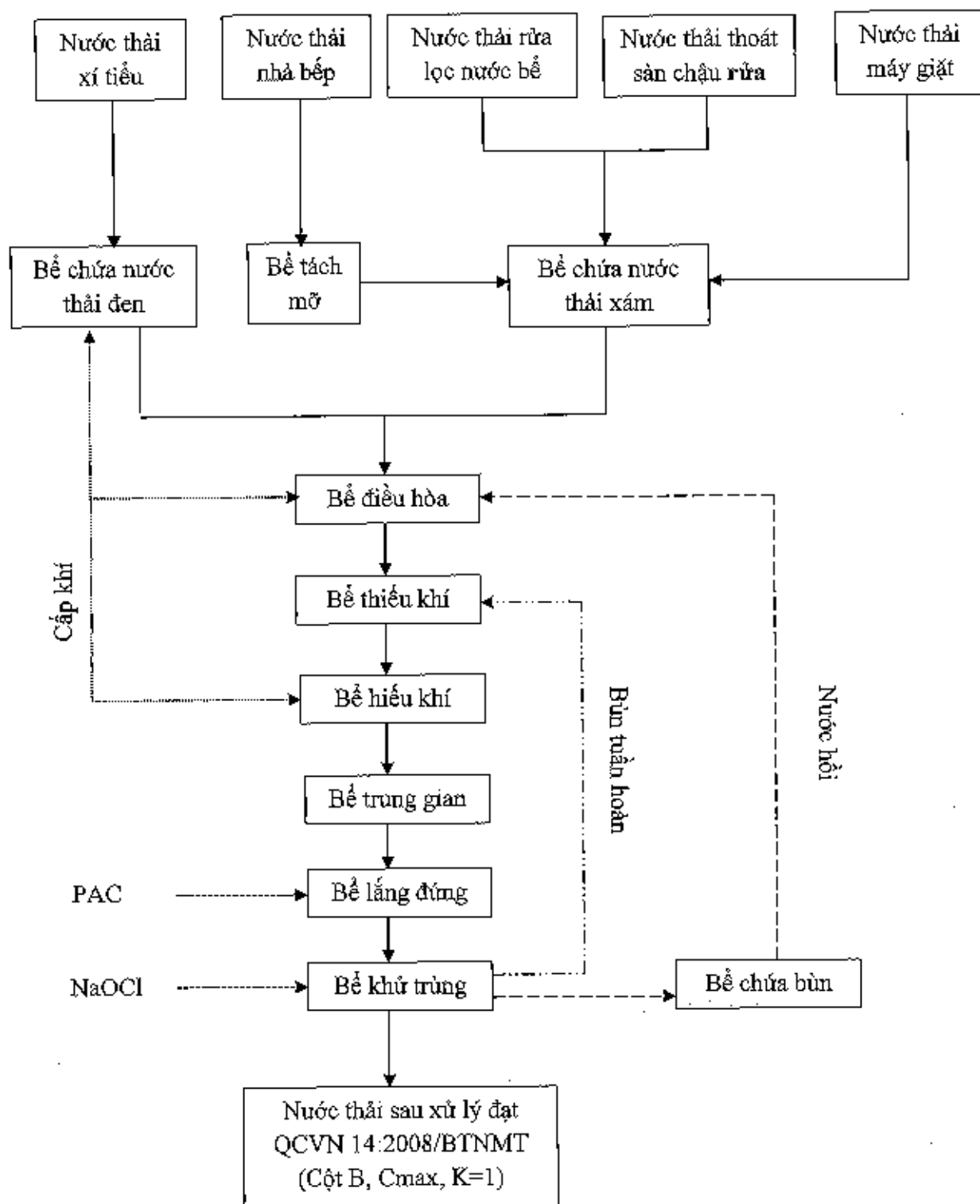
- Chủ cơ sở đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 185 m³/ngày.đêm tại tầng hầm của tòa chung cư cao tầng.

+ Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần ĐTXD và công nghệ môi trường Việt Nam

+ Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần ĐTXD và công nghệ môi trường Việt Nam

- Công nghệ xử lý sinh học AO

* Sơ đồ công nghệ



Hình 3. 9 Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt

*** Thuyết minh công nghệ**

- Nước thải của cơ sở gồm 03 nguồn nước thải là nước thải nhà bếp, nước thải tắm giặt (nước thải xám) và nước thải xí, bệ tiều (nước thải đen).

- Nước thải xí, tiểu phần lớn chứa các chất ô nhiễm, các vi khuẩn gây bệnh, thành phần ô nhiễm chính là các chất hữu cơ, dinh dưỡng. Nước thải xí tiểu được thu gom bằng đường ống riêng dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Sau đó nước thải từ bể tự hoại được bơm sang bể điều hòa.

- Nước thải từ nhà bếp: đặc trưng của nước thải nhà bếp là hàm lượng chất nổi (dầu, mỡ) lớn được dẫn về Bể tách mỡ. Dầu mỡ có tỷ trọng nhẹ hơn tỷ trọng của nước sẽ nổi lên trên bề mặt. Tại bể này có lắp đặt lưới chắn rác, rác và dầu mỡ được vớt bỏ theo định kỳ bằng phương pháp thủ công. Nước thải tiếp tục được chảy tràn sang Bể điều hòa.

- Nước thải tắm giặt đặc điểm có nhiều rác, nước thải được thu gom về ngăn tách rác sau đó đưa về bể điều hòa.

- Bể điều hòa: Nước thải tại bể điều hòa có tác dụng điều hòa cả về lưu lượng, thành phần chất ô nhiễm trong nước thải. Tại bể điều hòa có bố trí hệ thống sục khí thô để trộn đều nước thải, giảm mùi cho công trình.

- Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang cụm xử lý sinh học AO (thiếu khí, hiếu khí) cụm này hoạt động song song. Chức năng chính của thiếu khí là xử lý Nito, Photpho, bể hiếu khí oxy hóa phân hủy các chất hữu cơ BOD, COD trong nước thải xuống mức đạt tiêu chuẩn xả thải.

- Nước sau đó chảy sang bể lắng đứng, tại đây nước được cấp hóa chất trợ lắng, cặn lắng nặng sẽ rơi xuống đáy bể, được bơm bùn, bơm sang ngăn chứa bùn. Nước sạch được thu ở trên máng thu nước và dẫn sang bể khử trùng.

- Trong nước thải sinh hoạt có rất nhiều vi khuẩn gây bệnh, vì vậy cần phải khử trùng trước khi ra môi trường, sử dụng hóa chất khử trùng là NaOCl 10%.

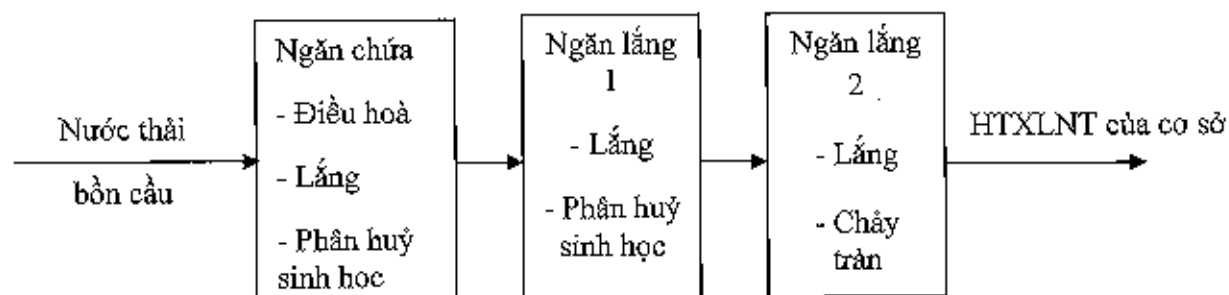
- Nước thải sau xử lý sẽ đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B

- Bùn từ bể nén bùn định kỳ được đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý.

**** Mô tả hệ thống xử lý nước thải***

- Bể tự hoại

Nước thải từ bốn cầu nhà vệ sinh được thu gom dẫn về bể tự hoại tại tầng hầm đối với khối chung cư cao tầng và mỗi nhà đối với khu nhà ở thấp tầng. Bể tự hoại được xây dựng với kết cấu BTCT (Có tổng 04 bể tự hoại với tổng thể tích 250 m³ đối với khu nhà cao tầng và 15 bể mỗi bể 06 m³ đối với khu nhà ở thấp tầng). Mô hình bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 3. 10 Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại là công trình làm đồng thời hai chức năng lắng và phân huỷ cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân huỷ, một phần tạo các khí và tạo ra các chất vô cơ hoà tan. Nước thải sau khi đi qua ngăn chứa sẽ tiếp tục qua ngăn lắng 1 và ngăn lắng 2.

+ Đối với ngăn chứa

Sau khi nước thải xả vào, rác thải-chất thải sẽ trôi xuống và ở trong ngăn chứa một thời gian nhất định để được phân huỷ. Trong ngăn chứa có sẵn các loại vi khuẩn, nấm men có khả năng phân huỷ chất thải và khiến chúng trở thành bùn. Tại đây, quá trình lên men kỵ khí thuận lợi diễn ra. Nguồn nước thải được điều chỉnh ổn định về nồng độ và lưu lượng thích hợp tạo điều kiện thuận lợi cho các giai đoạn xử lý về sau.

Tuy nhiên các loại vi khuẩn, nấm men chỉ có thể phân huỷ một số chất như đạm, chất béo xơ trong phân, nước tiểu, còn đối với những vật cứng, sắc nhọn không thể phân huỷ sẽ nhanh chóng được đưa sang ngăn lắng.

+ Đối với 2 ngăn lắng

Nước từ ngăn chứa di chuyển qua 2 ngăn lắng, chất thải khó phân huỷ sẽ tiến hành lắng cặn tại đây.

- Bể tách dầu mỡ

Nguyên lý hoạt động của bồn tách mỡ như sau: Nước thải được dẫn tự chảy vào ngăn chứa thứ nhất thông qua sọt rác được thiết kế bên trong, cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác... có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bồn tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi sang lần lượt hai ngăn tiếp theo ở đây thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước. Còn phần nước trong sau khi mỡ và dầu đã tách ra được dẫn về HTXLNT tập trung của cơ sở để tiếp tục xử lý. Lớp dầu mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ tiến hành vớt dầu mỡ.

- Bể điều hòa

Nước thải từ bể chứa nước thải xám và bể chứa nước thải đen được chảy vào bể điều hòa. Tại bể điều hòa nước thải được điều hòa lưu lượng cũng như nồng độ giúp cho

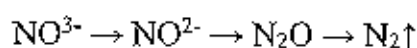
quá trình xử lý ở công đoạn tiếp theo đạt hiệu quả cao và ổn định. Bể được lắp đặt hệ thống sục khí để nước thải được xáo trộn đồng đều tránh lắng cặn hoặc phát sinh mùi khó chịu trước khi sang bể thiếu khí.

- Bể thiếu khí

Tại bể thiếu khí, trong điều kiện thiếu khí hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphorit hóa

Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu Oxi, các loại vi khuẩn này sẽ khử Nitrat Denitrificans sẽ tách oxi của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa



Khí Nito phân tử N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài. Như vậy là Nito đã được xử lý

Quá trình Photphorit hóa:

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí. Cũng tại đây hóa chất dinh dưỡng (như Methanol) cũng sẽ được châm vào để bổ sung dưỡng chất cho quá trình khử nito.



Bể thiếu khí được trang bị các máy khuấy chìm nhằm đảo trộn đều bùn và nước thải. Nhằm tăng hiệu quả của quá trình khử nitrat

- Bể hiếu khí

Tại bể hiếu khí nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 mg/l – 4mg/l để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ. Tại đây nhờ quá trình phân hủy các chất hữu cơ dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí xử lý toàn bộ các chất hữu cơ. Hiệu suất xử lý đạt 80%-90% tổng lượng BOD có trong nước thải.

Quá trình xử lý này gồm 2 quá trình xử lý:

Dùng vi sinh vật hiếu khí kết hợp với oxy để chuyển hóa các hợp chất hữu cơ tan có trong nước thành tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào).

Dùng oxy trong không khí để oxy hóa các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước để chuyển hóa thành các hợp chất khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hóa các hợp chất chứa nito (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^-

Quá trình xử lý này chủ yếu sử dụng các chủng vi sinh vật như: Chủng VSV Nitrosomonas, Nitrobacter.

- Bể trung gian

Nước thải sau bể hiếu khí được chảy sang bể trung gian để ổn định lưu lượng trước khi tự chảy sang bể lắng đứng. Trên đường ống cơ sở sẽ châm hóa chất PAC để tăng hiệu quả lắng cho bể lắng đứng.

- Bể lắng đứng

Tại bể lắng diễn ra quá trình lắng các chất lơ lửng có trong nước thải dưới tác dụng của trọng lực cùng với sự kết hợp của hóa chất trợ lắng PAC bông cặn sẽ lắng xuống đáy. Lượng chất rắn lơ lửng sẽ giảm khoảng 80-85% kéo theo các loại tạp chất (bao gồm cả các thành phần chứa nito, photpho, chất hữu cơ,...) Bùn lắng vi sinh sẽ được tuần hoàn 1 phần về bể thiếu khí, phần còn lại đưa về bể chứa bùn.

- Bể khử trùng

Hầu hết các giai đoạn xử lý trước không xử lý được virus gây bệnh (vi khuẩn có kích thước rất nhỏ). Để hoàn thiện cho toàn bộ quá trình xử lý thì cần phải dùng hóa chất có khả năng tiêu diệt toàn bộ mầm bệnh này. Nước sau khi lắng qua bể lắng được đưa sang bể khử trùng bằng hóa chất NaOCl. Tại đây dưới tác dụng của NaOCl khử trùng các vi khuẩn có hại sẽ được xử lý (Coliform, Ecoli,...) trước khi nước được thải ra môi trường.

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên ngõ 129D Trương Định.

b. Các thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3. 6 Các thông số cơ bản của hệ thống XLNT

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích	Kết cấu
1	Bể chứa nước thải xám	01	07 m ³	BTCT
2	Bể chứa nước thải đen	01	10 m ³	BTCT
3	Bể điều hòa	01	58 m ³	BTCT
4	Bể thiếu khí	01	24,5 m ³	BTCT
5	Bể hiếu khí	01	52,5 m ³	BTCT
6	Bể trung gian	01	5,5 m ³	BTCT
7	Bể lắng đứng	01	38 m ³	BTCT

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích	Kết cấu
8	Bể khử trùng	01	11 m ³	BTCT
9	Bể chứa bùn	01	17 m ³	BTCT

c. Danh mục thiết bị trạm XLNT

Bảng 3. 7 Danh mục thiết bị trạm XLNT

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
I	Thiết bị chính			
1	Máy thổi khí (Model: HC-401S) - Lưu lượng: Q=0,67 m ³ /min - Cột áp: H=0,05MPA “5mmH ₂ O” - Tốc độ vòng quay: n=580 rpm - Đường kính đầu ra: DN32 - Motor: Hitachi P=1,5 kW/3phase/380V	Cái	2,0	Tohin-Japan
2	Máy thổi khí (Model: HC-601S) - Lưu lượng: Q=2,18 m ³ /min - Cột áp: H=0,05MPA “5,0mmH ₂ O” - Tốc độ vòng quay: n=540 rpm - Đường kính đầu ra: DN50 - Motor: Hitachi P=4,0 kW/3phase/380V	Cái	2,0	Tohin-Japan
3	Bơm chìm nước thải (Model: DGO 75/2/G50H) - Lưu lượng: Q=8,0-10,0 m ³ /h - Cột áp: H=5,0-5,5mH ₂ O - Tốc độ vòng quay: n=2900 rpm - Đường kính ống ra: DN50 - Công suất motor: P=0,55 kW/3phase/380V/50Hz	Cái	8,0	Zenit – Italy
4	Máy khuấy chìm (Model: GM17A471T1-4V2KA0) - Kiểu: Khuấy chìm - Tốc độ vòng quay: n=1352 rpm - Công suất motor: P=0,7 kW/3phase/380V/50Hz	Cái	2,0	Faggiolati - Italy

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
5	Đĩa phân phối khí tĩnh (Model: FlexAir Threaded Disc 12” Micro) - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble) - Diện tích bề mặt hoạt động: S=0,068m ² - Lưu lượng thiết kế: Q=0.0-15,8 m ³ /h - Đầu nối: ren 27mm	Cái	25,0	EDI – USA
6	Bơm định lượng hóa chất (Model: M101 PP SV) - Lưu lượng: Q=0-101(l/h) - Cột áp: Hmax=10 bar - Công suất motor: P=0,25 kW/3phase/380V/50Hz - Đường kính ống ra: 3/4"	Cái	2,0	OBL - Italy
7	Động cơ khuấy hóa chất (Model: CNVM05-6075-21) - Công suất motor: P=0,4 kW/3phase/380V/50Hz - Tốc độ: N=69 vòng/phút	Cái	2,0	Sumitomo - Singapore
II	Thiết bị phụ			
1	Bộ khớp nối nhanh lắp đặt bơm chìm (vật liệu: Gang)	Bộ	8,0	Việt Nam
2	Bộ thanh dẫn hướng bơm (vật liệu: Inox)	Bộ	8,0	Việt Nam
3	Xích kéo, móc treo máy bơm (vật liệu: Inox)	Bộ	8,0	Việt Nam
4	Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm (vật liệu: Inox)	Bộ	2,0	Việt Nam
5	Xích kéo, móc treo máy khuấy chìm (vật liệu: Inox)	Bộ	2,0	Việt Nam
6	Bộ hút bọt	Bộ	1,0	Việt Nam
7	Khẩu nối nhanh lắp đặt đĩa thổi khí	Cái	2,0	Việt Nam

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
8	Bồn chứa và pha hóa chất - Dung tích: V=300 lít - Vật liệu chế tạo: Nhựa PVC - Hãng sản xuất: Tân Á		2,0	Việt Nam
9	Trục khuấy hóa chất kiểu chữ T - Chiều dài: L=0,8m - Vật liệu chế tạo: Inox sus304	Cái	2,0	Việt Nam
10	Hệ giá đỡ bằng hộp Inox 304	T. Bộ	1,0	Việt Nam
III	Phần đường ống công nghệ			
a/	Ống nhựa và phụ kiện đường ống dẫn nước thải PVC Class 1 - Dismy			
1	Ống nhựa PVC/D160	T. Bộ	1,0	Cúc Phương Dismy – Class1
2	Ống nhựa PVC/D76	T. Bộ	1,0	
3	Ống nhựa PVC/D60	T. Bộ	1,0	
4	Ống nhựa PVC/D34	T. Bộ	1,0	
5	Ống nhựa PVC/D21	T. Bộ	1,0	
6	Phụ kiện PVC DISMY	T. Bộ	1,0	
b/	Ống Inox 304 và phụ kiện dẫn khí đi trên cạn			
1	Ống Inox 304 DN65 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0	Hoàng Vũ
2	Ống Inox 304 DN40 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0	
3	Phụ kiện Inox 304, 5K	T. Bộ	1,0	
IV	Phần điện			
1	Tủ điện điều khiển hệ thống			
2	Dây điện 3x6+1x4mm ²	T. Bộ	1,0	Cadisun
3	Dây điện 4x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadisun
4	Dây điện 4x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadisun
5	Dây điện 4x0,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadisun
6	Dây điện 2x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadisun

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
7	Dây điện 2x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadisun
8	Ống bảo hộ mềm ruột gà D20	T. Bộ	1,0	Sino
9	Ống bảo hộ cứng SP D20	T. Bộ	1,0	Sino
10	Máng cáp 60x100x1mm	T. Bộ	2,0	Việt Nam
11	Hộp nối 150x150	Cái	10,0	Việt Nam
12	Bóng đèn chiếu sáng, loại 1,2m	Cái	2,0	Việt Nam
13	Công tắc, ổ cắm	Cái	1,0	Việt Nam

d. Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải

1. Vận hành chung

- Cán bộ phải có trình độ phù hợp, duy trì từ 1-2 cán bộ thường trực vận hành. Kịp thời khắc phục nếu có sự cố.

- Chỉ cán bộ được phân công phụ trách được vận hành hệ thống.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người vận hành.
- Thường xuyên kiểm tra vớt rác, loại bỏ vật nổi tại hố gom.
- Kiểm tra nguồn điện trên đèn báo pha, Ampe kế và vôn kế.
- Kiểm tra và chắc chắn rằng các van trên đường ống của máy bơm và van cấp khí đã mở.

2. Pha hóa chất

- Khởi động động cơ khuấy trộn khi pha hóa chất.
- Pha 1-2 kg PAC cho 300l nước sạch, khuấy tan đều, bơm 20-30l/h dung dịch lên bể xử lý.
- Pha 1-2 lít nước Javen, nồng độ 10% cho 200l nước sạch, khuấy tan đều, bơm 20-30l/h dung dịch lên bể xử lý.
- Tùy thuộc vào thay đổi tính chất của nước, người vận hành có thể thay đổi liều lượng hóa chất cho phù hợp với thực tế.

3. Khởi động hệ thống

- Bật attomat tổng
- Bật attomat của từng thiết bị
- Bật nút chuyển mạch 03 vị trí (BT-O-TĐ). Kiểm tra các thiết bị sau khi hoạt động.

- Kiểm tra hoạt động của từng thiết bị.

4. Chế độ hoạt động

- Khi vận hành trạm, người vận hành tùy chọn chế độ làm việc của hệ thống, tự động hoặc bằng tay. Nếu chuyển bộ chuyển mạch về chế độ tự động (TĐ) hệ thống sẽ làm việc tự động hoàn toàn theo tín hiệu mức nước hoặc chuyển sang chế độ vận hành bằng tay (BT), người vận hành điều khiển bằng các nút trên bảng của tủ điện cho mỗi thiết bị.

Chế độ tự động: (Chế độ hoạt động bình thường, thường xuyên)

+ Ở chế độ tự động bộ chuyển mạch được đưa quay sang vị trí vận hành tự động (TĐ), hệ thống trạm xử lý theo tín hiệu mức nước thông qua phao điều khiển lập trình bởi PLC.

+ Máy thổi khí (TK1): Ở chế độ tự động 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên độc lập với chu kỳ thời gian là 4 giờ.

+ Máy thổi khí (TK2): Ở chế độ tự động 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên độc lập với chu kỳ thời gian là 4 giờ.

+ Bơm nước bể kỵ khí (P1): ở chế độ tự động bơm P1 hoạt động theo phao tín hiệu mức nước tại bể kỵ khí, luân phiên với chu kỳ thời gian 8 giờ.

+ Bơm nước bể điều hòa (P2): ở chế độ tự động bơm P2 hoạt động theo phao tín hiệu mức nước tại bể điều hòa, luân phiên với chu kỳ thời gian 8 giờ.

+ Bơm tuần hoàn (P3): hoạt động luân phiên độc lập với chu kỳ thời gian 8 giờ.

+ Bơm tuần hoàn (P4): Bơm bùn bể lắng hoạt động tự động theo bơm điều hòa. Chạy 10 phút, nghỉ 2 giờ.

+ Cộn hóa chất: ở chế độ tự động cộn hóa chất (động cơ khuấy và bơm định lượng) hoạt động theo bơm bể điều hòa P2.

Chế độ điều khiển bằng tay: (Hoạt động bất thường khi cần thiết)

+ Ở chế độ điều khiển bằng tay bộ chuyển mạch được đưa quay sang vị trí vận hành bằng tay (BT) các thiết bị trong hệ thống trạm xử lý hoạt động độc lập theo các nút điều khiển bằng tay trên tủ điện.

5. Chức năng bảo vệ:

- + Bảo vệ mất pha nguồn cung cấp.
- + Bảo vệ quá tải động cơ khi có sự cố quá tải.
- + Bảo vệ ngắn mạch cho toàn bộ hệ thống.

6. Hiện thị trạng thái và báo lỗi:

- Đèn hiện thị ba pha r-s-t của nguồn cung cấp.

- Đèn hiển thị trạng thái chạy (màu xanh).
- Đèn hiển thị báo lỗi (màu vàng).
- Đồng hồ hiển thị giá trị điện áp nguồn cung cấp (voltmeter).
- Đồng hồ hiển thị giá trị dòng điện của tải (amperemeter).
- Các thiết bị động cơ trong trạm đều có rơ le nhiệt bảo vệ và báo lỗi điều khiển để thuận tiện cho việc vận hành, kiểm tra sửa chữa.

- Khi có sự cố qua dòng, đèn hiển thị trạng thái màu vàng, cán bộ vận hành tắt thiết bị và hệ thống để kiểm tra xử lý.

7. Khi tắt hoặc tạm dừng hệ thống:

(thực hiện thứ tự các thao tác ngược lại so với khi khởi động)

- Tắt nút chuyển mạch (đưa về vị trí giữa)
- Tắt attomat của thiết bị.
- Tắt atomat cấp nguồn bộ điều khiển PLC.
- Tắt attomat tổng.

8. Chú ý:

- Khi có sự cố mất điện người vận hành phải tắt toàn bộ thiết bị và khởi động lại theo quy trình ban đầu khi có điện.

- Không đưa dung dịch hóa chất, chất độc, các loại dầu hoặc các chất khác vào bồn hoạt tính, nó sẽ làm ảnh hưởng đến bồn hoạt tính.

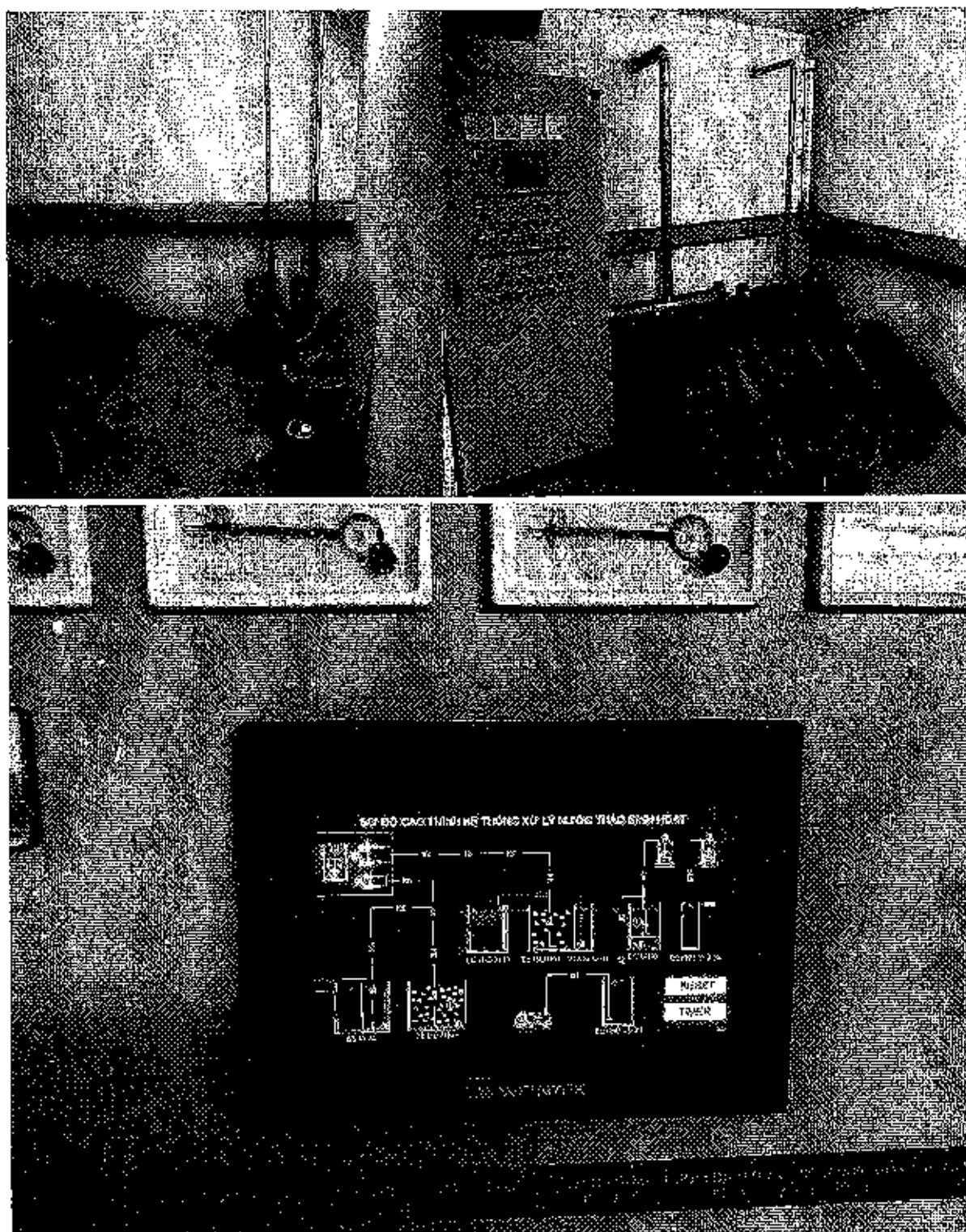
- Đóng van cấp khí cọ rửa khi dừng vận hành lọc. Trong trường hợp nghỉ lọc, không bắt buộc phải ngừng cấp khí cọ rửa

e. Phương án vận hành hệ thống

Bảng 3. 8 Bảng tổng hợp chế độ vận hành của hệ thống XLNT

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng lắp đặt	Số lượng hoạt động	Chế độ hoạt động theo thiết kế	Chế độ hoạt động thực tế
1	Máy thổi khí $Q=0,67$ m^3/min	Cái	2	1	2 máy hoạt động luân phiên, 4 giờ đảo máy 1 lần	2 máy hoạt động luân phiên, 1 máy chạy 1 máy dừng, thời gian nghỉ 2 tiếng
2	Máy thổi khí $Q=2,18$ m^3/min	Cái	2	1	2 máy hoạt động luân phiên, 4 giờ đảo máy 1 lần	2 máy hoạt động luân phiên, 1 máy chạy 1 máy

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng lắp đặt	Số lượng hoạt động	Chế độ hoạt động theo thiết kế	Chế độ hoạt động thực tế
						dừng, thời gian nghỉ 2 tiếng
3	Bơm nước bể kỵ khí	Cái	2	1	2 máy hoạt động luân phiên, 8 giờ đảo máy 1 lần	2 máy hoạt động luân phiên, 4 giờ đảo máy 1 lần
4	Bơm nước bể điều hòa	Cái	2	1	2 máy hoạt động luân phiên, 8 giờ đảo máy 1 lần	2 máy hoạt động luân phiên, 4 giờ đảo máy 1 lần
5	Bơm tuần hoàn	Cái	2	1	2 máy hoạt động luân phiên, 8 giờ đảo máy 1 lần	2 máy hoạt động luân phiên, 4 giờ đảo máy 1 lần
6	Bơm bùn bể lắng	Cái	2	1	Chạy 10 phút, nghỉ 2 giờ	Chạy 10 phút, nghỉ 2 giờ
7	Bơm định lượng hóa chất Q=0-101(l/h)	Cái	2	1	02 bơm chạy trong 4 giờ đảo bơm 1 lần	02 bơm chạy luân phiên theo tín hiệu bơm điều hòa và phao báo mức bể hóa chất



Hình 3. 11 Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải

f. Điện năng, hóa chất sử dụng cho hệ thống XLNT

- Mức tiêu hao điện năng trung bình của hệ thống XLNT: 6,5 kW/h
- Lượng hóa chất sử dụng trong 01 năm khi hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động ổn định bình thường được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 9 Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên loại nguyên liệu, hóa chất	Quy cách	Khối lượng
1.	PAC	Kg/tháng	45
2.	Clorine (4g/1m3)	Kg/tháng	23

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

~~Do cơ sở là khu nhà ở nên nguồn phát sinh bụi, khí thải tại cơ sở chủ yếu từ hoạt~~
động của các phương tiện giao thông, khí thải từ máy phát điện dự phòng (khí hoạt động), khí thải từ hệ thống điều hòa, mùi từ bếp nấu ăn của các căn hộ, mùi từ trạm XLNT,... Để giảm thiểu bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh trên, cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện giao thông

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên cơ sở để hạn chế các tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ phản xạ, giảm nhiệt độ của không khí, hấp thụ tiếng ồn. Sóng âm truyền qua các dải cây xanh sẽ bị suy giảm năng lượng, mức cường độ âm thanh giảm đi nhiều hay ít phụ thuộc vào mật độ lá cây, kiểu lá và kích thước của cây xanh và chiều rộng của dải đất trồng cây. Các dải cây xanh sẽ có tác dụng phản xạ âm, do đó làm giảm mức ồn.

- Khu vực bãi đỗ xe được bố trí hợp lý, thiết kế thông thoáng nhằm đảm bảo khả năng thông gió.

- Xây dựng nội quy bãi đỗ xe, quản lý chặt chẽ các phương tiện giao thông ra vào bãi đỗ xe để giảm thiểu tình trạng nổ máy xe trong bãi đỗ.

- Lắp đặt hệ thống thông gió khu vực tầng hầm đảm bảo không khí luôn được lưu thông ngăn tích tụ khí thải độc hại từ phương tiện giao thông.

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy điều hòa, máy phát điện

- Lựa chọn các thiết bị đồng bộ cho hệ thống điều hòa. Thiết kế bố trí vị trí lắp đặt dàn nóng của máy điều hòa phù hợp để không ảnh hưởng đến cảnh quan và đảm bảo bố trí tại khu vực thông thoáng, tăng khả năng phát tán nhiệt.

- Vận hành hệ thống điều hòa đúng quy trình, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống điều hòa tránh gây rò rỉ chất tải lạnh (khí gas).

- Sử dụng hệ thống điều hòa đảm bảo về mặt môi trường: độ ồn thấp, không sử dụng thiết bị dùng khí gas là chất bị cấm.

- Vị trí đặt máy phát điện tại tầng 01, bố trí khu vực riêng. Vận hành máy phát điện đúng quy trình, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của máy phát điện. Khí thải phát sinh từ máy phát điện được phát tán qua ống khói thải thoát hướng mặt sau của tòa nhà.



Hình 3. 12 Hình ảnh máy phát điện tại cơ sở

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống XLNT

Mùi phát sinh từ hệ thống XLNT được thu gom bằng đường ống D160 dẫn lên qua mái của tòa nhà. Chiều dài ống khoảng 71,5 m (vượt mái 0,7m)

3.2.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí khác

- Xây dựng và bố trí các phòng thông thoáng.
- Thường xuyên tưới nước, làm ẩm phần đường trong khuôn viên cơ sở vào các ngày nắng nóng và hanh khô để giảm thiểu lượng bụi phát sinh vào không khí.
- Thường xuyên dọn vệ sinh sạch sẽ khu đường đi và các khu vệ sinh.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị để đảm bảo máy móc, thiết bị luôn hoạt động tốt, ít phát sinh các loại khí thải ra môi trường.
- Không lưu tồn rác thải quá lâu, đặc biệt là các loại chất thải hữu cơ, tránh sự phát sinh mùi từ quá trình phân hủy chất hữu cơ trong rác thải gây khó chịu cho nhân viên, khách hàng và thu hút các loại côn trùng.
- Bố trí một cách hợp lý cảnh quan cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ và xung quanh cơ sở để cải thiện môi trường không khí, mang lại không gian tiện ích cho các đơn vị.
- Về hệ thống thông gió:

+ Thông gió khu vệ sinh, bếp khu căn hộ: Với các khu vệ sinh khu vực căn hộ sử dụng quạt hút thổi ngang ra logia. Với khu bếp căn hộ: sử dụng hút gió ngang theo từng tầng.

+ Thông gió cấp gió tươi khu dịch vụ công cộng: Sử dụng giải pháp cấp khí tươi theo phương ngang, gió tươi được xử lý bởi các bộ trao đổi nhiệt (HRV) để tiết kiệm một phần năng lượng trong không khí thải và được cấp đến các thiết bị xử lý không khí trực tiếp lắp trên trần giả (indoor unit), tại đây được hòa trộn với không khí tuần hoàn, được gia nhiệt và cấp vào khu vực điều hòa.

+ Thông gió điều áp cầu thang, giếng thang máy: Tại các cầu thang bộ thoát hiểm đều phải có các hộp kỹ thuật đứng xuyên suốt từ tầng hầm đến tầng mái (hộp gió điều áp cầu thang) để đặt ống cung cấp gió tươi chống ngạt và chống khói tràn cho người khi chạy thoát hiểm. Trên mỗi một hộp gió điều áp cầu thang đều bố trí các quạt điều áp để cung cấp khí tươi có lưu lượng và áp suất phù hợp.

Trên các giếng thang máy đều được bố trí quạt điều áp cung cấp gió tươi vào các giếng thang để chống ngạt và chống khói tràn cho người khi chạy thoát hiểm. Các quạt này có lưu lượng và áp suất phù hợp.

+ Thông gió hút hành lang kín: Hành lang kín của công trình được trang bị hệ thống hút khói, tạo điều kiện thuận cho việc thoát hiểm khi có sự cố xảy ra.

+ Thông gió khu vực tầng hầm: Bố trí các quạt hút khí thải hoạt động theo cài đặt timer và đầu cảm biến CO. Theo cài đặt timer định kỳ hàng ngày quạt hút khí thải hoạt động vào 2 khung giờ từ 7-8h và 17-18h. Đây là 2 khung giờ lượng phương tiện giao thông ra vào tầng hầm nhiều nhất. Theo cài đặt đầu cảm biến CO từ 9-25ppm thì quạt hút hoạt động ở chế độ bình thường, khi nồng độ CO >25ppm thì quạt hút hoạt động ở chế độ khi có cháy.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*** Nguồn phát sinh**

- + Chất thải rắn sinh hoạt của người dân khu vực chung cư cao tầng
- + Chất thải rắn sinh hoạt của người dân khu nhà ở thấp tầng
- + Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của khu vực nhà trẻ
- + Chất thải rắn sinh hoạt từ khu vực dịch vụ (bể bơi)

*** Thành phần và khối lượng**

Ở thời điểm hiện tại, cơ sở đã bàn giao 192/204 căn hộ, khu vực nhà trẻ vẫn chưa sử dụng, khu nhà ở thấp tầng hiện mới chỉ có 04/15 căn hộ ở. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo hóa đơn thu gom, vận chuyển là 14 tấn/tháng tương đương khoảng 467 kg/ngày

Bảng 3. 10 Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh theo từng nguồn

STT	Nhóm CTRSH	Tổ chức tiếp nhận CTRSH	Khối lượng phát sinh trong ngày (Kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt khu vực chung cư	Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội	412
2	Chất thải rắn sinh hoạt khu nhà ở thấp tầng		25
3	Chất thải rắn sinh hoạt khu vực dịch vụ		30
	Tổng khối lượng		467

Dự kiến các loại chất thải rắn phát sinh khi cơ sở lắp đầy 100% trung bình trong 01 ngày khoảng 600 kg/ngày, bao gồm:

Bảng 3. 11 Dự kiến thành phần và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Số lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thực phẩm	Kg	280
2	Giấy	Kg	45
3	Carton	Kg	34
4	Nhựa cứng	Kg	33
5	Túi nilong	Kg	7
6	Vải	Kg	14
7	Cao su mềm	Kg	20
8	Cao su cứng	Kg	23
9	Da	Kg	14
10	Gỗ	Kg	21
11	Thủy tinh	Kg	26
12	Lon đồ hộp	Kg	34
13	Sắt	Kg	24
14	Kim loại khác	Kg	15
15	Sành sứ	Kg	10
Tổng CTR phát sinh trung bình 01 ngày		Kg	600
Tổng CTR phát sinh trung bình 01 tháng		Tấn	18
Bùn thải từ trạm XLNT trong 01 tháng		Kg	777

* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với khu nhà chung cư cao tầng:

+ Đối với khu vực nhà trẻ: Bố trí các thùng đựng rác dung tích 60 lít có nắp đậy đặt tại hành lang và khu nhà vệ sinh của khu vực nhà trẻ, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và vận chuyển xuống bãi tập kết tại tầng 01

+ Đối với khu dịch vụ bể bơi: tại các phòng vệ sinh bố trí các thùng đựng rác dung tích 60 lít có nắp đậy, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và vận chuyển xuống bãi tập kết tại tầng 01

+ Đối với khu vực nhà ở từ tầng 2-18: Mỗi tầng sẽ có phòng thu gom rác, diện tích khoảng 8 m², bên trong có bố trí 02 thùng đựng rác dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy, rác thải sinh hoạt từ hoạt động của người dân được nhân viên vệ sinh thu gom và vận chuyển hàng ngày vào khoảng 20-21h hàng ngày xuống bãi tập kết tại tầng 01 bằng thang máy B (chuyên sử dụng cho vận chuyển hàng và rác).



Hình 3. 13 Hình ảnh phòng thu gom rác từng tầng

- Đối với khu nhà ở thấp tầng: Chất thải rắn của từng căn hộ được người dân tự thu gom và chuyển ra phía trước cổng nhà, cuối ngày xe thu gom rác sẽ thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn được nhân viên vệ sinh thu gom từ các tầng xuống bãi tập kết vào khoảng 20-21h mỗi ngày.



Hình 3. 14 Hình ảnh điểm tập kết chất thải rắn của cơ sở

- Chất thải rắn được phân loại ngay từ đầu để tách thành hai phần:
 - + Các thành phần có thể thu hồi tái sử dụng như: Các loại giấy, bìa, vỏ lon,... sẽ được công nhân thu gom hàng ngày rồi chuyển giao cho đơn vị có chức năng
 - + Đối với các chất thải không thể tái sử dụng được (chiếm khoảng 60%) như: vỏ hoa quả, thức ăn thừa... được chứa trong thùng chứa chất thải tạm thời và thuê Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội có chức năng vận chuyển và xử lý tại bãi rác hợp vệ sinh.

* Đối với bùn thải từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải

- Lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại:

Thể tích phần bùn ước tính là:

$$W = [a \cdot T \cdot (100 - p_1) \cdot b \cdot c] \cdot N / [(100 - p_2) \cdot 1000] \quad (m^3)$$

Trong đó:

- a – Lượng cặn trung bình tạo ra của 1 người trong 1 ngày, ước tính 0,5 l/người/ngày
- b – Hệ số tính đến sự giảm thể tích khi lên men cặn, b=0,7

c ~ Hệ số kể tới việc phải để lại một lượng bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút.
Với lượng bùn cặn để lại là 20%, khi đó $c=1,2$

T – Thời gian giữa hai lần hút cặn, lấy $T = 365$ ngày

p1; p2 – Độ ẩm của cặn tươi và cặn đã lên men, tương ứng 95% và 90%

N – Số người (815 người)

Nguồn: Giáo trình Bể tự hoại, PGS.TS Nguyễn Việt Anh, Đại học Xây dựng

Như vậy, lượng bùn thải được tính theo công thức trên với quy mô cơ sở là W = 74,37 m³/năm tương đương 0 m³/ngày.

Cặn được nén trong bể 1 năm có nồng độ 10% tỷ trọng 1,3 với khối lượng là:

$$G * 90 * 0,001 = V * p * P$$

$$G = \frac{0,2 * 1,3 * 0,1}{90 * 0,001} = 0,29 \text{ kg/ngày (tương đương 106 kg/năm)}$$

Lượng bùn thải sẽ được trường thuê đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý với tần suất 1 năm/lần.

- Lượng bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:

$$G = \frac{Q * (C_1 - C_2)}{1000} \text{ (kg/ngày)}$$

(Nguồn: Xử lý nước cấp cho sinh hoạt và công nghiệp - TS.Trịnh Xuân Lai)

Trong đó:

+ G: Trọng lượng cặn khô (kg)

+ Q: Lượng nước xử lý (m³/ngày) = 185 m³/ngày.đêm

+ C₂: Hàm lượng cặn trong nước đi ra (lấy= 20 mg/l, thông số của thiết bị)

+ C₁: Hàm lượng cặn trong nước đi vào bể lắng Lấy = 160mg/l, thông số của thiết bị)

Vậy lượng bùn sinh ra từ quá trình loại bỏ cặn trong hệ thống xử lý trong 1 ngày là:

$$G = \frac{Q * (C_1 - C_2)}{1000} = \frac{185 * (160 - 20)}{1000} = 25,9 \text{ (kg/ngày) tương đương 777 (kg/tháng)}$$

Lượng bùn thải sẽ được trường thuê đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý với tần suất 1 năm/lần.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

** Nguồn phát sinh*

- Chất thải rắn nguy hại từ sinh hoạt của người dân khu chung cư cao tầng
- Chất thải rắn nguy hại từ sinh hoạt của người dân khu nhà ở thấp tầng
- Chất thải rắn nguy hại từ hoạt động của khu vực nhà trẻ
- Chất thải rắn nguy hại từ hoạt động của khu vực dịch vụ

- Từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị như thang máy, máy phát điện, máy bơm...

** Thành phần và khối lượng*

Cơ sở đi vào hoạt động định, thành phần chủ yếu của chất thải nguy hại là giẻ lau dính dầu, dầu thải, bao bì cứng bằng nhựa thải, hộp mực in thải, pin ắc quy thải, thiết bị điện tử thải... với khối lượng ước tính khi cơ sở lắp đầy 100% khoảng 145 kg/năm tương đương với khoảng 8 kg/tháng.

Bảng 3. 12 Dự kiến khối lượng CTNH phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	12
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	180201	5
3	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	180101	6
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	180102	25
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	180103	17
6	Dầu thải	170204	8
7	Pin, Ắc quy thải	160112	18
8	Hộp mực in thải	080204	9
9	Linh kiện điện tử thải	150109	15
10	Bộ mạch điện tử, tụ điện, thiết bị, linh kiện điện tử	160113	10
11	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng và một số chất thải lỏng chứa dầu khác	150102	20
	Tổng		145

** Phương thức thu gom*

- Đối với khu nhà chung cư cao tầng:

+ Đối với khu vực nhà trẻ và khu vực dịch vụ: Chất thải nguy hại phát sinh được nhân viên vệ sinh thu gom chuyển về kho chứa CTNH tại tầng hầm của tòa nhà

+ Đối với khu vực nhà ở từ tầng 2-18: Chất thải nguy hại phát sinh từ các căn hộ được thu gom đặt tại phòng thu rác của từng tầng, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển về kho chứa CTNH trước khi đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

- Đối với khu nhà ở thấp tầng: Chất thải nguy hại của từng căn hộ được người dân tự thu gom và chuyển ra phía trước cổng nhà, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển về kho chứa CTNH trước khi đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

** Các công trình, thiết bị thu gom, lưu trữ CTNH*

Bố trí khu vực lưu trữ CTNH tại tầng hầm của tòa nhà chung cư, có diện tích khoảng 15 m². Chất thải nguy hại được phân loại, lưu chứa tại các thùng riêng biệt dung tích 120 lít/thùng.

Bảng 3. 13 Tổng hợp các công trình, thiết bị quản lý CTNH

TT	Tên công trình, thiết bị	Mô tả	Số lượng
1	Thùng chứa CTNH	- Các thùng khác nhau để phân loại CTNH - Trên nắp thùng có dán nhãn ghi mã số CTNH và tên chất thải;	09 thùng
2	Nhãn CTNH	- Nhãn dán để phân loại và nhãn dán để cảnh báo các loại chất thải nguy hại; - Nhãn được dán trên thiết bị lưu giữ và trên tường trong kho chứa tạm; - Quy cách và trình bày nhãn theo hướng dẫn tại TCVN 6707-2009 -Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa;	11 nhãn
3	Kho chứa	- Kho lưu giữ các CTNH trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; - Quy mô: diện tích 15m ² ; kích thước dài x rộng x cao tương ứng là 5m x3m x3,5m; được bố trí tại tầng hầm của tòa chung cư cao tầng; - Kết cấu: nền bê tông, tường xây gạch, cửa ra/vào bằng sắt; - Tại kho CTNH có bố trí rãnh thoát nước và bình cứu hỏa	01 kho

- Lưu giữ: Khu lưu giữ chất thải nguy hại có nền đổ bê tông, không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và biển báo theo quy định. Các loại chất thải nguy hại được lưu giữ tạm thời trong các thùng chuyên dụng, có nắp đậy, bên ngoài có ghi rõ loại

chất thải. CTNH được lưu giữ tại kho lưu trữ riêng trong khu vực nhà xưởng, có biển cảnh cáo theo đúng quy định



Hình 3. 15 Hình ảnh thùng chứa CTNH

+ Quy trình quản lý chất thải nguy hại như sau: Nguồn phát sinh → Danh mục Khối lượng → Biện pháp quản lý (Thu gom, phân loại, lưu giữ, dán nhãn, ghi mã số chất thải nguy hại, kho lưu giữ, biển cảnh báo) → Đơn vị vận chuyển, xử lý.

+ Công tác quản lý chất thải nguy hại từ cơ sở sẽ do tổ VSMT trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc Công ty về nhiệm vụ của mình.

+ Phương án để xử lý chất thải nguy hại từ cơ sở được cam kết như sau: Công ty cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của chủ cơ sở theo hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại số 000298//2025/HĐCNK (đính kèm phụ lục)

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Do đặc thù của cơ sở là khu nhà ở nên ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác là không lớn, nên chủ cơ sở sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện

Sử dụng hệ thống điều hòa đảm bảo về mặt môi trường: độ ồn thấp, không sử dụng thiết bị dùng khí gas là chất bị cấm.

- Giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung từ quạt thông gió và điều hòa trung tâm

Để đảm bảo sự giảm âm xung quanh ống tiêu âm của quạt thông gió và điều hòa phải được bao bọc bằng một số vật liệu đàn hồi (cao su) bọc xung quanh

Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị quạt thông gió, hệ thống điều hoà, máy phát điện.

- Giảm thiểu tác động từ phương tiện giao thông

Quy định tốc độ ra vào cơ sở đối với các phương tiện giao thông

Yêu cầu các phương tiện giao thông không được sử dụng còi trong khu vực tầng hầm để xe và khu vực cơ sở

- Cù bảo vệ phân luồng giao thông vào các giờ cao điểm

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Sự cố cháy nổ

- Cơ sở đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động tại các tầng của tòa nhà.

- Cơ sở đã đầu tư các phương tiện chữa cháy: Bình CO₂, nội quy, tiêu lệnh chữa cháy.

Cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn hiện hành như TCVN 2622-95 phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình. Tuân thủ đúng quy định theo chỉ thị số: 07/2007/CT-BXD ngày 05 tháng 11 năm 2007 về tăng cường công tác quản lý xây dựng đối với công trình xây dựng nhà cao tầng.

3.6.2. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.

3.6.3. Sự cố trạm XLNT

a. Sự cố của tủ điện

* Sự cố quá nhiệt của các động cơ bơm

- Biểu hiện: Khi xảy ra quá nhiệt của bất cứ động cơ của bơm nào thì tủ điện lập tức ngắt bơm đó ra khỏi chu trình làm việc. Các bơm khác nếu không bị quá nhiệt vẫn hoạt động bình thường.

- Nguyên nhân:

+ Quá tải bơm, rò rỉ nhiệt tác động, nguồn điện quá thấp hoặc quá cao.

+ Giá trị role nhiệt đang đặt ở mức nhỏ hơn dòng định mức của động cơ. Cần tham khảo tài liệu để đặt lại giá trị cho phù hợp.

- Khắc phục:

+ Xem cánh bơm có bị kẹt hay không, có bùn, rác thải làm kẹt cánh hay không (kiểm tra áp suất nước đầu ra của đường ống).

+ Điều chỉnh giá trị của role nhiệt bằng 1,2 đến 1,5 lần giá trị định mức của động cơ điện.

b. Sự cố lỗi bơm

Bảng 3. 14 Sự cố thông thường của bơm và biện pháp khắc phục

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp giải quyết
Không khởi động được	Mất điện	Liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện cho toàn trạm xử lý.
Chạy nhưng dừng ngay lập tức	Có sự khác biệt lớn giữa nguồn điện và điện áp	Đề ra giải pháp
	Sụt điện áp đáng kể.	Kiểm tra lại nguồn điện và liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện để kiểm tra và cung cấp đủ nguồn điện.
	Đầu sai pha của động cơ	Kiểm tra điểm đầu và công tắc từ
	Đầu nối mạch điện sai	Kiểm tra mạch điện
	Nối sai mạch điều khiển	Đầu lại dây cho đúng
	Nổ cầu chì	Kiểm tra và thay đúng loại cầu chì
	Công tắc từ sai	Thay đúng loại công tắc từ
	Mức nước không ở mức phao chỉ định	Nâng cao mức nước
	Phao không ở mức nước phù hợp	Di chuyển phao tới mức nước khởi động thích hợp
	Phao không hoạt động	Sửa chữa hoặc thay thế
	Áp tô mát ngăn mạch hoạt động	Sửa đổi vị trí ngăn mạch
	Có vật lạ làm tắc bơm	Làm sạch rác bẩn, vật lạ
	Cháy động cơ	Sửa chữa hoặc thay thế
	Ổ trục động cơ hỏng	Sửa chữa hoặc thay thế

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp giải quyết
Vận hành nhưng máy bơm dừng sau một thời gian chạy	Việc vận hành khô kéo dài làm cho thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng máy bơm	Nâng cao mực nước dừng bơm
	Nhiệt độ nước cao làm thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng máy bơm	Làm giảm nhiệt độ nước
Máy bơm không chạy, Lưu lượng nước không đạt	Đảo ngược chiều quay	Chỉnh đúng chiều quay (xem mục 2, (3) phần Vận hành
	Sụt điện áp đáng kể	Liên hệ với đơn vị quản lý điện lực để giải quyết
	Vận hành máy bơm 60Hz ở tần số 50Hz	Kiểm tra nhãn mác bơm
	Cột áp xả cao	Tính toán lại và điều chỉnh
	Tổn thất trên đường ống lớn	Tính toán lại và điều chỉnh
	Mực nước vận hành thấp gây nên tình trạng hút khí vào	Nâng cao mực nước hoặc hạ cút máy bơm
	Rò rỉ đường ống xả	Kiểm tra, sửa chữa
	Tắc đường ống xả	Loại bỏ rác ra
	Có rác trong ống hút	Loại rác ra
	Có rác làm tắc máy bơm	Tháo bơm và lấy rác ra
	Mòn cánh bơm	Thay cánh bơm
Quá dòng	Dòng điện và điện áp mất cân bằng	Liên hệ với công ty điện lực và đề ra giải pháp
	Sụt điện áp đáng kể	Liên hệ với công ty điện lực và đề ra giải pháp
	Đầu sai pha của động cơ	Kiểm tra điểm đầu và công tắc từ
	Vận hành bơm 50Hz ở tần số 60Hz	Kiểm tra nhãn mác máy bơm
	Ngược chiều quay	Chỉnh đúng chiều quay (xem mục 2(3) phần Vận hành)
	Cột áp thấp. Vượt quá lưu lượng nước	Thay bơm có cột áp thấp hơn

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp giải quyết
	Có rác làm tắc bơm	Tháo bơm và lấy rác ra
	Ô trục động cơ bị mòn hoặc bị hỏng	Thay ô trục
Bơm bị rung, vượt quá độ ồn cho phép	Ngược chiều quay	Chỉnh lại chiều quay
	Bơm bị tắc	Tháo bơm và lấy rác ra
	Đường ống có tiếng dội	Cải tạo đường ống
	Van chặn bị đóng quá chặt	Mở van chặn

c. Sự cố với máy khuấy chìm

Bảng 3. 15 Sự cố đối với máy khuấy chìm và biện pháp khắc phục

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
1. Máy khuấy chìm không khởi động hoặc bị ngừng bất chợt	1. Không có nguồn điện cấp vào	1. Nối lại dây điện nguồn
	2. Bị lỗi chức năng chạy tự động	2. Kiểm tra và sửa lại
	3. Do có ngoại vật gây kẹt cánh quay của máy	3. Kéo máy khuấy lên và gỡ bỏ vật gây kẹt
	4. Cấp điện bị đứt, chập	4. Thay thế hoặc nối lại cáp điện
2. Máy khuấy chạy nhưng sau đó dừng lại sau một khoảng thời gian	1. Máy khuấy đã hoạt động một khoảng thời gian dài trong không khí	Cho máy khuấy vào chỗ nước sâu hơn hoặc thêm nước vào mới chạy.
3. Tiếng ồn và rung động bất thường	1. Chân đỡ bị lỏng hoặc mất thăng bằng.	1. Vặn chặt lại chân đỡ. Đổ thêm dầu
	2. Vòng bi bị mòn	2. Thay thế vòng bi mới đúng chủng loại
	3. Có ngoại vật bám vào cánh quạt gây kẹt trục quay	3. Gỡ bỏ ngoại vật
4. Hiệu suất khuấy bị giảm	1. Motor quay ngược chiều	1. Đảo lại chiều quay cho đúng
	2. Cánh quay bị mòn	2. Thay lại cánh mới
	3. Đầu nhầm loại máy tần số 60 Hz thành 50 Hz	3. Kiểm tra lại kiểu máy khuấy và thay thế loại phù hợp

d. Sự cố với máy bơm định lượng

Bảng 3. 16 Sự cố đối với máy bơm định lượng và biện pháp khắc phục

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
<i>Sự cố thường xảy ra khi khởi động bơm</i>		
1. Bơm không bơm dung dịch	Không khí đi vào đường ống hút qua các đầu nối	Kiểm tra lại đường ống
	Không khí bị giữ lại trong bơm	Tăng giá trị lưu lượng của bơm lên giá trị lớn nhất, nếu không thì nói lỏng đầu đẩy của bơm đến khi có dung dịch chảy ra.
	Chiều sâu hút quá lớn	Giảm chiều sâu hút
	Áp suất bay hơi của dung dịch quá cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
	Độ nhớt của dung dịch quá cao	Lắp đặt đường ống hút có đường kính lớn hơn. Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm.
	Đường ống hút bị tắc hoặc van đóng	Kiểm tra lại
	Bộ lọc ở đầu hút bị tắc	Vệ sinh
	Van bơm bị tắc do các chất bẩn đi vào từ đầu hút	Tháo van và vệ sinh lại một cách cẩn thận
2. Lưu lượng bất thường hoặc cao hơn so với yêu cầu	Áp lực thủy tĩnh đầu hút cao hơn áp lực đầu đẩy	Tăng áp lực đầu đẩy bằng cách lắp van tạo áp lực ngược.
	Van tạo áp lực ngược bị tắc ở vị trí mở hoặc áp lực đặt quá thấp so với áp lực đầu hút	Kiểm tra lại
	Van của bơm bị kẹt ở vị trí mở	Kiểm tra lại
<i>Sự cố thường xảy ra khi vận hành:</i>		
1. Lưu lượng thấp hơn theo yêu cầu	Không khí đi vào ống hút qua khớp nối	Kiểm tra lại

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
	Không khí bị giữ lại trong bơm	Cho bơm chạy với lưu lượng tối đa trong thời gian ngắn
	Chiều sâu hút quá lớn	Giảm chiều sâu hút
	Áp suất bay hơi của dung dịch quá cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
	Nhiệt độ bơm cao	Tăng áp suất thủy tĩnh ở đầu hút của bơm
	Độ nhớt dung dịch cao	Lắp đặt đường ống hút có đường kính lớn. Tăng áp suất thủy tĩnh đầu hút
	Thùng chứa kín khí hoặc không có lỗ thông hơi	Làm lỗ thông khí ở trên đỉnh của thùng chứa
	Đường ống hút bị tắc hoặc van đóng	Kiểm tra lại
	Bộ lọc đầu hút bị tắc	Vệ sinh
	Van của bơm kẹt vì chất bẩn	Tháo van và vệ sinh cẩn thận
	Van an toàn cài đặt áp suất quá thấp	Kiểm tra lại
2. Lưu lượng không đúng hoặc cao hơn yêu cầu	Áp suất đầu hút cao hơn áp suất đầu đẩy	Tăng áp suất đầu đẩy tối thiểu đến khoảng 0,3-0,5 kg/cm ² (3-5m)
	Van tạo áp lực ngược bị kẹt tại vị trí mở bị bẩn hoặc áp lực cài đặt quá thấp.	Kiểm tra lại
	Van của bơm bị kẹt ở vị trí mở	Kiểm tra lại
3. Thân bơm và động cơ quá nóng	Lắp điện sai	Kiểm tra lại
	Bơm làm việc ở áp lực cao hơn áp lực cho phép	Kiểm tra áp lực lớn nhất tại đầu đẩy bằng đồng hồ đo áp lực
	Áp suất cao hơn qui định	(Xem áp suất lớn nhất ghi trên thân bơm) giảm áp suất đầu đẩy hoặc lắp thiết bị

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
		tiêu xung ở đầu ống đẩy
	Mặt bích bơm bị nén quá chặt	Nới lỏng ống nối với đầu bơm và kiểm tra
	Đường ống đẩy bị tắc hoặc van bị đóng	Kiểm tra lại
	Van tạo áp lực ngược cài đặt áp suất cao hơn yêu cầu cho phép	Kiểm tra lại

e. Sự cố của máy thổi khí

Bảng 3. 17 Sự cố đối với máy thổi khí và biện pháp khắc phục

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy thổi khí không quay	(1) Do các thiết bị bên trong hoặc roto bị hoen gỉ	(1) Vệ sinh roto hoặc các bộ phận
	(2) Dây cu roa yếu hoặc rạn nứt	(2) Chính lại độ căng của
	(3) Lỗi động cơ	(3) Kiểm tra động cơ hoặc nguồn cung cấp
Thiếu lưu lượng khí	(1) Do đường ống bị rò	(1) Làm kín các mối nối
	(2) Van an toàn bị rò	(2) Điều chỉnh van an toàn
	(3) Dây cu roa trùng	(3) Cố định dây cu loa
	(4) Lỏng khe hở	(4) Điều chỉnh lại khe hở hợp lý
Máy phát tiếng kêu, rung bất thường	(1) Dây cu roa trùng	(1) Căng dây cu roa
	(2) Thiếu dầu bôi trơn	(2) Đổ thêm dầu
	(3) Vật liệu lạ bám vào thiết bị	(3) Vệ sinh thiết bị
	(4) Nổ	(4) Chính lại roto
	(5) Mòn bánh răng	(5) Thay thế bánh răng
	(6) Mòn ổ trục	(6) Thay thế ổ trục
	(7) Van an toàn tác động	(7) Chính lại van an toàn
Rò rỉ dầu	(1) Quá nhiều dầu trong khoang chứa	(1) Giảm mức dầu xuống
	(2) Thùng dầu, gioăng bị hỏng	(2) Thay thế bộ phận hỏng

Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
	(3) Lỗ xả hoặc thiết bị đo dầu không được kín	(3) Xiết lại
Sự cố quá dòng	(1) Dòng điện tăng cao	(1) Kiểm tra dây quấn động cơ xem có bị chập hay không
	(2) Attomat bảo vệ tác động	(2) Kiểm tra ổ trục động cơ xem có bị bó hay không

f. Sự cố quá trình xử lý

*** Sự trương nở bùn**

Sự trương nở bùn là thuật ngữ để chỉ một trạng thái mà ở đó bùn hoạt tính có xu hướng lắng với tốc độ rất chậm và tạo bông nhỏ. Chất lỏng được tách ra từ chất rắn thường rất trong nhưng nói chung không đủ thời gian để lắng hoàn toàn chất rắn trong bể lắng thứ cấp. Đệm bùn trong bể lắng trở nên dày hơn và nổi tràn qua máng và trôi theo dòng ra.

Sự trương nở bùn thường kèm theo quá trình bùn khó lắng như nhũ tương, bùn loãng. Vi sinh vật dạng sợi (*filamentous*) có thể sinh trưởng từ một khối bông này đến khối bông khác và hoạt động như những thanh nổi ngăn chặn sự tạo khối của những hạt bùn và tạo ra khả năng lắng kém.

pH, DO và nồng độ chất dinh dưỡng thấp sẽ tạo nên sự trương nở bùn. Tỷ số F/ M cao (tuổi bùn thấp) là nguyên nhân chính gây nên sự tái trương nở bùn. Vi sinh vật sinh trưởng nhanh có xu hướng lan ra nhanh chóng và sẽ không kết khối hoặc tạo khối bông cho đến khi tốc độ sinh trưởng giảm. Điều này thì khó để giữ lại đủ bùn có tỷ trọng thấp (bùn nhẹ) để làm giảm tỷ số F/M (hoặc tăng tuổi bùn). Để khắc phục vấn đề này bằng giảm lưu lượng nước thải vào bể trong một vài ngày.

Khi sự trương nở xảy ra cần phải xem xét tỷ số F/M. Các ghi chép về hệ thống nên được kiểm tra lại cố gắng xác định xem nguyên gây ra sự cố. Việc xác định nguyên nhân sẽ không cứu vãn được tình trạng trương nở hiện thời, nhưng nó sẽ là một bài học hữu ích và là thước đo để tránh gặp phải tình trạng tương tự tái diễn.

Để ngăn chặn sự trương nở bùn xảy ra, nên điều khiển một cách cẩn thận theo những mục sau:

- Tỷ số F/M thích hợp

Xem xét những ghi chép hoạt động của hệ thống một cách cẩn thận và duy trì F/M mà sẽ tạo ra dòng ra có chất lượng tốt nhất. Xem xét tải lượng chất rắn dòng vào, duy trì nồng độ MLSS thích hợp trong bể AO và điều chỉnh tốc độ bùn thải hết sức cẩn thận. Nói chung, sự trương nở có thể cứu vãn được bằng cách giảm F/M

- DO thấp

Không được để nồng độ DO giảm xuống quá thấp. Nên duy trì DO không dưới 2mg/l. Hàng ngày đo DO bằng máy đo để điều chỉnh lượng khí thích hợp bằng cách tăng / giảm van khí. Thường thì không phải điều chỉnh lượng khí để duy trì DO thích hợp trừ khi lưu lượng dòng vào và đặc tính nước thải thay đổi. Vì trong các ngăn bể của khối bể AO có đặt các đầu đo DO, nhờ các đầu đo này mà hệ thống máy thổi khí tự động điều chỉnh công suất theo biến tần để đáp ứng nhu cầu oxy cần duy trì trong bể, trừ trường hợp các đầu đo này mắc lỗi nên cần phải đo trực tiếp bằng tay để so sánh.

- Chu kỳ thông khí ngắn

Sự trương nở bùn là do quá trình thông khí quá ngắn thường là do người vận hành tuần hoàn lưu lượng bùn hồi lưu quá cao. Để khắc phục sự cố này, giảm tốc độ bùn hồi lưu và làm đặc chất rắn trong bùn hồi lưu bằng đông tụ (nếu cần thiết). Trong phương pháp này vẫn tuần hoàn số lượng vi sinh vật tương tự để tiếp nhận thức ăn mới (chất thải) đưa vào bể thông khí, nhưng giảm đáng kể tổng lưu lượng qua bể thông khí và bể lắng.

- Sự sinh trưởng của sinh vật dạng sợi *Flamentous*

Sự sinh trưởng của *Flamentous* có thể là do điều chỉnh F/M không thích hợp hoặc mất cân bằng dinh dưỡng, ví dụ như thiếu hoặc thừa nitơ, photpho hay cacbon. Nếu phát hiện sự sinh trưởng của *Flamentous* cần phải được khắc phục ngay, nếu không sẽ rất khó điều chỉnh sau này. Việc kiểm soát có thể thực hiện bằng cách tăng MLSS (Vi sinh vật nhiều hơn sẽ giảm F/M hay tăng tuổi bùn), bằng cách duy trì mức các mức oxy hòa tan DO cao hơn và bổ sung chất dinh dưỡng bị thiếu hụt trong trường hợp đặc biệt.

* Bùn thối

Bùn sẽ bị thối (quá trình yếm khí xảy ra) khi bất cứ loại bùn nào lưu lại quá lâu ở trong một nơi như các phễu hoặc các rãnh. Nó cũng có khả năng gây ra mùi hôi thối, phát triển chậm chạp và đôi khi đóng thành khối. Thậm chí một lượng nhỏ có thể gây nên sự xáo trộn trong bể thông khí.

Bùn thối có thể xảy ra khi hệ thống ngừng hoạt động trong một thời gian, hoặc để lưu quá lâu bùn trong bể lắng và làm đặc bùn.

Để khắc phục bùn thối một cách hiệu quả, các bể thông khí phải khuấy sục hoàn toàn và bùn được bơm thường xuyên.

* Chất độc

Chất độc sẽ làm giảm khả năng hoạt động của vi sinh vật hoặc làm chết vi sinh vật, khi đó hệ thống bị đảo lộn và dòng ra có chất lượng kém. Người vận hành phải hạn chế các chất khử trùng (là những chất độc) đi vào hệ thống. Tuy nhiên, khi vấn đề này xảy ra, bùn thải được dừng ngay lập tức và toàn bộ bùn được hồi lưu quay lại bể Aeroten.

Những vật chất độc như kim loại nặng, axit, thuốc trừ sâu sẽ không bao giờ được đổ vào hệ thống rãnh mà không có sự điều khiển thích hợp.

*** Sự nổi bùn**

Sự nổi bùn không được nhầm lẫn với sự trương nở bùn (bulking). Sự nổi bùn là hiện tượng bùn lắng và đóng khối khá nhiều dưới đáy bể lắng, nhưng sau khi lắng nó nổi lên trên mặt bể lắng thứ cấp thành từng mảng hoặc những hạt nhỏ cỡ hạt đậu. Việc bùn nổi thường gây ra váng và bọt (màu nâu) trên mặt bể thông khí và bể lắng thứ cấp.

Sự nổi bùn thường là do quá trình DENITRAT hóa (Sự khử Nitơ dạng Nitrat thành khí Nitơ trong quá trình thiếu khí sinh học. Sự chuyển hóa một số Nitơ từ hệ thống, quá trình thiếu khí xảy ra khi các ion Nitrit và Nitrat bị khử thành khí Nitơ và bóng khí Nitơ được tạo ra từ quá trình thiếu khí này. Bóng khí thâm nhập vào bông sinh học trong quá trình bùn hoạt tính và nổi bông lên bề mặt bể lắng thứ cấp. Tình trạng này thường gây ra việc nổi bùn đã quan sát trong bể lắng thứ) hoặc SEPTICITY (là ở tình mà trong đó thành phần chất hữu cơ phân hủy sản phẩm thành mùi hôi thối kết hợp với sự có mặt của oxy. Nếu nặng, nước thải còn sinh ra H_2S , màu đen trở lại, tỏa mùi hôi, chứa ít hoặc không có oxy hòa tan và tạo ra nhu cầu oxy cao.) và do bởi thời gian lưu bùn quá lâu trong bể lắng thứ cấp.

Khắc phục: bằng cách tăng tỷ số F/M.

*** Sự tạo bọt**

Ở đây có nhiều giả thuyết dẫn tới nguyên nhân này, ví dụ như sự có mặt của chất hoạt động bề mặt (chất tẩy rửa) trong nước thải hoặc cấp khí quá nhiều. Sự tạo bọt thường là do sự duy trì không hợp lý nồng độ MLSS và DO trong bể AO.

Khắc phục sự tạo váng nổi:

- Duy trì nồng độ MLSS trong bể AO cao hơn bằng cách tăng thời gian hoặc/và lưu lượng bùn hồi lưu,
- Giảm cung cấp khí trong suốt thời gian lưu lượng thấp trong khi vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l.

Bảng 3. 18 Sự cố tạo bọt và biện pháp khắc phục

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
1. Giai đoạn phản ứng		
a. Giảm hiệu quả nitrat hoá	a1. Tuổi bùn giảm đáng kể xuống dưới 3-4 ngày a2. Một lượng lớn thành phần độc tố có trong dòng vào. (Đôi khi có thể quan sát thấy do sự thay đổi màu của dòng thải thô,	a1. Kiểm tra hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng của trạm nhằm đảm bảo rằng không có hiện tượng xả thải nào xảy ra. a2. Lấy mẫu dòng thải vào và phân tích các thành phần độc tố,

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
	chưa qua xử lý) a3. Lượng ôxi trong bể sục khí thấp, làm cho quá trình nitrat hoá không thực hiện được.	chẳng hạn như Crôm. a3. Kiểm tra xem nếu ôxi hoà tan trong bể sục khí nhỏ hơn 2mg Ôxi/l thì phải tăng thời gian sục khí. - Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể Oxic.
b. Giảm hiệu quả khử nitrat hoá.	b1. Nồng độ ôxi hoà tan trong dòng hồi lưu tới vùng thiếu khí là quá cao b2. Nồng độ Nitrat trong dòng hồi lưu tới vùng kỵ khí là quá cao hoặc tăng lên. Nguyên nhân có thể do quá trình tăng lên của Tổng Nito Kendal trong dòng vào. b3. Đảo trộn dòng trong bể kém	b1. Giảm sục khí sao cho nồng độ ôxi hoà tan trong dòng hồi lưu nhỏ hơn 0.2 mg/l. b2. Kiểm tra lại nồng độ Nitrat trong dòng hồi lưu từ bể hiếu khí và điều chỉnh dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể thiếu khí. b3. Tăng cường đảo trộn bằng cách tăng thêm máy khuấy chìm hoạt động
c. Bùn có màu nâu sẫm hoặc màu đen	c1. Thời gian lưu chất rắn trong bể phản ứng là quá dài c2. Mức ôxi hoà tan thấp	c1. Kiểm tra hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng, và tăng xả thải bùn. c2. Kiểm tra nồng độ ôxi hoà tan và nếu thấy thấp thì cần tăng cường sục khí. Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể
d. Tích tụ váng bọt màu nâu trên bề mặt bể phản ứng	d1. Bọt váng có chứa vi sinh vật dạng sợi phát triển trong quá trình xử lý d2. Mức ôxi hoà tan trong bể sục khí thấp do tải lượng COD lớn có trong dòng tuần hoàn từ bể phản ứng, bể nén bùn ... d3. Tuổi bùn quá ngắn dẫn tới nồng độ hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng thấp.	d1. Thay đổi các hình thức sục khí sao cho có thể liên tục tách bọt ra khỏi bể sục khí. - Xịt phá vỡ bọt bằng đầu phun nước. - Giảm nồng độ hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng bằng cách tăng xả thải trong một thời gian cho đến khi tình hình được cải thiện. d2. Tăng mức ôxi hoà tan. d3. Tăng tuổi bùn

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
e. Váng hoặc bọt trắng trên bề mặt bể hiếu khí (Oxic)	e1. MLSS quá thấp e2. Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học	e1. Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M. e2. Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt
f. Có rất nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể hiếu khí (Oxic) bọt bị kết thành khối.	f1. Một số đĩa phân phối khí bị tắc	f1. Điều chỉnh van tay mở to cho thông đĩa phân phối khí sau đó điều chỉnh lại
2 Giai đoạn lắng		
a. Chỉ số thể tích bùn hoà tan cao dẫn đến tình trạng các chất rắn được đưa vào bể lắng tăng	a1. Tuổi bùn có thể quá dài hoặc quá ngắn. a2. Nồng độ ôxi hoà tan trong bể sục khí thấp. a3. Phần thiếu khí là quá lớn. a4. Nếu nồng độ Nitrit từ bể phản ứng thiếu khí vượt quá 1-3 mg Nitơ/l khí vào vùng hiếu khí sẽ tạo bùn khối. a5. Bể lắng bị quá tải thủy lực.	a1. Thay đổi tuổi bùn sẽ thay đổi được hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng. a2. Tăng cường sục khí a3. Thay đổi dòng đầu vào sao cho nước thải đã qua bể lắng có thể đưa đến vùng thiếu khí. a4. Giảm qui mô của vùng thiếu khí. a5. Giảm tỷ lệ tuần hoàn hiếu khí.
b. Nồng độ chất rắn ở dòng xả ra cao	b1. Tỷ lệ tuần hoàn chu trình lắng là quá thấp. b2. Xuất hiện các dòng nhỏ do dòng chảy bị chia cắt. b3. Tải lượng chất rắn trong bể lắng quá cao. b4. Nồng độ hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng quá cao. b5. Bông keo bị phá vỡ	b1. Bổ sung Clo vào bùn hoạt tính b2. Kiểm tra dòng chảy đến bể lắng và giảm dòng nếu có thể. b3. Tăng tỷ lệ tuần hoàn. b4. Giảm hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng trong bể sục khí. b5. Giảm sục khí.
c. Bùn nổi lên bề mặt bể lắng	c1. Tuổi bùn quá non	c1. Tăng tuổi bùn (Giảm F/M đến 0,09) c2. Giảm cường độ khuấy trộn và

Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp xử lý
	c2. Xuất hiện hiện tượng khử nitơ trong bể lắng do thời gian lưu bị kéo dài	chảy rôi trong các kênh dẫn truyền. - Tăng tỷ lệ tuần hoàn. - Tăng tốc độ tay cào bùn.
d. Bùn chuyển sang màu đen, có khí bay lên và mùi khó chịu	d1. Bùn phân huỷ trong bể lắng.	d1. Giảm nồng độ nitrat đưa vào bằng cách khử nitơ bổ sung trong bể thiếu khí
e. Bùn tuần hoàn quá đặc gây tắc ống	e1. Bùn tích tụ trong bể lắng quá nhiều	e1. Ngăn chặn quá trình khử nitơ bằng cách giảm tuổi bùn hoặc tỷ lệ sục khí
f. Bùn lấy ra rất loãng	f1. Tấm gạt của tay cào bùn bị mòn hoặc hư hỏng nên bùn không được thu về phễu. f2. Bùn được đưa ra khỏi bể lắng quá nhanh	f1. Vệ sinh bể lắng và kiểm tra xem tay cào bùn có bị vướng gì không. f2. Tăng tỷ lệ tuần hoàn. - Tăng cường sục khí trong bể phản ứng. - Giảm hỗn hợp lỏng và rắn lơ lửng.
g. Váng bọt tích tụ trên mặt bể	g1. Tấm gạt tay hút văng bọt bị mòn. g2. Phễu thu văng bọt bị tắc g3. Tần suất xả thải không phù hợp. g4. Hộp thu văng bọt đặt không cân	g1. Thay thế tấm gạt cao su. g2. Dùng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc ống thoát ra. g3. Tăng tần suất xả thải. g4. Cân chỉnh lại hộp thu văng.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở theo Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Bảng 3. 19 Các nội dung thay đổi so với quyết định ĐTM

TT	Tên công trình BVMT	Nội dung trong QĐ phê duyệt ĐTM	Phương án đã thực hiện
1	Công suất trạm XLNT	Công suất $Q = 400 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$	Công suất $185 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$
2	Hệ thống lọc nước bể bơi	Không có	01 Hệ thống tuần hoàn nước bể bơi

* Lý giải

Nội dung thay đổi, điều chỉnh là hoàn toàn phù hợp và không gây tác động xấu tới môi trường

• Về mặt công suất

+ Công suất đã được đơn vị tư vấn thi công thiết kế tư vấn lắp đặt hệ thống trạm XLNT có công suất $185 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ thấp hơn so với công suất $400 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ theo như “Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án” đã được phê duyệt trước đó do căn cứ theo thực tế cơ sở không có khu thương mại dịch vụ, văn phòng, thay vào đó là khu bể bơi và tại cơ sở không có hoạt động rửa sàn tầng hầm cũng như số lượng người quy hoạch trong tòa nhà (815 người) thấp hơn Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được duyệt (1.545 người) do đó theo tính toán lại lưu lượng xả thải, cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất $185 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt nhất (tránh tình trạng hoạt động non tải).

+ Theo tính toán nhu cầu thoát nước thải của cơ sở tại chương 1 của báo cáo thì công suất $185 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở.

+ Theo thực tế hiện nay cơ sở đã lắp đầy trên 90% nhưng lượng nước thải bình quân phát sinh chỉ khoảng $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Vì vậy khi dự án đi vào hoạt động 100% thì trạm XLNT công suất $185 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ hoàn toàn đảm bảo xử lý được lượng nước thải phát sinh tại cơ sở.

• Về hệ thống lọc nước bể bơi

+ Ở thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, chức năng sử dụng của dự án là: Phòng sinh hoạt cộng đồng, nhà trẻ, dịch vụ thương mại (siêu thị, ngân hàng,...), nhà ở cao tầng và thấp tầng.

+ Đến tháng 05/2017, chủ đầu tư được Sở Quy hoạch – Kiến trúc thành phố Hà Nội chấp thuận bản vẽ điều chỉnh tổng mặt bằng và phương án kiến trúc tại văn bản số 3172/QHKT-TMB-PAKT (KHTH) ngày 26/5/2017 với chức năng sử dụng: Dịch vụ công cộng, nhà trẻ, sinh hoạt cộng đồng, nhà ở cao tầng và thấp tầng.

Như vậy so với thiết kế cũ là khu dịch vụ thương mại (siêu thị, ngân hàng,...) thì ở bán điều chỉnh tổng mặt bằng chủ đầu tư đề xuất bỏ phần dịch vụ và thêm 02 bể bơi. Vì vậy chủ đầu tư đã đầu tư xây dựng hệ thống lọc nước bể bơi để đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng và môi trường cảnh quan của bể bơi.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống tại khu nhà cao tầng;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống tại khu nhà thấp tầng;
- Nguồn số 03: Nước rửa lọc của hệ thống lọc nước bể bơi
- Nguồn số 04: Nước xả kiệt bể bơi.

4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Số dòng nước thải đề nghị cấp phép là 02 dòng
 - + Dòng nước thải 01: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hệ thống XLNT tập trung công suất 185 m³/ngày.đêm.
 - + Dòng nước thải 02: Nước xả kiệt bể bơi
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên ngõ 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Vị trí xả nước thải: Hồ ga thoát nước thuộc khu nhà ở 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', vĩ tuyến 3°):

$$X = 2322289$$

$$Y = 588270$$

4.1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của cơ sở là 550 m³/ngày.đêm, trong đó:

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt sau hệ thống XLNT tập trung lớn nhất: 185 m³/ngày.đêm
- Lưu lượng xả kiệt bể bơi lớn nhất: 365 m³/ngày.đêm (định kỳ xả kiệt 01 lần/năm)

4.1.4. Phương thức xả thải

Phương thức xả thải: Tự chảy

4.1.5. Chế độ xả nước thải

- Nguồn thải 01: Liên tục 24 giờ/ngày
- Nguồn thải 02: Gián đoạn (khi có xả kiệt)

4.1.6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Nguồn thải số 01: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14/2025/BTNMT (Bảng 2, cột B). Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4. 1 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt

STT	Nước thải sinh hoạt	
	Thông số	QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B)
1	Lưu lượng	-
2	pH	5-9
3	BOD ₅	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	1000
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	100
6	Amoni (tính theo N)	10
7	Sulfua (tính theo H ₂ S)	4
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	50
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	10
10	Dầu mỡ động, thực vật	20
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	10
12	Tổng Coliforms	5.000

- Nguồn thải số 02: Nước xả kiệt bể bơi được xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội – cột B trước khi xả thải ra môi trường. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4. 2 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước xả kiệt bể bơi

STT	Nước xả kiệt bể bơi	
	Thông số	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B, C _{max} = C)
1	pH	5,5-9
2	Màu	150
3	TSS	100

STT	Nước xả kiệt bể bơi	
4	Clo dư	2
5	Tổng Coliform	5.000

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Khí thải từ máy phát điện dự phòng

Nguồn phát sinh khí thải từ hệ thống XLNT không diễn ra thường xuyên, chỉ sử dụng khi xảy ra sự cố mất điện, do đó lượng khí thải phát sinh là không đáng kể và chỉ có tính chất cục bộ trong thời gian ngắn. Do đó, tại báo cáo không đề nghị cấp phép đối với nguồn phát sinh khí thải từ máy phát điện

4.2.2. Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

Quá trình hoạt động chỉ phát sinh mùi từ hệ thống xử lý nước thải. Tuy nhiên lưu lượng phát sinh nhỏ và được xử lý qua hệ thống xử lý mùi, vì vậy Chủ dự án không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Khối công trình được thiết kế đồng bộ với hệ thống kỹ thuật đi kèm, hoạt động của các thiết bị máy móc được lựa chọn với mức ồn phát sinh nhỏ, khi vận hành xảy ra tức thời và cục bộ trong các phòng kỹ thuật riêng biệt, áp dụng các biện pháp quản lý kỹ thuật khi vận hành theo đúng thiết kế nên khả năng phát sinh tiếng ồn ra môi trường khu vực xung quanh là không có.

→ Dự án không phát sinh tiếng ồn lớn nên không xin cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Cơ sở đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 16/6/2015.

Ngày 04/01/2017 cơ sở được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 04/GP-UBND. Đến năm 2020 khi giấy phép xả thải hết hạn, cơ sở đã đề xuất và được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 35/QĐ-UBND ngày 21/01/2020.

Hiện tại hàng ngày tại cơ sở đã thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải, thu gom và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý hàng ngày; thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển bùn thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ và HTXLNT, CTNH đi xử lý.

Cơ sở có thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường tới cơ quan chức năng hàng năm từ năm 2022.

Đến năm 2023, giấy phép xả thải vào nguồn nước số 35/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của cơ sở hết hạn. Theo quy định chuyển tiếp của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Chủ cơ sở không còn phải thực hiện xin giấy phép xả thải mà phải thực hiện thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường. Tuy nhiên do không nắm rõ quy định của Nghị định mới nên Chủ cơ sở vẫn chưa thực hiện thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường ngay. Hiện nay cơ sở đang phối hợp với đơn vị tư vấn để thực hiện các công việc liên quan đến công tác chấp hành luật bảo vệ môi trường.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

5.2.1. Diễn biến lưu lượng xả nước thải

Trong quá trình vận hành xả nước thải, chủ cơ sở đã ghi chép nhật ký vận hành và giám sát lưu lượng nước thải đầu ra theo đúng quy định. Từ nhật ký vận hành, lưu lượng xả nước thải sinh hoạt trung bình các tháng từ tháng 06/2024 đến tháng 05/2024, cụ thể như sau:

Bảng 5. 1 Lưu lượng xả nước thải trung bình từ tháng 06/2024 đến tháng 05/2025

Năm	Tháng	Tổng lưu lượng xả nước thải (m^3 /tháng)	Lưu lượng xả nước thải trung bình ngày (m^3 /ngày)
Năm 2024	06	2.458	81,9
	07	3.006	96,9

Năm	Tháng	Tổng lưu lượng xả nước thải (m^3 /tháng)	Lưu lượng xả nước thải trung bình ngày (m^3 /ngày)
	08	2.780	89,7
	09	2.868	95,6
	10	2.612	84,3
	11	2.622	87,4
	12	2.538	81,9
Năm 20	1	2.426	78,3
Năm 2025	2	2.135	73,6
	3	2.574	83,0
	4	2.494	83,1
	5	2.791	90,0

Dựa vào bảng thống kê trên cho thấy lưu lượng nước thải trung bình lớn nhất là 96,9 m^3 /ng.đ vào tháng 07/2024.

5.2.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

a. Đối với nước thải sau hệ thống XLNT tập trung

* Kết quả quan trắc năm 2022

- Trong thời gian hoạt động, Công ty đã thực hiện quan trắc giám sát chất lượng nước thải định kỳ 03 tháng/lần đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 185 m^3 /ngày.đêm.

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải định kỳ cụ thể như sau:

Bảng 5. 2 Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2022

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)
			Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	
1	pH	-	6,4	6,3	7,5	6,1	5-9
2	BOD5	mg/L	28,3	26,3	4,02	28,1	50
3	TSS	mg/L	18	11	18	34	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	407	511	113	338	1.000
5	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	9,31	9,05	0,12	8,85	10
6	Sunfua	mg/L	<0,2	<0,2	<0,2	1,12	4
7	Nitrat	mg/L	1,26	2,24	11,25	0,32	50
8	Phosphate	mg/L	0,09	0,16	0,12	0,12	10
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,29	0,25	0,24	2,65	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	1.500	4.600	4	4.700	5.000

Nguồn: Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường năm 2022

Ghi chú:

Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ môi trường Thăng Long đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số VIMCERT 251.

Đối với phiếu trả kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc Công ty đã lưu tại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

+ Đánh giá các số liệu và kết quả quan trắc: Các thông số được quan trắc trong mẫu nước thải sinh hoạt của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ Thống kê các điểm quan trắc vượt quy chuẩn: Không có

* Kết quả quan trắc tháng 06/2025

- Vị trí quan trắc: Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải định kỳ cụ thể như sau:

Chất lượng nước thải tại cơ sở được đưa ra dưới bảng sau:

Bảng 5. 3 Kết quả phân tích chất lượng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích		QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)
			NT1	NT2	
1.	pH ^(b)	-	7,05	6,86	5-9
2.	BOD ₅ ^(b)	°C	100	47,8	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	55,2	37,8	100
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	581	384	1.000
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	2,42	1,40	4,0
6.	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	72,1	9,75	10
7.	Nitrat (tính theo N) ^(b)	mg/L	0,152	0,522	50
8.	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	<1,2	<1,2	20
9.	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	0,044	<0,025	10
10.	Phosphat (tính theo P) ^(b)	mg/L	9,81	6,19	10
11.	Tổng Coliform ^(b)	mg/L	6.300	4.200	5.000

Ghi chú:

Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty Cổ phần tư vấn địa Kỹ thuật và Môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số VIMCERT 331.

Đối với phiếu trả kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc Công ty đã lưu tại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

+ Đánh giá các số liệu và kết quả quan trắc: Các thông số được quan trắc trong mẫu nước thải sinh hoạt của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ Thống kê các điểm quan trắc vượt quy chuẩn: Không có

* Kết quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải từ khi đi vào vận hành lưu lượng ổn định bình quân từ 80-90 m³/ngày.

- Qua kết quả quan trắc nước thải các năm cho thấy nước thải sau khi qua xử lý đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT.

- Một số lỗi hệ thống trong quá trình vận hành.

+ Máy thổi khí: Hoạt động có tiếng ồn khác thường

Nguyên nhân: Do dây Curoa lão hoá, nứt vỡ do hoạt động lâu ngày và liên tục, hoặc có thể do máy hết dầu, rò rỉ dầu

Khắc phục: Thay thế dây Curoa mới, kiểm tra lượng dầu trong máy, các vị trí roăng cao su đảm bảo kín và bổ sung dầu máy (nếu cần)

+ Bơm chìm, máy khuấy: Bơm không hoạt động, nháy role thiết bị bảo vệ, mất pha.

Nguyên nhân: Nguồn điện cung cấp không phù hợp; Do cách điện động cơ. Động cơ mất pha do hở phốt hoặc mối nối dây nguồn; cánh bơm bị kẹt; phao điều khiển gọi bơm bị hỏng ...

Khắc phục: Kiểm tra nguồn điện cấp cho động cơ; Nếu động cơ bị mất pha sửa chữa hoặc thay thế; Kiểm tra loại bỏ vật gây kẹt cánh bơm; Thay thế phao điện bị hỏng, ...

- Tổng hợp các thời điểm bảo hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị của hệ thống xử lý nước thải trong 02 năm gần đây được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Ngày thực hiện	Nội dung bảo hành, bảo trì, sửa chữa	Người thực hiện	Người kiểm tra
1	05/8/2024	Hỏng dây coroa, thay thế dây	Tùng	Trưởng

2	12/9/2024	Đổ dầu máy	Dững	Trưởng
3	02/10/2024	Thay thế dây coroa	Phú	Trưởng
4	13/3/2025	Thay 2 cặp dây coroa của máy nhỏ, 1 cặp dây của máy lớn	Dững	Trưởng
5	11/6/2025	Bổ sung dầu máy	Dững	Trưởng

b. Đối với nước xả kiệt bể bơi

- Trong thời gian hoạt động, Công ty đã thực hiện quan trắc giám sát chất lượng nước xả bể bơi khi tiến hành xả kiệt.

- Vị trí quan trắc: Nước thải tại miệng đường ống PVC D140 khi chảy vào hồ ga cuối và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải cụ thể như sau:

Bảng 5. 4 Kết quả phân tích chất lượng nước xả kiệt bể bơi

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)
			Quý III/2021	Quý II/2022	
1	pH	-	7,4	5,9	5,5-9
2	Độ màu	Pt/Co	96	52	150
3	TSS	mg/l	36	<4	100
4	Clo dư	mg/l	KPH	0,32	2
5	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.500	<3	5.000

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

*** Kết quả quan trắc năm 2022**

- Trong thời gian hoạt động, Công ty đã thực hiện quan trắc giám sát định kỳ 06 tháng/lần đối với chất lượng môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

- + KK1: Cổng chính ra vào cơ sở
- + KK2: Khu lưu chứa chất thải rắn
- + KK3: Khu vực thương mại, dịch vụ
- + KK4: Khu vực nhà điều hành trạm XLNT

- Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh cụ thể như sau:

Bảng 5. 5 Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh quý II/2022

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả quan trắc quý II/2022				QCVN 05:2023 /BTNMT (Trung bình 1 giờ)
			KK1	KK2	KK3	KK4	
1	Nhiệt độ	°C	33,7	33,7	33,6	33,7	-
2	Độ ẩm	%	67,1	66,9	68,7	67,6	-
3	Tiếng ồn	dBA	66,1	65,7	64,9	65,1	70 ⁽⁺⁾
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,128	0,072	0,047	0,068	0,3
5	CO	mg/m ³	<7,5	<7,5	<7,5	<7,5	30
6	NO2	mg/m ³	0,061	0,042	0,029	0,038	0,35
7	SO2	mg/m ³	0,048	0,051	0,043	0,058	0,2

Nguồn: Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường quý II/2022

Bảng 5. 6 Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh quý IV/2022

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả quan trắc quý IV/2022				QCVN 05:2013 /BTNMT (Trung bình 1 giờ)
			KK1	KK2	KK3	KK4	
1	Nhiệt độ	°C	28,4	28,3	28,3	28,5	-
2	Độ ẩm	%	67,2	66,2	67,3	67,1	-
3	Tiếng ồn	dBA	62,3	61,5	60,5	62,1	70 ⁽⁺⁾
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,121	0,068	0,043	0,067	0,3
5	CO	mg/m ³	<14	<14	<14	<14	30
6	NO2	mg/m ³	0,048	0,036	0,024	0,034	0,35
7	SO2	mg/m ³	0,068	0,054	0,048	0,059	0,2

Nguồn: Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường quý IV/2022

- Ghi chú:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ ⁽⁺⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- (-): Không quy định.

- *Nhận xét:* So sánh kết quả phân tích môi trường không khí khu vực cơ sở với QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT cho thấy các chỉ tiêu phân tích

môi trường không khí tại thời điểm lập Giấy phép môi trường đều nằm trong giới hạn các quy chuẩn cho phép

* Kết quả quan trắc tháng 06/2025

- Vị trí quan trắc:

+ KK1: Cổng chính ra vào cơ sở

+ KK2: Khu lưu chứa chất thải rắn

+ KK3: Khu vực thương mại, dịch vụ

+ KK4: Khu vực nhà điều hành trạm XLNT

- Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh cụ thể như sau:

Bảng 5. 7 Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh tháng 06/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả quan trắc quý II/2022				QCVN 05:2023 /BTNMT (Trung bình 1 giờ)
			KK1	KK2	KK3	KK4	
1	Nhiệt độ	°C	34,5	33,0	33,2	33,3	-
2	Độ ẩm	%	68,6	69,4	79,9	75,1	-
3	Tiếng ồn	dBA	59,6	60,6	64,8	63,1	70 ⁽¹⁾
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	205	234	91,0	178	300
5	SO ₂	mg/m ³	57,4	65,3	34,5	55,5	350
6	CO	mg/m ³	3.939	2.234	3.232	4.581	30.000
7	NO ₂	mg/m ³	77,0	85,4	31,2	104	200

Nguồn: Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường tháng 6/2025

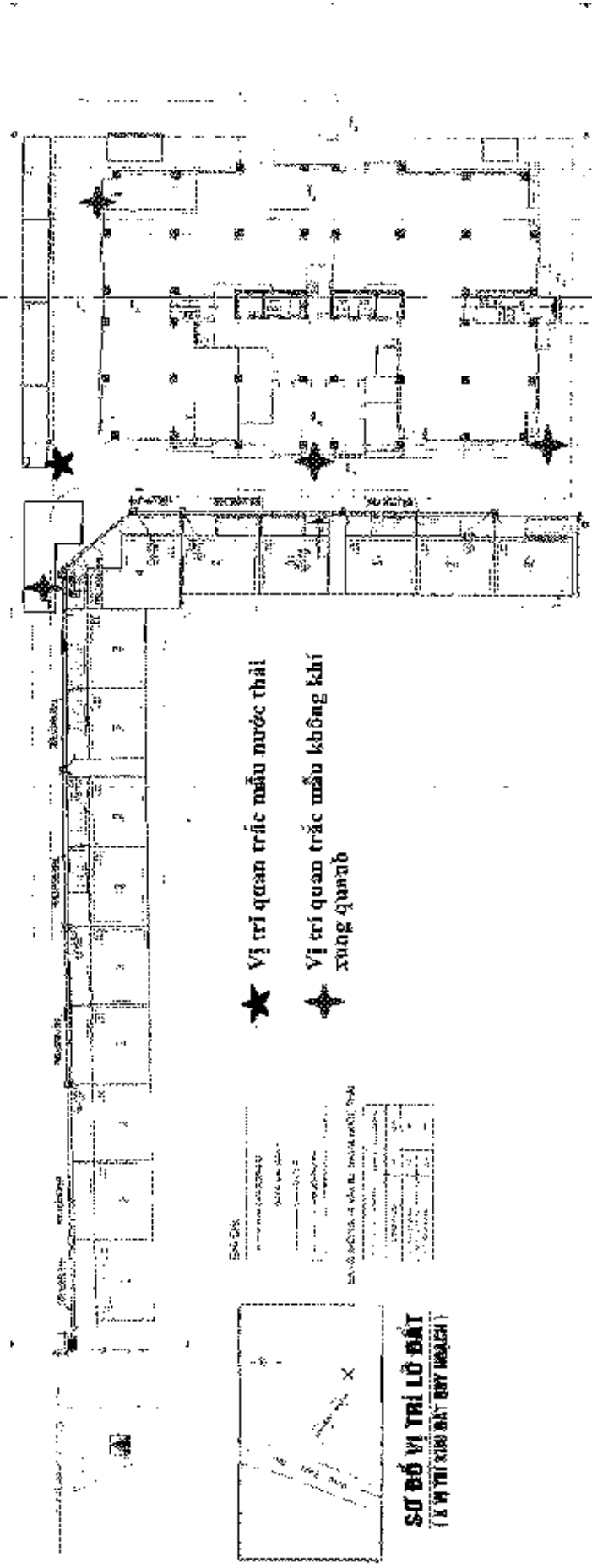
- Ghi chú:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- (-): Không quy định.

- *Nhận xét:* So sánh kết quả phân tích môi trường không khí khu vực cơ sở với QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT cho thấy các chỉ tiêu phân tích môi trường không khí tại thời điểm lập Giấy phép môi trường đều nằm trong giới hạn các quy chuẩn cho phép



Hình 5. 1 Mô tả vị trí lấy mẫu

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

5.4.1. Đối với chất thải rắn thông thường

- Nguồn phát sinh:

- + Chất thải rắn sinh hoạt của người dân khu vực chung cư cao tầng
- + Chất thải rắn sinh hoạt của người dân khu nhà ở thấp tầng
- + Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của khu vực nhà trẻ
- + Chất thải rắn sinh hoạt từ khu vực dịch vụ (bể bơi)

- Khối lượng chất thải rắn phát sinh thực tế tại cơ sở theo hóa đơn thu gom, vận chuyển như sau:

Bảng 5. 8 Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

TT	Thời gian sử dụng	Khối lượng (tấn)	Trung bình tháng (tấn)	Trung bình ngày (kg)
1	7/2024-9/2024	42	14	467
2	10/2024-12/2024	42	14	467
3	01/2025-3/2025	135	45	1.500
Trung bình			8,1	811

Dự kiến các loại chất thải rắn phát sinh khi cơ sở lấp đầy 100% trung bình trong 01 ngày khoảng 600 kg/ngày, bao gồm:

Bảng 3. 20 Dự kiến thành phần và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Số lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thực phẩm	Kg	280
2	Giấy	Kg	45
3	Carton	Kg	34
4	Nhựa cứng	Kg	33
5	Túi nilong	Kg	7
6	Vải	Kg	14
7	Cao su mềm	Kg	20
8	Cao su cứng	Kg	23
9	Da	Kg	14
10	Gỗ	Kg	21
11	Thủy tinh	Kg	26
12	Lon đồ hộp	Kg	34
13	Sắt	Kg	24
14	Kim loại khác	Kg	15

15	Sàn sứ	Kg	10
	Tổng CTR phát sinh trung bình 01 ngày	Kg	600
	Tổng CTR phát sinh trung bình 01 tháng	Tấn	18
	Bùn thải từ trạm XLNT trong 01 tháng	Kg	777

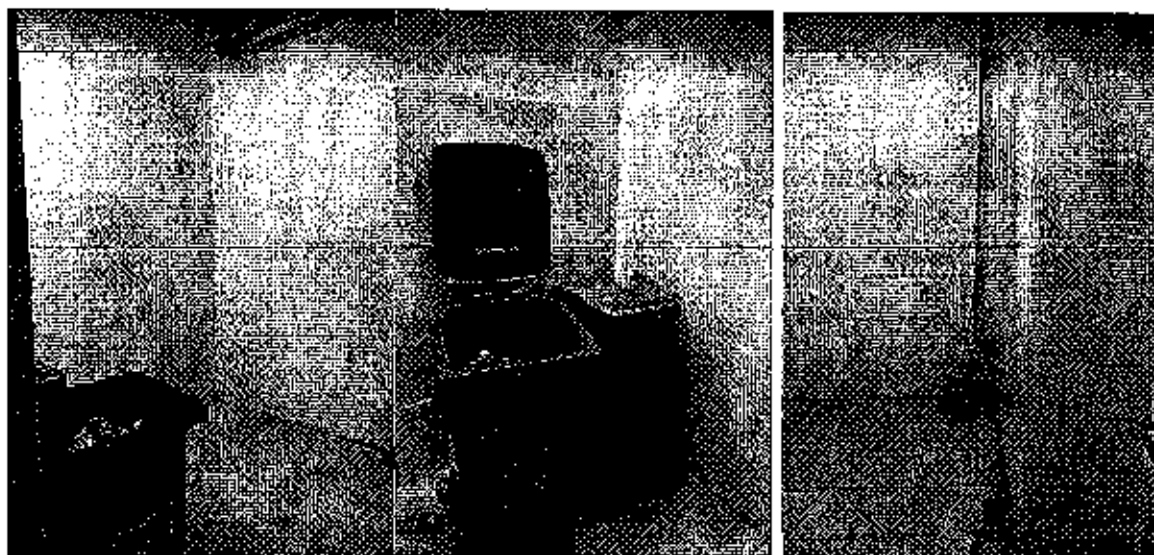
* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với khu nhà chung cư cao tầng:

+ Đối với khu vực nhà trẻ: Bố trí các thùng đựng rác dung tích 60 lít có nắp đậy đặt tại hành lang và khu nhà vệ sinh của khu vực nhà trẻ, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và vận chuyển xuống bãi tập kết tại tầng 01

+ Đối với khu dịch vụ bể bơi: tại các phòng vệ sinh bố trí các thùng đựng rác dung tích 60 lít có nắp đậy, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom và vận chuyển xuống bãi tập kết tại tầng 01

+ Đối với khu vực nhà ở từ tầng 2-18: Mỗi tầng sẽ có phòng thu gom rác, diện tích khoảng 8 m², bên trong có bố trí 02 thùng đựng rác dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy, rác thải sinh hoạt từ hoạt động của người dân được nhân viên vệ sinh thu gom và vận chuyển hàng ngày vào khoảng 20-21h hàng ngày xuống bãi tập kết tại tầng 01 bằng thang máy B (chuyên sử dụng cho vận chuyển hàng và rác).



Hình 3. 16 Hình ảnh phòng thu gom rác từng tầng

- Đối với khu nhà ở thấp tầng: Chất thải rắn của từng căn hộ được người dân tự thu gom và chuyển ra phía trước cổng nhà, cuối ngày xe thu gom rác sẽ thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn được nhân viên vệ sinh thu gom từ các tầng xuống bãi tập kết vào khoảng 20-21h mỗi ngày.



Hình 3. 17 Hình ảnh điểm tập kết chất thải rắn của cơ sở

- Chất thải rắn được phân loại ngay từ đầu để tách thành hai phần:

+ Các thành phần có thể thu hồi tái sử dụng như: Các loại giấy, bìa, vỏ lon,... sẽ được công nhân thu gom hàng ngày rồi chuyển giao cho đơn vị có chức năng

+ Đối với các chất thải không thể tái sử dụng được (chiếm khoảng 60%) như: vỏ hoa quả, thức ăn thừa... được chứa trong thùng chứa chất thải tạm thời và thuê Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội có chức năng vận chuyển và xử lý tại bãi rác hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn của cơ sở phát sinh sẽ được công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội là đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo hợp đồng số HĐKL/03240135.

5.4.2. Đối với chất thải nguy hại

- Từ khi hoạt động, do khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại tòa nhà rất nhỏ nên hiện tại vẫn chưa tiến hành thu gom. Đơn vị dự kiến thu gom vào cuối năm 2025.

- Công ty cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của cơ sở theo hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại số 000298//2025/HĐCNK.

- Nguồn phát sinh:

- + Chất thải rắn nguy hại từ sinh hoạt của người dân khu chung cư cao tầng
- + Chất thải rắn nguy hại từ sinh hoạt của người dân khu nhà ở thấp tầng
- + Chất thải rắn nguy hại từ hoạt động của khu vực nhà trẻ
- + Chất thải rắn nguy hại từ hoạt động của khu vực dịch vụ
- + Từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị như thang máy, máy phát điện, máy bơm...

* Thành phần và khối lượng dự kiến phát sinh giai đoạn vận hành

Cơ sở đi vào hoạt động định, thành phần chủ yếu của chất thải nguy hại là giẻ lau dính dầu, dầu thải, bao bì cứng bằng nhựa thải, hộp mực in thải, pin ắc quy thải, thiết bị điện tử thải... với khối lượng ước tính khi cơ sở lấp đầy 100% khoảng 145 kg/năm tương đương với khoảng 8 kg/tháng.

Bảng 3. 21 Dự kiến khối lượng CTNH phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	12
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	180201	5
3	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	180101	6
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	180102	25
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	180103	17
6	Dầu thải	170204	8
7	Pin, Ắc quy thải	160112	18
8	Hộp mực in thải	080204	9
9	Linh kiện điện tử thải	150109	15
10	Bo mạch điện tử, tụ điện, thiết bị, linh kiện điện tử	160113	10
11	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng và một số chất thải lỏng chứa dầu khác	150102	20

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
	Tổng		145

** Phương thức thu gom*

- Đối với khu nhà chung cư cao tầng:
 - + Đối với khu vực nhà trẻ và khu vực dịch vụ: Chất thải nguy hại phát sinh được nhân viên vệ sinh thu gom chuyển về kho chứa CTNH tại tầng hầm của tòa nhà
 - + Đối với khu vực nhà ở từ tầng 2-18: Chất thải nguy hại phát sinh từ các căn hộ được thu gom đặt tại phòng thu rác của từng tầng, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển về kho chứa CTNH trước khi đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.
 - Đối với khu nhà ở thấp tầng: Chất thải nguy hại của từng căn hộ được người dân tự thu gom và chuyển ra phía trước cổng nhà, cuối ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển về kho chứa CTNH trước khi đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

** Các công trình, thiết bị thu gom, lưu trữ CTNH*

Bố trí khu vực lưu trữ CTNH tại tầng hầm của tòa nhà chung cư, có diện tích khoảng 15 m². Chất thải nguy hại được phân loại, lưu chứa tại các thùng riêng biệt dung tích 120 lít/thùng.

Bảng 3. 22 Tổng hợp các công trình, thiết bị quản lý CTNH

TT	Tên công trình, thiết bị	Mô tả	Số lượng
1	Thùng chứa CTNH	- Các thùng khác nhau để phân loại CTNH - Trên nắp thùng có dán nhãn ghi mã số CTNH và tên chất thải;	09 thùng
2	Nhãn CTNH	- Nhãn dán để phân loại và nhãn dán để cảnh báo các loại chất thải nguy hại; - Nhãn được dán trên thiết bị lưu giữ và trên tường trong kho chứa tạm; - Quy cách và trình bày nhãn theo hướng dẫn tại TCVN 6707-2009 -Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa;	11 nhãn
3	Kho chứa	- Kho lưu giữ các CTNH trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý;	01 kho

		- Quy mô: diện tích $15m^2$; kích thước dài x rộng x cao tương ứng là $5m \times 3m \times 3,5m$; được bố trí tại tầng hầm của tòa chung cư cao tầng; - Kết cấu: nền bê tông, tường xây gạch, cửa ra/vào bằng sắt; - Tại kho CTNH có bố trí rãnh thoát nước và bình cứu hỏa	

-----Lưu giữ: Khu lưu giữ chất thải nguy hại có nền đổ bê tông, không thấm chất lỏng, bằng phẳng không trơn trượt và biển báo theo quy định. Các loại chất thải nguy hại được lưu giữ tạm thời trong các thùng chuyên dụng, có nắp đậy, bên ngoài có ghi rõ loại chất thải. CTNH được lưu giữ tại kho lưu trữ riêng trong khu vực nhà xưởng, có biển cảnh cáo theo đúng quy định



Hình 3. 18 Hình ảnh thùng chứa CTNH

+ Quy trình quản lý chất thải nguy hại như sau: Nguồn phát sinh → Danh mục Khối lượng → Biện pháp quản lý (Thu gom, phân loại, lưu giữ, dán nhãn, ghi mã số chất thải nguy hại, kho lưu giữ, biển cảnh báo) → Đơn vị vận chuyển, xử lý.

+ Công tác quản lý chất thải nguy hại từ cơ sở sẽ do tổ VSMT trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc Công ty về nhiệm vụ của mình.

+ Phương án để xử lý chất thải nguy hại từ cơ sở được cam kết như sau: Công ty cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của chủ cơ sở theo hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại số 000298//2025/HĐCNK (đính kèm phụ lục)

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Chủ cơ sở luôn ý thức được trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường do vậy luôn nghiêm túc thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Trong các năm cơ sở đi vào vận hành, tại cơ sở không tiếp đón các đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường, và chưa có xử phạt hành chính về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Hiện nay chủ đầu tư đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 185 m³/ngày.đêm; nhằm đảm bảo lượng chất lượng nước thải sau xử lý của cơ sở đạt cột B, K=1, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, trước khi thoát ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Công trình trạm XLNT của cơ sở hoàn thành từ tháng 12/2017 và đi vào hoạt động năm 2018, khi đó Luật bảo vệ môi trường 2014 chưa có quy định về vận hành thử nghiệm nên cơ sở không phải làm vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* Đối với nước thải

- Tại cơ sở không phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại phụ lục II, nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Theo quy định tại mục b, khoản 2, điều 97 và phụ lục XXVIII của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Và lưu lượng nước thải của cơ sở tối đa là 185m³/ngày (nhỏ hơn 500m³/ngày). Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải tại cơ sở.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

* Giám sát nước thải

Cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. Tuy nhiên để đảm bảo công tác giám sát hoạt động và đánh giá hiệu quả của hệ thống XLNT tập trung, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường hàng năm đối với cơ sở trong giai đoạn vận hành. Chủ đầu tư cam kết thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải như sau:

- Đối với nước thải đầu ra

+ Vị trí quan trắc: 01 vị trí nước thải sau HTXLNT tại hồ ga trước khi xả ra môi trường

+ Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Đối với nước xả kiệt bể bơi

+ Vị trí quan trắc: 01 vị trí (tại hồ ga)

+ Tần suất quan trắc: 01 lần/năm (khi xả kiệt)

+ Thông số quan trắc: pH, Độ màu, TSS, Clo dư, Tổng Coliform,

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

- Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường của cơ sở hàng năm như sau:

Bảng 6. 1 Chi phí quan trắc môi trường hàng năm

TT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm) đối với nước thải sinh hoạt, (từng lần) khi xả kiệt nước bể bơi	Thành tiền
I	Nước thải sau hệ thống XLTT				7.524.000
2	pH	56.000	01	04	224.000
3	BOD ₅ (20 °C)	200.000	01	04	800.000
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	80.000	01	04	320.000
5	Tổng chất rắn hòa tan	104.000	01	04	416.000
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	85.000	01	04	340.000
7	Amoni (tính theo N)	100.000	01	04	400.000
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	140.000	01	04	560.000
9	Dầu mỡ động, thực vật	500.000	01	04	2.000.000
10	Chất hoạt động bề mặt	420.000	01	04	1.680.000
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	84.000	01	04	336.000
12	Tổng Coliforms	112.000	01	04	448.000
II	Nước xả kiệt bể bơi				412.000
1	pH	56.000	01	01	56.000
2	Màu	94.000	01	01	94.000
3	TSS	80.000	01	01	80.000

TT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng mẫu	Tần suất (lần/năm) đối với nước thải sinh hoạt, (từng lần) khi xả kiệt nước bể bơi	Thành tiền
4	Clo dư	70.000	01	01	70.000
5	Tổng Coliform	112.000	01	01	112.000
	Tổng chi phí				7.936.000

- Ngoài ra, còn có kinh phí duy trì, bảo dưỡng định kỳ và vận hành hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động liên tục và ổn định

+ Kinh phí thu gom và xử lý bùn cặn: 20.000.000 đồng/năm.

+ Kinh phí duy trì chạy hệ thống xử lý nước thải (hóa chất, nhân công, điện): 500.000 đồng/ngày. Chủ cơ sở sẽ bố trí một cán bộ có chuyên môn thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý nước thải: 10.000.000 đồng/năm.

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh
- Quyết định giao đất
- Hợp đồng thuê đất
- Giấy chứng nhận đầu tư
- Giấy phép xây dựng
- Chấp thuận bảo vệ điều chỉnh tổng mặt bằng
- Quyết định phê duyệt ĐTM
- Giấy phép xả thải

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0100106955

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 09 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 09 tháng 03 năm 2015

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NHÀ HÀ NỘI 22

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI HOUSING DEVELOPMENT AND
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY 22

Tên công ty viết tắt: HANDICO 22

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 13, ngõ Yên Thế, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 7471927

Fax: 7331376

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công làm mới các công trình trồng cây xanh, công viên, vườn hoa, chiếu sáng; xây dựng cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình công viên, vườn hoa;	4390 (Chính)
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản bao gồm: dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản	6820
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, cầu đường, công trình kỹ thuật hạ tầng;	4290



STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và đường bộ; Tư vấn thiết kế các công trình cầu, đường bộ; Tư vấn thiết kế các công trình thủy nông; Tư vấn thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất; đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp (kho, lán, trại, trạm); Khảo sát xây dựng, tư vấn lập dự án đầu tư, quy hoạch xây dựng; Tư vấn đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế đường dây trạm biến áp đến 35KV, thiết kế cơ điện và cấp điện các công trình dân dụng & công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng; Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng hạng 2 (lập, thẩm tra tổng mức đầu tư, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình, xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; đo bóc khối lượng xây dựng công trình; lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; xác định gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; kiểm soát chi phí xây dựng công trình; lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình); Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thử nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng; Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình và dự toán; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	7110
5	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xây dựng, quản lý, kinh doanh khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh;	9329
6	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Quản lý vận hành khu đô thị và khu chung cư; Quản lý kinh doanh chợ và siêu thị;	7020
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống	5610
9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch, lữ hành	7920
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách	4932
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải	4933
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;	4663

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;	6810
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hoa, cây cảnh, cây bóng mát, vật liệu trang thiết bị làm vườn, vật liệu xây dựng; Xuất nhập khẩu vật liệu, máy móc, trang thiết bị;	8299

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 39.044.900.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.904.490

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định 6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI ĐẠI DIỆN: TRẦN QUỐC VIỆT NGUYỄN XUÂN ĐOÀN NGUYỄN ANH LINH	Số 34 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội// Số nhà 27C, tổ 14A, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội //A3 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội / Xóm 4 Thôn Thượng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.527,360	15.273.600.000	39,1		
			Tổng số	1.527,360	15.273.600.000	39,1		



2	147 CỎ ĐỒNG CỎN LẠI	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.377.1 30	23.771.300.000	60,9		
			Tổng số	0	23.771.300.000	60,9		

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên: **TRẦN QUỐC VIỆT**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *24/11/1961*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *010397411*

Ngày cấp: *05/05/1994* Nơi cấp: *Công an TP. Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà 27C, tổ 14A, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 27C, tổ 14A, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

1. Tên chi nhánh: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22**

Địa chỉ chi nhánh: *249/33C Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Mã số chi nhánh: *0100106955-015*

2. Tên chi nhánh: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22 TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ chi nhánh: *Số 30 Bãi Sậy, Phường Trại Chuối, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Mã số chi nhánh: *0100106955-016*

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: *1209* Quyển số: *31* SCT/BS

Ngày: *06* tháng *06* năm *2019*



TRƯỞNG PHÒNG



Trần Minh Quang

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thúy Hà

N SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số: 0103013025

Đăng ký lần đầu, ngày 14 tháng 07 năm 2006

"CHUYỂN ĐỔI (CPH) DNNN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2867/QĐ-UBND NGÀY 20/6/2006 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI"

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP**
Tên giao dịch: **DONG THAP JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **DOITHACO.,JSC.**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **129D đường Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**
Điện thoại: 8639968 Fax: 8632943
Email: dongthap@hn.vnn.vn Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:
 - Sản xuất kinh doanh vật tư trang thiết bị phục vụ: công nghiệp cơ khí chế tạo, điện, giao thông vận tải, công nghiệp chế biến các ngành nông, lâm, thủy sản và hàng tiêu dùng;
 - Sản xuất kinh doanh các sản phẩm phục vụ xây dựng và trang trí nội thất và hàng tiêu dùng;
 - Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng;
 - Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở và kho bãi (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
 - Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ vui chơi, giải trí (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
 - Xuất nhập khẩu, đại lý, ký gửi các loại hàng hoá được pháp luật cho phép.

(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
4. Vốn điều lệ: **14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng VN)**
5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ VIỆT HÀ	254 phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	634.000

	Người trực tiếp quản lý phần vốn góp: ĐOÀN GIANG	Số 83B phố Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	
	TRẦN TRƯỜNG SƠN	P3C18, Tập thể trường Đại học Giao thông vận tải, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	
	BUI NGỌC BÌNH	Số 3, ngõ 109, đề Trần Khai Chân, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	
2	167 CỔ ĐÔNG KHÁC		766.000

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Tổng Giám đốc*

Họ và tên: **DƯƠNG QUỐC TUẤN**

Giới tính: (Nam)

Sinh ngày: *06/03/1959*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: *010426834*

Ngày cấp: *06/07/2004*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *50/187 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *50/187 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: *0006* Quyền số: *0* SCT/MS

Ngày: *30* tháng *6* năm *2015*

Chủ tịch UBND Phường Trưng Định

Chữ ký:

[Signature]

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: —

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: —



PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Thu Hằng

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh *[Signature]*



Đặng Minh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở ĐỂ
BÁN 129D TRƯƠNG ĐỊNH, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI
Số: 86/HTĐT/CT22



- Căn cứ Bộ Luật dân sự;
- Căn cứ Luật đầu tư;
- Căn cứ Luật Xây dựng;
- Căn cứ Luật Đất đai; Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án khu độ thị mới, khu nhà ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ các văn bản pháp luật biện hành có liên quan;
- Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày / /2009 giữa hai bên về việc hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở để bán 129D Trương Định;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các bên;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 05 tháng 02 năm 2010 tại trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 - số 13 Ngõ Yên Thế - Quận Đống Đa, Hà Nội, chúng tôi gồm:

1. Bên A: Công ty cổ phần Đồng Tháp

Đại diện là ông: Dương Quốc Tuấn

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Trụ sở : 129D Trương Định - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại : 04.38632945

Fax: 04.38632943

Tài khoản số : 42111100000043 - Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Hà Nội

MST : 0100100223

2. Bên B: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22

Đại diện là ông: Trần Quốc Việt Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở : 13 Ngõ Yên Thế - Phường Văn Miếu - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : 04.37472394

Fax: 04.37331376

Tài khoản số : 21110000000751 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội

MST : 0100106955

Handwritten signature and stamp on the right margin.

Vertical handwritten text on the right margin.

Sau khi cân nhắc xem xét, các bên nhất trí thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư, xây dựng, chuyển nhượng, quản lý Khu nhà ở để bán 129D Trương Định với các điều khoản sau:

Điều 1: Mục đích, nguyên tắc hợp tác kinh doanh

- 1.1. Bên A và Bên B cùng nhận hợp tác kinh doanh để đầu tư, xây dựng, chuyển nhượng các bất động sản của Khu nhà ở để bán 129D Trương Định trên cơ sở Hợp đồng này.
- 1.2. Các bên hợp tác kinh doanh trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi.
- 1.3. Các bên đã tự tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật, chủ trương chính sách của Nhà Nước, quy hoạch của thành phố Hà Nội và đảm bảo rằng việc hai bên hợp tác xây dựng, quản lý và khai thác dự án trên mặt bằng là không vi phạm quy hoạch của thành phố Hà Nội và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- 1.4. Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định có quy mô đầu tư như sau:
 - Xây dựng mới 01 Nhà chung cư.
 - Xây dựng mới Nhà thấp tầng.
 - Xây dựng mới đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2: Phương thức thực hiện và vốn đầu tư:

- 2.1. Hai bên thống nhất đăng ký đầu tư dự án theo hình thức "đồng chủ đầu tư", thành lập Ban quản lý dự án để tổ chức điều hành dự án theo quy định của Pháp luật.
- 2.2. Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư) để thực hiện Hợp đồng này được là toàn bộ chi phí hợp pháp để thực hiện cho việc đầu tư xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- 2.3. Các bên cam kết đủ khả năng góp vốn theo tỷ lệ như sau:
 - Bên A góp: 51% (năm mươi một phần trăm) vốn đầu tư.
 - Bên B góp: 49% (bốn mươi chín phần trăm) vốn đầu tư.

Điều 3: Trách nhiệm của bên A

- 3.1. Đứng lên đồng chủ đầu tư dự án. Có trách nhiệm cùng bên B xem xét, ký và đóng dấu các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án để đảm bảo dự án có đủ điều kiện vào thi công theo các quy định hiện hành về quản lý dự án xây dựng công trình.
- 3.2. Cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến dự án cho bên B.
- 3.3. Có trách nhiệm đảm bảo đủ khả năng huy động để đáp ứng phần vốn góp đầu tư (51% vốn đầu tư theo mục 2.3 điều 2) để xây dựng công trình kể cả trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư. Tự chịu trách nhiệm về phương thức huy động vốn của mình. Trong trường hợp việc huy động vốn không đảm bảo tiến độ thi công công trình, bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ chi phí và tiền lãi phải trả (theo lãi suất tiền vay ngân hàng bên B mở tại khoản) cho bên B.
- 3.4. Cử cán bộ có đủ năng lực, kinh nghiệm và trình độ tham gia Ban quản lý dự án để đảm bảo dự án được thực hiện đúng tiến độ.

3.5. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng và theo Pháp luật.

Điều 4: Trách nhiệm của bên B

- 4.1. Đứng tên đồng chủ đầu tư dự án. Có trách nhiệm cùng bên A xem xét, ký và đóng dấu các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án để đảm bảo dự án có đủ điều kiện vào thi công theo các quy định hiện hành về quản lý dự án xây dựng công trình.
- 4.2. Cung cấp đầy đủ cho bên A các văn bản liên quan đến dự án.
- 4.3. Hoàn tất các thủ tục giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đảm bảo dự án có đủ điều kiện vào thi công theo quy định hiện hành.
- 4.4. Tổ chức thi công công trình, lắp đặt các thiết bị hoàn chỉnh nhà chung cư và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án theo hồ sơ thiết kế và dự toán được hai bên thống nhất phê duyệt. Bảo hành công trình, thực hiện đúng quy định về công tác an toàn trong xây dựng và các trách nhiệm khác của một nhà thầu theo quy định hiện hành.
- 4.5. Đảm bảo có đủ khả năng huy động để đáp ứng phần vốn góp đầu tư (49% vốn đầu tư theo mục 2.3 điều 3) để xây dựng công trình kể cả trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư. Tự chịu trách nhiệm về phương thức huy động vốn của mình. Trong trường hợp việc huy động vốn không đảm bảo tiến độ thi công công trình, bên B sẽ phải thanh toán toàn bộ chi phí và tiền lãi phải trả (theo lãi suất tiền vay ngân hàng bên A mở tài khoản) cho bên A.
- 4.6. Cử cán bộ có đủ năng lực, kinh nghiệm và trình độ tham gia Ban quản lý dự án để thực hiện dự án đúng tiến độ, chất lượng và đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
- 4.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng và theo Pháp luật

Điều 5: Giải phóng mặt bằng:

Bên B ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho bên A ngay sau khi ký hợp đồng theo bảng khái toán đầu tư, để bên A thực hiện việc di chuyển cơ sở sản xuất giải phóng mặt bằng và bàn giao cho Ban quản lý dự án.

Điều 6: Xây dựng đầu tư công trình

- 6.1. Bên A ra quyết định thành lập ban quản lý dự án thay mặt chủ đầu tư để quản lý và điều hành toàn bộ quá trình thực hiện dự án trên cơ sở thống nhất với bên B theo quy định của Pháp luật về xây dựng. Thành phần và số lượng nhân sự của Ban quản lý dự án sẽ do hai bên qui định. Khi dự án kết thúc Ban quản lý dự án được giải thể theo đúng quy định.
- 6.2. Tiến độ thực hiện dự án được quy định chi tiết (phụ lục số 4).
- 6.3. Các Bên sẽ cùng bàn bạc và quyết định cuối cùng về điều chỉnh hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà chung cư, cùng quyết định các vấn đề phát sinh trong thi công, nghiệm thu, quyết toán công trình.
- 6.4. Bên B chịu trách nhiệm tổ chức thi công công trình, lắp đặt các thiết bị nhà chung cư đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật theo hồ sơ thiết kế và dự toán được hai bên phê duyệt. Bên B có toàn quyền chủ động trong việc chọn các nhà thầu phụ, các nhà cung cấp vật liệu, thiết bị, đơn vị tư vấn xây dựng, lắp đặt, hoàn thiện công trình.

Điều 7: Phân chia lợi nhuận của dự án

- 7.1. Các bên thống nhất để một bên thay mặt ký hợp đồng và hoàn tất các thủ tục mua bán nhà với khách hàng theo đúng qui định hiện hành.
- 7.2. Các bên cùng có trách nhiệm khai thác những khách hàng có tiềm năng đem bảo dự án có hiệu quả.
- 7.3. Doanh thu thu được từ nguồn bán nhà cho khách hàng sau khi trừ đi tất cả các khoản chi phí thực hiện dự án và các chi phí liên quan khác. Lợi nhuận còn lại được phân chia theo tỷ lệ vốn góp của các bên.
- 7.4. Kinh phí bảo trì thu được từ khách hàng mua nhà theo Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/09/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, hai bên thống nhất bàn giao lại cho đơn vị quản lý, vận hành khu chung cư.
- 7.5. Việc vận hành Khu chung cư sẽ theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Các bên có thể thỏa thuận một trong hai bên thực hiện trách nhiệm quản lý, vận hành khu chung cư. Trong trường hợp các bên từ chối quản lý, vận hành thì các Bên sẽ thống nhất giao hoặc ủy quyền cho bên thứ ba có đủ năng lực và kinh nghiệm để quản lý, vận hành khu chung cư.

Điều 8: Thuế, Lệ phí

Các bên tự chịu trách nhiệm đóng thuế, lệ phí và các và các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và thành phố Hà Nội liên quan đến việc thực hiện dự án này.

Điều 9: Cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê

Các bên đảm bảo rằng trong suốt thời hạn của Hợp đồng này không bên nào được thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng, cho thuê bất kỳ diện tích nào thuộc phạm vi dự án, bất kỳ tài sản nào gắn liền hoặc liên quan đến dự án.

Điều 10: Hiệu lực của hợp đồng

- 10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong vòng 10 ngày kể từ thời điểm các bên hoàn tất thủ tục thanh quyết toán theo quy định của Pháp luật và hai bên hoàn thành việc phân chia Lợi nhuận từ khi các bên có thỏa thuận khác.
- 10.2. Trường hợp có bất khả kháng, Hợp đồng sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian Bất khả kháng bao gồm cả thời gian khắc phục Bất khả kháng, trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc áp dụng quy định khác trong Hợp đồng này.
- 10.3. Hợp đồng có thể kết thúc trong các trường hợp sau:
 - 10.3.1. Một bên mua lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này của bên kia.
 - 10.3.2. Theo thỏa thuận của các bên hoặc theo các quy định khác của Hợp đồng này.
 - 10.3.3. Theo quyết định hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền dựa trên quy định của Pháp luật và đã đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của mỗi bên.

Điều 11: Kết thúc và thanh lý hợp đồng

- 11.1. Kết quả kiểm toán là cơ sở để hai bên tiến hành quyết toán. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán được cơ quan thuế chấp thuận, các bên sẽ tiến hành quyết toán dự án, thanh toán khoản nợ khác liên quan đến dự án.

11.2. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết toán, nếu các bên không có ý kiến gì khác sẽ coi như quyết toán được các bên thông qua.

Điều 12: Giải quyết tranh chấp

12.1. Các bên cam kết sẽ thông báo cho nhau kịp thời mọi vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng và sẽ cùng nhau giải quyết trên cơ sở của Hợp đồng với tinh thần thiện chí và cùng hợp tác.

12.2. Bất cứ tranh chấp nào xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng sẽ được các Bên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày có bên có tranh chấp gửi văn bản thông báo cho bên kia. Trường hợp quá thời hạn này mà các bên thương lượng, hoà giải không có kết quả, một bên hoặc các bên có quyền đưa vụ kiện ra cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo Luật pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại thời điểm đó. Phán quyết của Tòa án có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các bên.

12.3. Các bên cam kết trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp phát sinh cho đến khi đạt sự thoả thuận giải quyết hoặc có được sự phán quyết có hiệu lực của cơ quan giải quyết tranh chấp, các bên sẽ không có bất cứ hành vi nào có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện hợp đồng và các bên có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.

Điều 13: Điều khoản cuối cùng

13.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Các bên ký kết và ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Trong trường hợp một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng bị coi là vô hiệu theo quyết định của cơ quan Nhà nước hoặc do sửa đổi luật thì các điều khoản khác vẫn giữ nguyên giá trị và các bên sẽ đàm phán sửa đổi lại điều khoản vô hiệu cho thích hợp.

Hợp đồng này gồm 08 bản chính có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 bản chính. Mỗi trang bản chính của hợp đồng đều có chữ ký của đại diện mỗi bên.

13.2. Đại diện các bên đã đọc lại nguyên văn của Hợp đồng này, hiểu rõ nội dung chấp thuận hoàn toàn nội dung và các bên ký vào bản hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A



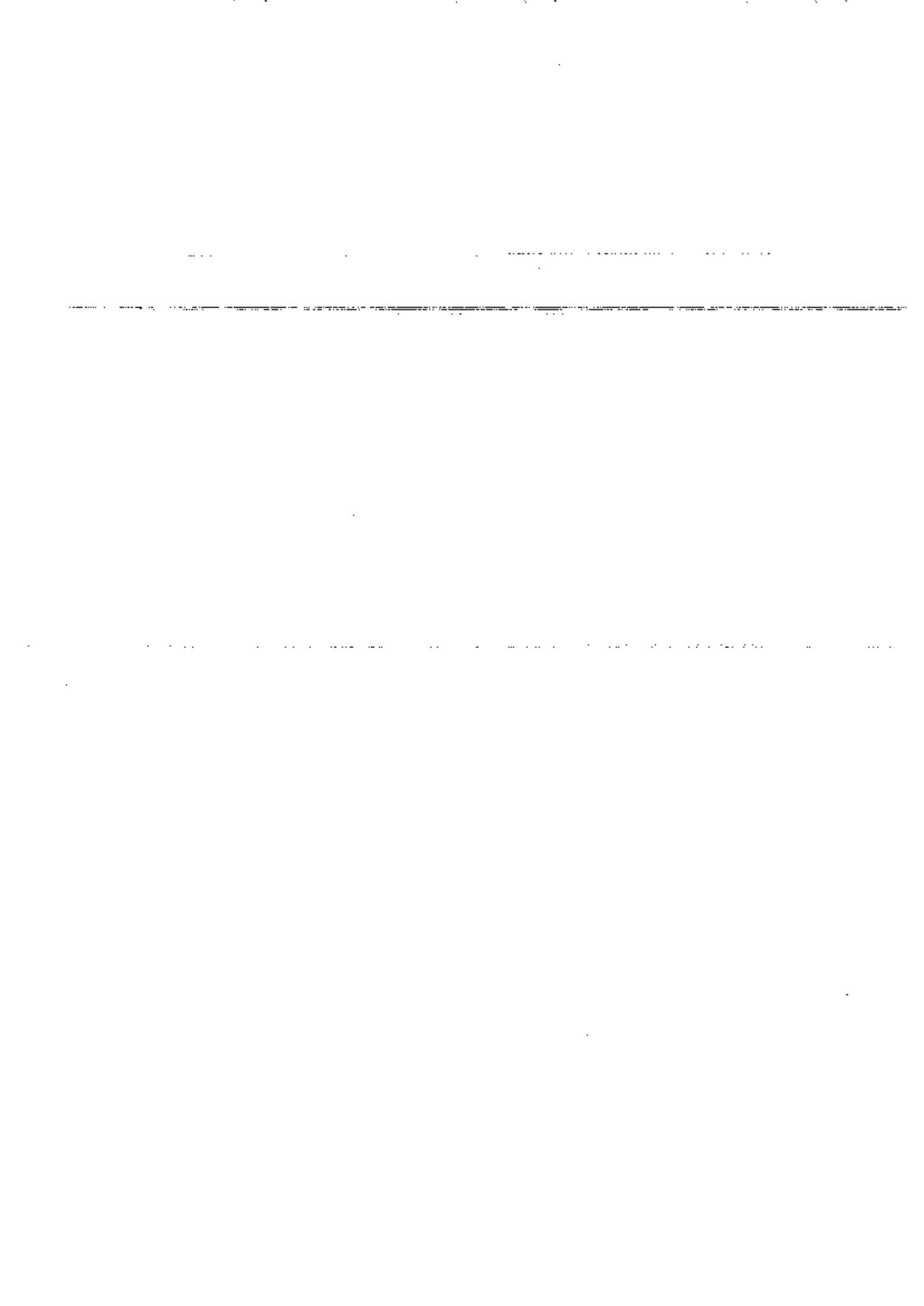
CHỦ TỊCH HĐQT

Quang Quốc Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Quốc Tuấn



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5983 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v cho phép Công ty cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6 m² đất tại số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND Thành phố ban hành quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và làm nhà ở nông thôn tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 4707 /TTr-STNMT-ĐKTK ngày 8 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6 m² đất (Năm nghìn bảy trăm hai mươi bảy phẩy sáu mét vuông) tại số 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng hiện đang sử dụng làm nhà xưởng, cơ sở sản xuất cơ khí theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 23/8/1995 của UBND Thành phố, Hợp đồng thuê đất số 10/3-96/HĐ-TĐTN ngày 28/6/1996 ký với Ban Dịch vụ đất đai Hà Nội thuộc Sở Địa chính Hà Nội (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội) sang đất ở để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000886 do UBND Thành phố cấp ngày 27/9/2010 (trong đó Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 là đơn vị hợp tác đầu tư thực hiện dự án); Quyết định số 61/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2009 và số 62/TCĐT ngày 10/01/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đồng Tháp.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, A, 5, 6, 7, 8, B, 9, IV, từ 10 đến 33, I, 1 được xác định tại Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam lập tháng 12/2007, được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 17/01/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 8/12/2011.

Trong tổng số 5.727,5 m² đất có:

- 4.729,5 m² đất giới hạn bởi các mốc 1 đến 4, A, B, 9, IV, từ 10 đến 33,

I, 1 nằm ngoài chỉ giới đường đỏ gồm:

+ 1.560,8 m² đất giới hạn bởi các điểm từ xd1 đến xd20, xd1 để xây dựng chung cư cao 17 tầng (không kể 1 tầng hầm, 01 tầng kỹ thuật, 01 tầng kỹ thuật áp mái).

Trong đó: Tầng 1: bố trí khu chức năng dịch vụ công cộng và nhà trẻ.

Từ tầng 2 đến tầng 17: bố trí các căn hộ ở.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

+ 1.501,7 m² đất giới hạn bởi các điểm I, II, III, IV, từ 10 đến 33, I để xây dựng nhà ở thấp tầng, gồm 15 nhà cao 04 tầng.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

+ 1.667 m² đất giới hạn bởi các điểm 1 đến 4, A, B, 9, IV, III, I, 1 đến ranh giới đất xây dựng chung cư cao tầng và dịch vụ công cộng (giới hạn bởi các điểm từ xd1 đến xd20, xd1) để làm sân, đường nội bộ (trong đó có 1.130,2 m² là phần diện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thời gian thuê đất: 50 năm kể từ ngày ký Quyết định này.

- 998,0 m² đất giới hạn bởi các điểm 5, 6, 7, 8, B, A, 5 nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch, không được xây dựng công trình; khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thời hạn sử dụng đất: Thuê hàng năm.

Đơn giá tiền sử dụng đất và tiền thuê đất được tính theo quy định của Bộ Tài chính và của UBND Thành phố.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này Công ty cổ phần Đồng Tháp và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 có trách nhiệm:

1. Liên hệ với Sở Tài chính để xác định giá tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định.

2. Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký Hợp đồng thuê đất theo quy định.

3. Liên hệ với Cục Thuế Hà Nội để nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và truy thu tiền thuê đất còn thiếu (nếu có) đến ngày ký Quyết định này theo quy định.

4. Sau khi thực hiện xong Khoản 1, 2, 3 Điều này, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để nhận bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa, lập Trích lục bản đồ khu đất và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

5. Liên hệ với Sở Xây dựng, UBND quận Hai Bà Trưng để được hướng dẫn lập hồ sơ xin phép xây dựng và xây dựng đúng Giấy phép được cấp.

6. Liên hệ với UBND phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất; hướng dẫn thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ mua nhà sau khi hoàn thành công trình theo quy định.

7. Quản lý và sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai; Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng công trình; Sử dụng diện tích đất được giao và thuê trong phạm vi mốc giới, đúng mục đích và nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này. Không được tự ý chuyển mục đích sử dụng đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi chưa được phép của UBND Thành phố.

Điều 3. Trách nhiệm của các ngành các cấp:

1. Sở Tài chính chủ trì cùng các Sở, ngành xác định giá tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định.

2. Cục Thuế Hà Nội kiểm tra, thu tiền sử dụng đất, truy thu tiền thuê đất còn thiếu (nếu có), tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất, bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa, lập Trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

4. Sở Xây dựng, UBND quận Hai Bà Trưng hướng dẫn Công ty cổ phần Đồng Tháp lập hồ sơ xin phép xây dựng, làm thủ tục cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền và thường xuyên kiểm tra việc xây dựng theo Giấy phép được cấp theo quy định.

5. UBND quận Hai Bà Trưng, UBND phường Trương Định thực hiện quản lý Nhà nước về đất đai và xây dựng trên địa bàn thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đất và xây dựng công trình của Công ty cổ phần Đồng Tháp theo các nội dung quy định tại Quyết định này, kịp thời phát hiện và xử lý những vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo UBND Thành phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau 6 tháng kể từ ngày ký, nếu Công ty cổ phần Đồng Tháp chưa liên hệ với các cơ quan có liên quan để thực hiện các nghĩa vụ ghi tại Khoản 1, 2, 3 Điều 2 thì Quyết định này mặc nhiên hết hiệu lực thi hành. Sau 12 tháng kể từ ngày giao nhận đất tại thực địa, nếu chưa đưa vào xây dựng công trình hoặc triển khai xây dựng công trình chậm 24 tháng so với Giấy chứng nhận đầu tư hoặc sử dụng đất không đúng mục đích, nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này thì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ trình UBND Thành phố thu hồi đất theo Luật Đất đai.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Dân cư, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội, Chủ tịch UBND: quận Hai Bà Trưng, phường Trương Định; Giám đốc: Công ty cổ phần Đồng Tháp, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Đ/c PCT Vũ Hồng Khanh;
- PVP Phạm Chí Công;
- Lưu: VT, TNMT, (16).

(30936-02.12.2010)

15

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4... Quyển số: ... SCT/BS

Ngày: 05-08-2015

TM. UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN



PHÓ CHỦ TỊCH

Dặng Thị Lợi

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



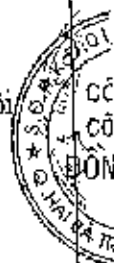
BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC GIỚI

Dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán 129D Trương Định

Đơn vị bàn giao mốc : Sở Tài nguyên và Môi trường

Đơn vị nhận mốc giới : Công ty cổ phần Đồng Tháp

Địa điểm : 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội



1. The first part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

2. The second part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

3. The third part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

4. The fourth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

5. The fifth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

6. The sixth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

7. The seventh part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

8. The eighth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

9. The ninth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

10. The tenth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the public lands of the State of California.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép Công ty cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6 m² đất tại số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở, để bán 129D Trương Định.

Ngày 19/12/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Phê duyệt cắm mốc giới tại Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1:500 do công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và đo đạc Hà Nội lập tháng 1/2007, được UBND phường Trương Định xác nhận ngày 25/01/2007 và Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam lập tháng 12/2007, được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 17/01/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 08/12/2011.

1. **BÊN GIAO MỐC GIỚI: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

- + Ông : Nguyễn Duy Hưng
+ Ông: Đỗ Văn Toàn
+ Ông: Nguyễn Văn Lin

2) BÊN NHẬN MỐC GIỚI: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP

- + Ông (Bà): Đặng Quốc Tuấn.....
Chức vụ: Tổng giám đốc.....
+ Ông (Bà):
Chức vụ:

3) CÁC BÊN CHỨNG KIẾN BÀN GIAO:

- + Ông (Bà): Phạm Ngọc Hùng Đại diện phòng TN và MT quận Hai Bà Trưng
- + Ông (Bà): Nguyễn Ngọc Minh Đại diện UBND phường Trương Định
- + Ông (Bà): Đại diện

4) BÊN THỰC HIỆN CẨM MỐC GIỚI: TRUNG TÂM GIAO DỊCH ĐẤT ĐAI VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HÀ NỘI

- Phó Giám đốc
Cán bộ phòng dịch vụ đất đai

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tiến hành bàn giao các mốc ranh giới khu đất (đã được xác định trên thực địa) cho Công ty cổ phần Đồng Tháp để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán 129D Trương Định.

Diện tích khu đất là: $5.727,6 m^2$ đất, Trong đó có:

- 4.729,5 m² đất giới hạn bởi các mốc 1 đến 4, A, B, 9, IV, từ 10 đến 33, I, 1 nằm ngoài chỉ giới đường đỏ gồm:

(không kể 01 tầng hầm, 01 tầng kỹ thuật, 01 tầng kỹ thuật áp mái).

Trong đó: Tầng 1: Bố trí khu chức năng dịch vụ cộng đồng và nhà trẻ.

Từ tầng 2 đến tầng 17: bố trí các căn hộ ở.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- + 1.501,7 m² đất giới hạn bởi các điều I, II, III, IV, từ 10 đến 33, I để xây dựng nhà ở thấp tầng, gồm 15 nhà cao 04 tầng.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

Thời hạn sử dụng đầu: Lâu dài.

1. The first part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

2. The second part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

3. The third part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

4. The fourth part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

5. The fifth part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

6. The sixth part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

7. The seventh part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

8. The eighth part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

9. The ninth part of the document is a list of the names of the persons who have been appointed to the various positions of the Board of Directors of the Corporation.

+ 1.667 m² đất giới hạn bởi các điểm 1 đến 4, A, B, 9, IV, III, II, I, 1 đến ranh giới đất xây dựng chung cư cao tầng và dịch vụ công cộng (giới hạn bởi các điểm từ xd1 đến xd20, xd1) để làm sân, đường nội bộ (trong đó có 1.130,2 m² là phần diện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 26/12/2011 (Ngày UBND Thành phố ký Quyết định số 5983/QĐ-UBND).

- 998,0 m² đất giới hạn bởi các điểm 5, 6, 7, 8, B, A, 5 nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch, không được xây dựng công trình; khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

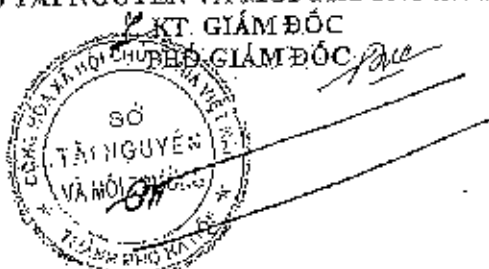
Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Thời hạn sử dụng đất: Thuê hàng năm.

(Sơ đồ phác họa và tọa độ mốc giới kèm theo)

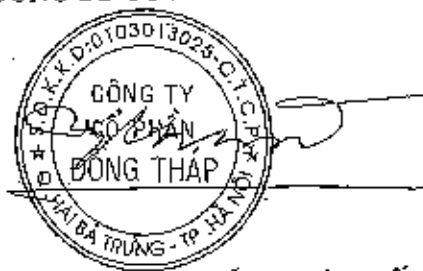
Biên bản được lập thành 06 bản các bên thống nhất thông qua và cùng nhau ký. Mỗi bên tham gia bàn giao lưu 01 bản để theo dõi và thực hiện.

BÊN GIAO MỐC GIỚI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



Nguyễn Minh Mười

BÊN NHẬN MỐC GIỚI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Quốc Tuấn

BÊN CHỨNG KIẾN BÀN GIAO
PHÒNG TN&MT QUẬN HAI BÀ TRƯNG

UBND PHƯỜNG TRƯƠNG ĐỊNH

BÊN THỰC HIỆN CẮM MỐC GIỚI
TRUNG TÂM GIAO DỊCH ĐẤT ĐAI VÀ
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HÀ NỘI

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Ngọc Tú

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 3442/Đ1 Quyển số SCT/BS

Ngày 12 tháng 3 năm 2017



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thùy Nga

1. The first part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

2. The second part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

3. The third part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

4. The fourth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

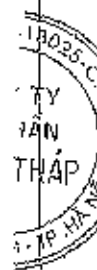
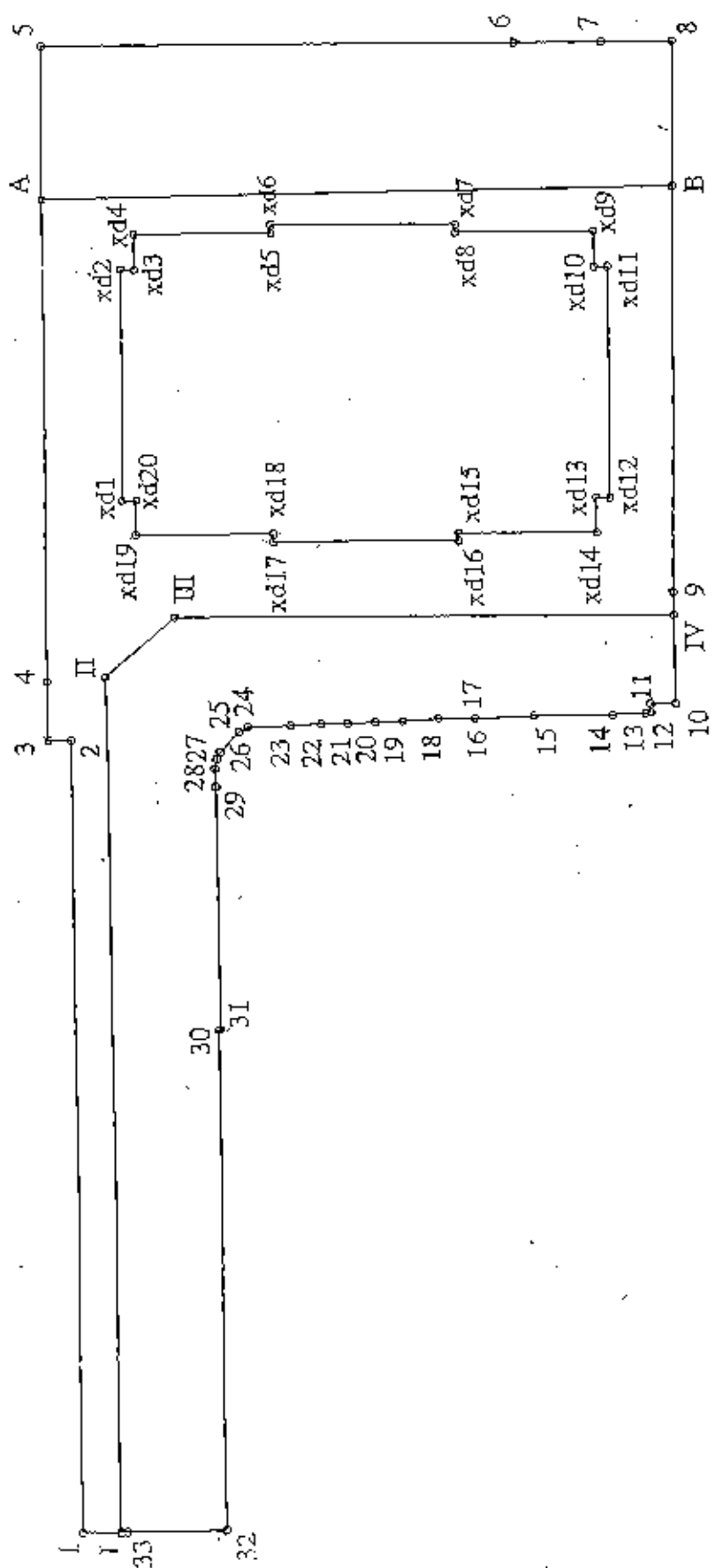
5. The fifth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

6. The sixth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

7. The seventh part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

8. The eighth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

SƠ ĐỒ HÌNH DÁNG KHU ĐẤT



[illegible]

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ

STT	Tên Điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	STT	Tên Điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	A	2322288.43	588315.70	31	29	2322270.55	588256.15
2	B	2322222.54	588316.96	32	30	2322270.03	588231.69
3	1	2322284.21	588181.00	33	31	2322270.23	588231.68
4	2	2322285.56	588260.88	34	32	2322269.34	588181.21
5	3	2322287.97	588260.86	35	33	2322279.52	588181.04
6	4	2322288.03	588266.81	36	I	2322280.20	588181.04
7	5	2322288.56	588331.30	37	II	2322281.88	588267.27
8	6	2322238.99	588331.51	38	III	2322274.64	588273.29
9	7	2322229.97	588331.62	39	IV	2322222.73	588273.53
10	8	2322222.46	588331.66	40	xd1	2322280.08	588285.25
11	9	2322222.76	588275.87	41	xd2	2322280.19	588308.65
12	10	2322222.65	588264.56	42	xd3	2322278.79	588308.66
13	11	2322225.23	588264.47	43	xd4	2322278.81	588312.21
14	12	2322225.25	588263.65	44	xd5	2322264.56	588312.28
15	13	2322225.76	588263.56	45	xd6	2322264.57	588313.08
16	14	2322229.21	588263.39	46	xd7	2322245.07	588313.16
17	15	2322237.30	588263.26	47	xd8	2322245.06	588312.36
18	16	2322243.32	588263.00	48	xd9	2322230.81	588312.43
19	17	2322243.34	588263.11	49	xd10	2322230.79	588308.88
20	18	2322247.21	588262.99	50	xd11	2322229.39	588308.89
21	19	2322251.14	588262.71	51	xd12	2322229.28	588285.49
22	20	2322253.97	588262.63	52	xd13	2322230.68	588285.48
23	21	2322256.76	588262.49	53	xd14	2322230.67	588281.93
24	22	2322259.55	588262.45	54	xd15	2322244.92	588281.86
25	23	2322262.70	588262.28	55	xd16	2322244.91	588281.06
26	24	2322267.32	588262.11	56	xd17	2322264.41	588280.98
27	25	2322268.22	588261.66	57	xd18	2322264.42	588281.78
28	26	2322270.12	588259.62	58	xd19	2322278.67	588281.71
29	27	2322270.44	588258.95	59	xd20	2322278.68	588285.26
30	28	2322270.66	588257.96				

1. The first part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

2. The second part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

3. The third part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

4. The fourth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

5. The fifth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

6. The sixth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

7. The seventh part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

8. The eighth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

9. The ninth part of the document is a list of the names of the members of the committee who have been appointed to study the problem of the distribution of the land in the district of the city of Moscow.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

SỐ: 10/3-96 / HD-TĐTN

- Căn cứ Luật đất đai được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam công bố ngày 24 - 7-1993;

- Căn cứ Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất và cho thuê đất được Chủ tịch nước công bố ngày 25 -10-1994;

- Căn cứ Nghị định số 18/ CP ngày 13 -2 -1995 của Chính phủ ;

- Căn cứ Quyết định số 3128/QĐ-UB ngày 23-8-1995 của UBND Thành phố Hà nội về việc : " Thu hồi 5.727,6 m² đất do Công ty Đồng Tháp đang quản lý sử dụng cho Công ty Đồng Tháp thuê để sử dụng vào mục đích cải tạo, xây dựng mở rộng nhà máy cơ khí ";

- Căn cứ quyết định số 1357 TC/QĐ/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính quy định khung giá cho thuê đất đối với các tổ chức trong nước được Nhà nước cho thuê đất;

- Căn cứ quyết định số 2835/QĐ-UB ngày 16-11-1992 của UBND Thành phố Hà nội cho phép thành lập doanh nghiệp " Nhà máy cơ khí Đồng Tháp " thuộc Sở Công nghiệp Hà nội ;

- Căn cứ Quyết định số 718/ QĐ-UB ngày 2-5-1994 của UBND Thành phố Hà nội về việc thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Dịch vụ đất đai-Hà nội thuộc Sở Quản lý ruộng đất và đo đạc Hà nội(nay là Sở Địa chính);

1/ BÊN CHO THUÊ ĐẤT : Ban Dịch vụ đất đai Hà nội thuộc Sở Địa chính Hà nội .

- Người đại diện : Ông Nguyễn Trọng Lễ .

- Chức vụ : Trưởng ban .

- Trụ sở : 75 Tô Hiến Thành , Hà nội(gác 4 khu Liên cơ Văn hồ)

- Tài khoản số : 321-01-029 tại chi nhánh kho bạc Nhà nước , Quận Hai Bà Trưng , Hà nội .

Và

2/ BÊN THUÊ ĐẤT : Công ty Đồng Tháp thuộc Sở Công nghiệp Hà nội .

- Người đại diện : Ông Đinh Mạnh Tùng.

~~Chức vụ : Giám đốc~~

- Trụ sở : 129 D phố Trương Định- quận Hai Bà Trưng -Hà nội .

- Tài khoản số : 710 A - 00115 tại Hội sở ngân hàng Công thương
Việt nam .

Hai bên thống nhất tiến hành ký hợp đồng thuê đất với những điều khoản sau :

ĐIỀU 1:

1.1: Ban Dịch vụ đất đai Hà nội ký hợp đồng cho Công ty Đồng Tháp (thuộc Sở Công nghiệp Hà nội) thuê một Khoảnh đất để sử dụng vào mục đích cải tạo, xây dựng mở rộng Nhà máy cơ khí theo luận chứng kinh tế kỹ thuật do Nhà máy cơ khí Đồng Tháp lập năm 1994, được UBND Thành phố phê duyệt tại quyết định số 3411/QĐ-XDCB ngày 8-12-1994 và theo điều 1 quyết định số 3128/QĐ-UB ngày 23-8-1995 của UBND Thành phố .

- Địa điểm Khoảnh đất được thuê theo Hợp đồng thuê đất này tại: 129 D đường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà nội .

- Diện tích Khoảnh đất được thuê theo Hợp đồng thuê đất này là : 5.727,6 m²(năm nghìn, bảy trăm hai bảy phẩy sáu mét vuông)đất .

1.2: Vị trí Khoảnh đất thuê được xác định theo bản đồ hiện trạng số 575/10-94, tỷ lệ 1:500 do Công ty Khảo sát đo đạc Hà nội lập ngày 17-10-1994 .

- Ranh giới Khoảnh đất thuê được giới hạn bởi các mốc : 1 , 2 , 3 , 4 , 5 , 6 , 7 , 8 , 9 , 10 , 11 , 12 trên bản đồ hiện trạng số 575/10-94 .

Bản đồ này được đính kèm và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng thuê đất này.

ĐIỀU 2:

2.1: Bên thuê đất được xây dựng các công trình trong giới hạn Khoảnh đất thuê theo đúng nội dung và mục đích ghi tại khoản 1 điều 1 của Hợp đồng thuê đất này. Chỉ được tiến hành xây dựng khi được Kiến trúc sư trưởng Thành phố cấp giấy phép xây dựng. Quá trình sử dụng đất , việc xây

dựng thêm, cải tạo hoặc phá dỡ các công trình phải thực hiện đúng quy định của UBND Thành phố về quản lý xây dựng cơ bản.

2.2: Các công trình do Bên thuê đất xây dựng và đầu tư hợp pháp trên Khoảnh đất thuộc quyền sở hữu của Bên thuê đất.

2.3: Bên cho thuê đất không chịu trách nhiệm về các nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai hoặc chiến tranh... làm ảnh hưởng đến Khoảnh đất và các công trình xây dựng trên Khoảnh đất.

ĐIỀU 3 :

Trong quá trình sử dụng đất, Bên thuê đất phải chấp hành đúng các quy định của Thành phố để đảm bảo các yêu cầu về an ninh, trật tự khu vực, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường và phải được các cơ quan quản lý của Thành phố Hà Nội xác nhận trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng.

ĐIỀU 4 :

4.1 : Trong thời hạn hợp đồng thuê đất này có hiệu lực :

- Bên thuê đất cam kết không sử dụng đất thuê vào mục đích trái pháp luật. Không chuyển giao quyền sử dụng Khoảnh đất cho tổ chức hoặc cá nhân khác dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được cấp có thẩm quyền của Nhà nước cho phép. Không được dùng Khoảnh đất thuê để liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi chưa được Chính phủ hoặc UBND Thành phố cho phép.

- Bên cho thuê đất đảm bảo cho Bên thuê đất quyền sử dụng Khoảnh đất và sẽ không chuyển giao quyền sử dụng Khoảnh đất cho bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân khác nếu không có thỏa thuận bằng văn bản của Bên thuê đất.

4.2 : Trong thời hạn hợp đồng thuê đất này có hiệu lực :

Nếu có sự chuyển quyền sử dụng một phần hay toàn bộ Khoảnh đất thuê vì lý do nào đó mà được các cấp có thẩm quyền của Nhà nước cho phép, thì Bên thuê đất phải thông báo trước với Bên cho thuê đất trong thời hạn 06 tháng, hai bên bàn bạc để giải quyết các thủ tục theo quy định của Nhà nước. Người thừa kế hoặc tổ chức được thừa kế quyền sử dụng Khoảnh đất hay một phần khoảnh đất và các tài sản có trên phần đất được thừa kế quyền sử dụng nếu được phép của các cấp có thẩm quyền thì phải tiến hành làm lại thủ tục

thuê đất với Bên cho thuê đất và tiến hành ký hợp đồng thuê đất mới theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Thời gian thuê đất là thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất này hoặc kéo dài hơn theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Bên thuê đất phải chịu mọi chi phí và lệ phí phát sinh khi chuyển giao quyền sử dụng Khoảnh đất trên.

4.3 : Trong thời hạn Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực :

- Nếu Bên thuê đất muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khoảnh đất trước thời hạn thì Bên thuê đất có trách nhiệm thông báo với Bên cho thuê đất bằng văn bản ít nhất trước 06 tháng :

+ Nếu Bên thuê đất trả lại một phần hoặc một số phần khoảnh đất thuê thì hợp đồng thuê đất sẽ được sửa đổi lại .

+ Nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ khoảnh đất thì hợp đồng thuê đất này sẽ được thanh lý .

Việc sửa đổi hoặc kết thúc hợp đồng thuê đất sẽ được coi là có hiệu lực vào lúc Bên thuê đất thực hiện bàn giao một phần hoặc toàn bộ khoảnh đất thuê cho Nhà nước . Mọi công trình xây dựng mà Bên thuê đất đầu tư xây dựng hợp pháp trên khoảnh đất sẽ được giải quyết theo điều 4.2 của hợp đồng thuê đất này .

4.4 : Hợp đồng thuê đất này không còn giá trị hiệu lực trong các trường hợp sau :

- Hết thời hạn thuê đất theo qui định tại điều 5.1 của Hợp đồng thuê đất này mà không có bổ xung nào khác của Hợp đồng thuê đất này thông qua phụ lục được cả hai bên cùng ký .

- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng này, ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng được .

- Bên thuê đất bị phát mại tài sản hoặc phá sản theo quy định của luật pháp Việt nam .

- Bên thuê đất bị giải thể không còn pháp nhân theo quyết định của cấp có thẩm quyền của Nhà nước trước khi hết thời hạn thuê đất.

Khi hợp đồng thuê đất này hết giá trị hiệu lực trước thời hạn, Bên cho thuê đất lập hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền của Nhà nước ra quyết định thu hồi quyền thuê khoảnh đất .

4.5 : Trong quá trình sử dụng khoảnh đất, nếu Nhà nước hoặc Thành phố có yêu cầu sử dụng diện tích đất cho thuê vào mục đích an ninh, quốc phòng thì Bên thuê đất chấp nhận giao lại mặt bằng đất và được bố trí thuê một diện

tích đất tương tự ở một vị trí khác phù hợp, chi phí di chuyển và thiệt hại về tài sản do đơn vị có nhu cầu sử dụng đất chịu trách nhiệm đền bù.

4.6 : Trường hợp Bên thuê đất bị giải thể, sáp nhập hoặc bị tách ra thành nhiều tổ chức khác làm thay đổi pháp nhân thuê đất của hợp đồng này, thì các tổ chức nào có quyền thừa kế hợp pháp sẽ thực hiện theo điều 4.2 của hợp đồng thuê đất này.

4.7 :- Trường hợp tổ chức của Bên cho thuê đất thay đổi, hợp đồng thuê đất này vẫn có giá trị hiệu lực và Bên cho thuê đất sẽ chuyển giao Hợp đồng thuê đất này cho tổ chức kế nhiệm mới thực hiện.

ĐIỀU 5.

5.1 : Thời hạn thuê đất là 30 (ba mươi) năm, kể từ ngày 23-8-1995, ngày được ký quyết định số 3128/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà nội.

- Khi hết thời hạn thuê đất, nếu Bên thuê đất vẫn có nhu cầu sử dụng đất thì hai bên cùng báo cáo cấp có thẩm quyền của Nhà nước và nếu được cấp có thẩm quyền của Nhà nước cho phép thì hai bên tiến hành ký Hợp đồng thuê đất mới hoặc gia hạn Hợp đồng thuê đất này theo quyết định phê chuẩn của cấp có thẩm quyền của Nhà nước. Bên thuê đất phải thông báo việc này với Bên cho thuê đất trước 06 tháng.

- Khi hết thời hạn thuê đất, nếu Bên thuê không còn nhu cầu sử dụng đất tiếp thì hợp đồng thuê đất này sẽ hết giá trị hiệu lực. Các công trình xây dựng mà Bên thuê đất đầu tư và xây dựng hợp pháp trên Khoảnh đất được giải quyết theo cách thức sau :

+ Nếu các công trình xây dựng trên khoảnh đất được chuyển nhượng hoặc chuyển giao cho bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào thì tổ chức, cá nhân thừa kế quyền sử dụng khoảnh đất và các tài sản, công trình có trên khoảnh đất sẽ thực hiện theo điều 4.2 của Hợp đồng thuê đất này.

+ Nếu các công trình xây dựng đó không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao thì Bên thuê đất được phép (nhưng không buộc phải) giải phóng mặt bằng của khoảnh đất để giao lại cho Nhà nước và sẽ không phải khôi phục khoảnh đất trở về hiện trạng như trước khi ký Hợp đồng thuê đất.

- Khi Hợp đồng thuê đất hết giá trị hiệu lực, hai bên tiến hành mọi thủ tục thanh lý Hợp đồng. Trường hợp Bên thuê đất chậm trả lại khoảnh đất thuê thì Bên thuê đất phải trả tiền thuê cho thời gian chậm trả đó và bồi thường mọi thiệt hại do việc chậm trả gây ra theo qui định của Nhà nước.

5.2 : Giá thuê đất :

- Căn cứ vào điều 2 quyết định số 3128/QĐ-UB ngày 23-8-1995 của UBND Thành phố Hà Nội và quyết định số 1357 TC/QĐ/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính, theo khoản 1 điều 2 của quyết định này, giá thuê đất tại hợp đồng thuê đất này là 0,5% giá 1 m² đất quy định tại quyết định số 2951/QĐ-UB ngày 8-11-1994 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ bản đồ hiện trạng số 575/10-94 tỷ lệ 1:500 do Công ty Khảo sát đo đạc Hà Nội lập ngày 17-10-1994 và theo vị trí thực tế thì khu đất Công ty Đồng Tháp thuê nằm ở trong ngõ của đường Trương Định, là đường phố loại 2 thuộc khu vực cận trung tâm. Áp dụng bảng 6 của quyết định 2951/QĐ-UB thì giá đất được xác định là : 1.330.000 đồng/m² đất.

*** Giá tiền thuê 1 m² đất trong 1 năm là :**

$$1.330.000,0 \text{ đồng/m}^2 \times 0,5\% \times 1 \text{ năm} = 6.650 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

*** Tiền thuê 5.727,6 m² đất trong 1 năm là :**

$$6.650 \text{ đ/m}^2/\text{năm} \times 5.727,6 \text{ m}^2 \times 1 \text{ năm} = 38.088.540 \text{ đồng/năm}.$$

(Ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm bốn mươi đồng chẵn).

5.3 : Thể thức thanh toán :

- Căn cứ quyết định số 549/QĐ-UB ngày 9-2-1996 của UBND Thành phố Hà Nội, Bên thuê đất liên hệ với Cục Thuế Thành phố Hà Nội để làm thủ tục nộp tiền thuê đất cho ngân sách Nhà nước và làm các thủ tục xét giảm tiền thuê đất trong thời gian xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước.

5.4 : Tiền thuê đất được thay đổi khi Nhà nước hoặc UBND Thành phố Hà Nội có quyết định thay đổi khung giá đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

5.5 : Bên thuê đất phải trả tiền thuê đất đúng thời hạn theo quy định của Cục thuế Thành phố. Nếu trả chậm thì bị phạt 0,2 % một ngày chậm trên giá trị số tiền nộp chậm.

5.6 : Ngoài tiền thuê đất ghi trong Hợp đồng này, chi phí san lấp, tôn tạo mặt bằng và giải toả , đền bù hoa màu , tài sản phải dỡ bỏ để giải phóng mặt bằng (nếu có) Bên thuê đất phải chịu . Mức đền bù do Bên thuê đất và đơn vị , cá nhân sử dụng trước đó được thực hiện theo qui định của Nhà nước .

ĐIỀU 6:

6.1 : Trường hợp cả hai bên hoặc một trong hai bên muốn sửa đổi hay bổ xung hợp đồng thuê đất thì các bên phải thông báo cho nhau trước 30 ngày để xem xét và thoả thuận bằng văn bản . Nội dung của văn bản sửa đổi hoặc bổ xung chỉ có giá trị khi được cả hai bên cùng ký .

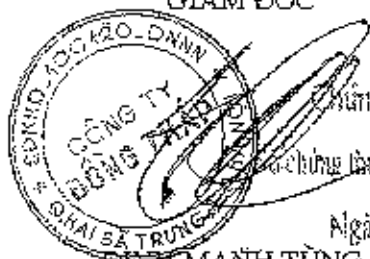
6.2 : Trường hợp xuất hiện bất đồng liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, hai bên sẽ bàn bạc giải quyết bằng biện pháp thương lượng, hoà giải. Trường hợp không thể giải quyết được thì sẽ đưa ra Toà án Kinh tế Thành phố để giải quyết. Quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết hai bên có trách nhiệm thi hành .

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG :

Hai bên cam kết thực hiện đúng Hợp đồng thuê đất đã ký. Hợp đồng này được ký tại Hà nội ngày 28 tháng 3 năm 1996 và được lập thành 10 bản , mỗi bên giữ 05 bản, các bản hợp đồng này có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ ĐẤT
CÔNG TY ĐỒNG THÁP
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ ĐẤT
BAN DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI HÀ NỘI
TRƯỞNG BAN



Ngày .. 07 tháng .. 10 năm .. 2010

ĐINH MANH TÙNG

PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN TRỌNG LỄ



Phạm Thị Bích Ngọc

Figure 1. Schematic representation of the experimental design. The figure is divided into two main sections: 'Pre-Test' and 'Main Experiment'. The 'Pre-Test' section includes 'Pre-Test 1' and 'Pre-Test 2'. The 'Main Experiment' section includes 'Main Experiment 1' and 'Main Experiment 2'. Each section shows a sequence of steps: 'Stimulus presentation', 'Response', 'Feedback', and 'Inter-trial interval'. The 'Main Experiment' section also includes 'Post-Test' and 'Debriefing'.

BẢN SÁI

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *167/HĐTD*

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành về việc thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND Thành phố về việc cho phép Công ty cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6 m² đất tại số 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định;

Căn cứ Quyết định số 6840/QĐ-STC ngày 25/11/2014 của Sở Tài chính về việc đơn giá thuê đất đối với diện tích làm sân, đường nội bộ và diện tích trong chỉ giới mở đường dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng của Công ty cổ phần Đồng Tháp;

Hôm nay, ngày *4* tháng *2* năm 2015, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 18 - Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Do Ông: Nguyễn Trọng Lễ

- Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP

- Do ông: Dương Quốc Tuấn

- Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty làm đại diện

- Địa chỉ: 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà

Nội

- Mã số thuế: 0100100223

- Số tài khoản: 000243982 tại Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Hà Nội.

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 2.665 m² (Hai nghìn sáu trăm sáu mươi năm mét vuông) đất

Tại: 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Mục đích sử dụng đất: Để làm sân, đường nội bộ của Khu nhà ở để bán 129D Trương Định.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định tại Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng do Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam lập tháng 12/2007, được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 17/01/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 08/12/2011.

Trong tổng số 2.665 m² đất cổ:

+ 1667 m² đất giới hạn bởi các điểm 1 đến 4, A, B, 9, IV, III, I, 1 đến ranh giới đất xây dựng chung cư cao tầng và dịch vụ công cộng (giới hạn bởi các điểm từ xd1 đến xd20, xd1) để làm sân, đường nội bộ (trong đó có 1.130,2 m² là phần diện tích tầng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình). Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày ký Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND Thành phố.

- 998 m² đất giới hạn bởi các điểm 5, 6, 7, 8, B, A, 5 nằm trong chỉ giới mở đường đô theo quy hoạch, tuyệt đối không được xây dựng công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn sử dụng đất: Thuê hàng năm.

3. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo qui định sau:

1. Căn cứ Quyết định số 6840/QĐ-STC ngày 25/11/2014 của Sở Tài chính về việc đơn giá thuê đất đối với diện tích làm sân, đường nội bộ và diện tích trong chỉ giới mở đường dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng của Công ty cổ phần Đồng Tháp;

Đối với diện tích: 2.665 m² đất. Đơn giá thuê đất là: 109.991 đồng/m²/năm.

Đơn giá thuê đất nêu trên được ổn định từ ngày 26/12/2011 (ngày UBND Thành phố ban hành 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 theo quy định tại khoản 3

Điều 14 Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND Thành phố).

Hết thời hạn trên, đơn giá thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Sau khi có Quyết định điều chỉnh đơn giá thuê đất của Cục Thuế Hà Nội, đơn vị có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

2. Công ty có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế Hà Nội nộp truy thu tiền thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước quận Hai Bà Trưng.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này và phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định pháp luật về đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

4. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

5. Trong thời gian sử dụng đất thuê, Bên thuê đất phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, các quy định của pháp luật về Quy hoạch, Xây dựng và Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản, phát mại tài sản hoặc giải thể doanh nghiệp (đối với trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm).

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bên đó phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này gồm 04 trang được đóng dấu giáp lai giữa các trang và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế quận Hai Bà Trưng để thu tiền thuê đất.

Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Quốc Tuấn

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Lễ

Căn cứ luật bất sản được với bản chính
Đã chứng thực tại Văn phòng Công chứng
Ngày... tháng... năm...

[Signature]
PHÓ CHỦ TỊCH
[Signature]

R

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 01121000886

Chứng nhận: ngày 27 tháng 9 năm 2010

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ các văn bản của UBND thành phố Hà Nội:

Văn bản số 1438/UB-CN ngày 04/05/2004 của UBND thành phố Hà Nội chấp thuận và chủ trương đề Công ty Đồng Tháp di dời cơ sở sản xuất công nghiệp tại 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ra ngoài khu vực nội thành, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch của thành phố;

Văn bản số 2427/UBND-KH&ĐT ngày 06/6/2006 của UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đồng Tháp được kế thừa và tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư của Công ty Đồng Tháp đã được UBND thành phố Hà Nội đồng ý về chủ trương đầu tư;

Căn cứ văn bản thẩm tra số 1072/BXD-HĐXD ngày 14/6/2010 của Bộ Xây dựng;

Xét Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đồng Tháp;

Xét Báo cáo thẩm tra số 922/BC-KH&ĐT ngày 27/ 8/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội;

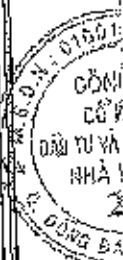
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận:

Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009195 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 23/10/2009

Đại diện bởi: Trần Quốc Việt – Chủ tịch Hội đồng quản trị



Sinh ngày : 24 tháng 11 năm 1961.

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Chứng minh nhân dân số : 010397411 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/07/2007.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Số nhà 27C, tổ 14 A, Phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay : Số nhà 27C, tổ 14 A, Phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đồng Tháp

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013025 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/07/2006.

Đại diện bởi: Dương Quốc Tuấn – Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 06 tháng 03 năm 1959.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Chứng minh thư nhân dân số 010426834 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/07/2004.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : 50/187 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay : 50/187 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hai Nhà đầu tư nói trên cùng góp vốn hợp tác đầu tư dự án thông qua hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư. Việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, quyền lợi, trách nhiệm do các bên tự thỏa thuận, thống nhất và tự chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật về hợp đồng kinh tế, Luật Đầu tư và pháp luật liên quan.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Mục tiêu dự án: thực hiện chủ trương của UBND Thành phố về việc di dời cơ sở sản xuất Công ty Cổ phần Đồng Tháp ra khỏi nội thành; xây dựng khu nhà ở để bán đồng bộ hệ thống HTKT theo quy hoạch được duyệt, hoàn chỉnh quy hoạch, nâng cấp cảnh quan, hạ tầng đô thị khu vực và sử dụng đất đô thị có hiệu quả.

Quy mô đầu tư dự kiến: theo văn bản số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 của sở Quy hoạch Kiến trúc về việc chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ công trình tại 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với các chỉ tiêu chính như sau: Tổng diện tích khu đất khoảng 4.737,9m²; diện tích xây dựng khoảng 2.365m²; mật độ xây dựng 49,9%; tổng diện tích sàn

26.385,9m²; hệ số sử dụng đất 5,56 lần; bố cục công trình gồm các nhà ở thấp tầng (cao 4 tầng) và khối nhà chung cư cao 17 tầng kết hợp dịch vụ công cộng.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: số 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 4.737,9m² (không kể phần dành để mở đường khoảng 989,7m² theo quy hoạch) - diện tích đất sẽ được chuẩn xác trong quá trình hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy hoạch.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 155,079 tỷ đồng Việt Nam, trong đó:

- Vốn tự có (vốn góp)	32,834 tỷ đồng	21,2%
- Vốn vay ngân hàng	60,000 tỷ đồng	38,7%
- Vốn huy động khác	62,245 tỷ đồng	40,1%

Việc góp vốn do các Nhà đầu tư tự thỏa thuận, thống nhất và tự chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật; Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện bố trí vốn góp và huy động vốn theo đúng nội dung đã đăng ký; việc huy động vốn thực hiện dự án phải đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày cấp GCNĐT (thời hạn giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai).

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: 2010-2012.

Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng tiến độ đã đăng ký. Trường hợp triển khai không đúng tiến độ, Nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo UBND Thành phố Hà Nội để xem xét gia hạn hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án: Nhà đầu tư được ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai bản) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư này được cấp theo quy định của Luật Đầu tư trên cơ sở Bản đề nghị của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đông Tháp. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư có trách nhiệm tiếp tục thực hiện đầy đủ các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường... và các Nghị định của Chính phủ, thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan; thực hiện đầy đủ các ý kiến của UBND thành phố Hà Nội tại văn bản số 1438/UB-CN ngày 04/5/2004; số 2427/UBND-KH&ĐT ngày 06/6/2006; của Bộ Xây dựng tại văn bản thẩm tra số 1072/BXD-HDXD ngày 14/6/2010; liên hệ với các Sở, ngành Thành phố hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định. Nhà đầu tư chỉ được quyền thực hiện dự án sau khi hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư nêu trên. Nghiêm cấm việc chuyển nhượng dự án, huy động vốn để triển khai dự án không đúng quy định của Pháp luật dưới

mọi hình thức; trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

Trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư, thực hiện đầu tư và kinh doanh khai thác dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật pháp liên quan; tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo theo Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính Phủ và văn bản số 2162/UBND-KH&ĐT ngày 01/4/2010 của UBND Thành phố."

Nơi nhận:

- Như điều 8;
- Các Bộ: KH&ĐT, TN&MT, XD, TC, CT; Ngân hàng NN-VN;
- Các Sở: KH&ĐT(05), TN&MT, XD, QHKT, TC, Cục thuế TPHN;
- UBND quận Hai Bà Trưng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN BẢO ĐÚNG VÀ BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4.0.7. Quyển 061. SCT/PS

Ngày 29 tháng 5 năm 2017



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thùy Hà

BẢN SAO

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 33 /GPXD-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2011



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Đồng Tháp.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án: Khu nhà ở để bán số 129D phố Trương Định quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.

+ Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ xin cấp phép xây dựng Khu nhà ở để bán số 129D phố Trương Định quận Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội.

+ Do: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22 lập được Công ty TNHH tư vấn Đại học Xây dựng thẩm tra.

Gồm các nội dung sau:

Công trình số 1: Khối nhà chung cư cao tầng:

+ Diện tích xây dựng: 1.310 m².

+ Tổng diện tích sàn: 23.445 m² (không bao gồm diện tích xây dựng tầng hầm tầng kỹ thuật, mái tum);

+ Chiều cao tầng 1: 6,0 m;

+ Tổng chiều cao công trình: 70,2 m (tính từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt nền hiện trạng 0,9m);

+ Số tầng: 17 tầng (không bao gồm tầng hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật và áp mái);

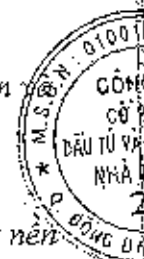
- Tại số 129D phố Trương Định, Phường Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Diện tích khu đất: 5.727,6 m².

Công trình số 2: Nhà ở thấp tầng gồm các mẫu nhà số 1, số 2, số 2', số 3, số 3', số 4:

Mẫu số 1 (01 căn hộ): Diện tích xây dựng: 68,8 m². Tổng diện tích sàn: 123,3 m². Chiều cao tầng 1: 3,9m; Tổng chiều cao: 17,2m; Số tầng: 04 tầng (không kể tầng áp mái);

Mẫu số 2' (06 căn hộ): Diện tích xây dựng: 55,3 m². Tổng diện tích sàn: 197,7 m². Chiều cao tầng 1: 3,9m; Tổng chiều cao: 17,2m; Số tầng: 04 tầng (không kể tầng áp mái);

Mẫu số 2'' (03 căn hộ): Diện tích xây dựng: 50,1 m². Tổng diện tích sàn: 187,7 m². Chiều cao tầng 1: 3,9m; Tổng chiều cao: 17,2m; Số tầng: 04 tầng (không kể tầng áp mái);



1. The first part of the document is a letter from the President of the United States to the Congress, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the President's policy for the new year. The President states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

2. The second part of the document is a report from the Secretary of the Treasury, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

3. The third part of the document is a report from the Secretary of the Interior, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

4. The fourth part of the document is a report from the Secretary of the Navy, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

5. The fifth part of the document is a report from the Secretary of the War, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

6. The sixth part of the document is a report from the Secretary of the State, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

7. The seventh part of the document is a report from the Secretary of the Education, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

8. The eighth part of the document is a report from the Secretary of the Agriculture, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

9. The ninth part of the document is a report from the Secretary of the Commerce, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

10. The tenth part of the document is a report from the Secretary of the Finance, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

11

12. The twelfth part of the document is a report from the Secretary of the Education, dated January 1, 1861. It is a very important document, as it sets out the Secretary's policy for the new year. The Secretary states that he is pleased to see the Congress assembled, and that he is confident that the country is in a good position to meet the challenges of the future.

Mẫu số 3 (03 căn hộ): Diện tích xây dựng: 54,2 m². Tổng diện tích sàn: 193,6m²; Chiều cao tầng 1: 3,9m; Tổng chiều cao: 17,2m; Số tầng: 04 tầng (không kể tầng áp mái);

Mẫu số 3' (02 căn hộ): Diện tích xây dựng: 49,1 m². Tổng diện tích sàn: 183,7m²; Chiều cao tầng 1: 3,9m; Tổng chiều cao: 17,2m; Số tầng: 04 tầng (không kể tầng áp mái);

- Cốt nền, xây dựng công trình, Mật độ xây dựng, Hệ số sử dụng đất, Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng: Theo Bản vẽ Quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận tại văn bản số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008;

- Màu sắc các công trình: Phù hợp với chức năng của công trình và tổng thể khu vực.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Công trình chưa khởi công xây dựng.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại trang 3 của giấy phép xây dựng này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Lưu: VT, HS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Trung

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 650... Quyền số 0... SCT/BS

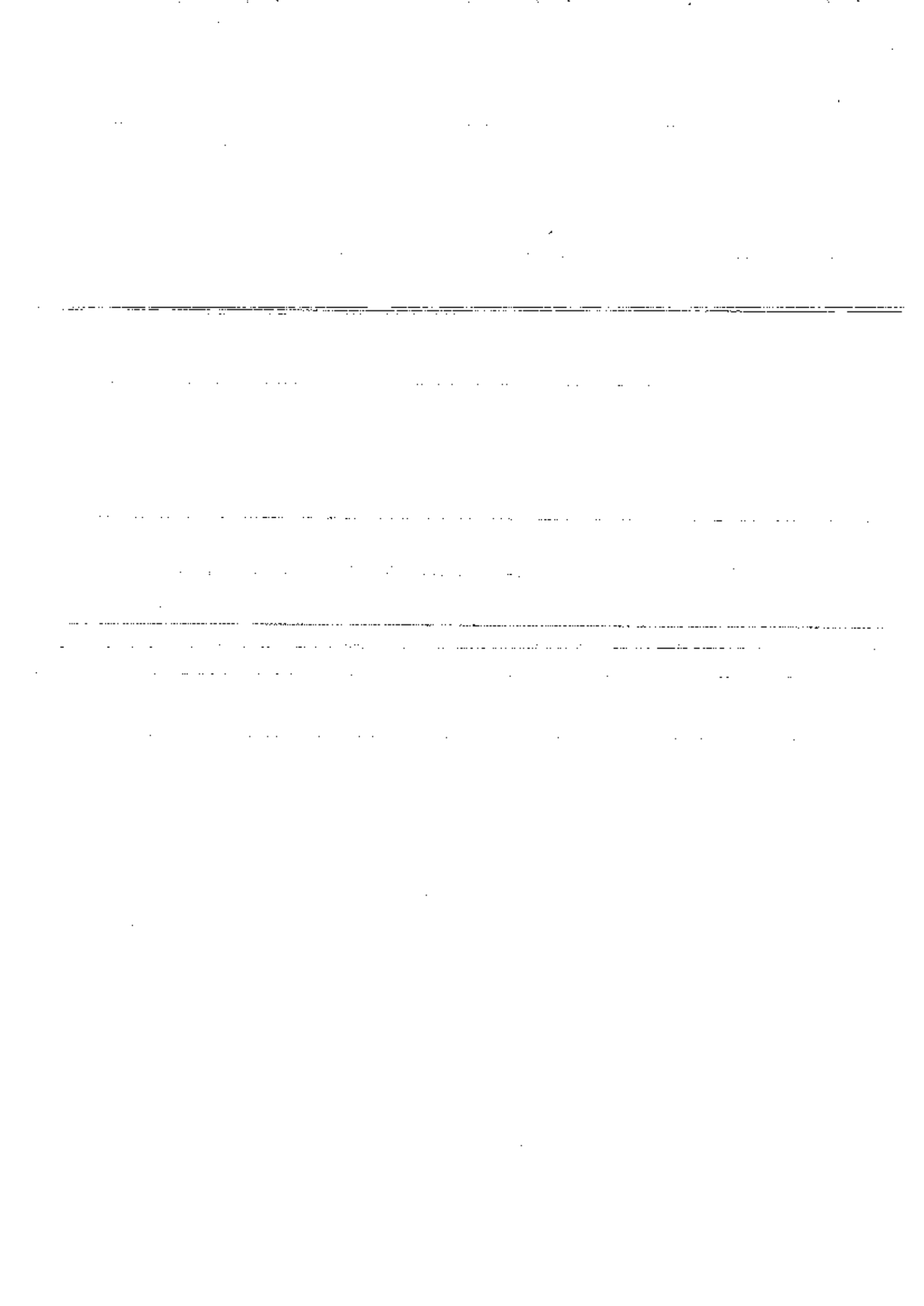
Ngày 12 tháng 5 năm 2015

Chủ tịch UBND Phường Trương Định



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Quân



**CHẤP THUẬN BẢN VẼ ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG
VÀ PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC**

I. Tên tổ chức: Liên danh Công ty cổ phần Đồng Tháp và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22 (Đại diện Liên danh: Công ty cổ phần Đồng Tháp).

- Địa chỉ: Số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng.

II. Nội dung:

- **Như cầu:** Chấp thuận bản vẽ điều chỉnh Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc công trình Dự án khu nhà ở để bán tại khu đất số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- **Vị trí - hiện trạng khu đất:** Phía Tây giáp ngõ 129D phố Trương Định, phía Bắc giáp khu đất Công ty vật tư Công nghiệp Hà Nội, phía Đông giáp đường quy hoạch và phía Nam giáp khu dân cư hiện có. Theo báo cáo của Sở Xây dựng tại công văn số 10399/SXD-TTtr ngày 14/11/2016: Hiện trạng khối chung cư cao tầng đã thi công phần thô đến tầng 14, khối nhà ở thấp tầng đã thi công xây dựng thô 15 căn thấp tầng.

III. Nội dung giải quyết:

Căn cứ: Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011; Quy hoạch phân khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6499/QĐ-UBND ngày 27/11/2015; Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc Dự án khu nhà ở để bán tại khu đất số 129D Trương Định đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận kèm theo các công văn số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 và số 4852/QHKT-P2 ngày 11/11/2014; Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000886 của UBND Thành phố cấp ngày 27/9/2010; Công văn số 9465/UBND-TNMT ngày 22/11/2010 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh diện tích sàn căn hộ và cơ cấu căn hộ dự án khu Nhà ở để bán tại số 129D phố Trương Định; Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/1/2011 của UBND Thành phố về việc cho phép Công ty cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng 5.727,6m² đất tại số 129D phố Trương Định để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 12D Trương Định; Giấy phép xây dựng số 33/GPXD-SXD ngày 18/5/2015 của Sở Xây dựng; Công văn số 10399/SXD-TTtr ngày 14/11/2016 của Sở Xây dựng về việc kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng tại Dự án khu nhà ở để bán tại số 129D phố Trương Định; Công văn số 1335/VP-ĐT ngày 17/02/2017 của Văn phòng UBND Thành phố về quy hoạch kiến trúc Dự án Khu nhà ở để bán tại 129D Trương Định; Giấy phép quy hoạch số 2505/GPQH ngày 27/4/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2008/BXD); Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các văn bản pháp lý, quy định hiện hành, hồ sơ tài liệu có liên quan.

Dự án đầu tư nêu trên đã được Chủ đầu tư đã tổ chức thi công xây dựng công trình, tuy nhiên có vi phạm về trật tự xây dựng. Công trình đã được Chính quyền địa phương, Sở Xây dựng kiểm tra, yêu cầu Chủ đầu tư tạm dừng thi công, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với Chủ đầu tư theo quy định hiện hành và đã được UBND Thành phố chỉ đạo Liên ngành Thành phố xem xét khả năng điều chỉnh quy hoạch kiến trúc của Dự án (tại văn bản số 11549/VP-ĐT ngày 02/12/2016). Sở Quy hoạch - Kiến trúc thay mặt Liên ngành đã có văn bản số 284/QHKT ngày 16/01/2017 báo cáo, đề xuất UBND Thành phố cho phép điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch của Dự án và đã được UBND Thành phố chấp thuận, đồng thời giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn

Chủ đầu tư thực hiện thủ tục quy hoạch kiến trúc theo quy định của pháp luật (tại văn bản số 1335/VP-ĐT ngày 17/02/2017) thông qua thủ tục cấp phép quy hoạch.

Sau khi xem xét bản vẽ điều chỉnh Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22 lập năm 2017 (gửi kèm theo đề nghị tại công văn số 19/CV-CPĐT ngày 05/5/2017 của Công ty cổ phần Đồng Tháp), chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đề xuất điều chỉnh về cơ bản phù hợp với chỉ đạo của UBND Thành phố tại văn bản số 1335/VP-ĐT ngày 17/02/2017 và Giấy phép quy hoạch số 2505/GPQH ngày 27/4/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế có liên quan. Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận bản vẽ điều chỉnh Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc công trình tại khu đất số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng với nội dung chính và yêu cầu sau:

1. Tổng mặt bằng điều chỉnh:

* **Chức năng sử dụng:** Dịch vụ công cộng, nhà trẻ, sinh hoạt cộng đồng, nhà ở cao tầng và thấp tầng.

* **Tổng diện tích khu đất nghiên cứu:** Khoảng 5.727,6m². Trong đó: Diện tích đất để mở đường theo quy hoạch khoảng 998,1m²; Diện tích đất lập Dự án khoảng 4.729,5m².

* **Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung toàn khu đất:**

- Diện tích xây dựng công trình: Khoảng 2.439m²;

- Mật độ xây dựng toàn khu đất: Khoảng 51,57% (tính trên phần diện tích đất được quản lý sử dụng hợp pháp và nằm ngoài phạm vi mở đường quy hoạch);

- Tổng diện tích sàn xây dựng (Chưa bao gồm diện tích sàn tầng hầm; tầng dịch vụ, kỹ thuật và tum thang): Khoảng 31.382m².

- Tổng diện tích sàn đỗ xe: Khoảng 4.688,38m² (Trong đó: Diện tích sàn bố trí tại Nhà chung cư cao tầng khoảng 4.483,38m²; Diện tích bố trí tại sân, đường giao thông nội bộ khoảng 205m²);

- Tầng cao công trình (tầng nổi): 05-21 tầng và 01 tầng hầm.

- Số lượng căn hộ (bao gồm nhà ở cao tầng và nhà ở thấp tầng) 219 căn; Dân số (bao gồm nhà ở cao tầng và nhà ở thấp tầng) khoảng 815 người.

* **Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc tầng khu chức năng:**

- **Khu Nhà chung cư cao tầng:**

+ Diện tích xây dựng công trình: Khoảng 1.560,8m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng công trình (chưa bao gồm 01 tầng hầm; 01 tầng dịch vụ, kỹ thuật và 01 tầng tum thang): 27.409m²;

+ Tầng cao công trình: 21 tầng và 01 tầng hầm.

+ Tổng chiều cao công trình (tính từ cao độ sân, đường nội bộ đến đỉnh mái công trình): 70,35m.

+ Số lượng căn hộ: 204 căn; Dân số: 755 người.

- **Khu nhà ở thấp tầng:**

+ Diện tích xây dựng công trình: Khoảng 878,2m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng công trình (chưa bao gồm tầng tum thang): Khoảng 3.973m²;

+ Tầng cao công trình: 05 tầng.

+ Tổng chiều cao công trình (tính từ cao độ sân, đường nội bộ đến sân mái tầng tum thang): 17,85m.

+ Số lượng: 15 căn nhà ở thấp tầng, với 03 mẫu nhà; Dân số: 60 người

* **Khoảng cách các công trình đến ranh giới đất và chỉ giới đường đỏ:** Tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCVN 01/2008/BXD), được xác định cụ thể tại bản vẽ Tổng mặt bằng.

2. Phương án kiến trúc công trình điều chỉnh:

2.1. Công trình Nhà chung cư cao tầng:

- Tầng hầm (01 tầng): Bố trí chỗ đỗ xe, khu kỹ thuật phục vụ công trình; Diện tích sàn xây dựng khoảng 2.432,78m² (trong đó diện tích sàn đỗ xe khoảng 2.043,1m²), chiều cao 2,7m và 3,6m.

- Tầng 1: Bố trí không gian sảnh, đỗ xe, dịch vụ công cộng và khu phụ trợ; Diện tích xây dựng khoảng $1.560,8m^2$ (trong đó diện tích sàn đỗ xe khoảng $1.009,37m^2$), chiều cao tầng 2,55m (cột cao độ tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,9m).

- Tầng lửng: Bố trí đỗ xe, nhà trẻ và khu phụ trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $1.241,21m^2$ (trong đó: Diện tích sàn Nhà trẻ khoảng $554,24m^2$, diện tích sàn đỗ xe khoảng $551,15m^2$), chiều cao 3m.

- Tầng dịch vụ, kỹ thuật: Bố trí đỗ xe, dịch vụ (bể bơi...) và khu phụ trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $1.560,8m^2$ (trong đó diện tích sàn đỗ xe khoảng $879,76m^2$), chiều cao 3,3m.

- Tầng 2 đến tầng 18: Bố trí chức năng căn hộ ở và khu phục trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $1.447,47m^2$ /tầng, chiều cao 3,3m/tầng; Có 12 căn hộ/tầng.

- Tầng tum thang: Bố trí phòng sinh hoạt cộng đồng, kỹ thuật và khu phụ trợ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $583,38m^2$ (trong đó diện tích sàn sinh hoạt cộng đồng khoảng $179,84m^2$); Chiều cao là 3,3m và 4,5m.

2.2. Công trình nhà ở thấp tầng:

a. Khu nhà ở thấp tầng mẫu số 1 (tổng số có 10 công trình):

- Tầng 1: Bố trí Gara đảm bảo chỗ đỗ xe cho bán thân công trình, bếp, phòng ăn và phòng khách; Diện tích xây dựng khoảng $59,4m^2$, chiều cao 3,9m (cột cao độ sân tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,45m);

- Tầng 2: Bố trí phòng ngủ, phòng sinh hoạt chung; Diện tích sàn xây dựng khoảng $70,2m^2$, chiều cao là 3,6m.

- Tầng 3, 4: Bố trí phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $70,2m^2$, chiều cao tầng 3 là 3,6m, tầng 4 là 3,3m.

- Tầng tum: Bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi; Diện tích sàn xây dựng khoảng $32,86m^2$, chiều cao 3m.

b. Khu nhà ở thấp tầng mẫu số 2 (tổng số có 04 công trình):

- Tầng 1: Bố trí Gara đảm bảo chỗ đỗ xe cho bán thân công trình, bếp, phòng ăn và phòng khách; Diện tích xây dựng khoảng $52,8m^2$, chiều cao 3,9m (cột cao độ sân tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,45m);

- Tầng 2: Bố trí phòng ngủ, phòng sinh hoạt chung; Diện tích sàn xây dựng khoảng $62,4m^2$, chiều cao là 3,6m.

- Tầng 3, 4: Bố trí phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $62,4m^2$, chiều cao tầng 3 là 3,6m, tầng 4 là 3,3m.

- Tầng tum: Bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi; Diện tích sàn xây dựng khoảng $29,12m^2$, chiều cao 3m.

c. Khu nhà ở thấp tầng mẫu số 3 (tổng số có 01 công trình):

- Tầng 1: Bố trí Gara đảm bảo chỗ đỗ xe cho bán thân công trình, phòng khách; Diện tích xây dựng khoảng $73m^2$, chiều cao 3,9m (cột cao độ sân tầng 1 cao hơn cột cao độ sân, đường nội bộ là 0,45m);

- Tầng 2: Bố trí bếp, phòng ăn, phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $80m^2$, chiều cao là 3,6m.

- Tầng 3, 4: Bố trí phòng ngủ; Diện tích sàn xây dựng khoảng $80m^2$, chiều cao tầng 3 là 3,6m, tầng 4 là 3,3m.

- Tầng tum: Bố trí phòng thờ, phòng giặt và sân phơi; Diện tích sàn xây dựng khoảng $53,2m^2$, chiều cao 3m.

(Nội dung chi tiết xem trong bản vẽ điều chỉnh Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22 lập năm 2017 được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội xác nhận kèm theo công văn này).

2.3. Các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật:

- Chủ đầu tư tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện phương án thiết kế các hạng mục công trình phụ trợ như: Sân, vườn, đường nội bộ, cây xanh, chiếu sáng... và các công trình hạ tầng kỹ thuật

khác đảm bảo yêu cầu khớp nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm nổi chung của khu vực theo Quy hoạch phân khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Hệ thống giao thông nội bộ của khu đất phải đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo quy định, đáp ứng yêu cầu PCCC theo Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam; Có giải pháp thiết kế phù hợp về tổ chức, đầu nối giao thông nội bộ của khu đất với mạng lưới đường giao thông khu vực theo quy hoạch.

- Bố trí đủ diện tích để xe cho bản thân Dự án và hỗ trợ thêm cho khu vực theo quy định. Việc xây dựng tầng hầm phải đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật về lối lên xuống, khoảng cách, chiều rộng, bán kính quay xe theo quy định. Khi xây dựng tầng hầm cần có biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn, không ảnh hưởng đến các công trình lân cận, tuân thủ quy định của Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị.

3. Các yêu cầu về hình khối, kiến trúc công trình:

Chủ đầu tư cần tiếp tục nghiên cứu kỹ hình thức kiến trúc công trình (sử dụng vật liệu, màu sắc, họa tiết kiến trúc, mặt đứng, chi tiết mái ...) phù hợp với chức năng sử dụng của từng loại hình công trình trong khuôn viên khu đất, đảm bảo hài hòa với các công trình liền kề và cảnh quan khu vực; Không sử dụng vật liệu hoàn thiện mặt nhà có độ phản quang cao, đóng góp hiệu quả cho không gian kiến trúc cảnh quan trong khu vực; Đảm bảo tỷ lệ khối tích công trình theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCVN 01:2008/BXD).

4. Các yêu cầu khác có liên quan:

- Chủ đầu tư hoàn tất các thủ tục theo đúng các quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng cùng các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố. Tiếp tục thực hiện yêu cầu của các Sở, ngành và của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Giấy phép quy hoạch số 2505/GPQH ngày 27/4/2017 trước khi tiếp tục thi công công trình.

- Liên hệ với các cơ quan quản lý chuyên ngành để được thỏa thuận giải pháp đầu nối giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, đảm bảo khớp nối đồng bộ theo quy định không ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ô nhiễm môi trường và tiếng ồn. Đảm bảo các yêu cầu về an toàn kết cấu công trình, công tác vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, thông gió, chiếu sáng, tiêu thoát nước...theo quy định.

- Liên hệ với UBND quận Hai Bà Trưng và Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra ranh giới, mốc giới, diện tích đất được giao đảm bảo chính xác, hoàn chỉnh các thủ tục về đất đai theo đúng quy định và cập nhật dự án vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn quận Hai Bà Trưng để trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Liên hệ với các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục thuế Hà Nội để kiểm tra, hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng, quản lý đất đai và thực hiện nghĩa vụ tài chính phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật; Liên hệ với Sở Xây dựng để được xem xét, hướng dẫn các thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại văn bản số 1335/VP-ĐT ngày 17/02/2017 và thực hiện nghĩa vụ của Chủ đầu tư đối với dự án phát triển nhà ở thương mại theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý và phát triển nhà ở xã hội. Tiếp tục hoàn thành các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai Dự án theo đúng chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được nêu tại văn bản này, chịu sự giám sát và chấp hành xử lý vi phạm (nếu có) của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng công trình theo quy định.

- Lập phương án quản lý, sử dụng và khai thác vận hành công trình tuân thủ quy định của pháp luật và Thành phố về quản lý nhà chung cư, trong đó xác định rõ diện tích sở hữu chung.

sở hữu riêng theo quy định tại các Điều 100, 101 Luật Nhà ở năm 2014 để làm cơ sở quản lý, vận hành sau đầu tư vào hợp đồng mua bán căn hộ chung cư, tránh xảy ra tranh chấp, khiếu kiện. Xây dựng quy trình bảo trì công trình và thực hiện việc bảo hành, bảo trì theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở và các quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình.

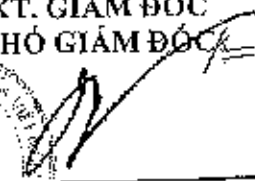
- Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với UBND quận Hai Bà Trưng để niêm yết công khai bản vẽ Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc tại vị trí Dự án và trụ sở chính quyền địa phương làm cơ sở quản lý giám sát quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy định. Giải quyết kịp thời các đơn kiến nghị, phản ánh (nếu phát sinh) trong quá trình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác sau đầu tư, giữ ổn định an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

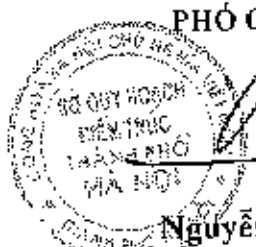
(Bản vẽ điều chỉnh Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc công trình được xác nhận, cùng phụ lục bảng thống kê chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc điều chỉnh kèm theo công văn này và lưu trữ tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội, thay thế bản vẽ Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận kèm theo các công văn số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 và số 4852/QHKT-P2 ngày 11/11/2014).

Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông báo để Liên danh Công ty cổ phần Đồng Tháp và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 22 (Đại diện Liên danh: Công ty cổ phần Đồng Tháp) được biết, triển khai các công việc tiếp theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đất đai, đầu tư và xây dựng trên địa bàn Thành phố./.

Nơi nhận:

- C.ty CP Đồng Tháp (để trả lời);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Thế Công;
- Các Sở: XD; TNMT; KHĐT; TC; (để p/hợp);
- UBND quận Hai Bà Trưng
- Lưu: VP, KHTH (03)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Công



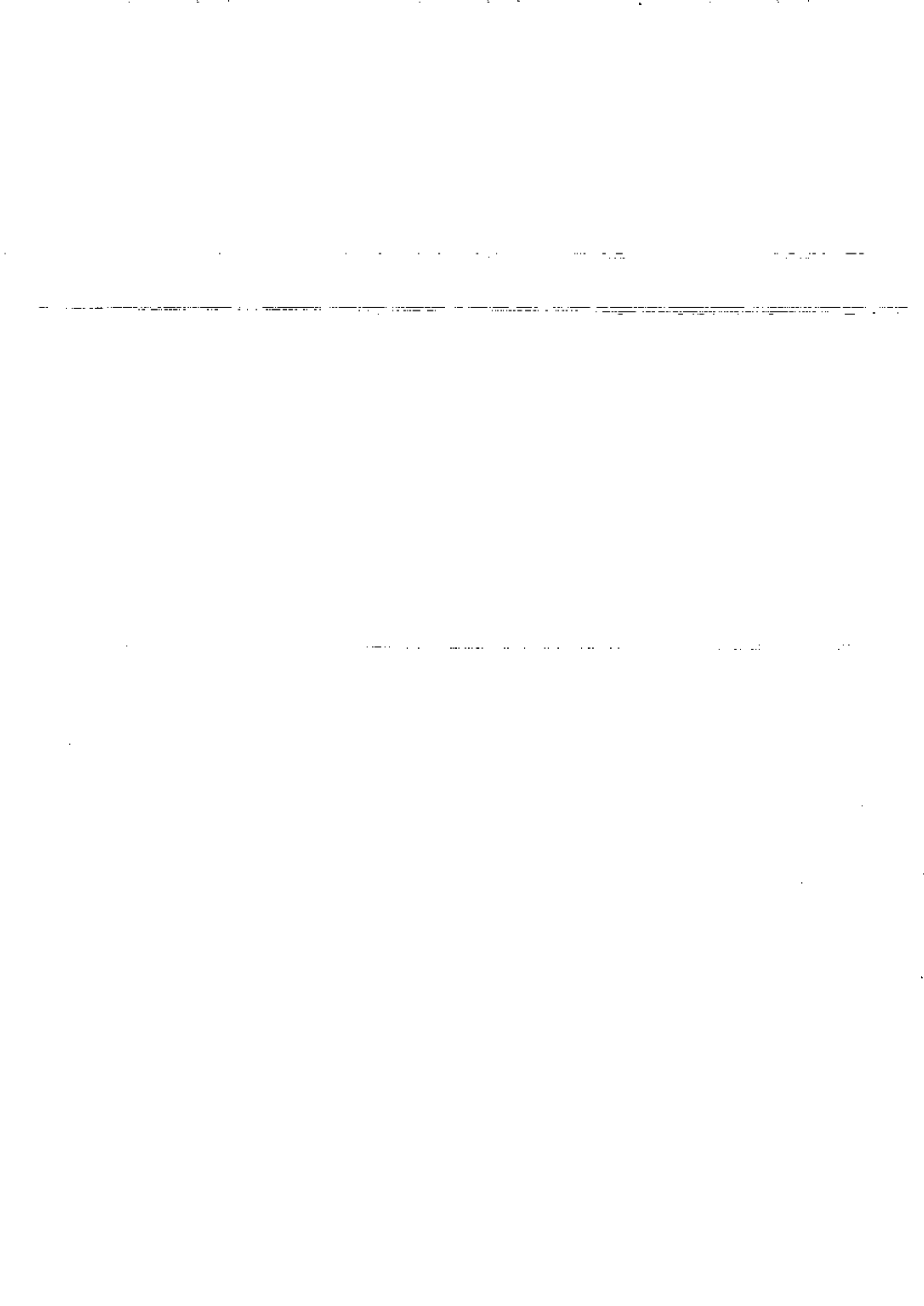
PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số 177/QHKT-TMB-PAKT (KH/TH) ngày 24/5/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc)

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH KIẾN TRÚC SAU ĐIỀU CHỈNH

ST T	Thành phần	Đơn vị	Chỉ tiêu QHKT đã được chấp thuận		Chỉ tiêu QHKT sau khi điều chỉnh	
			TMB&PAKT		Theo văn bản số 1335/V/P-ĐT ngày 17/02/2017 của UBND Thành phố và Giấy phép quy hoạch số 2505/GPQH ngày 27/4/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được chấp thuận điều chỉnh
			Theo các công văn số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 và số 4852/QHKT-P2 ngày 11/11/2014	Theo bản vẽ PAKT kèm theo công văn số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 (số liệu tính toán thực tế tại bản vẽ)		
	Tổng diện tích khu đất nghiên cứu	m ²	5.727,6	-	5.727,6	5.727,6
1	Diện tích đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch	m ²	989,7	-	998,1	998,1
2	Diện tích đất lấp Dự án		4.737,9	-	4.729,5	4.729,5
2.1	Diện tích xây dựng	m ²	2.365,0	-	2.439,0	2.439,0
	Trong đó					
	Gồm					
	- Diện tích xây dựng nhà chung cư cao tầng	m ²	1.319,0 (*)	1.560,8	1.560,8	1.560,8
	- Diện tích xây dựng nhà ở thấp tầng	m ²	814,7	-	878,2	878,2
2.2	Tổng diện tích sàn xây dựng các tầng nổi của Dự án	m ²	26.385,9	-	31.382,86	31.382
	Khối nhà chung cư cao tầng (chưa bao gồm tầng kỹ thuật và tum thang)	m ²	23.445,0 (Chưa bao gồm DT sàn Q2 tầng kỹ thuật và 01 tầng tum thang)	25.454,0 (Chưa bao gồm DT sàn Q2 tầng kỹ thuật và 01 tầng tum thang)	27.409 (Chưa bao gồm diện tích sàn Q1 tầng kỹ thuật và 01 tầng tum thang)	27.409
	Khối nhà ở thấp tầng (chưa bao gồm tầng tum thang)	m ²	2.940,9	-	3.973,0	3.973
2.3	Diện tích sàn xây dựng tầng hầm	m ²	2.713	-	2.432,78	2.432,78
2.4	Mật độ xây dựng	%	49,92	-	51,57	51,57
2.5	Tầng cao công trình	Tầng		-		

ST T	Thành phần	Đơn vị	Chỉ tiêu QHKT đã được chấp thuận TNB&PAKT		Chỉ tiêu QHKT sau khi điều chỉnh	
			Theo các công văn số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 và số 4852/QHKT-P2 ngày 11/11/2014	Theo bản vẽ PAKT kèm theo công văn số 106/QHKT-P2 ngày 17/01/2008 (số liệu tính toán thực tế tại bản vẽ)	Theo văn bản số 1335/V-P-DT ngày 17/02/2017 của UBND Thành phố và Giấy phép quy hoạch số 2505/GPQH ngày 27/4/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc được chấp thuận điều chỉnh
-	Khối nhà ở chung cư (chưa bao gồm 01 tầng hầm)		17 tầng (chưa bao gồm 01 tầng hầm + 02 tầng kệ thuật + hai tầng KJ)		21 tầng (gồm 18 tầng + 01 tầng hầm + 01 tầng dịch vụ, KT + 01 tầng thương)	21 tầng (gồm 18 tầng + 01 tầng hầm + 01 tầng dịch vụ, KT + 01 tầng thương)
-	Khối nhà ở thấp tầng		04 tầng + 01 tầng thương		05 tầng	05 tầng
2.6	Tổng chiều cao công trình (tính từ cao độ sân đường nội bộ đến đỉnh mái công trình)	m		71,18	70,35	70,35
2.7	Số lượng căn hộ	Căn	195		219	219
-	Khối nhà ở chung cư cao tầng		180		204	204
-	Khối nhà ở thấp tầng		15		15	15
2.8	Quy mô dân số	Người	784		815	815
-	Khối nhà ở chung cư cao tầng		734		755	755
-	Khối nhà ở thấp tầng		60		755	755



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 2459/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở 129D Trương Định”
Địa điểm: Số 129D, đường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức UBND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xác nhận vào trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

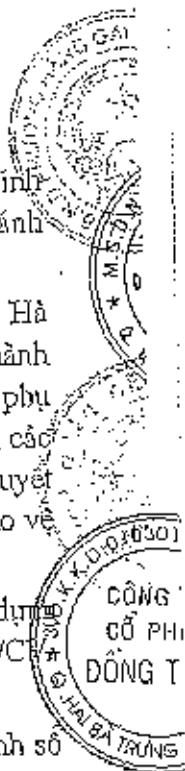
Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở 129D Trương Định” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 32/C/CTHN ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Chủ Dự án;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 3016/TTr-STNMT ngày 02 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở 129D Trương Định” và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở 129D Trương Định” tại số 129D, đường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần Đồng Tháp (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án: Tổng diện tích đất của dự án là 4.737,9 m²; Các hạng mục chính của Dự án bao gồm: Khối chung cư cao 17 tầng, gồm 180 căn hộ;



Khối nhà vườn cao 04 tầng, gồm 15 căn; Các hạng mục phụ trợ như sân vườn, đường nội bộ; Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo đầu tư của dự án.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án: Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động của dự án;

Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp, bảo đảm hạn chế tối đa các tác động xấu đến cộng đồng khu vực Dự án trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; Đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội;

2.2. Trong quá trình thực hiện dự án phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

2.3. Thực hiện các biện pháp giảm ô nhiễm bụi và khí thải, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và các quy định của UBND Thành phố Hà Nội tại các Quyết định: Số 02/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 về các biện pháp giảm bụi; Số 241/2005/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2.4. Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại và các loại chất thải khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo đúng các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

2.5. Quản lý và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải bảo đảm các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường.

2.6. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; Thực hiện chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị; gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để kiểm tra và giám sát.

ĐƠN
ĐỊ
HÀ
NỘI
SỐ
2
/

TP. HÀ NỘI
HÀ
NỘI
HÀ
NỘI

3. Các điều kiện kèm theo :

3.1. Phối hợp với chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ và thực hiện các biện pháp giáo dục nâng cao nhận thức cho lực lượng thi công xây dựng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

3.2. Thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan và người dân khu vực Dự án biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

3.3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

Điều 2. Chủ Dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận vào trang phụ bìa của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND quận Hai Bà Trưng và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tháp (Chủ Dự án) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
 - Chủ tịch UBND TP (để b/c);
 - PCT UBND TP và Hồng Khanh (để b/c);
 - VPUBTP: P.CVP Phạm Chí Công;
 - TH, TNMT;
 - Lưu VT.
- MHS: 18502.KTTV
1322 47

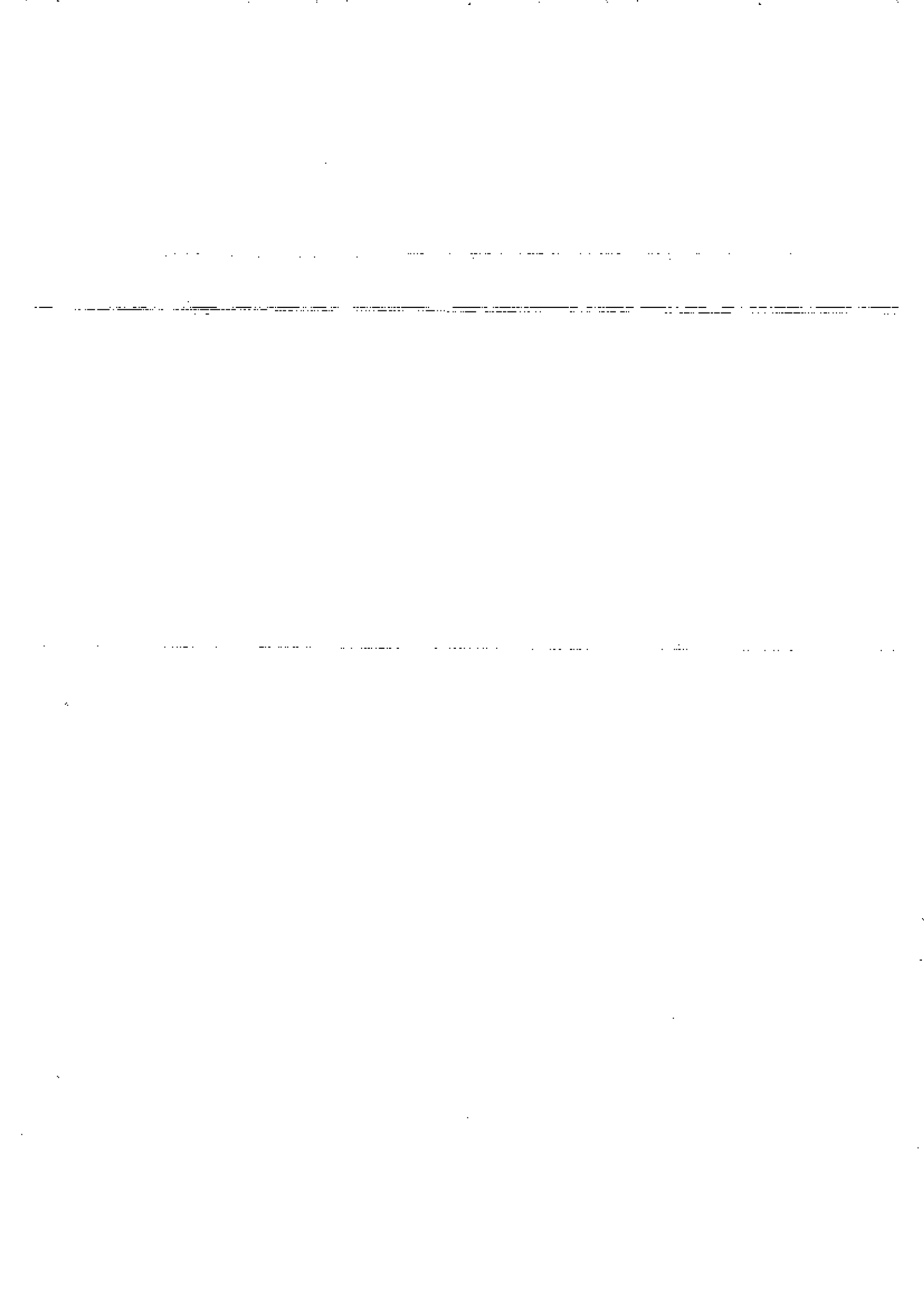


ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Phi Nga

Vũ Hồng Khanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN SỐ: 02/NTLB

NGHIỆM THU LẮP ĐẶT TÍNH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình: Khu nhà ở để bán - Chung cư cao tầng

Hạng mục: Thiết kế - cung cấp và lắp đặt thiết bị, công nghệ trạm xử lý nước thải

Địa điểm: 129D Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu

Nghiệm thu lắp đặt tính công tác thi công lắp đặt thiết bị công nghệ trạm xử lý nước thải.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

a. Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Ông: Nguyễn Đức Thành

Chức vụ: Phó chỉ huy trưởng công trình

Ông: Nguyễn Đức Trường Giang

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Ông: Phạm Minh Tiến

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

b. Bên B: Công ty cổ phần ĐT XD và công nghệ môi trường Việt Nam

Ông: An Ngọc Thủy

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Ông: Nguyễn Văn Tường

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: 8h ngày 06 tháng 12 năm 2017

Kết thúc: 10h30 ngày 06 tháng 12 năm 2017

Tại công trình: Tại công trình 129D Trương Định

4. Đánh giá về công tác thi công lắp đặt

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu số YCNT-NTNB-02
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Quy phạm, tiêu chuẩn và các chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- TCVN 5308-1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.
- TCVN 5637-1991 Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng – nguyên tắc cơ bản.
- TCVN 3491-2011 Hệ thống ống bằng chất dẻo dẻo cho hệ thống cấp thoát nước và công trình được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly không hóa dẻo (PVC-U).

- TCVN 6149 - 2007 Ống, phụ tùng và hệ thống phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng.
- TCVN 6151 - 2002 Ống, phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước.
- TCVN 4037: 2012 Cấp nước - Thuật ngữ và định nghĩa
- TCVN 4038: 2012 Thoát nước - Thuật ngữ và định nghĩa
- TCVN 4519 - 1988 Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình
- TCVN 4756 - 1989 Quy phạm nối đất, nối không các thiết bị điện
- TCVN 9206 - 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 9208 - 2012 Lắp đặt cáp và dây dẫn điện trong các công trình công nghiệp
- TCVN 4086-1985 An toàn điện trong xây dựng - Yêu cầu chung
- Và các tiêu chuẩn liên quan khác hiện hành
- Các chứng chỉ CO, CQ, Pack list các thiết bị nhập khẩu.

b. Về chất lượng công việc thi công lắp đặt.

STT	Nội dung kiểm tra	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Kết quả kiểm tra	
					Đạt	Không Đạt
1/	Thiết bị chính, hàng tiêu chuẩn					
1	Máy thổi khí: (Model: HC-401S)	Cái	2,0	Tohlin - Japan	✓	
	Thông số kỹ thuật:					
	Lưu lượng: $Q \approx 0,67 \text{ m}^3/\text{min}$					
	Cột áp: $H \approx 0,05 \text{ MPa}$ "5mmH ₂ O".					
	Tốc độ vòng quay: $n \approx 580 \text{ rpm}$					
	Đường kính đầu ra: DN 32					
	Motor: Hitachi P $\approx 1,5 \text{ kW}/3\text{phase}/380\text{V}$					
2	Máy thổi khí: (Model: HC-601S)	Cái	2,0	Tohlin - Japan	✓	
	Thông số kỹ thuật:					
	Lưu lượng: $Q \approx 2,18 \text{ m}^3/\text{min}$.					
	Cột áp: $H \approx 0,05 \text{ MPa}$, "5,0mH ₂ O".					
	Tốc độ vòng quay: $n \approx 540 \text{ rpm}$					
	Đường kính đầu ra: DN 50					
	Motor: Hitachi: P $\approx 4,0 \text{ kW}/3\text{phase}/380\text{V}$					

1	Bơm chìm nước thải: (Model: DGO 75/2/G50H)	Cái	8,0	Zenit - Italy	√	
	Thông số kỹ thuật:					
	Lưu lượng: Q = 8,0-10,0m ³ /h					
	Cột áp H = 5,0-5,5mH ₂ O					
	Tốc độ vòng quay: n=2900rpm					
	Công suất motor: P = 0,55 kW/3phase/380V/50Hz					
	Đường kính ống ra: DN50					
1	Máy khuấy chìm: (Model: GM17A471T1-4V2KA0)	Cái	2,0	Faggiolati - Italy	√	
	Thông số kỹ thuật:					
	Kiểu: Khuấy chìm					
	Tốc độ vòng quay: n=1352rpm					
	Công suất motor: P=0,7 kW/3phase/380V/50Hz					
5	Đĩa phân phối khí tĩnh: (Model: FlexAir Threaded Disc (12" Micro)	Cái	25,0	EDI - USA		
	Thông số kỹ thuật:					
	Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble)					
	Diện tích bề mặt hoạt động: S=0,068m ²					
	Lưu lượng (thiết kế): 0,0 – 15,8 m ³ /h					
6	Bơm định lượng hóa chất: (Model: M101 PP SV)	Cái	2,0	OBL - Italy	√	
	Thông số kỹ thuật:					
	Lưu lượng: Q=0-10l (l/h)					
	Cột áp H _{max} = 10bar					
	Công suất motor: P=0,25 kW/3phase/380V/50Hz					
	Đường kính ống ra: 3/4"					

7	Động cơ khuấy hóa chất: (Model: CNVM05-6075-21)	Cái	2,0	Sumitomo - Singapore	✓	
	Công suất motor: P=0,4 kW/3phase/380V/50Hz					
	Tốc độ: N = 69 vòng/phút					
11/	Thiết bị phụ, hãng phụ tiêu chuẩn					
1	Bộ khớp nối nhanh lắp đặt bơm chìm	Bộ	8,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Gang					
2	Bộ thanh dẫn hướng bơm	Bộ	8,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
3	Xích kéo, móc treo máy bơm	Bộ	8,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
4	Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm	Bộ	2,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
5	Xích kéo, móc treo máy khuấy chìm	Bộ	2,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
6	Bộ hút bột	Bộ	1,0	Việt Nam	✓	
	Khẩu nối nhanh lắp đặt đầu thổi khí	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
8	Bồn chứa và pha hóa chất					
	Dung tích: V=300 lít	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu chế tạo: Nhựa PVC					
	Hãng sản xuất: Tân Á					
9	Trục khuấy hóa chất kiểu chữ T	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
	Chiều dài: L=0,8m					
	Vật liệu chế tạo: Inox sus304					
10	Hệ giá đỡ bằng hộp inox 304	T. Bộ	1,0	Việt Nam	✓	
11/	Phần đường ống công nghệ					
11/	Ống nhựa và phụ kiện đường ống dẫn nước thải PVC Class I - Dismy					
	Ống nhựa PVC/D160	T. Bộ	1,0	Cúc Phương Dismy - Class I	✓	
	Ống nhựa PVC/D76	T. Bộ	1,0			
	Ống nhựa PVC/D60	T. Bộ	1,0			
	Ống nhựa PVC/D34	T. Bộ	1,0			
	Ống nhựa PVC/D21	T. Bộ	1,0			
	Phụ kiện PVC DISMY	T. Bộ	1,0			

III	Ông Inox 304 và phụ kiện dẫn khí đi trên cạn					
1	Ông Inox 304 DN65 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0	Hoàng Vũ	✓	
2	Ông Inox 304 DN40 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0			
3	Phụ kiện Inox 304, 5K	T. Bộ	1,0			
IV	Phân điện					
1	Tủ điện điều khiển hệ thống Vỏ tủ: (H1800xR800xS400mm): Các thiết bị chính: Atomat, khởi động từ - Mitsubishi, Các thiết bị khác: Việt Nam.				✓	
2	Dây điện 3x6+1x4mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
3	Dây điện 4x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
4	Dây điện 4x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
5	Dây điện 4x0,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
6	Dây điện 2x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
7	Dây điện 2x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
8	Ông bảo hộ mềm ruột gà D20	T. Bộ	1,0	Sino	✓	
9	Ông bảo hộ cứng SP D20	T. Bộ	1,0	Sino	✓	
10	Máng cáp 60x100x1mm	T. Bộ	2,0	Việt Nam	✓	
11	Hộp nối 150x150	Cái	10,0	Việt Nam	✓	
12	Đồng đèn chiếu sáng, loại 1,2m	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
13	Cổng tắc, ổ cắm	Cái	1,0	Việt Nam	✓	

1. Các ý kiến khác(nếu có): Không

2. Kết luận:

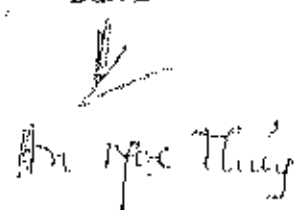
- Đồng ý nghiệm thu.
- Mời Ban quản lý dự án và tư vấn giám sát nghiệm thu

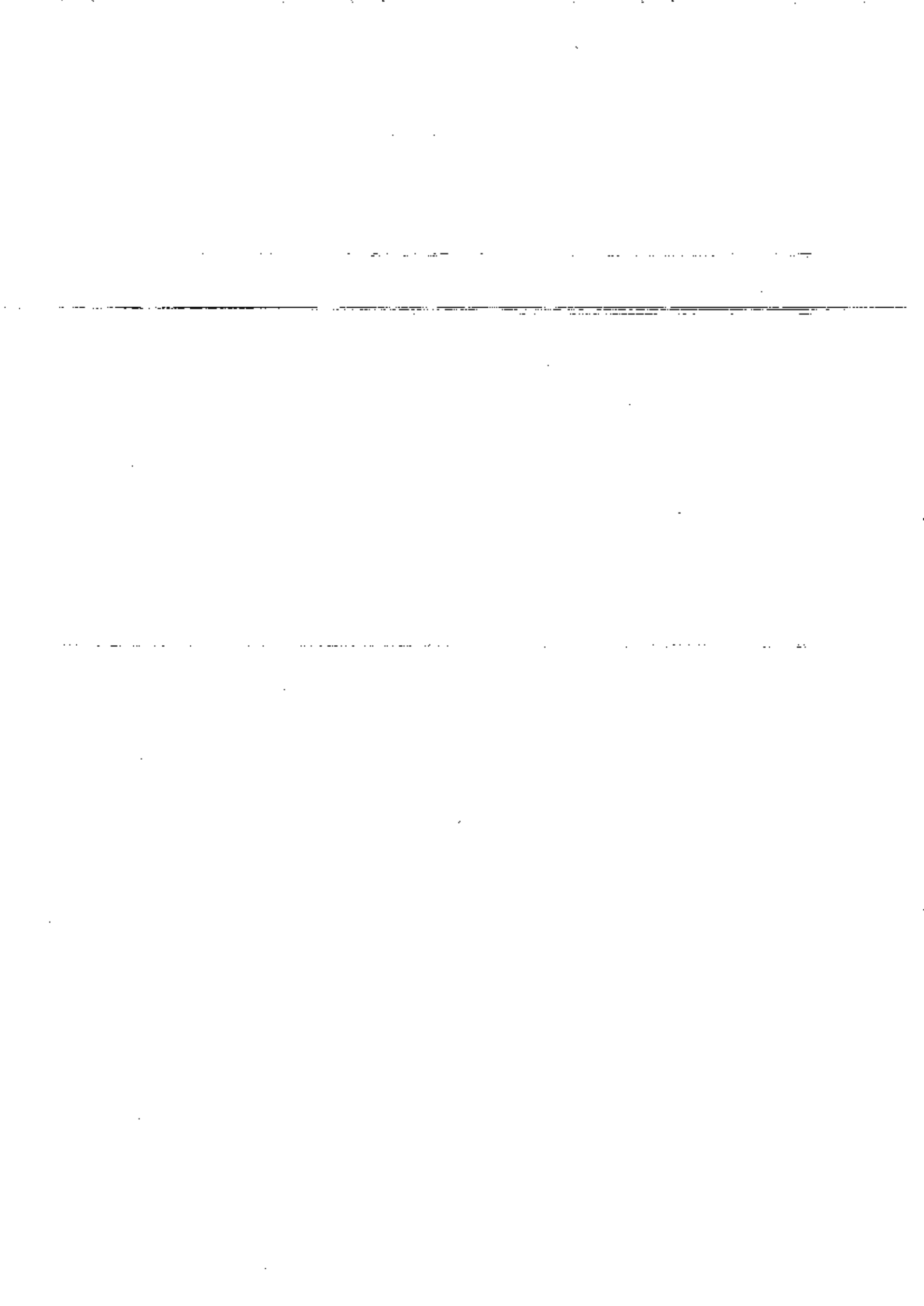
CÁC BÊN THAM GIA NGHIỆM THU

BÊN A


Nguyễn Văn Thanh

BÊN B


Nguyễn Văn Thanh



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

Số: 622/GCN-SVHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2008



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO



Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22

Tên viết tắt: HANDICO 22

Địa chỉ trụ sở chính: Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, Tp Hà Nội

Điện thoại: 024.37471925

Fax: 024.37331376

Họ và tên người đại diện theo pháp luật: TRẦN QUỐC VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 24/11/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 010397411

Ngày cấp: 08/12/2009

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi ĐKKK, thường trú: Số nhà 27C, tổ 14A, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, Tp Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 27C, tổ 14A, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa, Tp Hà Nội

Loại hình hoạt động: Bơi, Lặn

Địa điểm hoạt động: Bể bơi tại tầng 2, Chung cư Trương Định Complex, 129D Trương Định,
Q. Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội

GCN: Cấp mới

Thời hạn: 3 năm



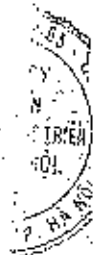
KY. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Vân Anh

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện này. Nếu mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải thông báo ngay cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện biết.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện này phải để tại địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên đảm bảo các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2017

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 05/12/2016 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 12487/TT-Tr-STNMT-TNN ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đồng Tháp được xả nước thải từ Khối nhà chung cư cao tầng kết hợp với dịch vụ công cộng của Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định" địa chỉ tại số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên ngõ 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải:

- Trong khuôn viên Khối nhà chung cư cao tầng tại số 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Toạ độ vị trí điểm xả nước thải:

+ Trong giai đoạn thí công: từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết tháng 10 năm 2017:

Điểm xả số 01: $X_1 = 2.322.370$; $Y_1 = 588.312$ (điểm xả nước thải sinh hoạt, nằm trên ngõ Hoàng Mai, phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội);

Điểm xả số 02: $X_2 = 2.322.346$; $Y_2 = 588.287$ (điểm xả nước thải thi công, nằm trên ngõ 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội);

+ Trong giai đoạn đi vào hoạt động: từ tháng 11 năm 2017

$X = 2.322.346$; $Y = 588.287$

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải:

- Trong giai đoạn thi công (từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết tháng 10 năm 2017): lưu lượng lớn nhất là $22\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Trong giai đoạn đi vào hoạt động (từ tháng 11 năm 2017):

+ Lưu lượng lớn nhất hàng ngày: $160\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất khi có hoạt động xả nước thải bề bơi (2 lần/1 năm): $484\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

6. Chất lượng nước thải:

a) Trong giai đoạn thi công (từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết tháng 10 năm 2017):

- Chất lượng nước thải tại điểm xả nước thải sinh hoạt (điểm xả số 01):

Thông số và giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số $K = 1,2$ (áp dụng với cơ sở sản xuất có quy mô dưới 500 người).

- Chất lượng nước thải tại điểm xả nước thải thi công (điểm xả số 02): Thông số và giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội - QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{\max} = C$, cụ thể như sau:

Bảng thông số và giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	Màu	Pt-Co	150
2	pH	-	5,5 – 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Sunfua	mg/l	0,5
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9	Tổng nitơ	mg/l	40
10	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6

b) Trong giai đoạn đi vào hoạt động (từ tháng 11 năm 2017): Thông số và giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số K = 1,0 (áp dụng với khu chung cư từ 50 căn hộ trở lên).

7. Thời hạn của Giấy phép: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đồng Tháp:

1. Tuân thủ các nội dung theo quy định tại Điều 1; mọi thay đổi liên quan đến nội dung xả nước thải phải báo cáo và được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải:

- Vị trí quan trắc: theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 nêu trên.

- Tần suất quan trắc

+ Lưu lượng: quan trắc hàng ngày.

+ Chất lượng nước thải: quan trắc 03 tháng/lần.

- Thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 nêu trên.

3. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi về UBND Thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (qua Phòng Tài nguyên nước) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012:

a) Thực hiện thu gom, xử lý nước thải theo đúng cam kết nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải, bảo đảm xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định tại Khoản 6 Điều 1 trong suốt quá trình xả nước thải; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

b) Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

c) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Tài nguyên và Môi trường các cấp theo quy định; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải, phải báo cáo ngay tới Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý.

Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đồng Tháp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đồng Tháp còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND quận Hai Bà Trưng; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22; Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tháp và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Chủ tịch UBND Thành phố; (Để báo cáo)
 - PCT-UBND-TP Nguyễn Quốc Hùng;
 - VPUB: PCVP ^{Phạm Chí Công} P.ĐT;
 - Cục Quản lý tài nguyên nước;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - Lưu: VT, HS, ĐT ^{Điện}.
- (126044/2016 - Dung)

4300 (14)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 5087 01 Quận số SCT/BS

Ngày 07 tháng 11 năm 2017

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thuý Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Liên danh Công ty Cổ phần Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 ngày 23/12/2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 332/TTr-STNMT-TNN ngày 13/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Liên danh Công ty Cổ phần Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 được xả nước thải từ Khu nhà ở để bán 129D Trương Định tại số 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên ngõ 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải:

a) Tại số 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

b) Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000):

$$X = 2\,322\,298; \quad Y = 588\,268.$$

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.



4. Chế độ xả nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Tự chảy.
- Đối với nước xả kiệt bể bơi: Gián đoạn.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $549 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, trong đó:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt: $184 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;
- Lưu lượng nước xả kiệt bể bơi: $365 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chất lượng nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT tại cột B, với $K = 1$.

- Đối với nước xả kiệt bể bơi: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội-QCTĐHN 02:2014/BTNMT tại cột B với $C_{\text{max}} = C$ (đối với các thông số: pH, Màu, TSS, Clo dư và Coliform).

7. Thời hạn của Giấy phép: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Liên danh Công ty Cổ phần Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22:

1. Tuân thủ các nội dung theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải:

a) Vị trí quan trắc:

- Đối với nước thải sinh hoạt: 01 (một) vị trí tại bể khử trùng sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi chảy vào hồ ga cuối và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước xả kiệt bể bơi: 01 (một) vị trí tại miệng đường ống PVC D140 khi chảy vào hồ ga cuối và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Thông số quan trắc chất lượng nước thải: theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 nêu trên.

c) Tần suất quan trắc:

- Lưu lượng nước thải: hàng ngày và nước xả kiệt bể bơi định kỳ 01 năm/lần

- Chất lượng nước thải: 03 (ba) tháng/lần và nước xả kiệt bể bơi 01 năm/lần.

3. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Điều 10 Thông tư 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các yêu cầu cụ thể sau đây:

a) Thực hiện thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải, đảm bảo các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Tài nguyên và Môi trường các cấp theo quy định; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải, phải báo cáo ngay tới Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý.

Điều 3. Liên danh Công ty Cổ phần Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Liên danh Công ty Cổ phần Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND quận Hai Bà Trưng; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tháp và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5; *LB*
- Chủ tịch UBND Thành phố; (Để báo cáo)
- PCT UBND TP Nguyễn Quốc Hùng;
- VPUB: P.ĐT;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Lưu: VT, HS, ĐT *Quyết*
(78214/2019-TH&O)

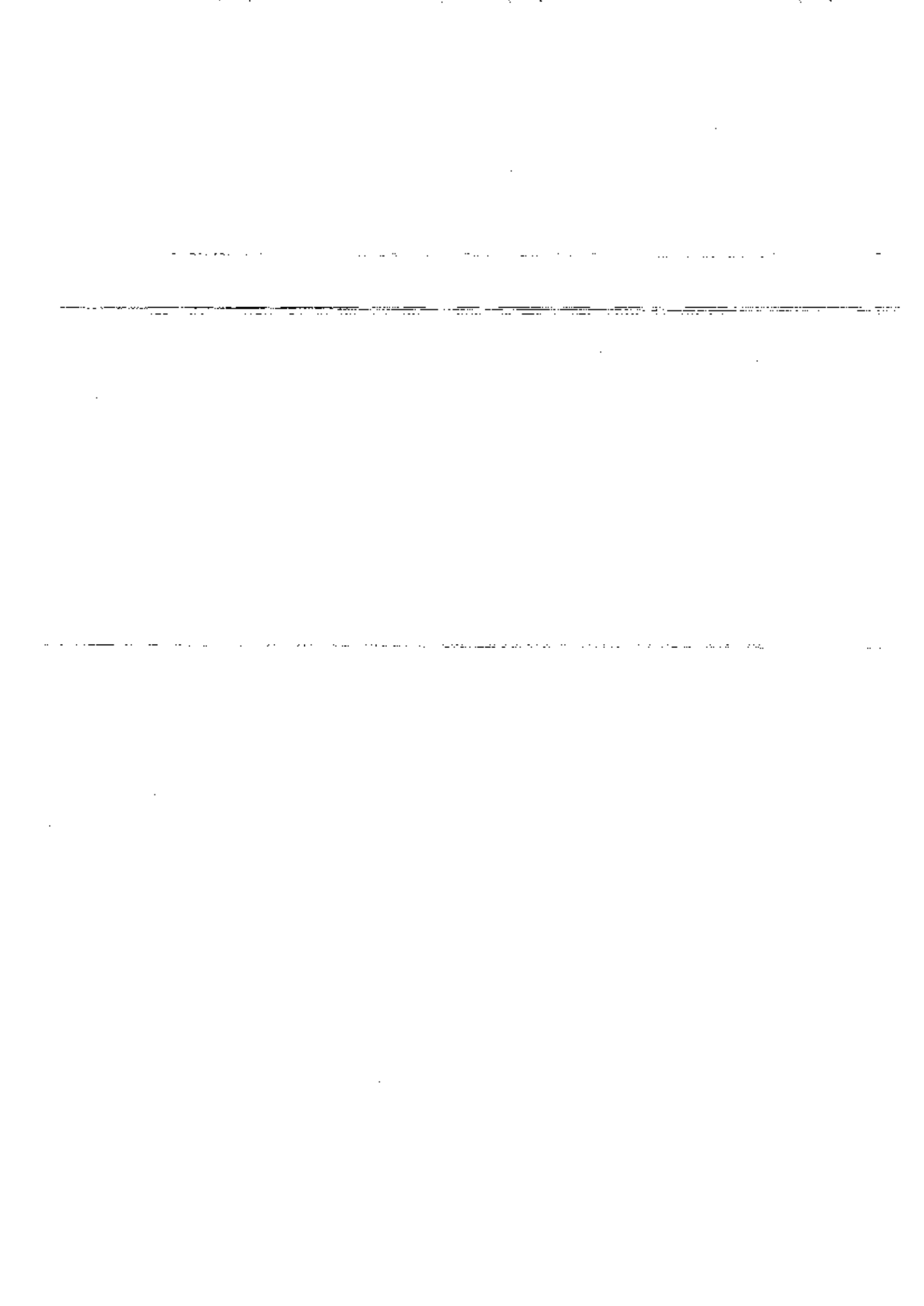
159-11 *5/1/20*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng





PHỤ LỤC 2: HỢP ĐỒNG VÀ HÓA ĐƠN

- Hợp đồng dịch vụ cấp nước, hóa đơn nước năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025
- Hợp đồng mua bán điện, hóa đơn điện năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025
- Hợp đồng và hóa đơn chất thải rắn sinh hoạt
- Hợp đồng CTNH
- Hợp đồng, giấy chứng nhận hoạt động quan trắc và kết quả quan trắc môi trường
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
CƠ QUAN – DOANH NGHIỆP
Số: AA.../HĐ-NSHM

I. CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Thông tư 01/2008/TT-BXD, ngày 02/01/2008 của Bộ xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ các quy định hiện hành của UBND Thành phố ban hành quy định về cung cấp sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn Thành Phố Hà Nội;
- Căn cứ quyết định số 69/2013/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Căn cứ quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 04/01/2013 của UBND thành phố Hà nội về việc ban hành quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà nội
- Căn cứ Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND Thành phố Hà nội về việc cho phép Công ty Cổ phần Đồng Tháp chuyển mục đích sử dụng đất tại số 129D Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội để thực hiện Dự án đầu t xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000886 ngày 27/9/2010 của UBND Thành phố Hà Nội giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 và Công ty Cổ phần Đồng Tháp Về việc đầu tư xây dựng Khu nhà ở để bán 129D Trương Định.
- Căn cứ Công văn số 260/CT22-P2 ngày 01/08/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội 22 Về việc Xin cấp nước cho chung cư cao tầng – Khu nhà ở để bán tại 129D Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Hôm nay, ngày .A. tháng .B. năm 2016, đại diện các bên gồm:

II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

1. DOANH NGHIỆP CUNG CẤP NƯỚC (gọi tắt là Bên A):

Tên đơn vị: XÍ NGHIỆP KDNS HOÀNG MAI
Địa chỉ: Số 1 Trần Thủ Độ - Quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04.36816315/04.36816316 - Fax: 04.36816206
Tài khoản: 10201 00016 55788

Mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0100106225

Đại diện: Ông Phạm Việt Phương Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp

2. KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC (gọi tắt là Bên B):

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế - Phường Văn Miếu- Đống Đa- Hà Nội.
Điện thoại: 04.3 7472 394 Fax: 04.3733.1376
Tài khoản: 009704070001268

Mở tại: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh Hà Nội.

Mã số thuế: 0100108955.

Đại diện: Ông Nguyễn Anh Linh Chức vụ: Phó Giám đốc

HAI BÊN THỐNG NHẤT KÝ HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua nước sạch cấp cho khách hàng qua đồng hồ tổng cỡ D80 cho Khu nhà ở để bán do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội 22 làm chủ đầu tư, đồng hồ được đặt tại đầu Ngõ 129D Trương Định – Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội.
Hồ sơ thiết kế thi công hoặc bản vẽ hoàn công kèm theo được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- 1.2. Về Lưu lượng: Hai bên thống nhất tiến hành cung cấp và tiếp nhận nước kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2016, với lưu lượng nước cấp theo khả năng hiện có tại các thời điểm khác nhau.
- 1.3. Hàng tháng, hàng quý căn cứ vào điều kiện cấp nước và nhu cầu sử dụng nước hai bên sẽ trao đổi và thống nhất về lượng nước tăng thêm hoặc giảm đi trong những thời điểm nhất định.
- 1.4. Do khoảng cách từ điểm cấp nguồn nước (vị trí đặt đồng hồ) đến khu vực sử dụng nước của Khu nhà ở để bán là xa nên Xí nghiệp KDNS Hoàng Mai không đảm bảo được việc cấp nước liên tục ổn định. Bên B thống nhất không thắc mắc, khiếu kiện gì về mức độ dịch vụ cấp nước trong trường hợp xảy ra thiếu nước

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- 2.1. Bên A đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch đến đồng hồ tổng với chất lượng theo các quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định, phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện có.
- 2.2. Khi có sự cố hoặc có phản ánh của Bên B về tình hình cấp nước, Bên A có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước trước đồng hồ và thông báo lại cho Bên B. Việc khắc phục sự cố xảy ra sau đồng hồ nước do Bên B thực hiện.

ĐIỀU 3: ĐO LƯỜNG NƯỚC

- 3.1. Lượng nước sạch cung cấp hàng ngày, được xác định qua đồng hồ đặt tại vị trí phù hợp với tuyến ống của bên A.
- 3.2. Hai bên cử cán bộ cùng xác định chỉ số của đồng hồ vào ngày 04 hàng tháng để tính lượng nước tiêu thụ trong tháng làm cơ sở lập hóa đơn thanh toán.
- 3.3. Trường hợp đồng hồ bị sự cố hư hỏng hoặc không hoạt động, lượng nước tiêu thụ được xác định trên cơ sở bình quân của 02 tháng liền kề có cùng chế độ vận hành hoặc hai bên có thể thống nhất thời gian cụ thể để tính toán.
- 3.4. Đồng hồ được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC, THỜI HẠN THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức giao nhận: Hàng ngày, Xí nghiệp KDNS Hoàng Mai sẽ chuyển nước cho Khu nhà ở để bán qua đồng hồ tổng D80 tại vị trí lắp đặt đồng hồ.
- 4.2. Phương thức thanh toán: Khách hàng thanh toán tiền nước mỗi tháng một lần 100% giá trị sản lượng nước mua, bằng tiền mặt Việt Nam đồng.
- 4.3. Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản qua ngân hàng theo quy định hiện hành của nhà nước.
- 4.4. Thời gian thanh toán: Mỗi tháng một lần vào ngày 14 khi phía Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 nhận được hóa đơn.

ĐIỀU 5: GIÁ NƯỚC

- 5.1. Giá bán nước qua 01 đồng hồ tổng (Đồng hồ D80) cho Khu nhà ở để bán: Được tính theo các mục đích sử dụng nước của Bên B tại từng thời điểm.
- 5.2. Khách hàng có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại với đơn vị cấp nước để áp giá tiêu thụ nước phù hợp với mục đích sử dụng nước thực tế.
- 5.3. Trường hợp khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước mà không đăng ký lại với Bên A thì Bên A có quyền áp giá tiêu thụ nước theo mục đích sử dụng thực tế kể từ ngày đơn vị cấp nước phát hiện khách hàng thay đổi mục đích sử dụng nước và truy thu.
- 5.4. Trong trường hợp Thành phố Hà Nội có quyết định thay đổi về giá nước thì Xí nghiệp KDNS Hoàng Mai sẽ áp giá bán nước trên tại cùng thời điểm thay đổi.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KIỆN NGỪNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

- 6.1. Tạm ngừng để phục vụ công tác duy tu, sửa chữa định kỳ, sự cố và các trường hợp bất khả kháng;

- 6.2. Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B;
- 6.3. Bên B không sử dụng nước quá 01 tháng mà không thông báo với Bên A thì việc ngừng cấp nước sẽ được thực hiện sau 1 tuần kể từ khi có thông báo đến Bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước;
- 6.4. Do yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.5. Ngừng cấp nước ngay sau khi phát hiện Bên B có hành vi xâm hại đến hệ thống cấp nước;
- 6.6. Ngừng cấp nước nếu Bên B không thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của hợp đồng sau 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến Bên B về việc ngừng dịch vụ cấp nước;
- 6.7. Bên A có quyền đơn phương tạm ngừng cấp nước khi Bên B không thực hiện việc bảo dưỡng định kỳ đối với toàn bộ hệ thống cấp nước sau đồng hồ tổng như: tuyến ống, trạm bơm, bể chứa ... để đảm bảo việc tiếp nhận nước sạch đến từng nơi tiêu thụ.
- 6.8. Việc Bên A ngừng cấp nước do Bên B vi phạm các điều khoản của hợp đồng và các vi phạm của pháp luật, sau khi Bên B đã khắc phục các lỗi vi phạm và có nhu cầu đầu nối lại thì mọi chi phí đóng mở nước do Bên B chi trả theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 7: CÁC CAM KẾT VỀ CUNG CẤP VÀ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH:

- 7.1. Bên A cam kết cung cấp nước sạch theo khả năng hiện có tại từng thời điểm khác nhau.
- 7.2. Các trường hợp muốn thay đổi sản lượng nước sạch (được quy định tại Điều 1), Bên B có yêu cầu thay đổi phải đề nghị bằng văn bản và được hai bên thống nhất.

ĐIỀU 8: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

8.1. Trách nhiệm của bên A:

- Quản lý, đảm bảo việc cung cấp nước tới vị trí lắp đồng hồ đo nước tại đầu Ngõ 129D Trương Định cho Khu nhà ở để bán như quy định tại Điều 1. Không chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến hệ thống cấp nước sau vị trí lắp đặt đồng hồ.
- Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng và duy trì tình hình hoạt động tốt nhất cho toàn bộ thiết bị thủy lực lắp đặt trên hệ thống cấp nước đến điểm lắp đặt đồng hồ tổng D80;
- Có quyền kiểm tra đột xuất việc sử dụng nước theo các mục đích khác nhau của Bên B;
- Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời khi Bên B thông báo về các vấn đề liên quan đến tình hình cấp nước;
- Thông báo trước trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp đến Bên B chậm nhất 24 giờ khi tạm ngừng cung cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất;
- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp đến Bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước;

- Thông báo, phát hành hóa đơn thanh toán tiền nước hàng tháng theo Điều 4, Điều 5.
- Các trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng này và các quy định của pháp luật.

8.2. Trách nhiệm của bên B:

- Thanh toán tiền nước hàng tháng theo Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng này. Trường hợp Bên B có khiếu nại đang chờ Bên A hoặc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán tiền nước còn nợ theo đúng thời hạn đã được thông báo. Hai bên sẽ điều chỉnh việc thanh toán sau khi có kết quả của cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Nếu quá 10 ngày kể từ ngày nhận thông báo mà không thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp nước sạch và Bên B phải chịu lãi xuất theo quy định của ngân hàng;
- Thông báo cho Bên A trong trường hợp có sự thay đổi về các mục đích sử dụng nước;
- Thông báo cho Bên A bằng văn bản khi có cư dân về ở.
- Phối hợp với Bên A ghi chỉ số đồng hồ nước, thay đồng hồ nước và kiểm tra hệ thống cấp nước phía sau đồng hồ nước;
- Phối hợp với Bên A chốt chỉ số đồng hồ để xác định tỷ trọng sử dụng nước theo các mục đích định kỳ từ 3 tháng/lần đến 6 tháng/lần.
- Kịp thời thông báo cho Bên A khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc sự bất bình thường của đồng hồ đo nước.
- Thông báo cho Bên A bằng văn bản khi không sử dụng nước trên 1 tháng, Bên B phải trả các chi phí về đóng, mở nước;
- Tiếp nhận, bảo vệ nguyên trạng hệ thống cấp nước, đồng hồ nước, các thiết bị và các chỉ niêm phong do Bên A lắp đặt; không tự ý sửa chữa, di chuyển hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn từ đồng hồ nước trở ra thuộc thẩm quyền quản lý của Bên A;
- Tự thiết kế, lắp đặt, quản lý hệ thống ống dẫn nước sau cụm đồng hồ, đảm bảo an toàn, không gây sự cố rủi ro đến hệ thống cấp nước của Bên A và chịu trách nhiệm về hệ thống ống dẫn nước, khối lượng nước thất thoát, rò rỉ và chất lượng nước sau cụm đồng hồ.
- Chủ động lập kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống nước sau đồng hồ và thau rửa bể chứa, bể ngầm theo định kỳ từ 3 tháng/lần đến 6 tháng/lần.
- Các nghĩa vụ khác được nêu trong hợp đồng này và các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: THAY THẾ, SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

- 9.1. Khi có mẫu hợp đồng mới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Bên A phải thông báo cho Bên B và hai bên có trách nhiệm thực hiện.
- 9.2. Bên B thay đổi mô hình doanh nghiệp, sở hữu doanh nghiệp sẽ không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng này. Đơn vị mới có trách nhiệm thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B.

- 9.3. Nếu một trong hai bên có thông báo bằng văn bản về số sung, thay đổi các thông tin, điều khoản khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận bằng biên bản, phụ lục hợp đồng (là bộ phận không thể tách rời và có giá trị pháp lý như hợp đồng này) hoặc ký kết lại hợp đồng.

ĐIỀU 10: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

A. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B trong các trường hợp sau:

- 10.1. Tính sai hóa đơn tiền nước gây thiệt hại cho Bên B, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá do tính sai cộng với lãi suất.
- 10.2. Khi đồng hồ nước có sai số vượt quá giới hạn cho phép ($\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ) thì Bên A phải thay đồng hồ cho Bên B.

B. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:

- 10.3. Khi sai số của đồng hồ nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép ($\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ) thì Bên B yêu cầu kiểm tra kiểm định phải chịu chi phí;
- 10.4. Để mất, hỏng đồng hồ nước và các thiết bị khác hỗ trợ cho việc cung cấp nước do lỗi của Bên B, mức bồi thường bằng giá trị bù đắp lại phần đã mất, hỏng và chi phí để tái lập lại việc cung cấp nước theo quy định;
- 10.5. Sử dụng nước sai mục đích thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm cộng với lãi suất của khoản tiền chênh lệch đó;
- 10.6. Có các hành vi trộm cắp nước sạch dưới mọi hình thức, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A, trong đó mức bồi thường giá trị lượng nước bị lấy cắp tính theo đơn giá nước sạch cao nhất;

ĐIỀU 11: THAY ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

11.1. Thay đổi hợp đồng khi:

Trường hợp Bên B thay đổi chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác dưới các hình thức như: chuyển đổi, chuyển nhượng,... thì phải chuyển giao cả quyền, nghĩa vụ được nêu tại hợp đồng này và phải thanh toán toàn bộ tiền nước đã sử dụng đến thời điểm bàn giao. Người sử dụng nước tiếp theo phải có nghĩa vụ đăng ký sử dụng nước sạch và ký kết lại hợp đồng dịch vụ cấp nước với Bên A ngay khi tiếp nhận bất động sản. Trong trường hợp người sử dụng nước tiếp theo chưa đăng ký, ký lại hợp đồng thì vẫn chịu trách nhiệm về việc thực hiện các trách nhiệm của hợp đồng trước đó và phải chấp hành các quy định về cung cấp, sử dụng và bảo vệ công trình cấp nước hiện hành, những thiệt hại (nếu có) phát sinh do khách hàng không đăng ký, ký lại hợp đồng sẽ không được Bên A xem xét.

11.2. Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng khi:

- Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng;
- Bên A không còn điều kiện cung cấp nước;

- Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước;
- Bên B có các hành vi vi phạm về sản xuất cung cấp tiêu thụ nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước theo quy định của pháp luật;
- Bất động sản có hệ thống đồng hồ nước bị giải toả, di dời và các quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp bất khả kháng.

Hợp đồng được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc hai bên đã được giải quyết

ĐIỀU 12: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Nếu xảy ra vi phạm hợp đồng thì tùy thuộc vào lỗi của bên vi phạm mà xác định mức độ bồi thường, xử phạt căn cứ theo hợp đồng, các quy định về cung cấp, sử dụng nước hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

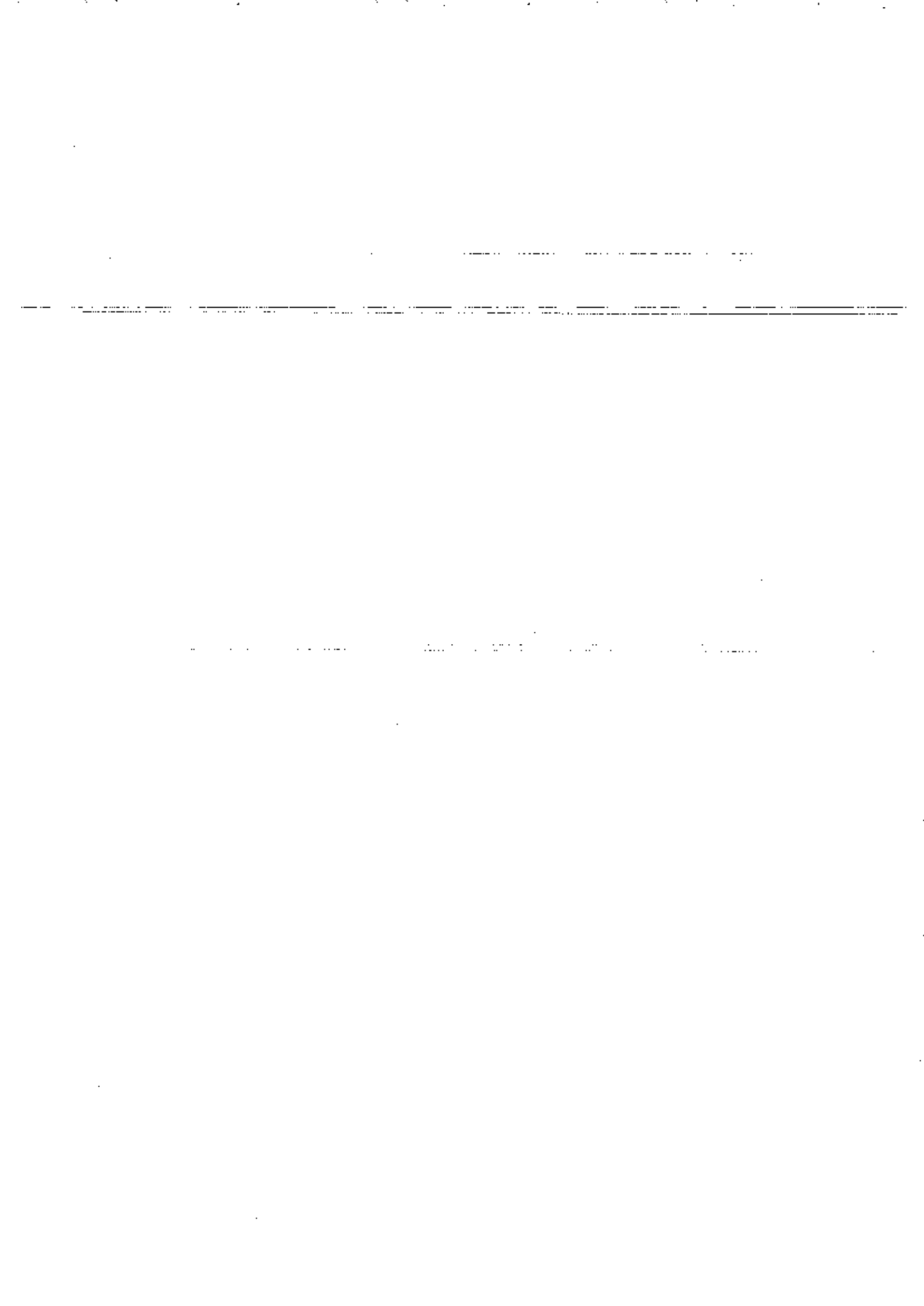
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài nghĩa vụ cụ thể được quy định trong hợp đồng, hai bên nghiêm chỉnh thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước. Trường hợp các quy định pháp luật liên quan có thay đổi, hai bên thực hiện hợp đồng theo tinh thần của văn bản pháp luật có hiệu lực mới nhất.
- Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, đảm bảo quyền lợi của nhau. Nếu thương lượng không thành thì việc tranh chấp sẽ do cơ quan có thẩm quyền hoặc do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thay đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 ngày để cùng giải quyết.
- Hợp đồng này được lập thành 4 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 2 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

 GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B

 PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Linh





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- Đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



Mã hiệu: IK25TAG

Số: 00040071



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 01 năm 2025

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội (129D Trương Định)

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mã số thuế: 0100106955

Thời gian sử dụng: 08/12/2024 - 07/01/2025

Mã hóa đơn: 625010565521

Mã số khách hàng: 672231415

Số hộ sử dụng: 181

Khoảnh - Số đo: Q037 - 472

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m ³)	Định Mức Tiêu Thu (m ³)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
42557	39966	2591			
			1.810	SH1 8.500	15.385.000
			703	SH2 9.900	6.959.700
			78	DV 29.000	2.262.000
					24.606.700
Tổng tiền hàng:					1.230.355
Thuế Suất: 5 %					2.460.670
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					28.297.705
Tổng tiền thanh toán:					
Số tiền bằng chữ: Hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm linh năm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ **Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
Ngày ký: 08/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://moisachhanoi.vso.vn/voicetv>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352485 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0100106225
Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



Ký hiệu: 1K25TAG
Số: 00169212



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Tháng 02 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22
Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội (129D Trương Định)
Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội
Mã số thuế: 0100106955 Thời gian sử dụng: 08/01/2025 - 07/02/2025

Mã hóa đơn: 625020564792
Mã số khách hàng: 672231415
Số hộ sử dụng: 181
Khối - Số đo: Q037 - 472

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiền Thu (m3)	Đơn vị	Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
44955	42557	2398				
				1.810	SH1 8.500	15.385.000
				516	SH2 9.900	5.108.400
				72	DV 29.000	2.088.000
						22.581.400
Cộng tiền hàng:						1.129.070
Thuế Suất 5 %						2.258.140
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%						25.968.610
Tổng tiền thanh toán:						
Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười đồng						

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Đã ký: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 10/02/2025



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0100106225
Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



Ký hiệu: JK25TAG
Số: 00498749



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 04 năm 2025

Mã hóa đơn: 625041121968

Mã số khách hàng: 672231415

Số hộ sử dụng: T81

Khối - Số đọc: Q037 - 472

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Bê Nội 22

Địa chỉ: Số 19 Ngõ Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội (129D Trương Định)

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mã số thuế: 0100106955

Thời gian sử dụng: 08/03/2025 - 07/04/2025

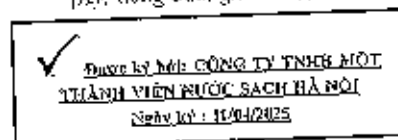
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
49839	47219	2620			
			1.310	SH1 8.500	15.385.000
			731	SH2 9.900	7.236.900
			79	DV 29.000	2.291.000
					24.912.900
Cộng tiền hàng:					1.245.645
Thuế Suất: 5 %					2.491.290
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					28.649.835
Tổng tiền thanh toán:					
Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn. Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.vso.vn/voice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



Ký hiệu: 1K15TAG

CS: 00664270



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 06 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Mã hóa đơn: 625060181727

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (129D Trương Định)

Mã số khách hàng: 672231415

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Số hộ sử dụng: 182

Mã số thuế: 0100106955

Thời gian sử dụng: 08/05/2025 - 07/06/2025

Khối - Số đọc: Q037 - 472

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
55642	52633	3009			
			1.820	SH1 8.500	15.470.000
			1.099	SH2 9.900	10.880.100
			90	DV 29.000	2.610.000
Cộng tiền hàng :					28.960.100
Thuế Suất: 5 %					1.448.005
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					2.896.010
Tổng tiền thanh toán:					33.304.115
Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu ba trăm linh bốn nghìn một trăm mười lăm đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 09/06/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử us cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vn/invoice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoite - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 01 năm 2024

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (139D Trương Định)

Địa chỉ sử dụng nước:

Mã số thuế: 0100106955

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mô quan hệ nguồn sạch:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 08/12/2023 - 07/01/2024

Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 624010534069

Mã số khách hàng: 672231415

Số hộ sử dụng: 184

Khoá - Số đo: Q037 - 4001

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
9191	6532	2659			
			1.425	SH1 7.500	10.687.500
			593	SH2 8.800	5.218.400
			41	DV 27.000	1.107.000
			415	SH1 8.500	3.527.500
			173	SH2 9.900	1.712.700
			12	DV 29.000	348.000
Cộng tiền hàng:					22.601.100
Thuế Suất: 5 %					1.130.055
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					2.260.110
Tổng tiền thanh toán:					25.991.265
Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 08/01/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn - Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nocsachhanoi.vso.vn/invoice.vn>)
(Chức tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0100106225
Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai

Ký hiệu: 1K24TAG

Số: 00165360



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 02 năm 2024

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (129D Trương Định)

Địa chỉ sử dụng nước:

Mã số thuế: 0100106955

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mã quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 06/01/2024 - 07/02/2024

Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 624020554346

Mã số khách hàng: 672231415

Số hộ sử dụng: 184

Khối - Số đo: Q037 - 4001

Quốc tịch:

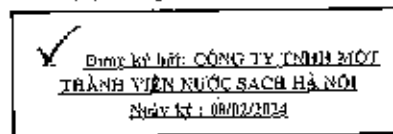
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
11580	9191	2389			
			1.840	SH1 8.500	15.640.000
			501	SH2 9.900	4.959.900
			48	DV 29.000	1.392.000
Cộng tiền hàng :					21.991.900
Thuế Suất: 5 %					1.099.595
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					2.199.190
Tổng tiền thanh toán:					25.290.685
Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nvsachhanoi.vso.vn/nvsachhanoi>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



Ký hiệu: 1K24TAG

Số: 00417286



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 04 năm 2024

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Mã hóa đơn: 624040556251

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội (129D Trương Định)

Mã số khách hàng: 672231415

Địa chỉ sử dụng nước:

Số hộ sử dụng: 184

Mã số thuế: 0100106955

Khối - Số đo: Q037 - 4001

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mô quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 08/03/2024 - 07/04/2024

Số hộ chiếu:

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thủy (m3)	Định Mức Tiêu Thủy (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
16456	13774	2682			
			1.840	SH1 8.500	15.640.000
			788	SH2 9.900	7.801.200
			54	DV 29.000	1.566.000
Cộng tiền hàng :					25.007.200
Thuế Suất: 5 %					1.250.360
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					2.500.720
Tổng tiền thanh toán:					28.758.280
Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 08/04/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn. Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vminvoice.vn>)

(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7900 9866)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://huongachhaod.vso.vn/invoice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai

Ký hiệu: JK24TAG

Số: 00671363

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 06 năm 2024



Tên khách hàng: Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (129D Trương Định)

Địa chỉ sử dụng nước:

Mã số thuế: 0100106955

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mã giao hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 08/05/2024 - 07/06/2024

Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 624060558860

Mã số khách hàng: 672231415

Số hệ sử dụng: 184

Khối - Số đo: Q037 - 472

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
22362	19305	3057			
			1.840	SH1 8.500	15.640.000
			1.156	SH2 9.900	11.444.400
			61	DV 29.000	1.769.000
Cộng tiền hàng :					28.853.400
Thuế Suất 5 %					1.442.670
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					2.885.340
Tổng tiền thanh toán:					33.181.410
Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu một trăm tám mươi một nghìn bốn trăm mười đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 10/06/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn. Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsochhanoi.v50.vn/invoice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- Đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai



Ký hiệu: 1K24TAG

Số: 00965180



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 08 năm 2024

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (129D Trương Định)

Địa chỉ sử dụng nước:

Mã số thuế: 0100106955

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mối quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 08/07/2024 - 07/08/2024

Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 624080788431

Mã số khách hàng: 672231415

Số hộ sử dụng: 184

Khả - Số đọc: Q037 - 472

Quốc tịch:

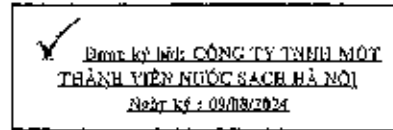
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định MứcTiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
28539	25415	3124			
			1.840	SH1 8.500	15.640.000
			1.222	SH2 9.900	12.097.800
			62	DV 29.000	1.798.000
Tổng tiền hàng:					29.535.800
Thuế GTGT: 5 %					1.476.790
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%:					2.953.580
Tổng tiền thanh toán:					33.966.170
Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ - tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

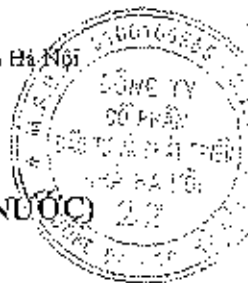


(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn - Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.vso.vn/invoice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VMS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0100106225
Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai

Ký hiệu: HC24TAG
Số: 01108926



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 09 năm 2024

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22
Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (129D Trương Định)
Địa chỉ sử dụng nước:
Mã số thuế: 0100106955
Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội
Mã quan hệ ngân sách:
Số định danh:
Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 624090947618
Mã số khách hàng: 672231415
Số hộ sử dụng: 129
Khối - Số đọc: Q037 - 472

Thời gian sử dụng: 08/08/2024 - 07/09/2024

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
31485	28539	2946			
			1.290	SH1 8.500	10.965.000
			802	SH2 9.900	7.939.800
			854	DV 29.000	24.766.000
					43.670.800
Cộng tiền hàng:					2.183.540
Thuế Suất: 5 %:					4.367.080
Phí BHYT đối với nước thải SH 10%:					50.221.420
Tổng tiền thanh toán:					
Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 11/09/2024

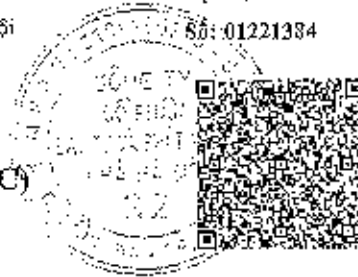
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn. Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://unocsachhanoi.vso.vn/invoice.na>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 034 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0100106225
Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai

Ký hiệu: TK24TAG

Số: 01221384



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 10 năm 2024

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Mã hóa đơn: 624100791168

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội (129D Trương Định)

Mã số khách hàng: 672231415

Địa chỉ sử dụng nước:

Số hộ sử dụng: 154

Mã số thuế: 0100106955

Khối - Số đo: Q037 - 472

Tài khoản: 211 100 000 0075] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mối quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 08/09/2024 - 07/10/2024

Số hộ chiếu:

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
34434	31485	2949			
			1.540	SH1 8.500	13.090.000
			937	SH2 9.900	9.276.300
			472	DV 29.000	13.688.000
Cộng tiền hàng :					36.054.300
Thuế Suất 5 %					1.802.715
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					3.605.430
Tổng tiền thanh toán:					41.462.445
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ - tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 10/10/2024

(Cầu kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn - Cổng thông tin điện tử ra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vn/invoice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Hoàng Mai

Ký hiệu: 1K24TAG

Số: 01439597



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Tháng 12 năm 2024

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Nhà Hà Nội 22

Mã hóa đơn: 624120565961

Địa chỉ: Số 13 Ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội (129D Trương Định)

Mã số khách hàng: 672231415

Địa chỉ sử dụng nước:

Số hộ sử dụng: 181

Mã số thuế: 0100106955

Khối - Số đo: Q037 - 472

Tài khoản: 211 100 000 00751 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Hà Nội

Mô quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 08/11/2024 - 07/12/2024

Số hộ chiếu:

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
39966	37339	3627			
			1.810	SH1 8.500	15.385.000
			738	SH2 9.900	7.306.200
			79	DV 29.000	2.291.000
Cộng tiền hàng :					24.982.200
Thuế Suất: 5 %					1.249.110
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					2.498.220
Tổng tiền thanh toán:					28.729.530
Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn năm trăm ba mươi đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

☒ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
Ngày ký: 09/12/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn - Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vn/voice.vn/>)

(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



EVN



HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Số: 23/180514 /EVNHANOI/HĐMBĐNMĐSH

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHANOI)

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22



PD02000037755

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

ĐIỀU 3: THOÀ THUẬN CỤ THỂ

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BÔI THƯỜNG THIẾT HẠI

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Mã tỉnh (TP)

0	1

 Mã huyện (quận)

0	0	7

 Mã loại HĐ

2

 Số hợp đồng

2	3

 /

1	8	0	5	1	4

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2023, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

A. BÊN BÁN ĐIỆN: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHANOI)

Mã số thuế: 0100101114 - 004

Địa chỉ trụ sở chính: 69 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng số: 116000001045 tại ngân hàng NHTMCP Công Thương VN-CN HBT

Email: p9.pchbt@gmail.com

Số điện thoại TTCSKH: 19001288

Đại diện là ông (bà): Lương Văn Quý

- Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực Hai Bà Trưng
- Theo văn bản ủy quyền số: 8027 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội

Dưới đây gọi tắt là "Bên A"

Và

B. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22

Mã số thuế: 0100106955

Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp: 0100106955

do Sở kế hoạch và đầu tư TP HN-phòng đăng ký kinh doanh cấp ngày: 17/11/2022

Địa chỉ trụ sở chính/ thường trú: Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP HN, VN

Tài khoản ngân hàng số:

Email:

Số điện thoại: 0989301865

Đại diện là ông (bà): Đào Trương Tuấn

- Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
- Số chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/ HC) 001075021168 Ngày cấp: 28/01/2019
- Nơi cấp: Cục CS QLHC về trật tự xã hội
- Theo văn bản ủy quyền số: 132/GUQ-CT ngày 05/06/2023 của Chủ tịch HĐQT Công ty

Dưới đây gọi tắt là "Bên B"

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên" Các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng với những điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

2.1 Địa điểm sử dụng điện: Tầng hầm CC 129D phố Trương Định

2.2 Mục đích sử dụng điện: Bơm PCCC và c.sáng tầng hầm chung cư

2.3 Cấp điện áp: 0.4kV

2.4 Công suất, điện năng sử dụng:

a. Công suất:

Cực đại Pmax: 118 kW Trung bình PTB 40 kW Nhỏ nhất Pmin: 10 kW

b. Điện năng sử dụng trung bình Atb: 1000 kWh/tháng

c. Mua công suất phản kháng: Không

2.5 Điểm đấu nối cấp điện: Tại cột điện hạ thế cạnh cơ sở thuộc TBA C.ư 129 Trương Định

2.6 Đo đếm điện năng:

a. Số điểm đo: 01

Điểm đo	Vị trí điểm đo	Thiết bị đo đếm điện	Loại/Tỷ số	Cấp chính xác	Hệ số nhân	Số hữu	Trách nhiệm quản lý
I	Trên cột ngoài nhà	Công tơ	3 pha Điện từ	I	20	Bên A	Các Bên có trách nhiệm bảo vệ và quản lý các thiết bị của hệ thống đo đếm, một trong hai Bên phát hiện các thiết bị của hệ thống đo đếm mất hoặc bị hỏng thì thông báo kịp thời cho Bên kia biết để cùng giải quyết
		TU					
		TI	600/5	0.5		Bên A	

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện kèm theo Hợp Đồng.

b. Vị trí xác định chất lượng điện: Tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện năng

2.7 Ghi chỉ số Công Tơ:

a. Số kỳ: 1 kỳ/ tháng

Ngày ghi chỉ số: 4

b. Hình thức ghi chỉ số Công Tơ: Bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp qua hệ thống thu thập số liệu đo đếm từ xa.

2.8 Giá bán điện: Với hệ thống đo đếm điện năng đặt tại cấp điện áp 0,4KV, giá bán điện được thống nhất theo biểu giá sau:

Điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế GTGT(đồng/kWh)			
			Không theo thời gian	Theo thời gian		
				Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
1	Bơm PCCC và c.sáng tầng hầm chung cư	100%		1940	1940	1940

Ứng dụng CSKH: EVNHANOI

Website:

(ii) Bên B: Địa chỉ:

Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. HN, VN

- Thanh toán:

Email:

Điện thoại/SMS: 0989301865 Ứng dụng nhắn tin: Zalo;

- Tạm ngừng, ngừng, giảm cung cấp điện:

Email:

Điện thoại/SMS: 0989301865 Ứng dụng nhắn tin: Zalo;

- Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp Đồng:

Email:

Điện thoại/SMS: 0989301865 Ứng dụng nhắn tin: Zalo;

c. Hình thức thông báo: các thông báo sẽ được gửi bằng một trong các hình thức: thư điện tử (email), điện thoại, tin nhắn (Zalo, App), ứng dụng nhắn tin, ứng dụng CSKH, thông qua website theo các địa chỉ nhận thông báo tại Điều 3.3.b và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3.4 Hiệu lực và thời hạn Hợp Đồng:

a. Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày: 26/06/2023

b. Hợp Đồng có Thời hạn: kể từ ngày 26/06/2023 đến ngày 25/06/2028

3.5 Các thỏa thuận cụ thể khác:

Trường hợp có thay đổi lịch ghi chỉ số, Bên A có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B về ngày thực hiện việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ. Việc thông báo được thực hiện theo quy định.

Trường hợp có tranh chấp về địa điểm sử dụng điện/chủ sở hữu địa điểm sử dụng điện không đồng ý bằng văn bản cho Bên mua điện được ký HEMBĐ, Bên bán điện được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

5.1 Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.b của Hợp Đồng.

5.2 Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.b, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định của Hợp Đồng.

8.3 Các trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

a. Theo quy định của Pháp Luật, cụ thể: Bên B có sản lượng điện đăng ký mua hoặc có sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng của năm trước liền kề tại tất cả các điểm đo đếm theo hợp đồng mua bán điện từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên.

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm: căn cứ vào cách xác định theo Điều này, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1:

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm không vượt quá 15 (mười lăm) ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ trung bình tháng Bên B đăng ký sử dụng (trong trường hợp Bên B lần đầu tiên ký kết Hợp Đồng để mua điện) hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân tháng của năm trước liền kề nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8.

b. Trường hợp Hợp Đồng có Thời Hạn dưới 12 (mười hai) tháng và không thuộc trường hợp tại Điều 8.3.a nêu trên.

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm: căn cứ vào cách xác định theo Điều này, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1:

(i) Trường hợp Thời Hạn dưới 01 (một) tháng: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8 nhân với sản lượng điện tương ứng theo số ngày Bên B đăng ký sử dụng;

(ii) Trường hợp Thời Hạn từ 01 (một) tháng trở lên: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8 nhân với sản lượng điện Bên B đăng ký sử dụng trong 45 (bốn mươi lăm) ngày.

8.4 Trong trường hợp Bên B không cung cấp các tài liệu theo Điều 3.1.c, Hợp Đồng sẽ không có hiệu lực.

8.5 Giá trị Tài Sản Bảo Đảm sẽ được Các Bên thống nhất điều chỉnh mỗi năm 01 (một) lần căn cứ vào sản lượng điện mua bán thực tế của năm trước liền kề. Các Bên điều chỉnh và thông báo cho nhau về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm mỗi năm sau khi điều chỉnh để thực hiện theo quy định của Hợp Đồng.

8.6 Thời hạn bảo đảm:

Biện Pháp Bảo Đảm được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 15 (mười lăm) ngày làm việc.

8.7 Xử lý tài sản bảo đảm:

a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.6, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:

(i) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).

Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức

10.3 Hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán được Các Bên thỏa thuận và ghi tại Điều 3.2 của Hợp Đồng.

10.4 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền điện, tiền mua công suất phản kháng ghi trong hóa đơn được Bên A phát hành trong thời hạn ghi nhận tại Điều 3.2. Trường hợp Bên B có Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Điều 10.4 này thì:

a. Trường hợp Bên B thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán khi phát sinh vi phạm và thực hiện theo quy định tại Điều 8.7 của Hợp Đồng.

(ii) Nếu Khoản Khấu Trừ đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm.

(iii) Nếu Khoản Khấu Trừ không đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm;
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền chênh lệch giữa giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm và Khoản Khấu Trừ (sau đây được gọi là Khoản Còn Thiếu) và tiền lãi chậm trả đối với Khoản Còn Thiếu;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng Khoản Còn Thiếu nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c và 11.1.a.

(iv) Tới ngày thứ 14 (mười bốn) trong thời hạn quy định tại Điều 10.4.a.(ii) và Điều 10.4.a.(iii), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;
- Thời điểm ngừng cấp điện. Thời điểm ngừng cấp điện phải là thời điểm thỏa mãn:
 - (i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 15 (mười lăm)

12.4 Các Bên đã đọc, đã hiểu các quy định của Hợp Đồng và các quy định của Pháp Luật có liên quan. Các Bên xác nhận Hợp Đồng có hiệu lực ràng buộc và khả năng thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

13.1 Quyền của Bên A:

- a. Yêu cầu Bên B thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán đầy đủ và đúng hạn;
- b. Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới ~~trang-thiết-bị-điện của Bên A, kiểm tra, ghi chỉ số Công To và liên hệ với Bên B theo~~ quy định của Pháp Luật;
- c. Được tạm ngừng, ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- d. Được Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan và phục vụ cho việc thực hiện Hợp Đồng;
- e. Được thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng;
- f. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17;
- g. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

13.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Cung cấp điện năng bảo đảm chất lượng điện năng và chất lượng dịch vụ khách hàng theo Điều 4 của Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của Cơ quan Điều tiết Điện lực hoặc các trường hợp theo quy định của Pháp Luật;
- b. Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện sau 02 (hai) giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên B về sự cố lưới điện Bên A quản lý; trường hợp không thực hiện được việc xử lý sự cố trong thời hạn nêu trên thì phải thông báo cho Bên B nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;
- c. Cấp điện trở lại sau khi Bên B đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Điều 10;
- d. Giải toả bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biên Pháp Bảo Đảm (nếu có) cho Bên B khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Đếm Điện theo quy định của Pháp Luật;
- f. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các khiếu nại của Bên B liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ điện theo quy định tại Hợp Đồng;
- g. Kiểm tra lại tiền điện theo yêu cầu của Bên B tại Điều 14.1.e;
- h. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình ký kết, thực hiện Hợp Đồng;
- i. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

15.1 Các hành vi vi phạm của Bên A bao gồm:

- a. Trì hoãn việc cấp điện theo Hợp Đồng, trừ trường hợp nguyên nhân của việc trì hoãn là do lỗi của Bên B;
- b. Không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp Đồng;
- c. Ghi sai chỉ số Công To; tính sai tiền điện trong hóa đơn;
- d. Trì hoãn hoặc không bồi thường cho Bên B theo Điều 16;
- e. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.2 Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

- a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;
- b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;
- c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;
- d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;
- e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;
- g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;
- h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện;
- i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;
- j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.3 Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

16.1 Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm khi có những hành vi vi phạm Hợp Đồng. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

16.2 Khi có bất cứ hành vi vi phạm nghĩa vụ nào, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.3 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.4 Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

- a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

(ii) Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị giải thể, chuyển nhượng tài sản/dự án có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện, mất khả năng thanh toán, bị phá sản hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật; là cá nhân mất tích, chết không có người thay thế hợp pháp. Bên A có quyền thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát sinh các sự kiện theo quy định này.

17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại Điều 17.1, Bên A tiến hành:

- (i) Gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng;
- (ii) Ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.
- (iii) Xác định chỉ số Công Tơ, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.
- (iv) Các Bên tiến hành hoàn tất toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.

(v) Xử lý tài sản bảo đảm: Các Bên tổng kết về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày chấm dứt thời hạn bảo đảm, ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B. Ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B có thể là ngày sau khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng:

- (i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, các Bên thống nhất Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt và không phải ký Biên bản chấm dứt Hợp đồng.
- (ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lý do, Bên A có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc quy trình theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

20.1 Thông báo và liên lạc

a. Một thông báo được đưa ra theo Hợp Đồng này phải bằng văn bản và gửi cho người nhận là cá nhân, tổ chức có liên quan đến địa chỉ được quy định tại Điều 3.3.b (hoặc địa chỉ hoặc người nhận khác theo thông báo của mỗi Bên cho Bên còn lại trong từng trường hợp) bằng các hình thức tại Điều 3.3.c.

b. Căn cứ theo quy định này, Các Bên thỏa thuận và ghi nhận các nội dung quy định về hình thức thông báo và địa chỉ gửi thông báo tại Điều 3.3.

20.2 Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được thực hiện bằng cách ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hoặc theo thông báo của Bên A.

20.3 Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

20.4 Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành, đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

20.5 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

20.6 Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng được Các Bên xác nhận và ký kết đầy đủ thông qua hình thức như dưới đây.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng văn bản, giấy:

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng điện tử:

Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt, và được lưu trữ tại hệ thống phương tiện lưu trữ điện tử của Bên A tại website và/hoặc ứng dụng CSKH. Bên B có quyền truy cập để tra cứu nội dung Hợp Đồng này.



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Quý



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đào Trường Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

230500182

BIÊN BẢN THỎA THUẬN
TỶ LỆ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐIỆN

Hôm nay, ngày 26 tháng 6 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN ĐIỆN (BÊN A): Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 69 Đinh Tiên Hoàng, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm TP. Hà Nội.

Đơn vị thực hiện hợp đồng: Công ty Điện lực Hai Bà Trưng

Địa chỉ giao dịch: Số 88 Võ Thị Sáu, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Mã số thuế: 0100101114-004. Tài khoản số: 116000001045 tại NHTMCP Công Thương Việt Nam

Số điện thoại: 024.2218.5180

Email: p9.pchbt@gmail.com

Số điện thoại TTCSKH: 19001288

Website: evnhanoi.vn

Đại diện là ông: Nguyễn Mạnh Hải

Chức vụ: Phó Giám đốc

Số CMND số: 012870691 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 06/06/2007

Theo văn bản uỷ quyền số: 221/QĐ-PC HAIBATRUNG ngày 20/01/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Hai Bà Trưng

BÊN MUA ĐIỆN (BÊN B): Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Địa chỉ giao dịch: Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ dùng điện: Tầng hầm CC129D phố Trương Định P. Trương Định

Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp số

do

cấp ngày

Mã số thuế

Tài khoản số:

Tại ngân hàng

Số điện thoại:

0989301865

Email

Đại diện là ông (bà): Đào Trương Tuấn

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001075021168

Nơi cấp Cục CS cấp ngày 28/01/2019

Theo văn bản uỷ quyền số: ngày

của

Hai bên cùng nhau xem xét mục đích sử dụng điện của Bên B để xác định tỷ lệ/sản lượng điện năng theo từng mục đích, cụ thể như sau

1. Mục đích thực tế sử dụng điện của Bên B

D028

PD0200 0037755

TT	Thiết bị	Công suất (KW)	Số lượng	HS đồng thời	Thời gian sử dụng ngày		Tổng CS (KW)	Điện năng sử dụng (Kw/tháng)	Mục đích sử dụng điện
					Số giờ/ngày	Số ngày/tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8=3*4*5	9=6*7*8	10
1	Máy bơm PCCC	90	2	0,5	1	4	90	360	Bơm PCCC
2	máy bơm bù áp	3	1	1	1	4	3	12	
3	quạt thông gió, hút khói	11	2	1	1	4	22	88	
4	chiếu sáng	0,036	146	0,5	8	30	2,628	630,72	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ THIẾT BỊ SỬ DỤNG ĐIỆN

Tên khách hàng Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Địa chỉ dùng điện Tầng hầm CC129D phố Trương Định P.Trương Định

Thiết bị sử dụng điện :

Thống kê thiết bị sử dụng điện: Tổng công suất lắp đặt 108 kw

Công suất sử dụng cao nhất 118 kw Công suất sử dụng trung bình 40 kw

Công suất sử dụng thấp nhất 10 kw Điện năng sử dụng trung bình 1000 kwh/tháng

TT	Thiết bị	Công suất (KW)	Số lượng	HS đồng thời	Thời gian sử dụng ngày		Tổng CS (KW)	Điện năng sử dụng (KW/tháng)	Ghi chú
					Số giờ/ngày	Số ngày/tháng			
1	2	3	4	5	6	7	8=3*4*5	9=6*7*8	10
1	Máy bơm PCCC	90	2	0,5	1	4	90	360	
2	máy bơm bù áp	3	1	1	1	4	3	12	
3	quạt thông gió, hút khói	11	2	1	1	4	22	88	
4	đèn chiếu sáng	0,036	146	0,5	8	30	2,628	630,72	
5							117,628	1090,72	
6									
7									
8									
9									
10	Tổng						117,628	1090,72	

Hà nội ngày 26 tháng 06 năm 2023



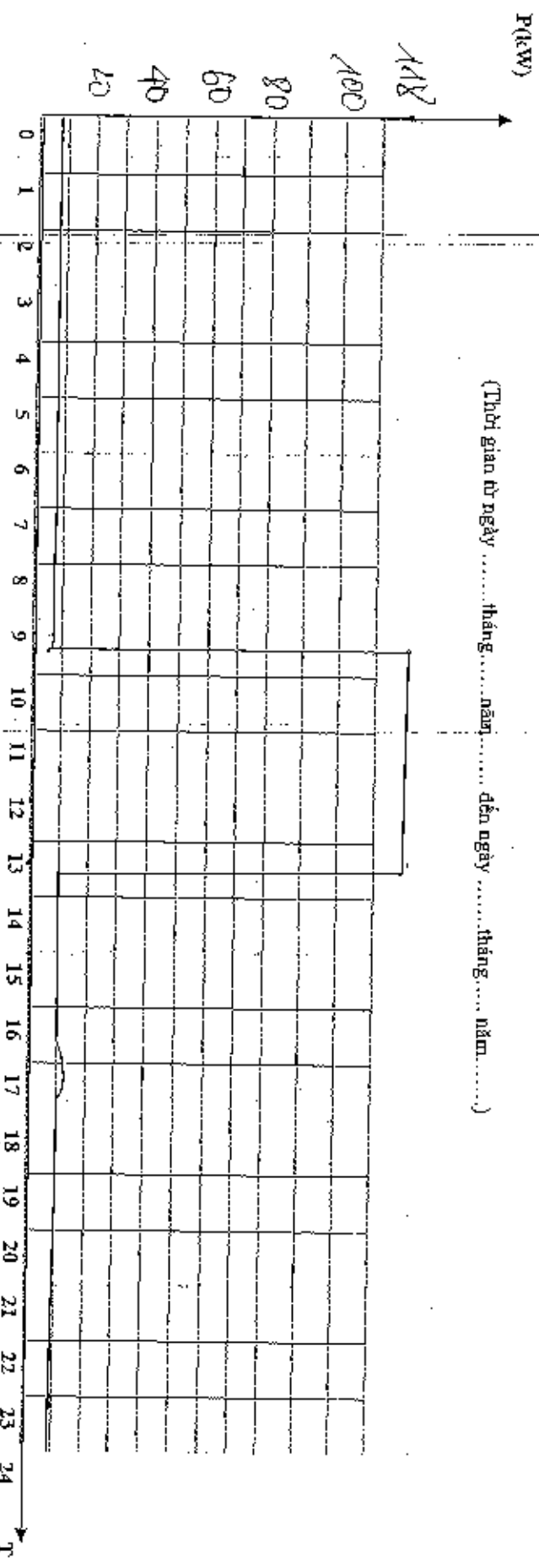
HỒ GIÁM ĐỐC

BẢN ĐĂNG KÝ BIỂU ĐỘ PHỤ TẢI **BIỂU ĐỘ PHỤ TẢI ĐIỆN HÌNH MỘT NGÀY ĐÊM**

Tên khách hàng:

Địa chỉ dùng điện:

(Thời gian từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)



1. Công suất và sản lượng điện sử dụng:

- Công suất sử dụng trung bình ngày (Ptb): kW
- Công suất sử dụng lớn nhất trong ngày (Pmax): kW
- Công suất sử dụng nhỏ nhất trong ngày (Pmin): kW
- Sản lượng điện sử dụng trung bình một tháng (Atb) ≤ kWh/tháng
- Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm:
 - + Từ 09h30 đến 11h30: kW
 - + Từ 17h00 đến 20h00: kW

2. Chế độ sử dụng điện theo thời gian:

- Giờ hành chính:
- Theo ca: ca
 - + Ca 1: Từ Đến
 - + Ca 2: Từ Đến
 - + Ca 3: Từ Đến



năm

CHỖ GIÁM ĐỐC

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm

BIÊN BẢN

**Cam kết sử dụng đúng công suất vào giờ cao điểm
đã đăng ký theo biểu đồ phụ tải trong HĐMBĐ**

Căn cứ Chỉ thị 171/CT-TTg ngày 26/1/2011 về tăng cường thực hiện tiết kiệm điện do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Căn cứ Hợp đồng mua bán điện đã ký kết giữa 02 bên.

Hôm nay ngày 26 tháng 6 năm 2023 chúng tôi gồm:

Bên bán điện: Công ty Điện lực Hai Bà Trưng

Địa chỉ: 88 Võ Thị Sáu – Quận Hai Bà Trưng - TP Hà nội

Đại diện:

Chức vụ: Giám đốc Công Ty Điện lực Hai Bà Trưng

Theo giấy ủy quyền số 802 ngày 2 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng công ty điện lực TP Hà Nội.

Bên mua điện: Công ty Cổ phần và phát triển nhà HN22

Địa chỉ: Tầng 4 số 129 Phố Lương Định

Đại diện là ông (bà): Đào Xuân Tuấn Chức vụ: Phó GD

Để đảm bảo cung cấp điện liên tục, an toàn, đảm bảo chất lượng và thực hiện tiết kiệm điện hai bên cam kết:

- Bên bán điện: cung cấp đủ công suất cho bên mua điện theo biểu đồ phụ tải đã đăng ký (trừ trường hợp bất khả kháng)

- Bên mua điện: không sử dụng điện vượt quá công suất vào giờ cao điểm theo biểu đồ phụ tải đã đăng ký và thỏa thuận trong HĐMBĐ, cụ thể:

+ Công suất sử dụng lớn nhất vào giờ cao điểm tối theo đăng ký là:

$P_{max} = \dots\dots\dots 11 \text{ kW}$

+ Công suất sử dụng lớn nhất vào giờ cao điểm ngày theo đăng ký là:

$P_{max} = \dots\dots\dots 10 \text{ kW}$

- Nếu bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm theo các điều khoản đã cam kết trong HĐMBĐ ký kết giữa hai bên

- Các điều khoản khác của HĐMBĐ không có gì thay đổi.

- Biên bản cam kết này là một bộ phận không thể tách rời với HĐMBĐ đã được ký giữa 02 bên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đào Xuân Tuấn



Lương Văn Quý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Hợp đồng mua bán điện số: 01007218080309 ngày 28 tháng 06 năm 2018 giữa
Công ty Điện lực Hai Bà Trưng và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Căn cứ luật hiện hành về hợp đồng và các quy trình, quy phạm của bên bán điện.

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2023 chúng tôi gồm:

BÊN BÁN ĐIỆN (BÊN A): Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100101114 - 004

Địa chỉ trụ sở chính: 69 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản số: 116000001045 tại ngân hàng NHTMCP Công Thương VN-CN HBT

Email: p9.pchbt@gmail.com Số điện thoại TTCCKH 19001288

Website evnhanoi.vn

Đại diện là ông (bà): Lương Văn Quý Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực Hai Bà Trưng

- Theo văn bản ủy quyền số: 8027 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội

BÊN MUA ĐIỆN (BÊN B): Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế: 0100106955

Đăng ký kinh doanh/đoanh nghiệp: do Sở kế hoạch và đầu tư TP HN cấp ngày 17/11/2022

Địa chỉ trụ sở chính: Số 13 ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP HN, VN

Tài khoản số: tại ngân hàng

Email: Số điện thoại

Đại diện là ông (bà): Đào Trương Tuấn Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Số chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/ HC) 001075021168 Ngày cấp: 28/01/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về trật tự xã hội

Theo văn bản ủy quyền số: 132/GUQ-CT ngày 05/06/2023

của ông (bà) Chủ tịch HĐQT Công ty

Hai bên cùng nhau thỏa thuận việc chấm dứt hợp đồng mua bán điện với nội dung sau:

1. Chấm dứt hợp đồng mua bán điện số: 01007218080309 ký ngày 28/06/2018 giữa
Công ty Điện lực Hai Bà Trưng và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V6 Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TĐ: 116000061045-7

NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 3706

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà, Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền (thanh toán) (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	98		208.152
	(kết nối theo bảng kê số 1375465350 ngày 02 tháng 01 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					208.152
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.652
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 224.804
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller)

Đã ký: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:25:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V8 Thị Sầu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tài

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K02TAB

Số (No): 207776

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát (tiền nhà) Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PEX02000037775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	61	-	129.564
	(Xem theo bảng kê số 1379447230 ngày 02 tháng 02 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					129.564
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.365
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			139.929
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm hai mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/02/2025 19:35:03



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001388

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 16000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K2STAB

Số (No): 215977

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	88	-	186.912
	(kèm theo bảng kê số 1382747029 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					186.912
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					14.953
Tỷ giá (Exchanged rate):					201.865
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh một nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng.					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					201.865

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/03/2025 19:23:57



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG - Số TK: 118000081045 - Tại NH: NHLMCP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Serial): IK25TAB

Số (No): 321821



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tạm CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1386341771 ngày 02 tháng 04 năm 2025)	kWh	80	-	169.920
Tổng tiền hàng (Total amount):					169.920
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.594
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 183.514
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám nghìn năm trăm mười ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ủy quyền: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/04/2025 20:00:54



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỐ TK: 1160000000045

NHỆ NHTMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 427993

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): T/MCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	79		167.796
	(kèm theo bảng kê số 1389794707 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					167.796
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.424
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 181.220
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/05/2025 19:11:40



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

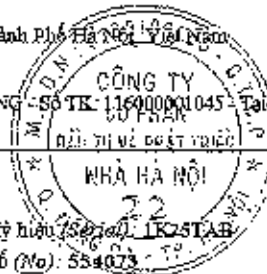
Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Signature): 1K25TAB

Số (No): 554073

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1393407703 ngày 03 tháng 06 năm 2025)	kWh	75		160.764
Tổng tiền hàng (Total amount):					160.764
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.861
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			173.625
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2025 11:13:10



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

NHỆ NHIMCOP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Serial): LK25TAB

Số (No): 534034



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100108955

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Hồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025.	kWh	120		267.120
	(theo theo bảng kê số 1393407780 ngày 03 tháng 06 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					267.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					21.370
Tỷ giá (Exchanged rate):					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					288.490
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2025 11:13:10



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25T4B

Số (No): 3704

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 21

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	240		509.760
	(kèm theo bảng kê số J375465362 ngày 02 tháng 01 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					509.760
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			40.781
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			550.541
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm năm mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:15:36



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG

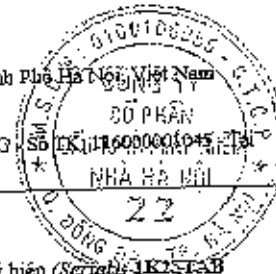
Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG

NH: NHLMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25AB
Số (No): 207774

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): THỦ CASH

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	240	-	509.760
	(kèm theo bảng kê số 1379447268 ngày 02 tháng 02 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					509.760
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					40.781
Tỷ giá (Exchanged rate):					550.541
Số tiền bằng chữ (Amount in word): Năm trăm mười một nghìn năm trăm bốn mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/02/2025 15:35:05



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001233

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG, Số TK: 110000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VNĐ

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025 (kèm theo bảng kê số 1382747082 ngày 02 tháng 03 năm 2025.)	kWh	120	-	254.880
Tổng tiền hàng (Total amount):					254.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			20.390
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			275.270
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/03/2025 10:12:57



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

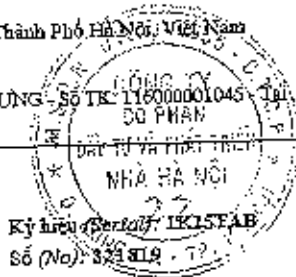
Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

NH: NHCMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000031755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1386341782 ngày 02 tháng 04 năm 2025)	kWh	120	-	254.880
Tổng tiền hàng (Total amount):					254.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 20.390
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 275.270
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/04/2025 22:00:54



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V6 Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 1130000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 427991 - TP

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000087755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TTM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	120	-	254.880
	(xem theo bảng kê số J489794781 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					254.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 20.390
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 275.270
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy nghìn năm trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm mười đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/05/2025 18:11:40



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

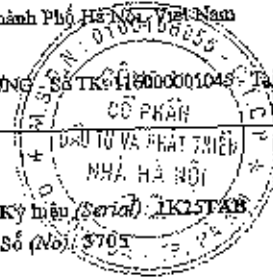
Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000051757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo đồng kế số 1375465356 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	18.080	-	38.401.920
Tổng cộng hàng (Total amount):					38.401.920
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.072.154
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 41.474.074
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 01/01/2025 20:25:56



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

NHỆ NHẬT MCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1KSTAB

Số (No): 207775

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	18.400		39.081.600
	(kèm theo bảng kê số 1379447250 ngày 02 tháng 02 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					39.081.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.126.528
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 42.208.128
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu hai trăm linh tám nghìn một trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/02/2025 19:25:04



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số tài khoản: 1160000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 182548

Số (No): 215976

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	16960	-	36.023.040
	(kèm theo bảng kê số 1382747054 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					36.023.040
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					2.881.843
Tỷ giá (Exchanged rate):					38.904.883
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám nghìn chín trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/03/2025 19:25:57



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

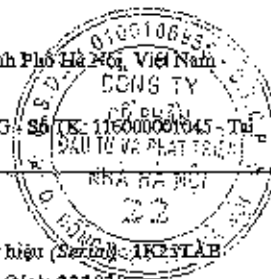
Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỔ TK: 116000001045 - Tại

NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Serial): AK07LAB

Số (No): 321810

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	19.120	-	40.610.880
	(kèm theo bảng kê số 1386341777 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					40.610.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.248.870
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 43.859.750
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/04/2025 20:06:14



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỐ TÀI KHOẢN 0010045 - Tại

NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	HTL (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025 (kêni theo bảng kê số 1389794747 ngày 02 tháng 05 năm 2025)	kWh	16320	-	34.663.680
Tổng tiền hàng (Total amount):					34.663.680
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.773.094
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 37.436.774
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/05/2025 19:11:40



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 58 V5 Thị Sáo, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỐ TK: 16000001043 - TM

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): HK27AB
Số (No): 534072

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC2000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	16.880	-	37.028.160
	(kèm theo bảng kê số 1393407746 ngày 03 tháng 06 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					37.028.160
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.962.253
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 39.990.413
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2025 11:13:10



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỐ TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCE Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiệu của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 1066864

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC2000057714

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024	kWh	628	-	1.962.041
	(kèm theo bảng kê số 1368638054 ngày 02 tháng 12 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.962.041
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 156.963
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.119.004
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu một trăm mười chín nghìn không trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/12/2024 19:31:35



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
NH: NHUMCP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Serial): 1K25TAB
Số (No): 3710



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	HTT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1375463578 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	460	-	1.435.591
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.435.591
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 114.947
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.550.538
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:25:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - TP

NH NHTMCP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Serial): LC2STAB

Số (No): 207779

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025 (kèm theo bảng kê số 1379447725, ngày 02 tháng 02 năm 2025)	kWh	484	-	1.516.053
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.516.053
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 121.284
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.637.337
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/02/2025 19:39:38



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001041 - Tại NH: NHMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): IK25TAB

Số (No): 215980

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDK02000037714

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMI/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	390		1.221.460
	(kèm theo bảng kê số 1382744335 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.221.460
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			97.717
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.319.177
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/03/2025 15:25:37



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 115000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 321824

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	607	-	1.888.433
	(theo theo bảng kê số 1386342144 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.888.433
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 151.075
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.039.508
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy quyền bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/04/2025 12:00:53



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỐ TK: 116000001045 - Tại

NH.NHTMCP Công Thương Việt Nam



Ký hiệu (Serial): K25TAB

Số (No): 427996

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	663	-	2.076.383
	(kèm theo bảng kê số 1389794058 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					2.076.383
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 166.111
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.242.494
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập tại: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 02/05/2025 18:11:40



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NHỊ NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 534076

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106935

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Phương thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F = D x E
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	769	-	2.502.830
	(kèm theo bảng kê số 1393408189 ngày 03 tháng 06 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					2.502.830
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 200.226
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.703.056
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu bảy trăm linh bốn nghìn không trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2025 11:12:10



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001234

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
NHÀ NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1KZ5TAB

Số (No): 3709

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, Ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003773

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện Gàu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1375465566 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	160	-	498.060
Tổng tiền hàng (Total amount):					498.060
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			39.845
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			537.905
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm linh năm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 02/01/2025 22:25:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001283

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - SỔ TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K2ALAB

Số (No): 17824

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC000003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/01/2024	kWh	280	-	796.360
	(kèm theo bảng kê số 1332163325 ngày 06 tháng 01 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					796.360
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 63.709
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 860.069
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám trăm sáu mươi nghìn không trăm sáu mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 06/01/2024 13:56:47



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001234

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TXB

Số (No): 12

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106953

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Phương thức thanh toán (Payment method): TMI/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phân phối tháng 1 năm 2024 từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/01/2024	kVAh	160	-	27.474
	(kèm theo bảng kê số 1332103522 ngày 06 tháng 01 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					27.474
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.198
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 29.672
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 06/01/2024 15:30:43



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V8 Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAE

Số (No): 110624

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC0200037777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1338304577 ngày 05 tháng 03 năm 2024)	kWh	440	-	1.338.240
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.338.240
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			107.059
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.445.299
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm chín mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy ban CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/03/2024 19:56:34



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 190012388

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K24T3B

Số (No): 105

Ngày (Date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106953

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	HVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phản kháng tháng 2 năm 2024 từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1336304580 ngày 05 tháng 03 năm 2024)	KVAh	280		95.550
Tổng tiền hàng (Total amount):					95.550
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.644
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			103.194
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh ba nghìn một trăm chín mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày lập: 05/03/2024 19:56:16



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): IK24TAB

Số (No): 326709

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÍN DỤNG

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VNĐ

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	5240	-	16.438.640
	(kèm theo bảng kê số 1345127718 ngày 03 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền bằng (Total amount):					16.438.640
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.315.092
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 17.753.731
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/05/2024 13:24:49



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 429337

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển phía Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	5.640	-	18.496.120
	(kèm theo bảng kê số 1348441875 ngày 03 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					18.496.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.479.690
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 19.975.810
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm mười đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2024 09:41:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 118000001045 - Tại NH NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): TK24TAE

Số (No): 633598

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000031777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÀI KHOẢN

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1351963032 ngày 03 tháng 07 năm 2024)	kWh	7200	-	23.492.640
Tổng tiền hàng (Total amount):					23.492.640
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.879.411
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		25.372.051
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn không trăm năm mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 03/07/2024 09:01:43



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 739589

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần điện tử và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÌM CCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	7.280	-	23.684.520
	(kèm theo bảng kê số 1355150037 ngày 02 tháng 08 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					23.684.520
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.894.762
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 25.579.282
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi lăm tỷ năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/08/2024 17:12:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): EK24TAB

Số (No): 148096

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106855

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDX200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1358396569 ngày 02 tháng 09 năm 2024)	kWh	5.920	-	19.119.880
Tổng tiền hàng (Total amount):					19.119.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.529.590
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			20.649.470
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/09/2024 19:44:58



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V5 Thị Sầu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NTRIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 954320

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÍN DỤNG

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

SIT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	4.920		15.671.120
	(kèm theo bảng kê số 1361889823 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					15.671.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.253.690
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			16.924.810
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm mười đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 02/10/2024 13:55:37



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 83 V6 Thị Sầu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 960562

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1365346337 ngày 02 tháng 11 năm 2024)	kWh	6.040	-	19.256.160
Tổng tiền hàng (Total amount):					19.256.160
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.540.493
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 20.796.653
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 02/11/2024 22:54:43



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 1160000001045 - Tại NH: NHMTCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice display)

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 1066865

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDX200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TĐ/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1368638050 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	5240		16.045.760
Tổng tiền hàng (Total amount):					16.045.760
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.283.661
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 17.329.421
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/12/2024 10:31:23



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 1160000001045 - Tại

NHỆ NHITMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 371X

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003777

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A.	B.	C.	1.	2.	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1375465571 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	1.240	-	4.147.120
Tổng tiền hàng (Total amount):					4.147.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		331.770
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		4.478.890
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm chín mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:25:38



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116009001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 17816

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC2000031775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1332163499 ngày 06 tháng 01 năm 2024)	kWh	134	-	271.618
Tổng tiền hàng (Total amount):					271.618
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			21.729
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			293.347
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 06/01/2024 15:30:47



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1X24TAB

Số (No): 210670

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PX0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1338303851 ngày 05 tháng 03 năm 2024)	kWh	194	-	393.238
Tổng tiền hàng (Total amount):					393.238
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 31.459
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 424.697
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm hai nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/03/2024 17:53:56



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001268

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH. NHTMCP Công Thương Việt Nam.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 326705

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	65	-	131.755
	(kèm theo bảng kê số 1345130219 ngày 03 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					131.755
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.540
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			142.295
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/05/2024 12:24:43



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0106101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHMTCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 429832

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): P00200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1348440046 ngày 03 tháng 06 năm 2024)	kWh	63	-	127.701
Tổng tiền hàng (Total amount):					127.701
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.216
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 137.917
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba nghìn bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2024 09:41:11



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHCMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K34TAB

Số (No): 633593

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	85	-	172.295
	(kèm theo bảng kê số 1331970652 ngày 03 tháng 07 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					172.295
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					13.784
Tỷ giá (Exchanged rate):					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					186.079
Số tiền bằng chữ (Amount in Words): Một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy quyền: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/07/2024 09:01:45



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001283

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAE

Số (No): 739505

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD020003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thu tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	85		172.295
	(kèm theo bảng kê số 1355149850 ngày 02 tháng 08 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					172.295
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.784
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 186.079
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 02/08/2024 17:41:12

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bảo thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1H24TAE

Số (No): 748092

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024	kWh	75	-	152.02
	(kèm theo bảng kê số 1358397517 ngày 02 tháng 09 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					152.02
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.16
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			164.18
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/09/2024 19:44:33



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V8 Thị Sầu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỔ TK: 116000001045 - Tại NH.NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1KZ4TAB

Số (No): 854316

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106855

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC02000031775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	77		156.079
	(kèm theo bảng kê số 1361889782 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					156.079
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 12.486
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 168.565
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/10/2024 15:35:57



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date): 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 960558

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	76		158.805
	(kèm theo bảng kê số 1365347732 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					158.805
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.704
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			171.509
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi một nghìn năm trăm linh chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/11/2024 12:54:43



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 1066861

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): ED0200003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1368638368 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	68	-	144.432
Tổng tiền hàng (Total amount):					144.432
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			11.555
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			155.987
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HAI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 02/12/2024 15:51:35



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vê Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001043 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TAB

Số (No): 3706

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD020003775

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): T/M/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	98	-	208.152
	(kèm theo bảng kê số 1375463350 ngày 02 tháng 01 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					208.152
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.652
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 224.804
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:13:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 18001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NHÁ NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 17819

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/01/2024	kWh	410	-	1.275.420
	(Xem theo bảng kê số 1332163528 ngày 06 tháng 01 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.275.420
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 102.034
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.377.454
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 06/01/2024 13:50:47



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date): 05 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 210673

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/02/2024	KWh	726		2.258.647
	(kèm theo bảng kê số 1338304583 ngày 05 tháng 03 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					2.258.647
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			180.692
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			2.439.339
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/03/2024 19:16:26



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): HK24TAB

Số (No): 326708

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000032774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1345127745 ngày 03 tháng 05 năm 2024)	kWh	469	-	1.447.798
Tổng cộng (Total amount):					1.447.798
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 115.824
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.563.622
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/05/2024 12:24:48



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001235

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K2+TAB

Số (No): 429836

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	591		1.821.456
	(kèm theo bảng kê số 1348441906 ngày 03 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.821.456
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					145.796
Tỷ giá (Exchanged-rate):					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.968.252
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu chứt trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/06/2024 09:41:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V5 Thị Sầu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - SỐ TK: 1160000001045 - Tại NH: NHBMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 633597

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1351968055 ngày 03 tháng 07 năm 2024)	kWh	995	-	3.046.136
Tổng tiền hàng (Total amount):					3.046.136
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					243.691
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 3.289.827
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/07/2024 09:31:43



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001234

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001043 - Tại NH: NHNNCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 739508

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	947		2.876.609
	(tính theo bảng kê số 1355150047 ngày 02 tháng 08 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					2.876.609
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 230.129
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 3.106.738
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu một trăm linh sáu nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/08/2024 17:12:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bìa thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 148095

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1358396583 ngày 02 tháng 09 năm 2024)	kWh	961	-	2.943.660
Tổng tiền hàng (Total amount):					2.943.660
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 235.493
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 3.179.153
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba triệu một ngàn bảy trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày lập: 02/09/2024 19:34:38



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 33 V5 Thị Sầu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHNNCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K2+TAB

Số (No): 854319

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 23

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	771		2.306.393
	(kèm theo bảng kê số 1361889833 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					2.306.393
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 184.511
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.490.904
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/10/2024 13:25:57



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - SỐ TK: 116000001045 - Tại NH: NHCMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): HK24TAB

Số (No): 960561

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200037774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	735	-	1.269.281
	(kèm theo bảng kê số 1365346339 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.269.281
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 101.542
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.450.823
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/11/2024 22:56:49



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - SỐ TK: 116000001045 - Tại NH NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): UK24TAB

Số (No): 1066864

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037714

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 1368638054 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	628	-	1.962.041
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.962.041
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 156.963
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 2.119.004
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai triệu một trăm mười chín nghìn không trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/12/2024 19:31:31



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K0STAB

Số (No): 3710

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003774

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1375465378 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	460	-	1.435.591
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.435.591
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					114.847
Tỷ giá (Exchanged rate):					
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu năm trăm năm mươi nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng.					
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.550.438

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy quyền bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:25:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V8 Thị Sầu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001283

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 429835

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Mã khách hàng (Customer's Code): PDX200003773

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TĐCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1348441849 ngày 03 tháng 06 năm 2024)	kWh	12	-	39.336
Cộng tiền hàng (Total amount):					39.336
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.147
Tỷ giá (Exchange rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			42.483
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy quyền: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ký: 03/06/2024 09:41:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 633596

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDX0000037773

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): T/MCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	351	-	1.021.419
	(kèm theo bảng kê số 1351968049 ngày 03 tháng 07 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.021.419
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 81.714
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.103.133
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu một trăm linh ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Duyệt và ký: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 03/07/2024 09:31:45



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001338

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): IK25TAB

Số (No): 3709

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037773

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1375465566 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	160		498.060
Tổng tiền hàng (Total amount):					498.060
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			39.845
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			537.905
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm linh năm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 01/01/2025 25:25:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHNNCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 17814

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1332163514 ngày 06 tháng 01 năm 2024)	kWh	740	-	486.480
Tổng tiền hàng (Total amount):					486.480
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 38.918
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 525.398
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 06/01/2024 13:30:47



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K2NTAB

Số (No): 210663

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	480	-	972.960
	(Xem theo bảng kê số 1338303870 ngày 05 tháng 03 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					972.960
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 77.837
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.050.797
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu không trăm năm mươi nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày lập: 05/03/2024 19:15:16



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAB

Số (No): 316703

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	480	-	972.960
	(kèm theo bảng kê số 1345130280 ngày 03 tháng 05 năm 2024)				
Tổng cộng (Total amount):					972.960
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 77.837
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 1.050.797
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu không trăm năm mươi nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/05/2024 12:24:39



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-804

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001268

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NUTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): IKC4TAB

Số (No): 429830

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106935

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDX0200037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÍN DỤNG

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ hưởng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	720	-	1.459.440
	(kèm theo bảng kê số 1348440088 ngày 03 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					1.459.440
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			116.755
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.576.195
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/06/2024 09:44:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-00-0

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001388

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 1160000001045 - Tại

NH: NHETMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): IK24TAB

Số (No): 633591

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100100955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÍN DỤNG

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	120	-	243.240
	(kèm theo bảng kê số 1351970718 ngày 03 tháng 07 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					243.240
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 19.459
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 262.699
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 03/07/2024 09:01:25



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001234

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Signature) 11221234567
Số (No): 739503 HÀ NỘI

22

Họ (Tên người mua hàng) (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1355149861 ngày 02 tháng 08 năm 2024)	kWh	360	-	729.720
Cộng tiền hàng (Total amount):					729.720
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			58.378
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			788.098
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy trăm tám mươi tám nghìn không trăm chín mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/08/2024 17:12:12



NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam



Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Số (No): 748090 22

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thuê tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1358397331, ngày 02 tháng 09 năm 2024.)	kWh	240	-	486.480
Tổng tiền hàng (Total amount):					486.480
Thuế suất GTGT (VAT rate): 6%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 38.918
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 525.398
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng.					

Người bán hàng (Seller)

Đoàn tập thể CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ
TRUNG
Ngày: 02/09/2024 16:44:35



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - SỐ TK: 116000001045 - Tại NH: NH TMCP Công Thương Việt Nam

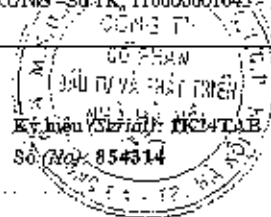


HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037755

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	240	-	486,480
	(kèm theo bảng kê số 1361889808 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					486,480
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 38,918
Tỷ giá (Exchange rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 525,398
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/10/2024 15:55:37



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 416000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): K24TAB

Số (No): 960536

NG 02 - 11 - 2024

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000057155

Số tài khoản (Account No):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Phương thức thanh toán (Payment method): TÀI KHOẢN

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1365347778 ngày 02 tháng 11 năm 2024)	kWh	240		498.120
Tổng tiền hàng (Total amount):					498.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 39.850
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 537.970
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ủy thác: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 02/11/2024 13:34:43



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K254AB
Số (No): 3704 HÀ NỘI

22

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106953

Địa chỉ (Address): Số 13, Ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000031753

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024 (kèm theo bảng kê số 1375465362 ngày 02 tháng 01 năm 2025)	kWh	240	-	509.760
Tổng tiền hàng (Total amount):					509.760
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			40.781
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			550.541
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm năm mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày lập: 02/01/2025 20:25:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHNNCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial) C123456789
Số (No) 118850 và PHÁT HÀNH

HÀ NỘI

22

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1333/03509 ngày 06 tháng 01 năm 2024)	kWh	17.680	-	35.837.360
Tổng tiền hàng (Total amount):					35.837.360
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.866.989
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 38.704.349
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám triệu bảy trăm bốn nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 06/01/2024 15:20:47



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 83 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 110566913

Số (No): 22



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển phố Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100108955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037157

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TÍN DỤNG

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	30.560	-	61.945.120
	(kèm theo bảng kê số 1338303857 ngày 05 tháng 03 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					61.945.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.955.610
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			66.900.730
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu chín trăm nghìn bảy trăm ba mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/03/2024 19:55:56



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001238

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	17.120	-	34.702.240
	(kèm theo bảng kê số 1345130255 ngày 03 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					34.702.240
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.776.179
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 37.478.419
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm mười chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 05/05/2024 12:24:48



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

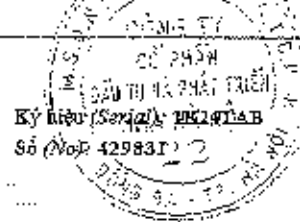
Địa chỉ (Address): Số 88 V6 Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001233

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - SỐ TK 116000001045 - Tại NH NHIỆM VỤ Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, Ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	17.760	-	35.999.520
	(kèm theo bảng kê số 1348440063 ngày 03 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					35.999.520
Thuế suất GTGT (VAT rate): 3%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.879.962
Tỷ giá (Exchanged rate): -		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			38.879.482
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Chữ ký và đóng dấu của Công ty Điện Lực Hải Bà Trưng
Ngày ký: 03/06/2024 09:31:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRƯNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001168

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRƯNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHTMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K171AB

Số (No): 639592

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà, Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thái, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1351970687 ngày 03 tháng 07 năm 2024)	kWh	17.760	-	35.999.520
Tổng tiền hàng (Total amount):					35.999.520
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.879.962
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 38.879.482
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRƯNG
Ngày ký: 03/07/2024 09:31:43



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice Display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24LAB

Số (No): 73950422

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1355149854 ngày 02 tháng 08 năm 2024)	kWh	17.520	-	35.513.040
Tổng tiền hàng (Total amount):					35.513.040
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.841.043
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 38.354.083
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi tám triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn không trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/08/2024 17:12:12



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001188

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHMTCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Signature) 19001188

Số (No): 7480011 HẢI BÀ TRUNG

22

Họ (tên người mua hàng) (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD020000371757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	HTT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (theo theo bảng kê số 1358397325 ngày 02 tháng 09 năm 2024)	kWh	18.560	-	37.621.120
Tổng tiền hàng (Total amount):					37.621.120
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.009.690
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 40.630.810
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn tám trăm mười đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/09/2024 19:14:33



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

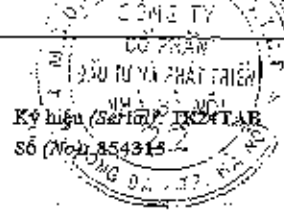
Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại NH NHIMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần điện tử và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106035

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC2000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1361889796 ngày 02 tháng 10 năm 2024)	kWh	18320	-	37.134.640
Tổng tiền hàng (Total amount):					37.134.640
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Đã trừ GTGT (VAT amount): 2.970.771
Tỷ giá (Exchange rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 40.105.411
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi triệu một trăm linh năm nghìn bốn trăm mười một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/10/2024 15:15:37



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 Vũ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001043 - Tại

NH: NHJMCP Công Thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial Number): 960557 22

Số (No): 960557 22



Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD02000037757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1365347754 ngày 02 tháng 11 năm 2024.)	kWh	18.560	-	38.715.280
Tổng tiền hàng (Total amount):					38.715.280
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.097.212
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 41.812.502
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm linh hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ
TRUNG
Ngày ký: 02/11/2024 11:14:48



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG

Mã số thuế (Tax Code): 010010114-004

Địa chỉ (Address): Số 88 V6 Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001235

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG - Số TK: 116000001045 - Tại

NH: NHIMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Signature): TK251AE
Số (No): 3703

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Mã số thuế (Tax code): 0100106955

Địa chỉ (Address): Số 13, ngõ Yên Thế, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD0200003757

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	18.080	-	38.401.920
	(Kèm theo bảng kê số 1373463356 ngày 02 tháng 01 năm 2025)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					38.401.920
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.072.154
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			41.474.074
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀI BÀ TRUNG
Ngày ký: 02/01/2025 20:25:36

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: HKKL/03230105

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND quận Hai Bà Trưng về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu "Gói thầu số 1: Duy trì VSMT trên địa bàn Quận Hai Bà Trưng giai đoạn 2021-2023 (3 năm)" thực hiện duy trì VSMT trên địa bàn Quận Hai Bà Trưng giai đoạn 2021-2023;

Căn cứ vào nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI SỐ 22

Người đại diện: Ông Đào Trương Tuấn - Chức vụ: Phó Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số: 224/GT.ỦY.QL.ĐQT.29/12/2022 của Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Số 13 ngõ Yên Thế, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243.7331376

Tài khoản số: 21110000000751

Tại ngân hàng: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội

Mã số thuế: 0100106955

Bên B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

- CHI NHÁNH HAI BÀ TRƯNG

Người đại diện: Ông Lê Anh Tuấn - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ giao dịch: Số 10 ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 0243.6272871

Email: pkdt.urengo3@gmail.com

Mã QHNS: 01201012

Số khách hàng (CIF): 2400000255

Tài khoản số: 111000001198 Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hà Nội

Mã số thuế: 0100105535-005

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

1. Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho bên A theo đúng quy định của Thành phố.

(Nghị định 08/2022/NĐ-CP tại mục 11 điều 3 định nghĩa chất thải rắn sinh hoạt còn gọi là rác thải sinh hoạt: là chất thải phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.)

2. Loại hình kinh doanh:.....

3. Địa điểm thu gom: tại địa điểm: Chung cư 129D phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội đến nơi quy định của Thành phố.

4. Khối lượng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt: 14 tấn/tháng

5. Tần suất thực hiện: 01 lần/ngày. Thời gian thu gom: Hằng ngày.

Điều 2: Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị Hợp đồng:

TT	Tên dịch vụ công việc	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Khối lượng			Thành tiền (đồng)
				Khối lượng/tháng	Số tháng	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5) x (6)	(8)=(4) x (7)
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Tấn	500.000	14	12	168	84.000.000
Tổng cộng:							84.000.000

(Bảng chữ: Tám mươi tư triệu đồng!)

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản qua ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán vào tháng 5 và tháng 11. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ do bên B cung cấp, bên A làm thủ tục thanh toán cho bên B.

Điều 3: Thời gian thực hiện Hợp đồng

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023

Điều 4: Quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên A:

- Cam kết thực hiện phân loại rác theo đúng quy định, không để chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế, chất thải y tế thông thường lẫn với chất thải rắn sinh hoạt. Nếu bên A vi phạm sẽ phải chi trả những chi phí phát sinh liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

- Bố trí địa điểm thuận lợi (thuộc địa bàn do bên A quản lý) để tập kết rác thải sinh hoạt.

- Tạo điều kiện thuận lợi, phối hợp với bên B trong việc thu gom rác.

- Trang bị phương tiện thu chứa rác thải sinh hoạt (xe gom chuyên dụng).

- Bổ sung Hợp đồng khi có khối lượng phát sinh ngoài khối lượng ký kết.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí thực hiện Hợp đồng và đúng tiến độ cho bên B theo đúng thời gian thỏa thuận.

- Thông báo và nêu rõ lý do bằng văn bản trước 01 tháng cho bên B trong trường hợp bên A có nhu cầu tạm dừng thực hiện Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn hoặc có những thay đổi về thông tin trong Hợp đồng.

2. Bên B:

- Thu gom, vận chuyển rác thải đúng địa điểm và thời gian quy định, đảm bảo thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom. Bên B được quyền từ chối thu gom các loại chất thải không có trong quy định của Hợp đồng lẫn trong thành phần chất thải bên A giao cho bên B.

- Đảm bảo quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng các quy định của Thành phố về bảo vệ môi trường hiện hành.

NG TY
Đ PHÂN
VÀ PHÂN T
À HÀ N
22
ĐA - TP.

- Cung cấp đầy đủ hoá đơn, chứng từ cho bên A, làm cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán Hợp đồng.

- Thông báo bằng văn bản cho bên A khi có các vấn đề phát sinh ngoài Hợp đồng và trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Điều 5: Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh Hợp đồng:

- Điều chỉnh khi Thành phố có sự thay đổi về đơn giá.

- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với Hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%).

- Thay đổi thời gian, địa điểm tập kết thu gom rác hai bên đã thống nhất trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, hai bên phải thông báo cho nhau trước 01 (một) ngày cùng nhau thoả thuận ký lại Hợp đồng hoặc ghi thêm Phụ lục Hợp đồng. Thời gian thống nhất hoặc điều chỉnh Hợp đồng không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày ra thông báo. Việc cung ứng dịch vụ vẫn được thực hiện trong thời gian điều chỉnh Hợp đồng.

2. Tạm dừng, huỷ bỏ Hợp đồng:

- Một trong hai bên không thực hiện, thực hiện không đúng các nội dung đã được ký kết trong Hợp đồng. Sau 02 lần thông báo vẫn không có khắc phục, bên B sẽ đơn phương tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc ngược lại bên A có quyền tạm ngừng Hợp đồng đã ký kết với bên B.

- Bên A chậm thanh toán 01 tháng sau khi bên B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng này.

- Bên B cung ứng dịch vụ không đạt yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường của Nhà nước.

- Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng, các bên có trách nhiệm thanh toán/hoàn trả cho nhau Giá trị Hợp đồng chênh lệch so với phần nội dung công việc đã thực hiện. Các bên có trách nhiệm nghiệm thu, ký xác nhận bằng văn bản để làm căn cứ cho việc thanh toán/hoàn trả.

- Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh hoặc các trường hợp tương tự khác.

Điều 6: Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có mâu thuẫn hoặc tranh chấp phát sinh, hai bên phải thông báo kịp thời cho nhau và tích cực giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác.

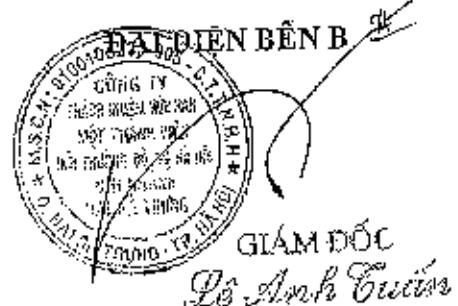
2. Bất kể bên nào vi phạm gây thiệt hại vật chất phải bồi thường cho bên kia và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Hết thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu có yêu cầu, hai bên sẽ cùng bàn bạc thảo luận ký Hợp đồng mới hoặc Phụ lục gia hạn Hợp đồng. Sau khi hai bên hoàn tất nghĩa vụ trong Hợp đồng này và hai bên không có thoả thuận khác thì mặc nhiên Hợp đồng được hoàn thành và thanh lý.

4. Mọi sự sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của 2 bên.

5. Hợp đồng này không có bất kỳ giá trị nào đối với bên thứ ba.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý.



TCT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HN
C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HN.22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 234/GUQ-CT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Tòa nhà
Chung cư 129D Trương Định

Tên tôi là: Từ Ngọc Dương

Số CCCD: 034077006968 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
cấp ngày 05/07/2022.

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Phát triển
nhà Hà Nội 22 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 04/03/2021 của Hội đồng quản trị
Công ty về việc bổ nhiệm ông Đào Trương Tuấn.

Nay tôi ủy quyền cho:

Ông: Đào Trương Tuấn

Số CGCD: 001075021168 do Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày
28/01/2019.

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Được thay mặt tôi, đại diện cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội
22 ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại Tòa nhà Chung
cư 129D Trương Định và các văn bản liên quan đến hợp đồng với Công ty TNHH Một
thành viên môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh Hai Bà Trưng

Giấy ủy quyền có giá trị kể từ ngày ký.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Đào Trương Tuấn



BÊN ỦY QUYỀN



Từ Ngọc Dương



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(EAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1K24TBC
Số (No.): 1947

Ngày (Date): 31 tháng (month) 12 năm (year) 2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Mã số thuế (Tax code): 0100105533

Địa chỉ (Address): 282 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Company's Name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI - CHI NHÁNH HAI BÀ TRƯNG

MST: 0100105533-003

Địa chỉ (Address): Số 10 Ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản (Account no.): 6868010101 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

Điện thoại (Tel): (+84) 24 3627 2871 Thư điện tử (Email): p.kdt.ureco3@gmail.com

Tên đơn vị (Company's name): Công ty CP dịch vụ thương mại và sản xuất động sản Handled 6

Địa chỉ (Address): Tầng 6A, Tòa nhà hỗn hợp, Lô đất C1, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0104084452

Mã KH (Customer Code): TDh0324HDKL0135

Số tài khoản (Account no.):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Từ ngày (Start date): 01/10/2024 đến ngày (end date): 31/12/2024

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Descriptions)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tiền hàng (Amount)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8
1.	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác chất sinh hoạt theo hợp đồng số HĐKL/03240135	Tấn	42	454.545,455	19.090.909	8%	1.527.273
Cộng tiền hàng (Total amount):							19.090.909
Tiền thuế GTGT (VAT amount):							1.527.273
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):							20.618.182
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng chẵn.							

(Trò chơi hóa đơn điện tử tại: hdctcs78@violet.vn, mã tra cứu: 670907722128 hoặc: violet.vn/ureco3.vn)

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
Ký ngày 31/12/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1K24TBC

Số (No.): 1399

Ngày (Date): 30 tháng (month) 09 năm (year) 2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Mã số thuế (Tax code): 0100105535

Địa chỉ (Address): 282 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Company's Name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI - CHI NHÁNH HAI BÀ TRƯNG

MST: 0100105535-005

Địa chỉ (Address): Số 10 Ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản (Account no.): 6868010101 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

Điện thoại (Tel): (+84) 24 3627 2871

Thư điện tử (Email): pkdt.urengo3@gmail.com

Tên đơn vị (Company's name): Công ty CP dịch vụ thương mại và sản xuất động sản Handico 6

Địa chỉ (Address): Tầng 6A, Tòa nhà hỗn hợp, Lô đất C1, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0104084452

Mã KH (Customer Code): TDH0324HDKL0135

Số tài khoản (Account no.):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Từ ngày (Start date): 01/07/2024 đến ngày (end date): 30/09/2024

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Descriptions)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tiền hàng (Amount)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số HDKL/03240135	Tấn	42	454.545,455	19.090.909	8%	1.527.273
Tổng tiền hàng (Total amount):							19.090.909
Tiền thuế GTGT (VAT amount):							1.527.273
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):							20.618.182
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng chẵn.							

(Trà cứu hóa đơn điện tử tại: hdhcs@hpuzal.hico.com.vn, mã tra cứu: 6896774G247C hoặc: tracuu.urengo.com.vn)

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
Ký ngày 30/09/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(EAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1K14TBC

Số (No.): 845

Ngày (Date): 20 tháng (month) 06 năm (year) 2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Mã số thuế (Tax code): 0100105535

Địa chỉ (Address): 282 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Company's Name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI - CHI NHÁNH HAI BÀ TRUNG

MST: 0100105535-003

Địa chỉ (Address): Số 10 Ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản (Account no.): 6868010101 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

Điện thoại (Tel): (+84) 24 3627 2871

Thư điện tử (Email): pkd@urenco3@gmail.com

Tên đơn vị (Company's name): Công ty CP dịch vụ thương mại và sản xuất động sản Handico 6

Địa chỉ (Address): Tầng 6A, Tòa nhà hỗn hợp, Lô đất C1, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0104084452

Mã KH (Customer Code): TDH0324HDKL0135

Số tài khoản (Account no.):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Từ ngày (Start date): 01/06/2024 đến ngày (end date): 30/06/2024

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Descriptions)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tiền bằng (Amount)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số HDKL/03240135	Tấn	14	454.545,455	6.363.636	8%	509.091
Tổng tiền hàng (Total amount):							6.363.636
Tiền thuế GTGT (VAT amount):							509.091
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payable):							6.872.727
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng chẵn.							

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: hdcs78portal.hiep.com.vn, mã tra cứu: 6194602H5PKE hoặc: tracu.hiep.com.vn)

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
Ký ngày 20/06/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1K25TBC

Số (No.): 439

Ngày (Date): 31 tháng (month) 03 năm (year) 2025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Mã số thuế (Tax code): 0100105535

Địa chỉ (Address): 282 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Company's Name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI - CHI NHÁNH HAI BÀ TRUNG

MST: 0100105535-005

Địa chỉ (Address): Số 10 Ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản (Account no.): 5868010101 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long

Điện thoại (Tel): (+84) 24 3627 3871

Thư điện tử (Email): pkdt.urenco3@gmail.com

Tên đơn vị (Company's name): Công ty CP dịch vụ thương mại và sản xuất động sản Handico 6

Địa chỉ (Address): Tầng 6A, Tòa nhà hỗn hợp, Lô đất C1, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0104084452

Mã KH (Customer Code): TDB0324HDKL0135

Số tài khoản (Account no.):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Từ ngày (Start date): 01/01/2025 đến ngày (end date): 31/03/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Descriptions)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tiền hàng (Amount)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số HĐKL/03250135	Tấn	135	189.090,909	25.527.273	8%	2.042.182
Tổng tiền hàng (Total amount):							25.527.273
Tiền thuế GTGT (VAT amount):							2.042.182
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):							27.569.455
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng chẵn.							

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: <https://portal.hien.vn>, mã tra cứu: 70163842KX8IV hoặc: vaqua.urenco.com.vn)

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
Ký ngày 31/03/2025

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: ...002.99.../2025/HĐCNK

- Căn cứ đề nghị của Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

HÀ NỘI 22 (BÈN A)

Mã số thuế : 0100106955

công tác quản lý vận hành và bảo trì tại chung cư cao tầng 129D Trương Định)

ILCÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Người đại diện : Ông, Trần Vũ Hiệp Chức vụ : Giám đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- (1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.
- (2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- (1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn
- (2) Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải của Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22
- (3) Địa chỉ giao rác: Chung cư 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969 716 336 (Điều hành xe)

Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công lý Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 024 62754826, fax : 024 62754827

- (4) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
- (5) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn - Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, địa chỉ: xã Nam Sơn- Huyện Sóc Sơn - Hà Nội.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

- (1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Theo quy định	01Kg	12.000
2	Giăng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Theo quy định	01Kg	10.000
3	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	18 01 01	Theo quy định	01Kg	10.000

4	Bao bì cứng thái bằng kim loại có chứa TPNH	18 01 02	Theo quy định	01Kg	9.000
5	Bao bì cứng thái bằng nhựa có chứa TPNH	18 01 03	Theo quy định	01Kg	9.000
6	Dầu thái	17 02 04	Theo quy định	01Kg	9.000
7	Pin, Ắc quy thái	16 01 12	Theo quy định	01Kg	7.000
8	Hộp mực in thái	08 02 04	Theo quy định	01Kg	7.000
9	Linh kiện điện tử thái	15 01 09	Theo quy định	01Kg	7.000
10	Bộ mạch điện tử, tụ điện, thiết bị, linh kiện điện tử	16 01 13	Theo quy định	01Kg	9.000
11	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng và một số chất thải lỏng chứa dầu khác....	15 01 02	Theo quy định	01Kg	9.000
12	Chất thải công nghiệp thông thường		Theo quy định	01Kg	6.000

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nhỏ hơn 7.000.000 đồng/01 chuyến vận chuyển (Bảy triệu đồng chẵn trên một chuyến vận chuyển) thì Bên B vẫn tính là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn) - đã bao gồm thuế GTGT.

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải lớn hơn 7.000.000 đồng/01 chuyến vận chuyển (Bảy triệu đồng chẵn trên một lần vận chuyển) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A phải chịu mức giá theo đơn giá bằng đơn giá trên.

+ Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

+ Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- (1) Thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành của Nhà Nước, thuế GTGT sẽ do Bên A chịu.
- (2) Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng/.) đã bao gồm thuế GTGT tương ứng với 01 lần vận chuyển trên 01 năm, bên A phải thanh toán cho bên B ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi bên B vận chuyển, xử lý chất thải và xuất hóa đơn tài chính. Nếu bên A có nhu cầu vận chuyển chất thải lần 2,3,4,... thì bên A phải thanh toán trước số tiền phí vận chuyển và xử lý cho mỗi lần trước khi bên B tiến hành vận chuyển, xử lý. Bên B sẽ không hoàn lại số tiền trên trong trường hợp bên A không chuyển giao chất thải cho Bên B.
- (3) Bên A thanh toán phí phát sinh theo ĐIỀU 3 (2) bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

- (4) Trong trường hợp bên A không phát sinh khối lượng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B cũng không phải hoàn lại số tiền trên.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- (1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.
- (2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chất thải đặc biệt)
- (3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- (4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- (7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- (1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
- (2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- (5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- (6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.
- (7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên

môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường

- (8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

- (1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
- (2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- (2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
- (a) Hợp đồng hết hạn;
- (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3,4 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

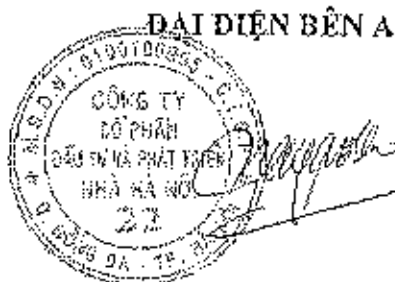
ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- (1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- (2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- (b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- (1) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.
- (2) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Linh



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Hiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số: 78/2025/HĐDV

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 06 năm 2025, tại Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22

- Đại diện : Ông Nguyễn Anh Linh Chức vụ: Phó giám đốc
(Giấy uỷ quyền số 329/GUQ-CT ngày 23/10/2024)
- Địa chỉ : Số 13 ngõ Yên Thế, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 024 3747 2394
- Mã số thuế : 0100106955
- Tài khoản : 2111 00000 751 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐỊA KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

- Đại diện : Bà Đặng Thị Lan Anh Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Số nhà 17, ngõ 7, đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6684 3738
- Mã số thuế : 0104195346
- Tài khoản : 0611001722267 Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình.

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết hợp đồng này với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc.

Bên B nhận thực hiện trọn gói nội dung công việc cụ thể như sau:

- Lấy mẫu, phân tích quan trắc chất lượng môi trường định kỳ cho bên A với tần suất 04 đợt (đợt 1 lấy mẫu vào quý 2/2025, đợt 2 lấy mẫu vào quý 3/2025, đợt 3 lấy mẫu vào quý 4/2025, đợt 4 lấy mẫu vào quý 1/2026).

- Địa điểm thực hiện: Khu nhà ở để bán 129D Trương Định - 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điều 2: Thời gian và tiến độ thực hiện.

- Bên B thực hiện lấy mẫu phân tích quan trắc chất lượng môi trường theo chương trình quan trắc.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ quý 2/2025 – quý 1/2026

- Sản phẩm hoàn thành bao gồm: 02 bộ phiếu kết quả/01 lần quan trắc.

- Trả kết quả sau mỗi lần đo kiểm: Trong vòng 15-20 ngày làm việc.

Điều 3. Hình thức và giá trị hợp đồng.

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

- Giá trị hợp đồng: Tổng giá trị hợp đồng là 15.812.928 đồng (Bằng chữ: Mười năm triệu tám trăm mười hai nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%.

Điều 4: Thời gian và phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản 01 lần cụ thể như sau: bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B sau khi nhận được kết quả quan trắc lần cuối cùng, sau khi thực hiện đủ 4 lần quan trắc.

- Hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính từ bên B.

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên:

1- Trách nhiệm của bên A:

- Cử cán bộ theo dõi phối hợp và giám sát quá trình thực hiện hợp đồng của bên B.

- Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc của Bên B, đồng thời thanh toán kinh phí đầy đủ và kịp thời theo tiến độ thực hiện cho Bên B.

2- Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí nhân lực, máy móc, trang thiết bị để thực hiện nội dung hợp đồng, đảm bảo đúng tiến độ, đúng quy trình, quy phạm hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của kết quả quan trắc theo quy định.

- Thực hiện quan trắc vào đúng thời gian quy định tại Điều 2 Hợp đồng này và thông báo cho bên B trước 01 ngày.

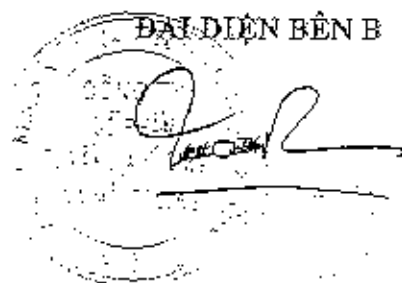
- Hỗ trợ và tư vấn cho bên A thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

Điều 6: Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hai bên kịp thời bàn biện pháp giải quyết.

Hai bên thống nhất sẽ xử lý tranh chấp (nếu có) bằng hòa giải. Trường hợp không thể hòa giải được thì sẽ đưa ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên. Mọi chi phí tranh tụng sẽ do bên thua kiện chi trả.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



PHỤ LỤC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Hợp đồng số 78 /2025/HDDV ngày 15 tháng 06 năm 2025)

Đơn vị tính: Đồng

TT	MHĐG	Nội dung công việc	Cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)	Ghi chú
	I	Đo đặc, lấy mẫu và phân tích thành phần nước thải	02 vị trí x 1mẫu/vị trí x 04 đợt = 08 mẫu					quan trắc định kỳ 03 tháng/ lần
	NT2	pH,		Mẫu	8	25,200	201,600	
	NT9	TSS,		Mẫu	8	36,000	288,000	
	NT7	BOD5,		Mẫu	8	90,000	720,000	
	NT3	TDS		Mẫu	8	44,100	352,800	
	KK10	Sunfua (tính theo H2S)		Mẫu	8	46,800	374,400	
	NT15	NH4+,		Mẫu	8	31,500	252,000	
	NT17	NO3-,		Mẫu	8	63,000	504,000	
	NT19	Phosphat (PO43-)		Mẫu	8	37,800	302,400	
	NT31	Dầu mỡ động thực vật		Mẫu	8	225,000	1,800,000	
	NM9A	Tổng Coliform		Mẫu	8	81,900	655,200	

TT	MHĐG	Nội dung công việc	Cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)	Ghi chú
	NT27	Tổng các chất hoạt động bề mặt		Mẫu	8	190,000	1,520,000	
		Tổng (1)					6,970,400	
2		Đo đặc, lấy mẫu và phân tích thành phần không khí	04 vị trí x 1mẫu/vị trí x 02 đợt = 08 mẫu					quan trắc định kỳ 06 tháng/lần
		Nhiệt độ		Mẫu	8	25,200	201,600	
		Độ ẩm		Mẫu	8	25,200	201,600	
		Tiếng ồn		Mẫu	8	31,500	252,000	
		Bụi lơ lửng		Mẫu	8	63,000	504,000	
		CO		Mẫu	8	63,000	504,000	
		NO2		Mẫu	8	63,000	504,000	
		SO2		Mẫu	8	63,000	504,000	
		Tổng (2)					2,671,200	
3		Chỉ khác						
		Nhân công khảo sát và lấy mẫu	(02 người x 1 ngày x 2 đợt + 01 người x 1 ngày x 2 đợt)	công	6	500,000	3,000,000	

TT	MHĐG	Nội dung công việc	Cách tính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Chi phí đi lại	01 ngày/ đợt x 4 đợt	ngày	4	500,000	2,000,000	
		Tổng (3)					5,000,000	
		Tổng (1)+(2)+(3)					14,641,600	
		Thuế VAT (8%)					1,171,328	
		Tổng cộng					15,812,928	



Số: 65 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản số 050524/GEOENCO ngày 05 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường.

- Trụ sở chính: số nhà 17 ngõ 7 đường Nguyễn Hồng, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Phòng thí nghiệm: số 36 ngõ 155 đường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0988196737

Email: Geoenco848@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 331**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày ¹⁷ tháng 2... năm 2027.

4. Công ty Cổ phần tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần tư vấn Địa kỹ thuật và Môi trường;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TN&MT Thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT(10).





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI

Số TT: 0974/2025/PHQ-CEMA

Địa chỉ: Số 13 ngõ Yên Thế, phường Văn Miếu, Quận Hai Bà, Hà Nội
 Số điện thoại: 024.1581.7377 - 024.4584.7338 - Email: info@vinco.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
 Địa chỉ: Số 13 ngõ Yên Thế, phường Văn Miếu, Quận Hai Bà, Hà Nội
 Địa điểm mẫu: Khu nhà ở để bán 129D Trương Định - 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Loại mẫu: Không khí xung quanh
 Số lượng mẫu: Q4
 Mã mẫu: KK.78.270625 (KK01); KK.79.270625 (KK02);
 KK.80.270625 (KK03); KK.81.270625 (KK04)
 Ngày gửi/lấy mẫu: 27/06/2025
 Thời gian phân tích: 27/06/2025 - 09/07/2025

TT	Các chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích				QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KK01	KK02	KK03	KK04	
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	34,5	33,0	33,2	33,3	-
2	Độ ẩm ^(a)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	68,6	69,4	79,9	75,1	-
3	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,6	60,6	64,8	63,1	70 ^(b)
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	205	234	91,0	178	300
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	MASA Method 704.A	57,4	65,3	<34,5	55,5	350
6	CO ^(b)	µg/Nm ³	PP 7.2/34	3939	2234	3232	4581	30000
7	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6131:2019	77,0	85,4	31,2	104	200

* Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

KK01: Không khí cổng chính ra vào dự án, tọa độ: VD: 20,991840; KD: 105,850770
 KK02: Không khí cổng chính ra vào dự án, tọa độ: VD: 20,991528; KD: 105,851088
 KK03: Không khí khu vực thương mại, dịch vụ, tọa độ: VD: 20,991735; KD: 105,851295
 KK04: Không khí khu vực nhà điều hành trạm XLNT, tọa độ: VD: 20,991690; KD: 105,851051
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
 - ^(b) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

1) Các kết quả thí nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thí nghiệm trên.
 2) Không được sao chép một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
 3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas.
 5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vincerte.
 6) (-) Không gọi định.
 7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thí nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thí nghiệm.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2025

PHỤ TRÁCH QA/QC

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM

GIAM ĐỐC



Nguyễn Lâm Anh



Đoàn Thị Trà My



Đặng Thị Lan Anh

- 1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.
2) Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Công ty.
3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- 4) Các chữ tiên đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas.
5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Unicerta.
6) (-) Không quy định.
7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
TRƯỜNG ĐỊNH - QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0913.12025 (TĐO-CEMA)
FAX: 0913.12025 (TĐO-CEMA)

SATM. 0913.12025 (TĐO-CEMA)

Địa chỉ: 34 ngõ 133 Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 0913.12025 (TĐO-CEMA)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
Địa chỉ: Số 13 ngõ Yên Thế, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội
Địa điểm mẫu: Khu nhà ở để bán 129D Trường Định - 129D Trường Định, phường Trường Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt
Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu: NT.77.170625 (NT1); NT.78.170625 (NT2)
Ngày gửi/lấy mẫu: 17/06/2025
Thời gian phân tích: 17/06/2025 - 26/06/2025

TT	Các chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
				NT1	NT2	
1	pH ^(a)		TCVN 6492:2011	7,05	6,86	5-9
2	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	100	47,8	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	55,2	37,8	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	PP 7.2/06.02	583	384	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ² -B&D:2023	2,42	1,40	4,0
6	Amonia (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	72,1	9,75	10
7	Nitrat (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	0,152	0,532	50
8	Dầu mỡ động thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<1,2	<1,2	20
9	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,044	<0,025	10
10	Phosphat (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	9,81	6,19	10
11	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	6.300	4.200	5.000

* Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

NT1: Nước thải đầu vào tại bể điều hòa, tọa độ: X: 2322277; Y: 588276

NT2: Nước thải đầu ra tại hồ ga sau xử lý, tọa độ: X: 2322289; Y: 588270

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.

2) Không được sao chép một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của công ty.

3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vilas

5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vimoeris

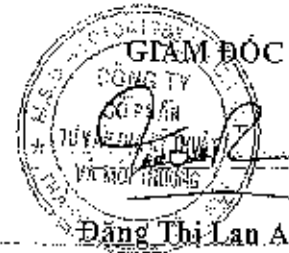
6) (-) Không quy định

7) Thời gian lưu mẫu 5 ngày, quá thời hạn phòng thí nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH QA/QC

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM



Nguyễn Lâm Anh

Đoàn Thị Trà My

Đặng Thị Lan Anh

- 1) Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với các mẫu thử nghiệm trên.
- 2) Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của công ty
- 3) Các chỉ tiêu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- 4) Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận bởi Vlnco
- 5) Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận bởi Vincerts
- 6) (-) Không quy định
- 7) Thời gian lưu mẫu 3 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giới quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022.

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bền vững Kim Long;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bền vững Kim Long;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bền vững Kim Long

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Bụt, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 7, ngõ 89/38/15 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0981269022; Email: kimlongdtptbv@gmail.com.

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: VIMCERTS 122

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 25. tháng 8... năm 2025.

4. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bền vững Kim Long phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bền vững Kim Long;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT Thành phố Hà Nội;
- Lưu VT, VPMC, TCMF, QLCL (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

**PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Đối với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bền vững Kim Long

*(Kèm theo Giấy chứng nhận số 34/ GCN-BTNMT ngày 26 tháng 8 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Nước

1.1. Nước mặt

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 - 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 - 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 - 16 mg/L
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	CMARE/HĐHT 1.4	0 - 1.999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 - 100 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 - 1.000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 - 70‰

CMARE/HĐHT 1.4: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước sông suối	TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018 TCVN 6663-1:2011
2.	Mẫu nước ao hồ	TCVN 6663-4:2018; TCVN 5994-1995
3.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	4,0 mg/L
4.	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	TCVN 6180:1996	0,04 mg/L
6.	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
7.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	0,04 mg/L

8.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500- SO_4^{2-} -E:2017	4,0 mg/L
9.	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500CN.C&E:2017	0,002 mg/L
10.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
11.	Sunphua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
12.	Amonit (NH_4^+-N)	SMEWW 4500-NH ₄ ⁺ -B&P:2017	0,03 mg/L
13.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
14.	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
15.	Độ màu	TCVN 6183C:2015	4,0 Pt-Co
16.	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,002 mg/L
17.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3)	TCVN 6224:1996	4,0 mg/L
18.	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	7,0 mg/L
19.	Chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2017	0,03 mg/L
20.	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
21.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996 SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L 0,05 mg/L
22.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
23.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2017	0,002 mg/L
24.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
25.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	0,001 mg/L
26.	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
27.	Natri (Na)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
28.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
29.	Canxi (Ca)	SMEWW 3111B:2017	0,07 mg/L
30.	Magie (Mg)	SMEWW 3111B:2017	0,01 mg/L
31.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
32.	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,0002 mg/L
33.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2017	0,013 mg/L
34.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	02 MPN/100ml
35.	E. Coli	SMEWW 9221 G:2017	02 MPN/100ml

1.2. Nước thải

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 + 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 + 50°C
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	OMARB/HDHT 1.4	0 + 1.999 mg/L

4.	Lưu lượng	CMARE/HDHT-03.8	0 ÷ 300 m ³ /h
5.	Vận tốc	ISO 4064-5:2014	0,1 ÷ 6 m/s

CMARE/HDHT 1.4: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS tại hiện trường.
 CMARE/HDHT-03.8: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc lưu lượng nước thải

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Nước thải	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016 TCVN 6663-1:2011
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	4,0 mg/L
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	0,04 mg/L
5.	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
6.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
7.	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
8.	Độ màu	TCVN 6185C:2015	4,0 Pt-Co
9.	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,002 mg/L
10.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	0,04 mg/L
11.	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500CN.C&E:2017	0,002 mg/L
12.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3,0 mg/L
13.	Sunphua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
14.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,03 mg/L
15.	Chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540C:2017	0,03 mg/L
16.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996 SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L 0,05 mg/L
17.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
18.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2017	0,002 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
19.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
20.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
21.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
22.	Đồng (Cu)	SMEWW 3113B:2017	0,02 mg/L
23.	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,0002 mg/L
24.	Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
25.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	02 MPN/100ml
26.	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
27.	Tổng dầu, mỡ, khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

1.3. Nước dưới đất

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Tổng lượng chất rắn hòa tan (TDS)	CMARE/EDFT 1.4	0 ÷ 1.999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 100 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 1.000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 ÷ 70‰

CMARE/EDFT 1.4: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS tại hiện trường.

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-11:2011
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	4,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiện phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
2.	Nitrit (NO_2^- -N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
3.	Nitrat (NO_3^- -N)	TCVN 6180:1996	0,04 mg/L
4.	Photphat (PO_4^{3-} -P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
5.	Amoni (NH_4^+ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ . B&F:2017	0,03 mg/L
6.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
7.	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
8.	Độ màu	TCVN 6185C:2015	4,0 Pt-Co
9.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	0,04 mg/L
10.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017	4,0 mg/L
11.	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500CN.C&E:2017	0,002 mg/L
12.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
13.	Sunphua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
14.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3)	TCVN 6224:1996	4,0 mg/L
15.	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	7,0 mg/L
16.	Chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540B&C:2017	0,03 mg/L
17.	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186:1996	0,9 mg/L
18.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
		SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L
19.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
20.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2017	0,002 mg/L
21.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
22.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
23.	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
24.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
25.	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,0002 mg/L
26.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
27.	Coban (Co)	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L
28.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	02 MPN/100ml
29.	E.coli	SMEWW 9221G:2017	02 MPN/100ml

1.4. Nước biển

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	pH	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	CMARE/HDHT-1.4	0 ÷ 100.000 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 200 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 1.000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 ÷ 70‰

CMARE/HDHT 1.4: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS tại hiện trường.

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Nước biển	TCVN 6663 -3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 5998:1995
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
3.	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	0,04 mg/L
5.	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2017	0,03 mg/L
7.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2017	0,04 mg/L
8.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
9.	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
10.	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,002 mg/L
11.	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&P:2017	0,3 mg/L
12.	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
13.	Sắt (Fe)	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L
14.	Crom (VI)	SMEWW 3590-Cr.B:2017	0,002 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
15.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
16.	Chì (Pb) (Ven bờ và gần bờ)	SMEWW 3113B:2017	0,006 mg/L
17.	Cadimi (Cd) (Ven bờ và gần bờ)	SMEWW 3113B:2017	0,0007 mg/L
18.	Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2017	0,006 mg/L
19.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	02 MPN/100 ml
20.	Sunphua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L

2. Không khí

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
2.	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 100% RH
3.	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 40 m/s
4.	Hướng gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 360°
5.	Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
6.	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	30 ÷ 130 dBA

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	SO ₂	TCVN 5971:1995
2.	NO ₂	TCVN 6137:2009
3.	CO	CMARE/HDHT 0.1-2
4.	NH ₃	TCVN 5293:1995
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
6.	H ₂ S	MASA 701
7.	Niken (Ni)	NIOSH method 7300
8.	Cadimi (Cd)	NIOSH method 7048
9.	Crom (VI)	NIOSH method 7600
10.	Chì (Pb)	TCVN 5067:1995
11.	Benzen	NIOSH method 1501
12.	Toluen	NIOSH method 1501
13.	Xylen	NIOSH method 1501
14.	Styren	NIOSH method 1501

CMARE/HDHT 0.1-2: Quy trình hướng dẫn nội bộ lấy mẫu CO trong không khí.

- Xét lý và phân tích mẫu môi trường:

ST	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	NO ₂	TCVN 6137:2009	5,0 µg/m ³
2.	CO	CMARE/HDHT 1.1-2	4.300 µg/m ³
3.	SO ₂	TCVN 5971:1995	5,0 µg/m ³
4.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/m ³
5.	H ₂ S	MASA 701	6,0 µg/m ³
6.	NH ₃	TCVN 5293:1995	6,0 µg/m ³

CMARE/HDHT 1.1-2: Quy trình hướng dẫn nội bộ phân tích CO

2.2. Khí thải

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	CMARE/HDHT 0.2-1	0 ÷ 1.200°C
2.	O ₂	CMARE/HDHT 0.2-3	0 ÷ 25 vol.%
3.	SO ₂	CMARE/HDHT 0.2-3	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
4.	NO _x	CMARE/HDHT 0.2-3	
	NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm ³
	NO ₂		0 ÷ 2.068 mg/Nm ³
5.	CO	CMARE/HDHT 0.2-3	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³

CMARE/HDHT^{***}: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc khí thải tại hiện trường

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
 2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
 3. Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
 4. Mã mẫu : NT-3/25.03.22
 5. Ngày lấy mẫu : 25/03/2022
 6. Ngày thử nghiệm : Từ ngày 25/03/2022 đến ngày 03/04/2022
 7. Chỉ tiêu thử nghiệm :

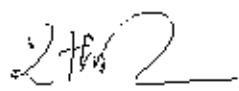
TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương Pháp	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT/B
1	pH		TCVN 6492:2011	6,4	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	28,3	50
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	18	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	CMARE/HDHT 1.4	407	1000
5	Amonia (NH ₄ ⁺)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .F.2012	9,31	10
6	Sulfua	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,2	4
7	Nitrat	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2012	1,26	50
8	Phosphate	mg/l	TCVN 6202:2008	0,09	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2012	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540C:2012	0,29	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	1500	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT/B Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt cột B.
- NT-3: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN



Phạm Quỳnh Thêu



Nguyễn Trọng Dũng

1. The first part of the document is a header section containing the following information:

- Page number: 1
- Page title: 1
- Page subtitle: 1
- Page footer: 1

2. The second part of the document is a table with the following structure:

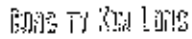
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

3. The third part of the document is a table with the following structure:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

4. The fourth part of the document is a table with the following structure:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86



SỐ TN: 13 CB /2022/NKL

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KIM LONG
KIM LONG SUSTAINABLE DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORP. STOCK COMPANY
TRƯỜNG LUYỆN TẬP VÀO CÔNG VIỆC TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN
TRƯỜNG LUYỆN TẬP VÀO CÔNG VIỆC TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Địa chỉ: số 7, ngõ 89/38/15 Lạc Long Quân, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 0462295239 DT: (04-4) 52738166; Fax: (04-4) 52738168;
Số hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA SỐ 01/2008

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
3. Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
4. Mã mẫu : NT-3/11.06.22
5. Ngày lấy mẫu : 11/06/2022
6. Ngày thử nghiệm : Từ ngày 11/06/2022 đến ngày 20/06/2022
7. Chỉ tiêu thử nghiệm :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương Pháp	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT/B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,3	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	26,3	50
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	11	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	CMARE/HDHT 1.4	511	1000
5	Amonia (NH ₄ ⁺)	mg/l	SMEWW 4500-NH3.F.2012	9,05	10
6	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,2	4
7	Nitrat	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2012	2,24	50
8	Phosphate	mg/l	TCVN 6202:2008	0,16	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2012	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540C:2012	0,25	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4600	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT/B Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt cột B.
- NT-3: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN

Phạm Quỳnh Thêu

GLAM ĐỘC

Nguyễn Trọng Dũng

Số TN: 2c c6 /2022/NKL

Địa chỉ: 607, ngõ 39/38/15 Lạc Long Quân, Thành phố Hà Nội.
Hotline: 0966295139 ĐT: (84-4) 62756166; Fax: (84-4) 62756166
Số fax 2: 0438 691 347 fax 3: 0438 691 347 fax 4: 0438 691 347 fax 5: 0438 691 347

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D-Trương Định, phường Trương Định, quận Hai
Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
3. Loại mẫu : Nước thải
4. Mã mẫu : NT-4/11.06.22
5. Ngày lấy mẫu : 11/06/2022
6. Ngày thử nghiệm : Từ ngày 11/06/2022 đến ngày 20/06/2022
7. Chỉ tiêu thử nghiệm :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương Pháp	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT/B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5,9	5,5 - 9
2	Độ mặn	Pt/Co	TCVN 6185:2015	52	150
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	<4	100
4	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,32	2
5	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	<3	5000

Ghi chú:

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT/B - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cột B.

- NT-4: Nước thải tại miệng đường ống PVC D140 khi chảy vào hố ga cuối và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

- *Chỉ tiêu in nghiêng: Được phân tích bởi nhà thầu phụ Viện công nghệ và môi trường - Viện hàn lâm khoa học Việt Nam (Vincerts 079)*

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2022

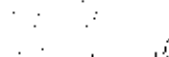
ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN

2th

Phạm Quỳnh Thêu

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Dũng

Nguyễn Trọng Dũng

Số TN: 22 06 /2022/KKL

Địa chỉ: số 7, ngõ 89/35/15 Lạc Long Quân, Thành phố Hà Nội.
 Hotline: 0966135139 ĐT: (34 4) 52758166; Fax: (34 4) 52758165;
 Số tài khoản tiền gửi: Đồng Việt Nam (VNĐ) tại Ngân hàng: (VNDCB) 102

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

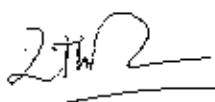
1. Cơ sở được đo kiểm : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
3. Loại mẫu : Không khí xung quanh
4. Mã mẫu : KK- 4,5,6,7/11.06.22
5. Ngày đo kiểm : 11/06/2022
6. Chỉ tiêu đo kiểm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả				QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK-4	KK-5	KK-6	KK-7	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,7	33,7	33,6	33,7	-
2	Độ ẩm	%		67,1	66,9	68,7	67,6	-
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	66,1	65,7	64,9	65,1	70 ⁽⁺⁾
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,128	0,072	0,047	0,068	0,3
5	CO	mg/m ³	CMARE/HDHT 1.1-2	<7,5	<7,5	<7,5	<7,5	30
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,061	0,042	0,029	0,038	0,35
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,048	0,051	0,043	0,058	0,2

Ghi chú:

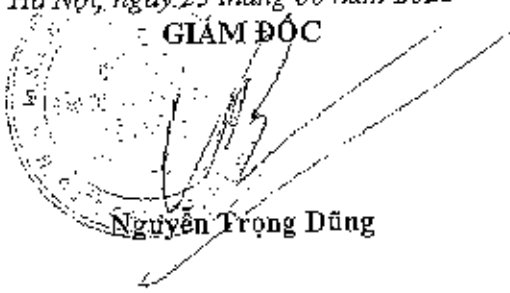
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).
- (+): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Dấu "-": Không quy định trong Quy chuẩn.
- KK-4: Đo kiểm tại cổng chính ra vào tòa nhà; KK-5: Đo kiểm tại khu lưu chứa chất thải rắn; KK-6: Đo kiểm tại khu thương mại, dịch vụ; KK-7: Đo kiểm tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

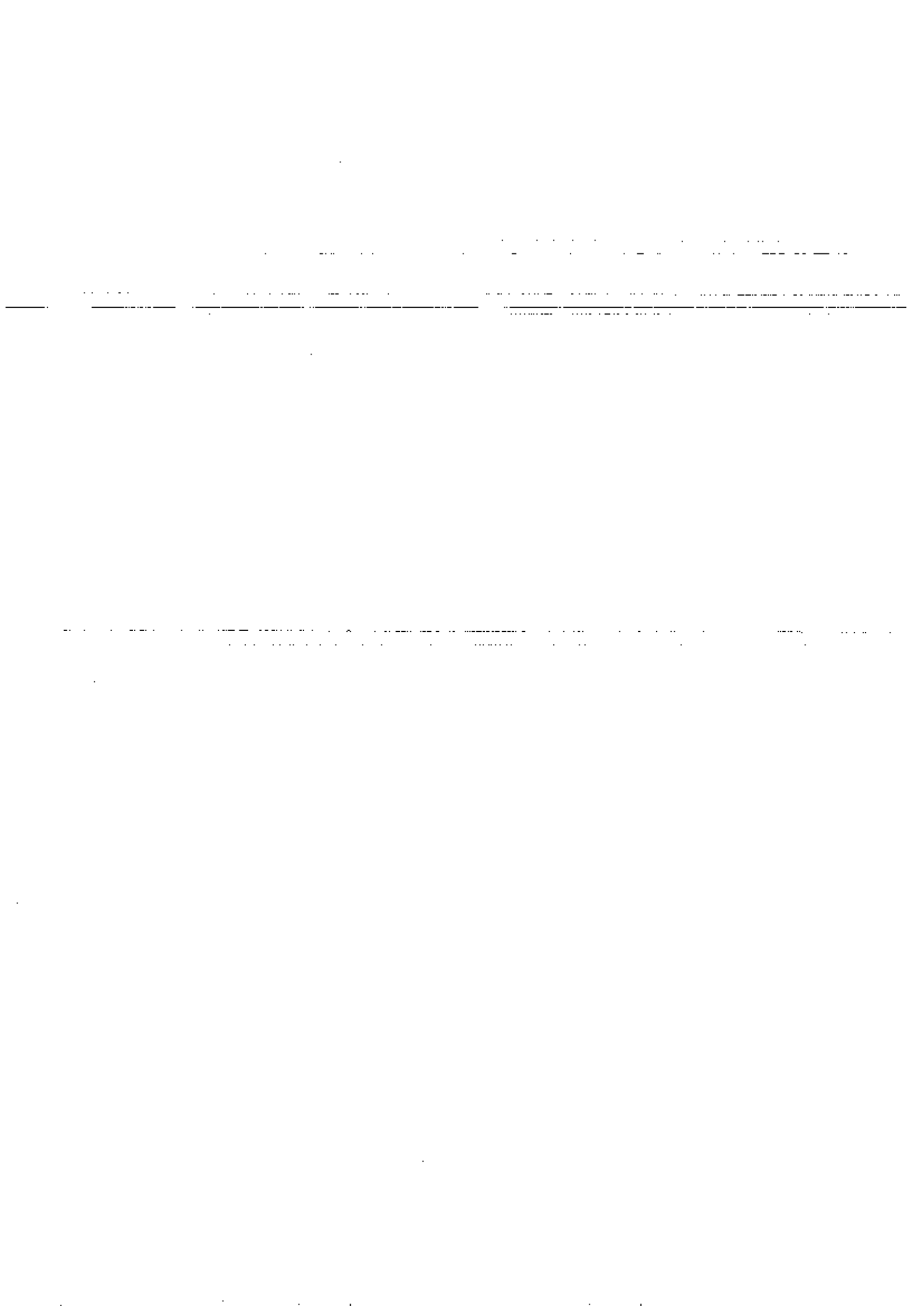
ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN


 Phạm Quỳnh Thôn

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2022

GIÁM ĐỐC


 Nguyễn Trọng Dũng



Số TN: TĐN.44/2022/NKL

Địa chỉ: 11, Ngõ 11, Đường 11, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hà Nội.
Hotline: 0966293232 Email: (tư vấn) 0175311564; (hỗ trợ) 0175311564
Số điện thoại: 024 39733115; Fax: 024 39733115

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
3. Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
4. Mã mẫu : NT-2/06.09.22
5. Ngày lấy mẫu : 06/09/2022
6. Ngày thử nghiệm : Từ ngày 06/09/2022 đến ngày 16/09/2022
7. Chỉ tiêu thử nghiệm :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương Pháp	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT/B
1	pH		TCVN 6492:2011	7,5	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	4,02	50
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	18	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	CMARE/HDHT 1.4	113	1000
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,12	10
6	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,2	4
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/l	SMEWW4500-NO ₃ -.E.2017	11,25	50
8	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,12	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540C:2017	0,24	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	4	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT/B Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt cột B.
- NT-2: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

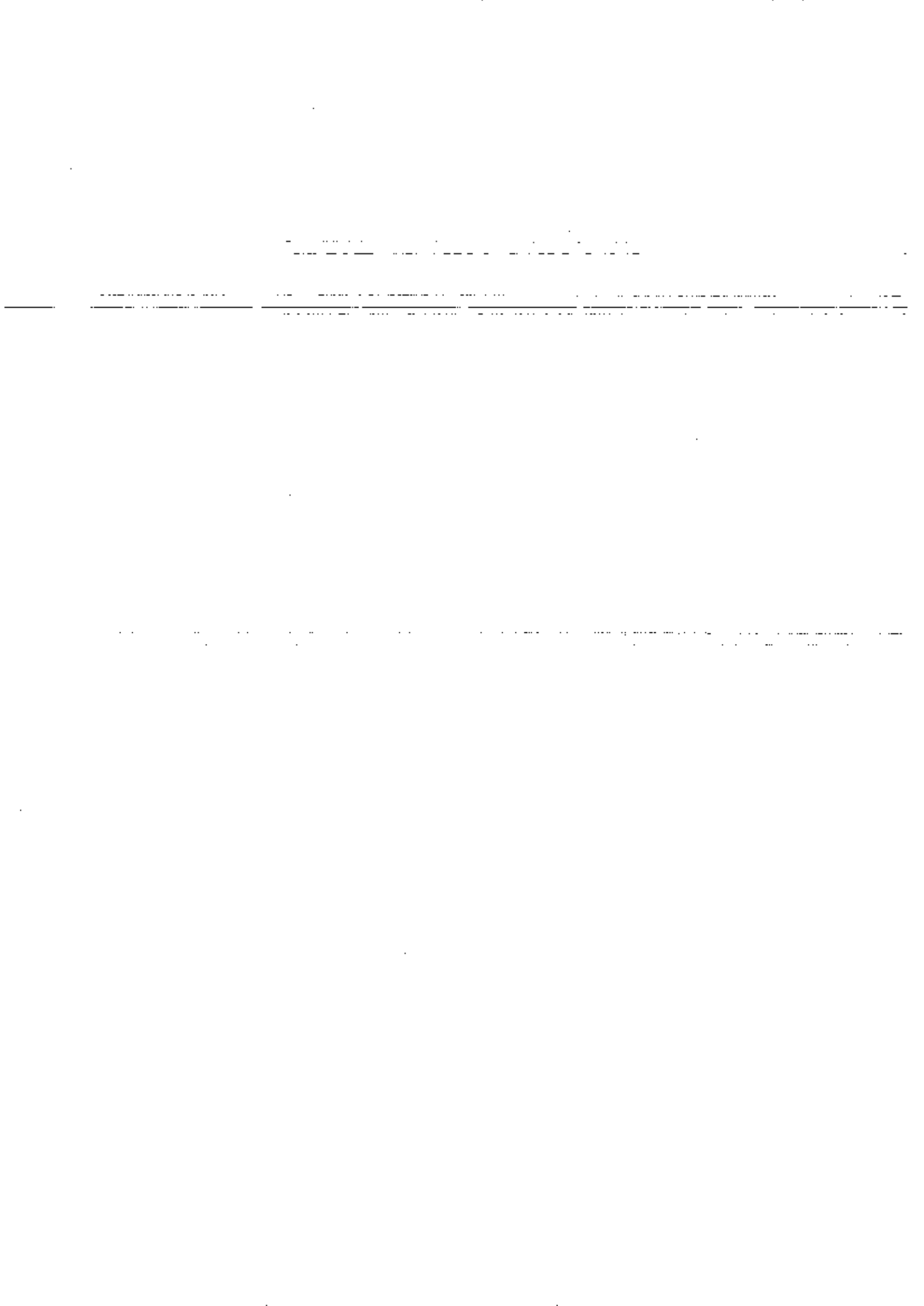
Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN

Phạm Quỳnh Thêu

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Dũng



Số TN: 741125/2022/NKL

Địa chỉ: số 7, ngõ 39/38/15 Lạc Long Quân, Thành phố Hà Nội.
 Hotline: 0906235239 DT: (84 4) 63758166; Fax: (84 4) 63758166;
 Số thuế GTGT: 0303013, số thuế TNCN: 0303013, số thuế TNDN: 0303013

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
 2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
 3. Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
 4. Mã mẫu : NT-5/05.11.22
 5. Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
 6. Ngày thử nghiệm : Từ ngày 05/11/2022 đến ngày 15/11/2022
 7. Chỉ tiêu thử nghiệm :

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương Pháp	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT/B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,1	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	28,1	50
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	34	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	CMARE/HDHT 1.4	338	1000
5	Amonia (NH ₄ ⁺)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .F.2017	8,85	10
6	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	1,12	4
7	Nitrat	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	0,32	50
8	Phosphate	mg/l	TCVN 6202:2008	0,12	10
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	SMEWW 5540C:2017	2,65	10
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	4700	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT/B Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt cột B.
- NT-5: Nước thải sau xử lý trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN

Bùi Thanh Huyền



Nguyễn Trọng Dũng

Số TN: TN-109 /2022/KKL

Địa chỉ: số 7, ngõ 39/33/15 Lạc Long Quân, Thành phố Hà Nội.

Hotline: 0946295239 ĐT: (34 4) 42758166; Fax: (34 4) 42758166;

Số VP: 01/004-VPH/STP-GD&ĐT-Hà Nội cấp ngày 04/01/2022. VPH&CĐTTS 10.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Cơ sở được đo kiểm : Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22
2. Địa chỉ : Toà nhà chung cư 129D Trường Định, phường Trường Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
3. Loại mẫu : Không khí xung quanh
4. Mã mẫu : KK- 5,6,7,8/05.11.22
5. Ngày đo kiểm : 05/11/2022
6. Chỉ tiêu đo kiểm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả				QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK-5	KK-6	KK-7	KK-8	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,4	28,3	28,3	28,5	-
2	Độ ẩm	%		67,2	66,2	67,3	67,1	-
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,3	61,5	60,5	62,1	70 ⁽⁺⁾
4	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,121	0,068	0,043	0,067	0,3
5	CO	mg/m ³	CMARE/HDHT I.1-2	<14	<14	<14	<14	30
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN.6137:2009	0,048	0,036	0,024	0,034	0,2
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,068	0,054	0,048	0,059	0,35

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

- (+): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Dấu "-": Không quy định trong Quy chuẩn.

- KK-5: Đo kiểm tại cổng chính ra vào tòa nhà; KK-6: Đo kiểm tại khu lưu chứa chất thải rắn; KK-7: Đo kiểm tại khu thương mại, dịch vụ; KK-8: Đo kiểm tại nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2022

ĐẠI DIỆN NHÓM THỰC HIỆN

Bùi Thanh Huyền

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG KIM LONG
CMARE OF HANOI

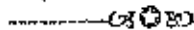
Nguyễn Trọng Dũng

PHỤ LỤC 3: TRẠM XLNT

- Biên bản nghiệm thu hệ thống XLNT
- Hướng dẫn vận hành hệ thống XLNT
- Nhật ký vận hành hệ thống XLNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN SỐ: 02/NTLD

NGHIỆM THU LẮP ĐẶT TÍNH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công trình: Khu nhà ở để bán - Chung cư cao tầng

Hạng mục: Thiết kế - cung cấp và lắp đặt thiết bị, công nghệ trạm xử lý nước thải

Địa điểm: 129D Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu

Nghiệm thu lắp đặt tính công tác thi công lắp đặt thiết bị công nghệ trạm xử lý nước thải.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

a. Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Ông: Nguyễn Đức Thành

Chức vụ: Phó chỉ huy trưởng công trình

Ông: Nguyễn Đức Trường Giang

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Ông: Phạm Minh Tiến

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

b. Bên B: Công ty cổ phần ĐT XD và công nghệ môi trường Việt Nam

Ông: An Ngọc Thủy

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Ông: Nguyễn Văn Tường

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: 8h ngày 06 tháng 12 năm 2017

Kết thúc: 10h30 ngày 06 tháng 12 năm 2017

Tại công trình: Tại công trình 129D Trương Định

4. Đánh giá về công tác thi công lắp đặt

a. Về tài liệu làm cơ sở nghiệm thu

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu số YCNT-NTNB-02
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Quy phạm, tiêu chuẩn và các chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- TCVN 5308-1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.
- TCVN 5637-1991 Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng - nguyên tắc cơ bản.
- TCVN 8491-2011 Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly không hóa dẻo (PVC-U).

TCVN 6149 - 2007 Ống, phụ tùng và hệ thống phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng.

TCVN 6151 - 2002 Ống, phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước.

TCVN 4037: 2012 Cấp nước - Thuật ngữ và định nghĩa

TCVN 4038: 2012 Thoát nước - Thuật ngữ và định nghĩa

TCVN 4519 - 1988 Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình

TCVN 4756 - 1989 Quy phạm nối đất, nối không các thiết bị điện

TCVN 9206 - 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế

TCVN 9208 - 2012 Lắp đặt cáp và dây dẫn điện trong các công trình công nghiệp

TCVN 4086-1985 An toàn điện trong xây dựng - Yêu cầu chung

Và các tiêu chuẩn liên quan khác hiện hành

Các chứng chỉ CO, CQ, Pack list các thiết bị nhập khẩu.

b. Về chất lượng công việc thi công lắp đặt.

STT	Nội dung kiểm tra	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Kết quả kiểm tra	
					Đạt	Không Đạt
1/	Thiết bị chính, hàng tiêu chuẩn					
1	Máy thổi khí: (Model: HC-401S)	Cái	2,0	Tohlin - Japan	√	
	Thông số kỹ thuật:					
	Lưu lượng: Q = 0,67 m ³ /min					
	Cột áp: H = 0,05MPa "5mmH ₂ O".					
	Tốc độ vòng quay: n = 580 rpm					
	Đường kính đầu ra: DN 32					
	Motor: Hitachi P = 1,5 kW/3phase/380V					
	Máy thổi khí: (Model: HC-601S)					
2	Thông số kỹ thuật:	Cái	2,0	Tohlin - Japan	√	
	Lưu lượng: Q = 2,18 m ³ /min.					
	Cột áp: H = 0,05MPa, "5,0mH ₂ O".					
	Tốc độ vòng quay: n = 540 rpm					
	Đường kính đầu ra: DN 50					
	Motor: Hitachi: P = 4.0 kW/3phase/380V					

1	Bơm chìm nước thải: (Model: DGO 75/2/G50H)	Cái	8,0	Zenit - Italy	✓	
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>					
	Lưu lượng: Q = 8,0-10,0m ³ /h					
	Cột áp H = 5,0-5,5mH ₂ O					
	Tốc độ vòng quay: n=2900rpm					
	Công suất motor: P = 0,55 kW/3phase/380V/50Hz					
4	Máy khuấy chìm: (Model: GM17A471T1-4V2KA0)	Cái	2,0	Faggiolati - Italy	✓	
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>					
	Kiểu: Khuấy chìm					
	Tốc độ vòng quay: n=1352rpm					
	Công suất motor: P=0,7 kW/3phase/380V/50Hz					
5	Đĩa phản phối khí tinh: (Model: FlexAir Threaded Disc (12" Micro))	Cái	25,0	EDI - USA		
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>					
	Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble)					
	Diện tích bề mặt hoạt động: S=0,068m ²					
	Lưu lượng thiết kế: 0.0 – 15,8 m ³ /h					
	Đầu nối: ren 27mm					
6	Bơm định lượng hóa chất: (Model: M101 PP SV)	Cái	2,0	OBL - Italy	✓	
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>					
	Lưu lượng: Q=0-10l (l/h)					
	Cột áp H _{max} = 10bar					
	Công suất motor: P=0,25 kW/3phase/380V/50Hz					
	Đường kính ống ra: 3/4"					

7	Dụng cụ khuấy hóa chất: (Model: CNVM05-6075-21)	Cái	2,0	Sumitomo - Singapore	✓	—
	Công suất motor: P=0,4 kW/3phase/380V/50Hz					
	Tốc độ: N = 69 vòng/phút -					
00/	Thiết bị phụ, hàng phi tiêu chuẩn					
1	Bộ khớp nối nhanh-lắp đặt bơm chìm	Bộ	8,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Gang					
1	Bộ thanh dẫn hướng bơm	Bộ	8,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
1	Xích kéo, móc treo máy bơm	Bộ	8,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
1	Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm	Bộ	2,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
3	Xích kéo, móc treo máy khuấy chìm	Bộ	2,0	Việt Nam	✓	
	Vật liệu: Inox					
6	Bộ hút bọt	Bộ	1,0	Việt Nam	✓	
7	Khẩu nối nhanh lắp đặt đĩa thổi khí	Cái	2,0	Việt Nam	✓	—
8	Bồn chứa và pha hóa chất	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
	Dung tích: V=300 lít					
	Vật liệu chế tạo: Nhựa PVC					
9	<i>Hãng sản xuất: Tân Á</i>	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
	Trục khuấy hóa chất kiểu chữ T					
	Chiều dài: L=0,8m					
10	Vật liệu chế tạo: Inox sus304	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
	Hệ giá đỡ bằng hộp Inox 304					
11/	Phần đường ống công nghệ					
11/	Ống nhựa và phụ kiện đường ống dẫn nước thải PVC Class I - Dismy					
1	Ống nhựa PVC/D160	T. Bộ	1,0	Các Phương Dismy - Class I	✓	
2	Ống nhựa PVC/D76	T. Bộ	1,0			
3	Ống nhựa PVC/D60	T. Bộ	1,0			
4	Ống nhựa PVC/D34	T. Bộ	1,0			
5	Ống nhựa PVC/D21	T. Bộ	1,0			
6	Phụ kiện PVC DISMY	T. Bộ	1,0			

1/	Ông Inox 304 và phụ kiện dẫn khí đi trên trần					
1	Ông Inox 304 DN65 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0	Hoàng Vũ	✓	
2	Ông Inox 304 DN40 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0			
3	Phụ kiện Inox 304, 5K	T. Bộ	1,0			
IV/	Phần điện					
1	Tủ điện điều khiển hệ thống Vỏ tủ (H1800xR800xS400mm): Các thiết bị chính: Atomat, khởi động từ - Mitsubishi, Các thiết bị khác: Việt Nam.				✓	
2	Dây điện 3x6+1x4mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
3	Dây điện 4x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
4	Dây điện 4x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
5	Dây điện 4x0,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
6	Dây điện 2x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
7	Dây điện 2x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	✓	
8	Ông bảo hộ mềm ruột gà D20	T. Bộ	1,0	Sino	✓	
9	Ông bảo hộ cứng SP D20	T. Bộ	1,0	Sino	✓	
10	Máng cáp 60x100x1mm	T. Bộ	2,0	Việt Nam	✓	
11	Hộp nối 150x150	Cái	10,0	Việt Nam	✓	
12	Bảng đèn chiếu sáng, loại 1,2m	Cái	2,0	Việt Nam	✓	
13	Công tắc, ổ cắm	Cái	1,0	Việt Nam	✓	

1. Các ý kiến khác (nếu có): Không

2. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu.

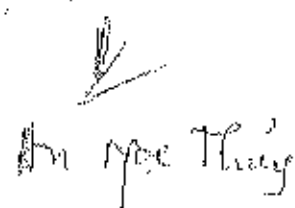
- Mời Ban quản lý dự án và tư vấn giám sát nghiệm thu

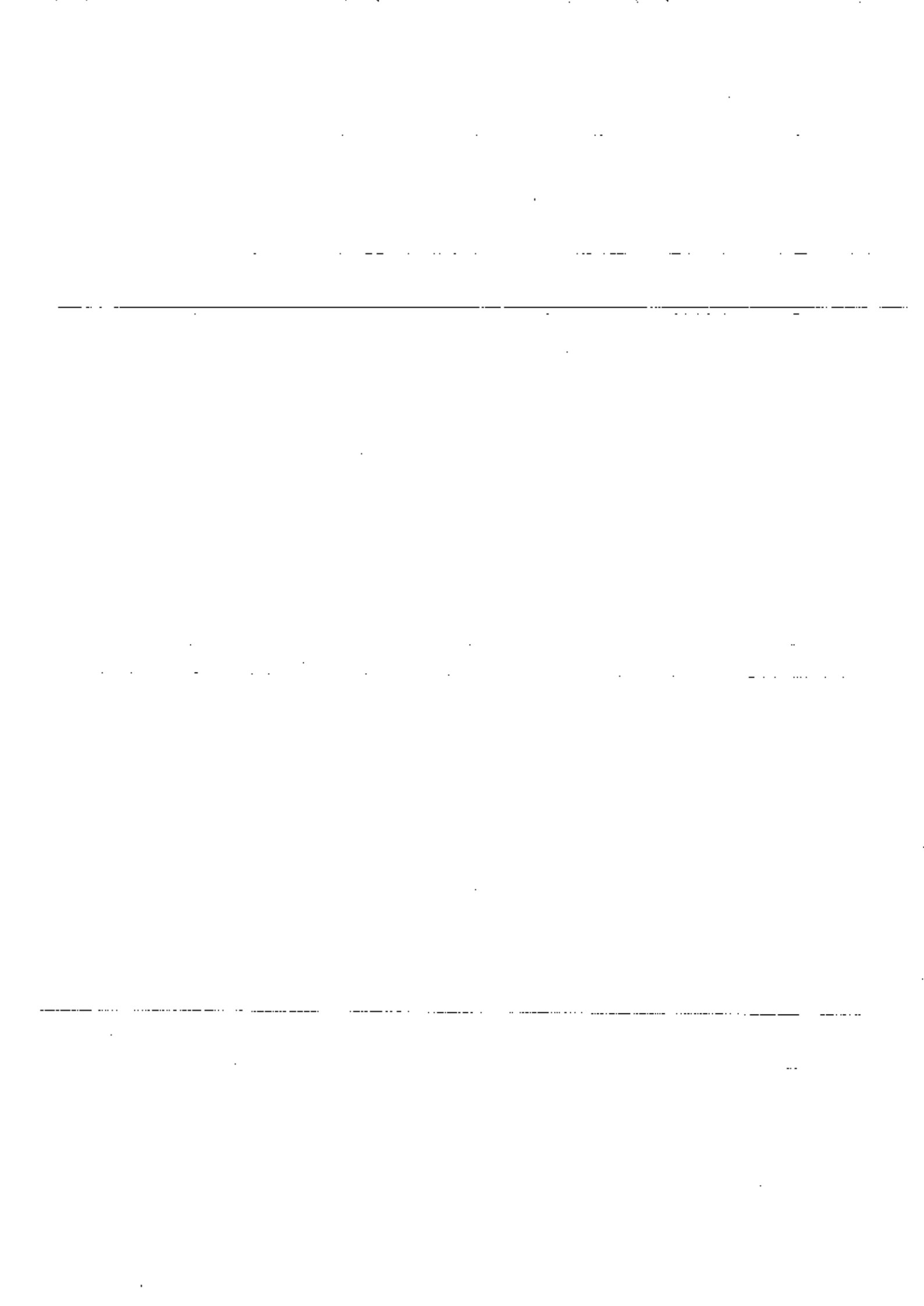
CÁC BÊN THAM GIA NGHIỆM THU

BÊN A


Nguyễn Thành

BÊN B


Trần Ngọc Thủy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN

Công trình: Khu nhà ở để bán - Chung cư cao tầng

Nghị mục: Thiết kế - cung cấp và lắp đặt thiết bị, công nghệ trạm xử lý nước thải

Địa điểm: 129D Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

1. Thành phần tham gia

a. Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22

Ông: Nguyễn Đức Thành

Chức vụ: Phó chỉ huy trưởng công trình

Ông: Nguyễn Đức Trường Giang

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Ông: Phạm Minh Tiến

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

b. Bên B: Công ty cổ phần ĐT XD và công nghệ môi trường Việt Nam

Ông: An Ngọc Thủy

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Ông: Nguyễn Văn Tường

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Thời gian kiểm tra xác nhận

Bắt đầu: 9h00 ngày 07 tháng 03 năm 2018

Kết thúc: 11h00 ngày 07 tháng 03 năm 2018

Tại công trình: Tại công trình 129D Trương Định

3. Bảng xác nhận khối lượng quyết toán

- Dựa vào hợp đồng số: 64A/2016/HANDICO 22 - VINASECO/HĐTK-CCLĐ ký ngày 18 tháng 03 năm 2016 giữa Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Hà Nội 22 và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường Việt Nam.
- Căn cứ vào hồ sơ trình duyệt vật tư, thiết bị đầu vào đã được chấp thuận.
- Sau khi nhà thầu hoàn thành công tác thi công lắp đặt theo đúng bản vẽ kỹ thuật, sau khi kiểm tra thực tế tại hiện trường, hai bên tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng quyết toán như sau:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Ghi chú
1	Thiết bị chính, hàng tiêu chuẩn				
1	Máy thổi khí: (Model: HC-401S)	Cái	2,0	Tohlin - Japan	JAPAN
	Thông số kỹ thuật:				
	Lưu lượng: $Q = 0,67 \text{ m}^3/\text{min}$				
	Cột áp: $H = 0,05 \text{ MPa "5mmH}_2\text{O"}$.				
	Tốc độ vòng quay: $n = 580 \text{ rpm}$				
	Đường kính đầu ra: DN 32				
	Motor: Hitachi $P = 1,5 \text{ kW/3phase/380V}$				

2	Máy thổi khí: (Model: HC-601S)	Cái	2,0	Tohlin - Japan	
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>				
	Lưu lượng: Q = 2,18 m ³ /min.				
	Cột áp: H = 0,05MPa, "5,0mH ₂ O":				
	Tốc độ vòng quay: n = 540 rpm				
3	Đường kính đầu ra: DN 50	Cái	8,0	Zenli - Italy	
	Motor: Hitachi: P = 4,0 kW/3phase/380V				
	Bơm chìm nước thải: (Model: DGO 75/2/G50H)				
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>				
	Lưu lượng: Q = 8,0-10,0m ³ /h				
4	Cột áp H = 5,0-5,5mH ₂ O	Cái	2,0	Faggiolati - Italy	
	Tốc độ vòng quay: n=2900rpm				
	Công suất motor: P = 0,55 kW/3phase/380V/50Hz				
	Đường kính ống ra: DN50				
	Máy khuấy chìm: (Model: GM17A471T1-4V2KA0)				
5	<i>Thông số kỹ thuật:</i>	Cái	25,0	EDI - USA	
	Kiểu: Khuấy chìm				
	Tốc độ vòng quay: n=1352rpm				
	Công suất motor: P=0,7 kW/3phase/380V/50Hz				
	Đĩa phân phối khí tĩnh:(Model: Flexible Threaded Disc (12" Micro)				
6	<i>Thông số kỹ thuật:</i>	Cái	2,0	OBL - Italy	
	Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble)				
	Diện tích bề mặt hoạt động: S=0,068m ²				
	Lưu lượng thiết kế: 0,0 – 15,8 m ³ /h				
	Đầu nối: ren 27mm				
	Bơm định lượng hóa chất: (Model: M101 PP SV)	Cái	2,0	OBL - Italy	
	<i>Thông số kỹ thuật:</i>				
	Lưu lượng: Q=0-10l (l/h)				

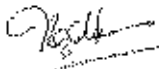
	Cột áp H _{max} = 10bar				
	Công suất motor: P=0,25 kW/3phase/380V/50Hz				
	Đường kính ống ra: 3/4"				
7	Động cơ khuấy hóa chất: (Model: CNVM05-6075-21)	Cái	2,0	Sumitomo - Singapore	
	Công suất motor: P=0,4 kW/3phase/380V/50Hz				
	Tốc độ: N = 69 vòng/phút				
II/	Thiết bị phụ, hàng phi tiêu chuẩn				
1	Bộ khớp nối nhanh lắp đặt bơm chìm Vật liệu: Gang	Bộ	8,0	Việt Nam	
2	Bộ thanh dẫn hướng bơm Vật liệu: Inox	Bộ	8,0	Việt Nam	
3	Xích kéo, móc treo máy bơm Vật liệu: Inox	Bộ	8,0	Việt Nam	
4	Bộ thanh dẫn hướng máy khuấy chìm Vật liệu: Inox	Bộ	2,0	Việt Nam	
5	Xích kéo, móc treo máy khuấy chìm Vật liệu: Inox	Bộ	2,0	Việt Nam	
6	Bộ hút bọt	Bộ	1,0	Việt Nam	
7	Khẩu nối nhanh lắp đặt đĩa thổi khí	Cái	2,0	Việt Nam	
8	Bồn chứa và pha hóa chất				
	Dung tích: V=300 lít				
	Vật liệu chế tạo: Nhựa PVC	Cái	2,0	Việt Nam	
	Hãng sản xuất: Tân Á				
9	Trục khuấy hóa chất kiểu chữ T				
	Chiều dài: L=0,8m	Cái	2,0	Việt Nam	
	Vật liệu chế tạo: Inox sus304				
10	Hệ giá đỡ bằng hộp Inox 304	T. Bộ	1,0	Việt Nam	
III/	Phần đường ống công nghệ				
a/	Ống nhựa và phụ kiện đường ống dẫn nước thải PVC Class I - DISMY				
1	Ống nhựa PVC/D160	T. Bộ	1,0	Cục Phường DISMY - Class I	
2	Ống nhựa PVC/D76	T. Bộ	1,0		
3	Ống nhựa PVC/D60	T. Bộ	1,0		
4	Ống nhựa PVC/D34	T. Bộ	1,0		

5	Ông nhựa PVC/D21	T. Bộ	1,0		
6	Phụ kiện PVC DISMY	T. Bộ	1,0		
b/	Ông Inox 304 và phụ kiện dẫn khí đi trên cạn				
1	Ông Inox 304 DN65 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0		
2	Ông Inox 304 DN40 dày 1,8mm	T. Bộ	1,0	Hoàng Vũ	
3	Phụ kiện Inox 304, SK	T. Bộ	1,0		
IV/	Phần điện				
1	Tủ điện điều khiển hệ thống Vỏ tủ: (H) 800x(R) 800x(S) 400mm): Các thiết bị chính: Atomat, khởi động từ - Mitsubishi, Các thiết bị khác: Việt Nam.				
2	Dây điện 3x6+1x4mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	
3	Dây điện 4x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	
4	Dây điện 4x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	
5	Dây điện 4x0,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	
6	Dây điện 2x2,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	
7	Dây điện 2x1,5mm ²	T. Bộ	1,0	Cadison	
8	Ông bảo hộ mềm ruột gà D20	T. Bộ	1,0	Sino	
9	Ông bảo hộ cứng SP D20	T. Bộ	1,0	Sino	
10	Máng cáp 60x100x1mm	T. Bộ	2,0	Việt Nam	
11	Hộp nối 150x150	Cái	10,0	Việt Nam	
12	Bóng đèn chiếu sáng, loại 1,2m	Cái	2,0	Việt Nam	
13	Công tắc, ổ cắm	Cái	1,0	Việt Nam	

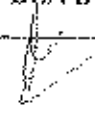
Biên bản được thành lập 4 bản mỗi bên giữa 2 bản.

CÁC BÊN THAM GIA THÔNG NHẤT KÝ TÊN

BÊN A


Nguyễn Đức Tuấn

BÊN B


Hoàng Vũ

2 3

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
VẬN HÀNH CÔNG NGHỆ**

CÔNG TRÌNH
**“TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY ĐÊM”**

**ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 37/04 toà nhà L1/L2 Làng Hạ, Đông Đa, Hà Nội
Email: vnasec@gmail.com, website: xulyhoithuong.com

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
VẬN HÀNH CÔNG NGHỆ**



CÔNG TRÌNH

**“TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 200M³/NGÀY.ĐÊM”**

ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 27/04 tòa nhà 101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Email: vinaseco@gmail.com website : xulymoitruong.com

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Dự án: Khu nhà ở để bán 129D Trương Định.

Địa điểm xây dựng : 129D Trương Định - Q. Hai Bà Trưng- TP. Hà Nội

Quy mô công suất: 200m³/ngày

I. Cơ sở thiết kế

1. Lưu lượng thiết kế

Thiết kế trạm xử lý có công suất: Q = 200m³/ngày

2. Thành phần, tính chất nguồn nước thải

Nước thải sinh hoạt là nước được thải bỏ sau khi sử dụng cho các mục đích sinh hoạt của cộng đồng: tắm, giặt, tẩy rửa, vệ sinh cá nhân,.... Chúng được thải ra từ các căn hộ, trung tâm thương mại, các công trình công cộng khác. Lượng nước thải sinh hoạt của phụ thuộc vào dân số, số căn hộ, diện tích sàn thương mại và tiêu chuẩn cấp nước và đặc điểm của hệ thống thoát nước. Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt phụ thuộc độ tiện nghi các thiết bị dùng nước.

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là hàm lượng chất hữu cơ lớn (từ 55 ÷ 65% tổng lượng chất rắn), chứa nhiều vi sinh vật, trong đó có vi sinh vật gây bệnh.

Bảng tổng hợp thông số đầu vào nước thải

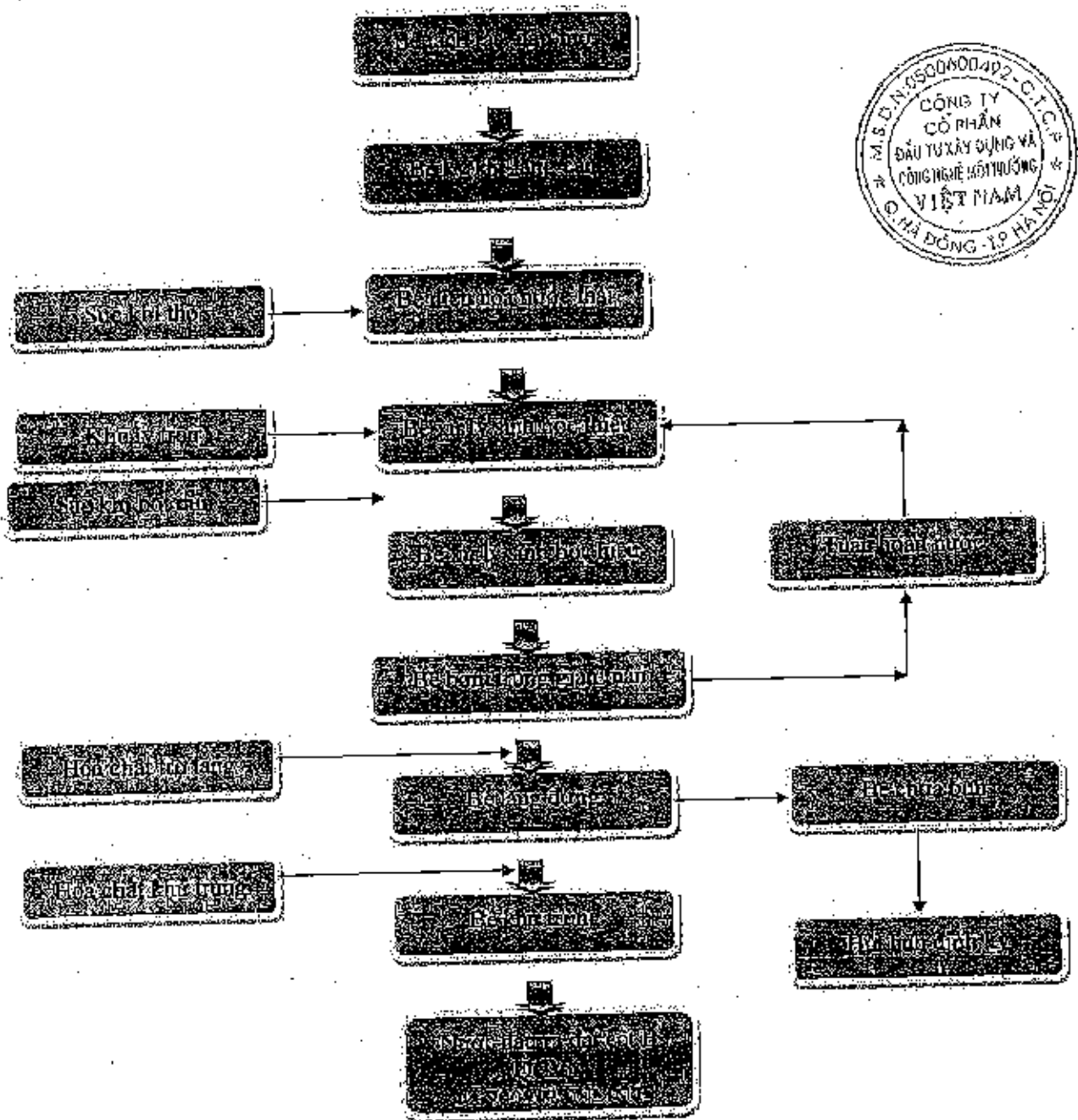
STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	6,5-8,5
2	SS	mg/l	300-500
3	BOD	mg/l	250-350
4	N-NH ₄	mg/l	40
5	Tổng N	mg/l	60
6	TP	mg/l	8,5

3. Mức độ xử lý

Nước sau xử lý đạt QCVN14-2008/BTNMT cột B.

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị	
			Cột A	Cột B
1	pH	-	5-9	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	1000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000	5.000

II. Công nghệ xử lý nước thải



Thuyết minh công nghệ

- Hướng dẫn vận hành: Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải xí nghiệp phần lớn chứa các chất ô nhiễm, các vi khuẩn gây bệnh, thành phần ô nhiễm chính là các chất hữu cơ, dinh dưỡng. Nước thải xí nghiệp được thu gom bằng đường ống riêng dẫn về ngăn kỵ khí, làm giảm nồng độ các chất hữu cơ, dinh dưỡng trước khi về công trình phía sau. Sau đó nước thải từ ngăn kỵ khí được bơm sang ngăn điều hòa.
- Nước thải nhà bếp, đặc trưng của nước thải nhà bếp là hàm lượng chất nổi (dầu mỡ) lớn. Nước thải tắm giặt đặc điểm có nhiều rác. 2 loại nước thải này được thu gom về ngăn tách rác, chất nổi, sau đó chảy sang ngăn kỵ khí pha loãng nồng độ chất ô nhiễm và được bơm sang bể điều hòa.
- Bể điều hòa nước thải tại bể điều hòa có tác dụng điều hòa cả về lưu lượng, thành phần chất ô nhiễm trong nước thải. Tại bể điều hòa có bố trí hệ thống sục khí thổi để trộn đều nước thải, giảm mùi cho công trình.
- Nước thải sẽ được bơm sang cụm xử lý sinh AO (thiếu khí, hiếu khí) cụm này hoạt động song song. Chức năng chính của thiếu khí là xử lý Nito, phot pho, bể hiếu khí oxy hóa phân hủy các chất hữu cơ BOD, COD trong nước thải xuống mức đạt tiêu chuẩn xả thải.
- Nước sau đó chảy sang bể lắng đứng, tại đây nước được cấp hóa chất trợ lắng, cặn lắng nặng sẽ rơi xuống đáy bể, được bơm bùn, bơm sang ngăn chứa bùn. Nước sạch được thu ở trên máng thu nước và dẫn sang bể khử trùng.
- Trong nước thải sinh hoạt có rất nhiều vi khuẩn gây bệnh, vì vậy cần phải khử trùng trước khi ra môi trường, sử dụng hóa chất khử trùng là NaOCl 10%..
- Nước thải sau xử lý sẽ đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 14-2008/BTNMT, cột B
- Bùn từ bể nén bùn được hút định kỳ mang đi chôn lấp.

III. Vận hành hệ thống

1. Vận hành chung

- Cán bộ vận hành phải có trình độ phù hợp, duy trì từ 1-2 cán bộ thường trực vận hành. Kịp thời khắc phục nếu có sự cố.
- Chỉ cán bộ được phân công phụ trách được vận hành hệ thống.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người vận hành.

- Thường xuyên, kiểm tra vớt rác loại bỏ vật nổi tại hồ gom.
- Kiểm tra nguồn điện trên đèn báo pha, Ampe kế và vôn kế.
- Kiểm tra và chắc chắn rằng các van trên đường ống của máy bơm và van cấp khí đã mở.



2. Pha hóa chất

- Khởi động động cơ khuấy trộn khí pha hóa chất.
- Pha 1 - 2 kg PAC cho 300l nước sạch, khuấy tan đều, bơm 20-30l/h dung dịch lên bể xử lý.
- Pha 1 - 2 lít Nước javen, nồng độ 10% cho 200l nước sạch, khuấy tan đều, bơm 20-30l/h dung dịch lên bể xử lý.
- Tùy thuộc vào thay đổi tính chất của nước người vận hành có thể thay đổi liều lượng hóa chất cho phù hợp với thực tế.

3. Khởi động hệ thống

- Bật attomat tổng.
- Bật attomat của từng thiết bị.
- Bật nút chuyển mạch 03 vị trí (BT- O- TD). Kiểm tra các thiết bị sau khi hoạt động.
- Kiểm tra hoạt động của từng thiết bị.

4. Chế độ hoạt động

- Khi vận hành trạm, người vận hành tùy chọn chế độ làm việc của hệ thống, Tự động hoặc bằng tay. Nếu chuyển bộ chuyển mạch về chế độ tự động (TD) hệ thống sẽ làm việc tự động hoàn toàn theo tín hiệu mức nước hoặc chuyển sang chế độ vận hành bằng tay(BT), người vận hành điều khiển bằng các nút trên bảng của tủ điều cho mỗi thiết bị.

Chế độ tự động: (chế độ hoạt động bình thường, thường xuyên)

- Ở chế độ tự động bộ chuyển mạch được đưa quay sang vị trí vận hành tự động (TĐ), hệ thống trạm xử lý theo tín hiệu mực nước thông qua phao điều khiển lập trình bởi PLC.
- Máy thổi khí (TK1): Ở chế độ tự động 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên độc lập với chu kỳ thời gian là 4 giờ.
- Máy thổi khí (TK2): Ở chế độ tự động 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên độc lập với chu kỳ thời gian là 4 giờ.
- Bơm nước bể kỵ khí (P1) : Ở chế độ tự động bơm P1 hoạt động theo phao tín hiệu mực nước tại bể kỵ khí, luân phiên với chu kỳ thời gian 8 giờ.
- Bơm nước bể điều hòa (P2) : Ở chế độ tự động bơm P2 hoạt động theo phao tín hiệu mực nước tại bể điều hòa, luân phiên với chu kỳ thời gian 8 giờ.
- Bơm tuần hoàn (P3): Hoạt động luân phiên độc lập với chu kỳ 8 giờ.
- Bơm tuần hoàn (P4): bơm bùn bể lắng hoạt động tự động theo bơm điều hòa. Chạy 10 phút, nghỉ 2 giờ.
- CỤM HÓA CHẤT : Ở chế độ tự động cụm hóa chất (động cơ khuấy và bơm định lượng) hoạt động theo bơm bể điều hòa P2.

Chế độ điều khiển bằng tay: (Hoạt động bất thường khi cần thiết)

- Ở chế độ điều khiển bằng tay bộ chuyển mạch được đưa quay sang vị trí vận hành bằng tay(BT) các thiết bị trong hệ thống trạm xử lý hoạt động độc lập theo các nút điều khiển bằng tay trên tủ điện.

Chức năng bảo vệ :

- Bảo vệ mất pha nguồn cung cấp.
- Bảo vệ quá tải động cơ khi có sự cố quá tải.
- Bảo vệ ngắn mạch cho toàn bộ hệ thống.

6. Hiện thị trạng thái và báo lỗi :

Hướng dẫn vận hành: Hệ thống xử lý nước thải

- Đèn hiển thị ba pha r – s – t của nguồn cung cấp.
- Đèn hiển thị trạng thái chạy (màu xanh).
- Đèn hiển thị báo lỗi (màu vàng).
- Đồng hồ hiển thị giá trị điện áp nguồn cung cấp (voltmeter).
- Đồng hồ hiển thị giá trị dòng điện của tải (amperemeter).
- Các thiết bị động cơ trong trạm đều có rơ le nhiệt bảo vệ và bảo lỗi điện, thuận tiện cho việc theo dõi vận hành, kiểm tra sửa chữa.
- Khi có sự cố qua dòng, đèn hiển thị trạng thái màu vàng, cán bộ vận hành tắt thiết bị và hệ thống để kiểm tra xử lý.



7. Khi tắt hoặc tạm dừng hệ thống

(thực hiện thứ tự các thao tác ngược lại so với khi khởi động hệ thống)

- Tắt nút chuyển mạch (đưa về vị trí giữa).
- Tắt attomat của thiết bị.
- Tắt atomat cấp nguồn bộ điều khiển PLC.
- Tắt attomat tổng.

8. Chú ý

- Khi có sự cố mất điện người vận hành phải tắt toàn bộ thiết bị và khởi động lại theo qui trình ban đầu khi có điện.
- Không đưa dung dịch hoá chất, chất độc, các loại dầu hoặc các chất khác vào bồn hoạt tính, nó sẽ làm ảnh hưởng đến bồn hoạt tính.
- Đóng van cấp khí cọ rửa khi ngừng vận hành lọc. Trong trường hợp nghỉ lọc, không bắt buộc phải ngừng cấp khí cọ rửa.

IV. Bảo trì thiết bị

- Lau chùi, vệ sinh toàn bộ thiết bị cơ, điện chính và mặt bằng nơi làm việc.



- Xử lý các chỗ rò rỉ nước, dầu
- Xiết chặt các bulông, đai ốc ở các bộ phận máy bị rung
- Thu dọn đồ nghề để vào nơi quy định
- Ghi chép đầy đủ những hiện tượng hư hỏng hoặc hiện tượng không bình thường của thiết bị chưa được xử lý vào sổ vận hành và sổ giao ca.
- Công tác sửa chữa nhỏ bao gồm cả việc kiểm tra và sửa chữa, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và các quy định sau:
 1. Đo điện trở của động cơ điện:
 - Đo điện trở của các cuộn dây (pha – pha)
 - Đo điện trở của cuộn dây với đất (pha – đất)
 2. Nếu cáp có hiện tượng không bình thường, phải đo điện trở của dây cáp với đất
 3. Đo điện trở của các cảm biến nhiệt cuộn dây của mô tơ điện với đất (trừ cảm biến nhiệt ổ lăn)
 4. Dùng một ôm kế (không được dùng máy phát tay quay – megôm mét) để đo điện trở R của cảm biến nhiệt, đảm bảo độ cách điện giữa các lõi dây của cảm biến nhiệt lớn hơn 100 W và nhỏ hơn 120 W ($100\text{ W} < R < 120\text{ W}$)
 5. Kiểm tra các tiếp điểm đầu nối cáp
 6. Đo và kiểm tra cáp tiếp đất, chỉ số điện trở cách điện giữa cáp nối đất và thân bơm phải nhỏ hơn 1

1. Máy thổi khí

- Danh mục kiểm tra bảo trì hàng ngày
 - Tình trạng van an toàn, van điều chỉnh.
 - Mức dầu bôi trơn.



- Hiện trạng động cơ.
 - Tiếng kêu bất thường khi chạy máy.
 - Độ rung khác thường.
- Danh mục kiểm tra bảo trì định kỳ 3 tháng:
- Hoạt động của van an toàn.
 - Độ dẫn của dây curoa và tình trạng dây curoa.
 - Các liên kết đầu nối cơ khí.
 - Bánh răng và ổ đỡ trục chạy êm.
 - Thay dầu, Định kỳ 3 tháng thay dầu làm mát máy thổi khí (lưu ý không đổ đầy).
- Danh mục kiểm tra bảo trì hàng năm.
- Thay dây curoa.
 - Làm sạch ống giảm thanh đầu hút, đầu đẩy.
 - Độ dẫn của dây curoa và tình trạng dây curoa.
- Danh mục kiểm tra bảo trì định kỳ 2 năm.
- Thay ổ đỡ trục và phốt dầu.
 - Làm sạch phần bên trong vỏ máy.
- Danh mục kiểm tra bảo trì định kỳ 4 năm.
- Thay bánh răng trụ tròn.

2. Máy bơm chìm:

- Nếu tổ máy bơm chìm được kéo lên để bảo quản trong nhà trạm thì nên kết hợp tháo và kiểm tra dầu trong khoang mô tơ để đánh giá tình trạng gioăng cơ khí và gioăng tĩnh. Phương pháp kiểm tra như sau:

1. Kiểm tra bằng định lượng: nếu lượng dầu tháo ra còn ít hơn lượng dầu đổ vào ban đầu thì chất lượng gioăng làm kín còn đảm bảo.
 2. Kiểm tra bằng định tính: nếu dầu tháo ra trên mặt có những vết loang chứng tỏ đã có nước xâm nhập vào khoang chứa dầu, cần phải kiểm tra xem xét lại các gioăng làm kín, đặc biệt là gioăng làm kín cơ khí và phải thay dầu mới.
- Kiểm tra và vệ sinh bảo dưỡng các thiết bị điện như aptômát, công tắc tơ, rơ le...
 - Bảo dưỡng và sửa chữa máy bơm thả chìm, đối với những sửa chữa lớn :
 - Cứ sau 16 000 giờ nhưng không quá 5 năm một lần phải tiến hành kiểm tra sửa chữa lớn máy bơm chìm.
 - Nội dung công tác sửa chữa lớn bao gồm các nội dung quy định và thêm các công việc sau:
 1. Kéo máy bơm chìm lên đặt ổn định trên gian sửa chữa.
 2. Tháo dầu trong khoang mô tơ.
 3. Tháo các chi tiết máy bơm. Căn cứ vào bản vẽ chung về mặt cắt máy bơm và động cơ, lần lượt tháo, làm vệ sinh sạch sẽ, đo kiểm tra các chi tiết của bơm xác định mức độ hư hỏng, độ mòn của chi tiết so với thiết kế.
 4. Tháo các chi tiết của động cơ điện, thực hiện các nội dung sau:
 - Trước khi tháo bộ phận mô tơ và cáp điện phải đảm bảo đánh dấu đầy đủ các đầu nối cáp để thuận lợi cho quá trình lắp lại.
 - Tháo rút roto và làm vệ sinh công nghiệp toàn bộ bên trong khoang mô tơ
 - Sơn cách điện và sấy cuộn dây stato.
 - Kiểm tra và thay thế ổ lăn.
 - Kiểm tra và thay thế các gioăng cơ khí và các gioăng tĩnh.

- Tháo kiểm tra, vệ sinh hoặc thay thế các thiết bị điện như aptomat, công tắc tơ, role, hệ thống báo độ ẩm, nhiệt độ trong khoang mô to...
- Lắp ráp lại động cơ điện và máy bơm chìm.
- Khi tháo lắp để sửa chữa lớn thiết bị phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau:
 1. Lắp ráp lại đảm bảo theo thứ tự: chi tiết tháo trước thì lắp lại sau và ngược lại
 2. Mỡ dùng để bôi trơn ổ lăn thực hiện theo chỉ dẫn của nhà chế tạo. Có thể dùng loại ASONIC, HQ 72-102 hoặc loại khác có tính năng tương tự
 3. Khi lắp vòng bít kín cơ khí phải có dụng cụ chuyên dùng, không được dùng vật cứng gì, gõ vào bề mặt tiếp xúc của vòng động và vòng tĩnh. Khi lắp chi tiết vòng cao su vào cổ trục, để không bị rách thì cổ trục cần phải bọc bằng giấy kim loại có chiều dày từ 0,1 mm đến 0,3 mm, khi lắp xong thì phải tháo bỏ lớp giấy bọc cổ trục.
 4. Các gioăng cao su tĩnh cần phải thay thế bằng gioăng mới trước khi đặt gioăng vào vị trí cần phải bôi lớp keo làm kín.
 5. Động cơ điện chìm sau khi đã lắp hoàn chỉnh, trước khi lắp với bơm phải tiến hành thử kín các khoang động cơ bằng khí với áp suất 1 bar trong thời gian 5 phút nếu áp suất giảm xuống không lớn hơn 0,2 bar thì các gioăng làm kín khoang mô to đảm bảo yêu cầu.

3. Bơm định lượng

- Kiểm tra mức dầu định kỳ.
- Cứ sau 10.000 giờ làm việc thì thay dầu.
- Trong trường hợp lưu lượng thấp và bất thường, kiểm tra các bộ phận sau:
- Trước tiên tham khảo hình vẽ dầu bơm.

- Chú ý đến trình tự sắp xếp các bộ phận của van, mỗi một bi van sẽ nằm ở vị trí nghỉ.

- Lần lượt nối ốc ở các đầu hút và đầu đẩy bằng một tuốc nơ vít. Kiểm tra các bộ phận có sạch và ở trạng thái tốt không. Lau chùi sạch sẽ cẩn thận tất cả các bộ phận như bi van, ổ đỡ van, trục dẫn hướng và thân.



4. Động cơ khuấy

- Thường xuyên kiểm tra các vấn đề được trình bày ở trên. Bảo dưỡng và vệ sinh thiết bị định kỳ.
- Thời gian thay dầu nhớt bôi trơn được áp dụng như sau.
- Sử dụng loại dầu nhờn chuyên dụng thời gian cho phép vận hành tối đa đến 12.000 đến 15.000 giờ
- Sau đó: 2500 giờ thay một lần tùy thuộc vào tùy loại dầu nhớt và thường xuyên kiểm tra dầu và thay đổi khi cần thiết.
- Loại dầu sử dụng: CPU-HD-320 hoặc tương đương.

5. Các máy móc thiết bị khác định kỳ kiểm tra bảo dưỡng nghỉ sở theo dõi.

V. MỘT SỐ RỦI DO- SỰ CỐ VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

1. Rủi do tai nạn lao động

Tai nạn lao động có thể xảy ra với công vận hành hệ thống với các nguyên nhân chủ yếu do:

- Không tuân thủ nội quy về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp khi làm việc.
- Tình trạng sức khỏe người lao động không tốt dẫn tới thiếu tập trung khi làm việc.

Bắt cần của công nhân khi vận hành máy móc thiết bị

Để hạn chế rủi ro xảy ra cần thực hiện các biện pháp sau :

- Tập huấn an toàn lao động cho công nhân vận hành.

- Tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn lao động, quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy móc thiết bị, hóa chất đặc thù.
- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ.
- Xây dựng nội quy, quy chế làm việc.
- Không uống rượu bia, hút thuốc khi đang làm việc.
- Kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị của hệ thống định kỳ.



2. Các sự cố kỹ thuật

Bất cứ động cơ nào có sự cố hoặc tắt đi để bảo dưỡng phải chắc chắn rằng nguồn điện cấp cho nó đã được ngắt

Sự cố về nguồn điện :

Khi có sự đảo pha hoặc mất pha từ nguồn điện cấp vào tủ điều khiển rơ le bảo vệ sẽ ngắt, hệ thống sẽ ngừng hoạt động

Về bơm:

Khi khởi động máy bơm không lên nước cần kiểm tra lần lượt các nguyên nhân sau:

- Nguồn cung cấp điện có bình thường không.
- Tín hiệu phao báo mức nước cạn hoặc bị sự cố.
- Cánh bơm có bị chèn bởi các vật lạ không.

Khi khởi động máy hoạt động một thời gian ngắn rồi ngừng.

- Có thể do quá tải dẫn đến ngắt rơ le bảo vệ :Kiểm tra bơm, đường ống có bị kết, chèn bởi vật lạ không, nếu có tiến hành tháo bỏ và ấn nút reset trên rơ le nhiệt.
- Có thể do đảo pha nguồn điện dẫn đến bơm quay ngược chiều.
- Khi bơm có tiếng kêu lạ cũng cần ngừng bơm lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố trên. Cần sửa chữa bơm theo từng trường hợp cụ thể.

Máy sục khí:

Máy thổi khí không quay, Có thể do các nguyên nhân sau:

Hướng dẫn vận hành: Hệ thống xử lý nước thải

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường Việt Nam(Vinaseco)
ĐT: 04 2243 4883 Email: Vinaseco@gmail.com Website: xulymoitruong.com.vn

- Lỗi động cơ, phải kiểm tra lại động cơ và nguồn điện.
- Dây curoa bị trượt, phải xiết chặt lại dây curoa.
- Roto bị rỉ hoặc có vật thể lạ trong máy, cần kiểm tra làm sạch máy.

Lượng khí thấp.

- Rò rỉ trên đường ống, van an toàn : cần kiểm tra xiết chặt , bịt kín
- Trượt dây curoa.

Tiếng kêu khác lạ , rung bất thường.

- Bánh răng bị mòn, cần sửa chữa thay thế.
- Ổ đỡ trục bị mòn, cần sửa chữa thay thế.
- Có vật lạ.

Rò rỉ dầu.

- Nút thăm vận không chặt.
- Quá đầy dầu.





BAN QUẢN LÝ TÒA NHÀ 129D TRƯƠNG ĐỊNH
129D đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội

SỐ

NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Quyển số 03: Từ ngày 01/12/2024 đến ngày 28/02/2025)

Hợp tác xã Môi trường - Đô thị Việt Nam



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đa
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đa
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: 91 m³ (m³/ngày đêm)

Lưu ý: 2/12/2024
..... 5.6.1.1.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Hồ Quang phước

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đa
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đa
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: 93 m³ (m³/ngày đêm)

Lưu ý: 2/12/2024
..... 5.6.1.1.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Hồ Quang phước



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
PAC			
I			
1	Mức nước trong bồn	ĐC	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
Clorine			
II			
3	Mức nước trong bồn	ĐC	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: 82,43 (m3/ngày đêm)

Lưu ý: S.S.T.V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Đào Ngọc Dũng*

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
PAC			
I			
1	Mức nước trong bồn	AT Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
Clorine			
II			
3	Mức nước trong bồn		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		

III. Lưu lượng xả thải: 8,2 (m3/ngày đêm)

Lưu ý: C.C.T.V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *T. Vũ*



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 05/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	OK
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
7,9 m ³	
Lưu ý: 05/12/2024	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Dũng</u>	

I. Hệ thống 06/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	OK
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
7,9 m ³	
Lưu ý: 06/12/2024	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Dũng</u>	



BAN QLTN 129D TRƯƠNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đu"r	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đu"r	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: 74 m³ (m³/ngày đêm)

Lưu ý: 4.5. K. V. N.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): D. Đỗ Quang phú

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đu"r	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đu"r	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: 80 m³ (m³/ngày đêm)

Lưu ý: 5.2. K. V. N.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): D. Đỗ Quang phú



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	B.T	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		

III. Lưu lượng xả thải:	9,2	(m3/ngày đêm)
Lưu ý:		
S.S.K.M.		
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		
Tung		

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	B.T	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	B.T	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	90 m ³	(m3/ngày đêm)
Lưu ý:		
S.S.K.M.		
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		
Đ. H. B. Quang ph.		



BẢN QLTN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
PAC			
I			
1	Mức nước trong bồn	Đ1	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1	
Clorine			
II			
3	Mức nước trong bồn	Đ1	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.25	

III. Lưu lượng xả thải:		(m3/ngày đêm)
.....		
Lưu ý: S.C.F.N.		
.....		
.....		
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Bùi Ngọc Dũng</u>		

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
PAC			
I			
1	Mức nước trong bồn	Đ1	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1.5	
Clorine			
II			
3	Mức nước trong bồn	Đ1	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.5	

III. Lưu lượng xả thải:		(m3/ngày đêm)
.....		
Lưu ý: S.C.F.N.		
.....		
.....		
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Bùi Ngọc Dũng</u>		



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 13/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	-Đu?		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đu?		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xả thải:		75 m ³	(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 1.5 t.n				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. H. Hoàng Phấn				

I. Hệ thống 14/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	-Đu?		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đu?		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		80 m ³	(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 1.5 t.n				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. H. Hoàng Phấn				



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
PAC			
I			
1	Mức nước trong bồn	Đã	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
Clorine			
II			
3	Mức nước trong bồn		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		

III. Lưu lượng xả thải: 8,2 (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 5.3.12
.....
.....
.....
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tuấn
.....

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
PAC			
I			
1	Mức nước trong bồn	Đã	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
Clorine			
II			
3	Mức nước trong bồn		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		

III. Lưu lượng xả thải: 8,4 (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 5.3.12
.....
.....
.....
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tuấn
.....



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 18/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	ĐH		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	ĐH		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 33 m³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 5.6.1.1				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. Nguyễn Dũng				

I. Hệ thống 18/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	ĐH		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	ĐH		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 30 m³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 5.2.1.1				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. Nguyễn Dũng				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác	BT		

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: $82 m^3$ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: $52 kV$

Người thực hiện (kí và ghi rõ họ tên): Đỗ Quang Toàn

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	2

III. Lưu lượng xả thải: $75 m^3$ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: $49 kV$

Người thực hiện (kí và ghi rõ họ tên): Nguyễn Duy



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
29/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BT		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)			
III. Lưu lượng xả thải: 7,8			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 59.12.24				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. V. S. N. Y.				

I. Hệ thống				
29/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BT		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)			
III. Lưu lượng xả thải: 8,0			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 59.12.24				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. V. S. N. Y.				



BAN QLTN 129D TRƯƠNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
PAC		
I		
1	Mức nước trong bồn	OK
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1.5
Clorine		
II		
3	Mức nước trong bồn	OK
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	2

III. Lưu lượng xả thải: 71 m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 32.12.24

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bà Ngọc Dung

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
PAC		
I		
1	Mức nước trong bồn	OK
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1.5
Clorine		
II		
3	Mức nước trong bồn	OK
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.5

III. Lưu lượng xả thải: 73 m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 32.12.24

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bà Ngọc Dung



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 25/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đu ^o
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đu ^o
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
76 m ³	

Lưu ý: S.S.K.V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. Hoàng ph.

I. Hệ thống 26/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đu ^o
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đu ^o
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
82 m ³	

Lưu ý: S.S.K.V.

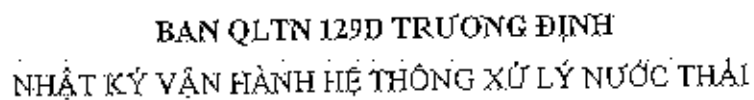
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. Hoàng ph.



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 17/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BA		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)			
III. Lưu lượng xả thải: 86			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 60.000				
Người thực hiện (tờ và ghi rõ họ tên): Trương				

I. Hệ thống 28/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BA		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)			
III. Lưu lượng xả thải: 82			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 60.000				
Người thực hiện (tờ và ghi rõ họ tên): Trương				



I. Hệ thống				
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	<i>[Handwritten mark]</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>[Handwritten mark]</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>[Handwritten mark]</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>[Handwritten mark]</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	<i>[Handwritten mark]</i>
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>[Handwritten mark]</i>
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	<i>[Handwritten mark]</i>
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>[Handwritten mark]</i>

III. Lưu lượng xả thải:	(m ³ /ngày đêm)
<i>[Handwritten value]</i>	

Lưu ý: *[Handwritten note]*

Người thực hiện (tý và ghi rõ họ tên): *[Signature]*



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 31/12/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đủ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
76 m ³	
Lưu ý: 56 m ³	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. Đ. Hoàng ph.	

I. Hệ thống 1/01/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đủ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
80 m ³	
Lưu ý: 5.3 m ³	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. Đ. Hoàng ph.	



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	B.T		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)			
III. Lưu lượng xả thải:		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		Tung		

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	B.T		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)			
III. Lưu lượng xả thải:		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		Tung		



BAN QL TN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 09/10/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			

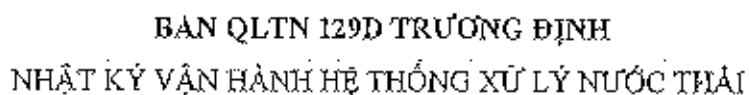
II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đi	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đi	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
77 m ³	
Lưu ý: 49 x v	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Duy</u>	

I. Hệ thống 05/11/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	✓		
2	Hệ thống máy bơm	✓		
3	Hệ thống máy thổi khí	✓		
4	Hệ thống van, đường ống	✓		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đi	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đi	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
90 m ³	
Lưu ý: 5.5 x v	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Duy</u>	



I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BA
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	

III. Lưu lượng xả thải: 96 (m3/ngày đêm)
Lưu ý: 76 t/n
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tưng



BAN QLTN 129D TRƯƠNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	H		
2	Hệ thống máy bơm	H		
3	Hệ thống máy thổi khí	H		
4	Hệ thống van, đường ống	H		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	AI	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	45	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	AI	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1	

III. Lưu lượng xả thải: 70m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: S.C.K.W

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Nguyễn Văn Dũng

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	BT	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	BT	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1	

III. Lưu lượng xả thải: 77 (m3/ngày đêm)

Lưu ý: S.C.K.W

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tuấn



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
10/10/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	h		
2	Hệ thống máy bơm	h		
3	Hệ thống máy thổi khí	h		
4	Hệ thống van, đường ống	h		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	h		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	h		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		78 m ³		
Lưu ý:		(m3/ngày đêm)		
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				

I. Hệ thống				
11/10/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	h		
2	Hệ thống máy bơm	h		
3	Hệ thống máy thổi khí	h		
4	Hệ thống van, đường ống	h		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	h		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	h		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		78 m ³		
Lưu ý:		(m3/ngày đêm)		
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I			
1	Mức nước trong bồn	Đu°	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đu°	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: (m3/ngày đêm)

Lưu ý:
.....
.....
.....

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I			
1	Mức nước trong bồn	Đu°	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đu°	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: (m3/ngày đêm)

Lưu ý:
.....
.....
.....

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):



BAN QL TN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 14/1/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	78%		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	80%		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xả thải: 80		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T.Ư.Ư.Ư.				

I. Hệ thống 15/1/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	80%		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	80%		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xả thải: 86		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T.Ư.Ư.Ư.				



BAN QLTN 129D TRƯƠNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	K		
2	Hệ thống máy bơm	H		
3	Hệ thống máy thổi khí	H		
4	Hệ thống van, đường ống	H		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	H		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	H		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 7,1 m ³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 5.3.1.1.				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				

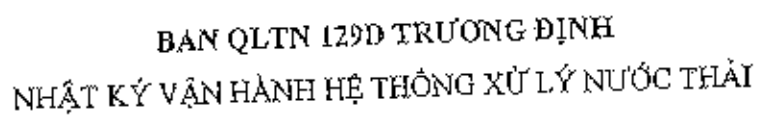
I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BT		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	BT		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xả thải: 7,8			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 5.3.1.1.				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. C. M. Y.				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 18/01/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		Đu?	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5	
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn		Đu?	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,5	
III. Lưu lượng xả thải:		78 m ³ (m3/ngày đêm)		
Lưu ý: 50 ltr				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Quang phú				

I. Hệ thống 19/01/2024				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		Đu?	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5	
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn		Đu?	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,5	
III. Lưu lượng xả thải:		79 m ³ (m3/ngày đêm)		
Lưu ý: 50 ltr				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Quang phú				



I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BK		
2	Hệ thống máy bơm	BK		
3	Hệ thống máy thổi khí	BK		
4	Hệ thống van, đường ống	BK		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	BK	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	BK	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m ³ /ngày đêm)
..... 8,4	

Lưu ý: 6,7 kW

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):
Trương



BAN QLTN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 24/01/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đ		
2	Hệ thống máy bơm	Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí	Đ		
4	Hệ thống van, đường ống	Đ		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	2		
III. Lưu lượng xả thải: 82 m ³		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bùi Ngọc Duy				

I. Hệ thống 23/01/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đ		
2	Hệ thống máy bơm	Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí	Đ		
4	Hệ thống van, đường ống	Đ		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 70 m ³		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bùi Ngọc Duy				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		24/01/2024		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B		
2	Hệ thống máy bơm	B		
3	Hệ thống máy thổi khí	B		
4	Hệ thống van, đường ống	B		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		70 m ³	(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				

I. Hệ thống		25/01/2024		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		81 m ³	(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 8,0			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
5.5.8.2				
Người thực hiện (lấy và ghi rõ họ tên): T. V. M. Y.				

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xả thải: 8,2			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
5.5.8.2				
Người thực hiện (lấy và ghi rõ họ tên): T. V. M. Y.				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đủ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1	

III. Lưu lượng xả thải: 8,9 (m3/ngày đêm)

Lưu ý:
.....
.....
.....

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. Tung

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đủ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: 8,9 (m3/ngày đêm)

Lưu ý:
.....
.....
.....

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Lê Hữu Bình



BAN QLTN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 20/01/17025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đi?		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đi?		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 60 m ³ /ngày đêm		(m ³ /ngày đêm)		
Lưu ý:				
.....				
.....				
.....				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Quang phước</u>				

I. Hệ thống 24/01/17025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đi		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đi		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xả thải: 40 m ³		(m ³ /ngày đêm)		
Lưu ý:				
.....				
.....				
.....				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Đình</u>				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đ		
2	Hệ thống máy bơm	Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí	Đ		
4	Hệ thống van, đường ống	Đ		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1

III. Lưu lượng xả thải: 42 m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 40.000

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *AB*

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đ		
2	Hệ thống máy bơm	Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí	Đ		
4	Hệ thống van, đường ống	Đ		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: 62 m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 5.2.1.1

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Đỗ An y phan*



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	B.T
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	B.T
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: (m3/ngày đêm)

Lưu ý:

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tuyền

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	B.T
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	B.T
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: (m3/ngày đêm)

Lưu ý:

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bùi Ngọc Dũng



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đã
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đã
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
7,4	

Lưu ý: S.S.K.V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tưng

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đã
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đã
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
7,2	

Lưu ý: S.S.K.V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tưng



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	ĐL
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	ĐL
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
Lưu ý:	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):	

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	ĐL
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	ĐL
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
Lưu ý:	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):	



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 80m ³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: GC 2/2				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): LP ĐD Quang phan				

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 82			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: GC 2/2				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T 2/2				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (kí và ghi rõ họ tên):		T. V. H. G.		

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
Người thực hiện (kí và ghi rõ họ tên):		T. V. H. G.		



BAN QLTN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống <i>Bio 2</i>				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>BT</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>BT</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>BT</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>BT</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	<i>BT</i>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>1,5</i>	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	<i>BT</i>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>1</i>	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
<i>70 m³</i>	

Lưu ý: *54.1.1.1*

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Đỗ Ngọc Dũng*

I. Hệ thống <i>14/02/2023</i>				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>BT</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>BT</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>BT</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>BT</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	<i>BT</i>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>1,5</i>	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	<i>BT</i>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>1,5</i>	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
<i>95 m³</i>	

Lưu ý: *65.1.1.1*

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Đỗ Quang Minh*



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 15/02				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 70 m ³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bà Ngọc Dung				

I. Hệ thống 16/2/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 74			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T.M.N				



BAN QLTN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 8,8			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 6.3. K. V.				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. M. T.				

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 8,8 m ³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 6.3. K. V.				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. M. T.				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
Lưu ý:	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):	

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			Ghi chú
I	PAC		
1	Mức nước trong bồn	Đ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
Lưu ý:	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):	



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		21/02/2025		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	ĐL ⁰		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	ĐL ⁰		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		8,1 m ³ (m3/ngày đêm)		
Lưu ý: S. I. K. A.				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Văn Quang				

I. Hệ thống		22/02/2025		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	ĐL ⁰		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	ĐL ⁰		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		8,0 (m3/ngày đêm)		
Lưu ý: S. I. K. A.				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. V. T.				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 23/9/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 3 m3			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tới				

I. Hệ thống 24/02/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 9,5 m3			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Hoàng Phú				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
7-8	

Lưu ý: 5.5 t/m³

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. M. G.

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		Ghi chú
I	PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
7.5 m ³	

Lưu ý: 5.5 t/m³

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đ. Đ. Dương phát



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 27/10/2				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 8,0		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý: SCKV				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tuấn				

I. Hệ thống 28/10/2				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 8,2		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý: SCKV				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tuấn				

7SC6

BAN QUẢN LÝ TÒA NHÀ 129D TRƯƠNG ĐỊNH
129D Đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà
Trung, thành phố Hà Nội

30

NHẬT KÝ HÀNH HẠT HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Quản lý số 06, từ ngày 01/03/2023 đến ngày 06/6/2023)

Ngày lập báo cáo: 06/6/2023



BAN QL TN 123D TRƯỜNG DỊNH
NHẬT KÝ VẤN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Ngày tháng		Tình trạng		Biện pháp khắc phục		Ghi chú	
1		Tủ điện		BT					
2		Hệ thống máy bơm		BT					
3		Hệ thống máy thổi khí		BT					
4		Hệ thống van, đường ống		BT					
5		Khác							
II. Hóa chất									
I									
PAC									
1		Mức nước trong bồn		BT				Ghi chú	
2		Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5					
II									
Clorine									
3		Mức nước trong bồn		BT					
4		Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,5					
III. Lưu lượng xả thải:									
78 m ³ /ngày (m ³ /ngày đêm)									
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):									
Phạm Văn Sơn									

I. Hệ thống		Ngày tháng		Tình trạng		Biện pháp khắc phục		Ghi chú	
1		Tủ điện		BT					
2		Hệ thống máy bơm		BT					
3		Hệ thống máy thổi khí		BT					
4		Hệ thống van, đường ống		BT					
5		Khác							
II. Hóa chất									
I									
PAC									
1		Mức nước trong bồn		BT				Ghi chú	
2		Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5					
II									
Clorine									
3		Mức nước trong bồn		BT					
4		Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1					
III. Lưu lượng xả thải:									
80 m ³ /ngày (m ³ /ngày đêm)									
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):									
Phạm Văn Sơn									



BAN QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐÌNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		02/03			
1	Tủ điện	Tình trạng	Đ	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
2	Hệ thống máy bơm		Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí		Đ		
4	Hệ thống van, đường ống		Đ		
5	Khác				
II. Hóa chất		TAC		Ghi chú	
I	Mức nước trong bồn		Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5		
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn		Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		90 m ³		(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý: (Chữ ký và đóng dấu)					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Dũng</u>					

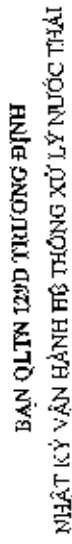
I. Hệ thống		4/3/2025			
1	Tủ điện	Tình trạng	Đ	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
2	Hệ thống máy bơm		Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí		Đ		
4	Hệ thống van, đường ống		Đ		
5	Khác				
II. Hóa chất		TAC		Ghi chú	
I	Mức nước trong bồn		Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5		
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn		Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		90 m ³		(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:		C. V. W			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Dũng</u>					

BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐÌNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ISC6

1. Hệ thống		5/05/2025			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú		
1	Tủ điện	OK			
2	Hệ thống máy bơm	OK			
3	Hệ thống máy thổi khí	OK			
4	Hệ thống van, đường ống	OK			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC		Ghi chú		
1	Mức nước trong bồn	OK			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5			
II	Clorine				
3	Mức nước trong bồn	OK			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5			
III. Lưu lượng xả thải: 79,2 m ³ /ngày đêm (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: <i>Đã kiểm tra</i>					
Người thực hiện (tên và ghi rõ họ tên): <i>Đỗ Đức Dương</i>					

L. Hệ thống		06/05			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú		
1	Tủ điện	OK			
2	Hệ thống máy bơm	OK			
3	Hệ thống máy thổi khí	OK			
4	Hệ thống van, đường ống	OK			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC		Ghi chú		
1	Mức nước trong bồn	OK			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5			
II	Clorine				
3	Mức nước trong bồn	OK			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5			
III. Lưu lượng xả thải: 82 m ³ /ngày đêm (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: <i>Đã kiểm tra</i>					
Người thực hiện (tên và ghi rõ họ tên): <i>Đỗ Đức Dương</i>					



BẢN QLTN 129D TRƯƠNG ĐÌNH
NHẬT KÝ VĂN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Hệ thống		Thời trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tin điện	ĐY		
2	Hệ thống tưới bơm	ĐY		
3	Hệ thống máy thổi khí	ĐY		
4	Hệ thống van, đường ống	ĐY		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I	Mỹn nước trong bồn	ĐY	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine	ĐY	
3	Mỹn nước trong bồn	ĐY	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

HL	Lưu lượng xả thải	(m ³ /ngày đêm)
ĐY	ĐY	ĐY

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên)	Ngày
ĐY	ĐY

I. Hệ thống <i>0910</i>				Ghi chú
	Tên điện	Tính trạng	Biện pháp kiểm tra	
1	Hệ thống máy bơm	B		
2	Hệ thống máy thổi khí	B		
3	Hệ thống van, đường ống	B		
4	Kiểm			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	phủ		
2	Lượng hóa chất phun chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	phủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: <i>70-80</i>			(m ³ /ngày đêm)	
<i>Chú ý:</i> Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <i>Nguyễn Văn Khoa</i>				



ĐƠN QUẢN L29D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		9/3/2025			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú		
1	Tủ điện	Đã			
2	Hệ thống máy bơm	Đã			
3	Hệ thống máy thổi khí	Đã			
4	Hệ thống van, đường ống	Đã			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC		Ghi chú	
1	Mức nước trong bể	Đã			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5			
II		Clorua			
3	Mức nước trong bể	Đã			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5			
III. Lưu lượng xả thải					
Lưu ý:		8.0 m ³ /h		3 (m ³ /ngày đêm)	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Văn A</u>					

I. Hệ thống		10/3/2025			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú		
1	Tủ điện	Đã			
2	Hệ thống máy bơm	Đã			
3	Hệ thống máy thổi khí	Đã			
4	Hệ thống van, đường ống	Đã			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC		Ghi chú	
1	Mức nước trong bể	Đã			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5			
II		Clorua			
3	Mức nước trong bể	Đã			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5			
III. Lưu lượng xả thải					
Lưu ý:		8.0 m ³ /h		3 (m ³ /ngày đêm)	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Văn B</u>					



ĐAN QLTN 179D TRƯỜNG BÌNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		08/3/2025			
		Trình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	BT			
2	Hệ thống máy bơm	BT			
3	Hệ thống máy thổi khí	BT			
4	Thiết bị thổi vữa, đường ống	BT			
5	Khác				
II. Hóa chất					
		PAC		Ghi chú	
I	Mức nước trong bồn	BT			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5			
II		Chlorine			
3	Mức nước trong bồn	BT			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5			
III. Lưu lượng xả thải: 80 m ³ (m ³ /ngày đêm)					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): BT Hoàng Phát					

I. Hệ thống		08/3/2025			
		Trình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	BT			
2	Hệ thống máy bơm	BT			
3	Hệ thống máy thổi khí	BT			
4	Thiết bị thổi vữa, đường ống	BT			
5	Khác				
II. Hóa chất					
		PAC		Ghi chú	
I	Mức nước trong bồn	BT			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4			
II		Chlorine			
3	Mức nước trong bồn	BT			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5			
III. Lưu lượng xả thải: 80 m ³ (m ³ /ngày đêm)					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): BT Hoàng Phát					



BAN QLTN (29) TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		15/3/2025			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục		Ghi chú	
1	Tủ điện	BT			
2	Hệ thống máy bơm	BT			
3	Hệ thống máy thổi khí	BT			
4	Hệ thống van, đường ống	BT			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC		Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn	BT			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5			
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn	BT			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5			
III. Lưu lượng xả thải: (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: (Chữ ký)					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Nguyễn					

I. Hệ thống		14/03			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục		Ghi chú	
1	Tủ điện	BT			
2	Hệ thống máy bơm	BT			
3	Hệ thống máy thổi khí	BT			
4	Hệ thống van, đường ống	BT			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC		Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn	BT			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5			
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn	BT			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5			
III. Lưu lượng xả thải: (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: (Chữ ký)					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Nguyễn Thị Ngọc					

BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TSC6

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5	
II		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	OK	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5	

III. Lưu lượng xả thải:		(m ³ /ngày đêm)
Lưu lượng		11,1
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		Nguyễn Văn Dũng

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5	
II		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	OK	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5	

III. Lưu lượng xả thải:		(m ³ /ngày đêm)
Lưu lượng		11,1
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		Nguyễn Văn Dũng



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐÌNH
NHẬT KÝ VÀN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

L. Hệ thống 17/12/2023			
	Tình trạng	Hiện pháp khác phục	Ghi chú
1	Đủ điện áp	Đủ	
2	Hệ thống máy bơm	Đủ	
3	Hệ thống máy thổi khí	Đủ	
4	Hệ thống van, đường ống	Đủ	
5	Khác		
II. Hóa chất			
		PAC	Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	
III. Lưu lượng xả thải:			(m3/ngày đêm)
Lưu ý:			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Văn A</u>			

K. Hệ thống 18/12/2023			
	Tình trạng	Hiện pháp khác phục	Ghi chú
1	Đủ điện	Đủ	
2	Hệ thống máy bơm	Đủ	
3	Hệ thống máy thổi khí	Đủ	
4	Hệ thống van, đường ống	Đủ	
5	Khác		
II. Hóa chất			
		PAC	Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	Đủ	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	
III. Lưu lượng xả thải:			(m3/ngày đêm)
Lưu ý:			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Văn B</u>			



BẢN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tính trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I		PAC		Ghi chú
1	Nước nước trong bồn	P.H		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II		Clorine		
3	Nước nước trong bồn	P.H		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 1,5 (m ³ /ngày đêm)				
Lưu ý: Hệ thống vận hành bình thường.				
Người thực hiện (bộ và ghi rõ họ tên): T. Long				

I. Hệ thống		Tính trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			
III. Hóa chất				
I		PAC		Ghi chú
1	Nước nước trong bồn	P.H		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II		Clorine		
3	Nước nước trong bồn	P.H		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
IV. Lưu lượng xả thải: 1,5 (m ³ /ngày đêm)				
Lưu ý: Hệ thống vận hành bình thường.				
Người thực hiện (bộ và ghi rõ họ tên): Nguyễn Văn Đạt				



DAN QLTN 129D/TRUONG DINH
NHAT KY VAN HANH HE THONG XU LY NUOC THAI

I. Hệ thống		29/13	
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT	
2	Hệ thống máy bơm	BT	
3	Hệ thống máy thổi khí	BT	
4	Hệ thống van, đường ống	BT	
5	Khác		
II. Hóa chất			
PAC			
I	Mức nước trong bồn	BT	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5	
Clorine			
3	Mức nước trong bồn	BT	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5	
III. Lưu lượng xả thải: 8,2 (m3/ngày đêm)			
Lưu ý: 6.1. V			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Trần Văn</u>			

I. Hệ thống			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT	
2	Hệ thống máy bơm	BT	
3	Hệ thống máy thổi khí	BT	
4	Hệ thống van, đường ống	BT	
5	Khác		
II. Hóa chất			
PAC			
I	Mức nước trong bồn	BT	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5	
Clorine			
3	Mức nước trong bồn	BT	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5	
III. Lưu lượng xả thải: 8,2 (m3/ngày đêm)			
Lưu ý: 6.1. V			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Trần Văn</u>			

BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TSC6

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>h</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>h</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>h</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>h</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	<i>h</i>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>h</i>	
II		Chlorine	
3	Mức nước trong bồn	<i>h</i>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>h</i>	

III. Lưu lượng xả thải:		(m ³ /ngày đêm)
Lưu ý:		

h

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Nguyễn Văn Sơn*

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>h</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>h</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>h</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>h</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	<i>h</i>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>h</i>	
II		Chlorine	
3	Mức nước trong bồn	<i>h</i>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>h</i>	

III. Lưu lượng xả thải:		(m ³ /ngày đêm)
Lưu ý:		

h

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Nguyễn Văn Sơn*

Tوقيع

7SC6

BAN QUẢN LÝ TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VĂN HÀNH HỮU THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đã	
2	Hệ thống máy bơm	Đã	
3	Hệ thống máy thổi khí	Đã	
4	Hệ thống van, đường ống	Đã	
5	Khác		
II. Hóa chất			
I	PAC		Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	115	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đã	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	45	
III. Lưu lượng xả thải: <u>8.63</u> (m ³ /ngày đêm)			
Lưu ý: <u>Chạy bình thường</u>			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Văn Hùng</u>			

I. Hệ thống			
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đã	
2	Hệ thống máy bơm	Đã	
3	Hệ thống máy thổi khí	Đã	
4	Hệ thống van, đường ống	Đã	
5	Khác		
II. Hóa chất			
I	PAC		Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đã	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	115	
III. Lưu lượng xả thải: <u>8.63</u> (m ³ /ngày đêm)			
Lưu ý: <u>Chạy bình thường</u>			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Nguyễn Văn Hùng</u>			

TSC6

I. Hệ thống <u>274D</u>			
	Trạng trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<u>OK</u>	
2	Hệ thống máy bơm	<u>OK</u>	
3	Hệ thống máy thổi khí	<u>OK</u>	
4	Hệ thống van, đường ống	<u>OK</u>	
5	Khác		
II. Hóa chất			
		PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	<u>OK</u>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<u>45</u>	
III		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	<u>OK</u>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<u>45</u>	
III. Lưu lượng xả thải:		<u>11 m³/h</u>	(m ³ /ngày đêm)
<u>Ngày 26/3/2025</u> Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Dũng</u>			

I. Hệ thống <u>274D</u>			
	Trạng trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<u>OK</u>	
2	Hệ thống máy bơm	<u>OK</u>	
3	Hệ thống máy thổi khí	<u>OK</u>	
4	Hệ thống van, đường ống	<u>OK</u>	
5	Khác		
II. Hóa chất			
		PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	<u>OK</u>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<u>45</u>	
III		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	<u>OK</u>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<u>45</u>	
III. Lưu lượng xả thải:		<u>11 m³/h</u>	(m ³ /ngày đêm)
<u>Ngày 26/3/2025</u> Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Dũng</u>			



BAN QL/TN 129D TRƯỜNG BÌNH
NHẬT KỸ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

L. Hệ thống		9/9/8 1202.5	
	Tình trạng	Hiện pháp/khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK	
2	Hệ thống máy bơm	OK	
3	Hệ thống máy thổi khí	OK	
4	Hệ thống van, đường ống	OK	
5	Khác		
II. Hóa chất			
I		PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1.5	
II		Chlorine	
3	Mức nước trong bồn	OK	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.5	
III. Lưu lượng xả thải: 95 m ³ /s (m ³ /ngày đêm)			
Lưu ý:			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Nguyễn Quang phan			

K. Hệ thống		9/9/3	
	Tình trạng	Hiện pháp/khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK	
2	Hệ thống máy bơm	OK	
3	Hệ thống máy thổi khí	OK	
4	Hệ thống van, đường ống	OK	
5	Khác		
II. Hóa chất			
I		PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1.5	
II		Chlorine	
3	Mức nước trong bồn	OK	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.5	
III. Lưu lượng xả thải: 95 m ³ /s (m ³ /ngày đêm)			
Lưu ý:			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Nguyễn			



BAN QL/TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		30/13			
			Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		BA		
2	Hệ thống máy bơm		BA		
3	Hệ thống máy thổi khí		BA		
4	Hệ thống van, đường ống		BA		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		BA		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		45		
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn		BA		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		45		
III. Lưu lượng xả thải: 120 (m3/ngày đêm)					
Lưu ý: 1. Các chất thải phải được xử lý đúng quy định.					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. T. T.					

I. Hệ thống		30/13			
			Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		BA		
2	Hệ thống máy bơm		BA		
3	Hệ thống máy thổi khí		BA		
4	Hệ thống van, đường ống		BA		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		BA		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		45		
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn		BA		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		45		
III. Lưu lượng xả thải: 120 (m3/ngày đêm)					
Lưu ý: 1. Các chất thải phải được xử lý đúng quy định.					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): S. T. T.					



BAN QL TN L&D TRƯỜNG BỊNHE
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

L. Hệ thống		9/4/2023			
	Tình trạng	Bình thường	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	OK			
2	Hệ thống máy bơm	OK			
3	Hệ thống máy thổi khí	OK			
4	Hệ thống van, đường ống	OK			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC				Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK			
2	Lượng hóa chất phù chế (kg)	1			
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn	OK			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5			
III. Lưu lượng xả thải: 75 m ³ (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: 2.3.1.3					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Tiến Dũng</u>					

I. Hệ thống		9/4/2023			
	Tình trạng	Bình thường	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	OK			
2	Hệ thống máy bơm	OK			
3	Hệ thống máy thổi khí	OK			
4	Hệ thống van, đường ống	OK			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC				Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	OK			
2	Lượng hóa chất phù chế (kg)	1,5			
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn	OK			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	4,5			
III. Lưu lượng xả thải: 75 m ³ (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: 2.3.1.3					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Văn Tiến Dũng</u>					

TSC6

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>Đ</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>Đ</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>Đ</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>Đ</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất		TAC	Chỉ số
I	Mức nước trong bồn	<i>50%</i>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>4,5</i>	
II	Chlorine		
3	Mức nước trung bồn	<i>Đ</i>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>4,5</i>	

III. Lưu lượng xả thải: *SA 1000* (m³/ngày đêm)

Đ. C. F. V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Đ. C. F. V.*

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>Đ</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>Đ</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>Đ</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>Đ</i>		
5	Khác			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	<i>Đ</i>	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	<i>4,5</i>	
II	Chlorine		
3	Mức nước trong bồn	<i>Đ</i>	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	<i>4,5</i>	

III. Lưu lượng xả thải: *SA 1000* (m³/ngày đêm)

Đ. C. F. V.

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Đ. C. F. V.*



BAN QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐÌNH
NHẬT KÝ HÀNH HẠNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		C/4		
	Tên thiết bị	Thước lượng	Hiện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Hệ thống máy bơm	8.1		
2	Hệ thống máy thổi khí	8.2		
3	Hệ thống van, đường ống	8.3		
4	Khác	8.4		
II. Hóa chất				
I		PAC		Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	8.5		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	8.6		
II		Clorine		
3	Mức nước trong bồn	8.7		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	8.8		
III. Lưu lượng xả thải: 8.9 (m3/ngày đêm)				
Lưu ý: 8.10				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): 8.11				

I. Hệ thống		C/4		
	Tên thiết bị	Thước lượng	Hiện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Hệ thống máy bơm	8.1		
2	Hệ thống máy thổi khí	8.2		
3	Hệ thống van, đường ống	8.3		
4	Khác	8.4		
II. Hóa chất				
I		PAC		Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	8.5		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	8.6		
II		Clorine		
3	Mức nước trong bồn	8.7		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	8.8		
III. Lưu lượng xả thải: 8.9 (m3/ngày đêm)				
Lưu ý: 8.10				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): 8.11				



BAN QL.TN 1290 TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

L. Hệ thống				10/11	
	Tình trạng	Diện tích khác phục	Ghi chú		
1	Tủ điện	BT			
2	Hệ thống máy bơm	BT			
3	Hệ thống máy thổi khí	BT			
4	Hệ thống van, đường ống	BT			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC		Ghi chú		
1	Mức nước trong bể	BT			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5			
II	Clorine				
3	Mức nước trong bể	BT			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1			
III. Lưu lượng xả thải:				(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				Nguyễn Văn A	

I. Hệ thống				9/6/11	
	Tình trạng	Diện tích khác phục	Ghi chú		
1	Tủ điện	BT			
2	Hệ thống máy bơm	BT			
3	Hệ thống máy thổi khí	BT			
4	Hệ thống van, đường ống	BT			
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC		Ghi chú		
1	Mức nước trong bể	BT			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5			
II	Clorine				
3	Mức nước trong bể	BT			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1			
III. Lưu lượng xả thải				(m3/ngày đêm)	
Lưu ý					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				BT/2011	



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			
II. Hóa chất		PAC		Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	OK		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	115		
II		Clorine		
3	Mức nước trong bồn	OK		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xử thải:		8.0	(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:		S.C.T. N		
		Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		

L. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	OK		
2	Hệ thống máy bơm	OK		
3	Hệ thống máy thổi khí	OK		
4	Hệ thống van, đường ống	OK		
5	Khác			
II. Hóa chất		PAC		Ghi chú
I	Mức nước trong bồn	OK		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	115		
II		Clorine		
3	Mức nước trong bồn	OK		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1		
III. Lưu lượng xử thải:		8.0	(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:		S.C.T. N		
		Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):		



BAN QL TN L29D TRUONG DINH
NHAT KY VAN HANH HE THONG XU LY NUOC THAI

I. Hệ thống		14/04/23			
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	OK			
2	Hệ thống máy bơm	OK			
3	Hệ thống máy thổi khí	OK			
4	Hệ thống van, đường ống	OK			
5	Khác				
II. Hóa chất					
1	PAC			Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn	OK			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4.5			
II		Chlorine			
3	Mức nước trong bồn	OK			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.5			
III. Lưu lượng xả thải: 0.05 m ³ /h (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: 5.5.8.11					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Phạm Văn Bình</u>					

I. Hệ thống		15/04/23			
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	OK			
2	Hệ thống máy bơm	OK			
3	Hệ thống máy thổi khí	OK			
4	Hệ thống van, đường ống	OK			
5	Khác				
II. Hóa chất					
1	PAC			Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn	OK			
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4.5			
II		Chlorine			
3	Mức nước trong bồn	OK			
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1.5			
III. Lưu lượng xả thải: 0.05 m ³ /h (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: 5.5.8.11					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Phạm Văn Bình</u>					



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐÌNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		17/11/2025	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		B.T		
2	Hệ thống r-áy bơm		B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí		B.T		
4	Hệ thống van, đường ống		B.T		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC		Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn		B.T		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		B.T		
II		Clorine		Ghi chú	
3	Mức nước trong bồn		B.T		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		B.T		
III. Lưu lượng xử thải: 89 lít/s (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: <i>(Chữ ký)</i>					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ, tên): <i>Đỗ Văn Cường</i>					

I. Hệ thống		17/11	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		B.T		
2	Hệ thống máy bơm		B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí		B.T		
4	Hệ thống van, đường ống		B.T		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC		Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn		B.T		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		B.T		
II		Clorine		Ghi chú	
3	Mức nước trong bồn		B.T		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		B.T		
III. Lưu lượng xử thải: 89 lít/s (m ³ /ngày đêm)					
Lưu ý: <i>(Chữ ký)</i>					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ, tên): <i>Đỗ Văn Cường</i>					



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Hạt 1815			
	Tu điện	Tình trạng	Điện pháp khác phụ	Ghi chú	
1	Hệ thống máy bơm	OK			
2	Hệ thống máy thổi khí	OK			
3	Hệ thống van, đường ống	OK			
4	Khác				
II. Hóa chất					
PAC					
1	Mức nước trong bồn			Ghi chú	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	OK			
Clorine					
3	Mức nước trong bồn				
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	OK			
III. Lưu lượng xả thải: 8.0 (m3/ngày đêm)					
Lưu ý: (Chữ ký)					
Người thực hiện (tên và ghi rõ họ tên): Nguyễn Văn					

I. Hệ thống		Hạt 1815			
	Tu điện	Tình trạng	Điện pháp khác phụ	Ghi chú	
1	Hệ thống máy bơm	OK			
2	Hệ thống máy thổi khí	OK			
3	Hệ thống van, đường ống	OK			
4	Khác				
II. Hóa chất					
PAC					
1	Mức nước trong bồn			Ghi chú	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	OK			
Clorine					
3	Mức nước trong bồn				
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	OK			
III. Lưu lượng xả thải: 8.0 (m3/ngày đêm)					
Lưu ý: (Chữ ký)					
Người thực hiện (tên và ghi rõ họ tên): Nguyễn Văn					



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 20/10/24				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	2

II		
Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
10 m3	

Lưu ý: 80 KW

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Ngọc Phụng

I. Hệ thống 01/04/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5

II		
Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
122 m3	

Lưu ý: 92 KW

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Công Phụng



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đu?
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II		Clorine
3	Mức nước trong bồn	Đu?
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: 89 m³ (m³/ngày đêm)

Lưu ý:

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Quang phước

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống van, đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đu?
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II		Clorine
3	Mức nước trong bồn	Đu?
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải: 87 (m³/ngày đêm)

Lưu ý:

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tùng



BAN QLTN 129D TRƯỜNG BÌNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		2414		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải:		12	(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
20.1.2024				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				
Tùng				

I. Hệ thống		25104		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	2		
III. Lưu lượng xả thải:		20 m3	(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
22.1.2024				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				
Đỗ Văn Ngọc				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 26/04				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BT
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	BT
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
82 m3	
Lưu ý: 1-2 t m	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bui Ngoc Duy	

I. Hệ thống 27/04 125				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BT
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	BT
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
99 m3	
Lưu ý: 70 t m	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Ho Quang phat	

BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BV		
2	Hệ thống máy bơm	BV		
3	Hệ thống máy thổi khí	BV		
4	Hệ thống van, đường ống	BV		
5	Khác			

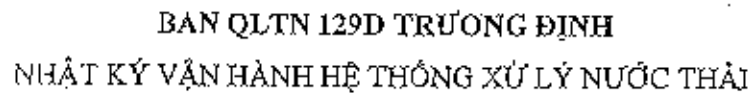
II. Hóa chất			Ghi chú
I		PAC	
1	Mức nước trong bồn	Đm?	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II		Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đm?	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
Lưu ý: 5.5 m ³	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Đỗ Quang Phú</u>	

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đủ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
.....	
Lưu ý:	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):	



I. Hệ thống				
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	BK		
2	Hệ thống máy bơm	BK		
3	Hệ thống máy thổi khí	BK		
4	Hệ thống van, đường ống	BK		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	BK
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	4,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	BK
4	Lượng hòa chất sử dụng (kg)	4,5

III. Lưu lượng nước thải:	(m ³ /ngày đêm)
680 m ³	
Lưu ý: <i>Số liệu này được ghi nhận từ hồ sơ vận hành của nhà máy.</i>	
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <i>[Chữ ký]</i> Tên: Nguyễn Văn A	



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 02/05/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đi?		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đi		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 70m ³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 418 K.V				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): B. Nguyễn Đức				

I. Hệ thống 3/05/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đi?		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đi?		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 72m ³			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 50 K.V				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): B. Hoàng Phú				



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 09/05/2023				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức trong bồn	Đủ		
2	Lượng chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức trong bồn	Đủ		
4	Lượng chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng thải:		73 m ³	(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:				
53 tu				
nhi thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Hồ Quang phú				

I. Hệ thống 5/5/25				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức trong bồn	Đủ		
2	Lượng chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức trong bồn	Đủ		
4	Lượng chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng thải:		80	(m ³ /ngày đêm)	
Lưu ý:				
60 tu				
nhi thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tùng				



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		6/5	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		OK		
2	Hệ thống máy bơm		OK		
3	Hệ thống máy thổi khí		OK		
4	Hệ thống van, đường ống		OK		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		Đủ		
2	Lượng chất pha chế (kg)		1,5		
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn		Đủ		
4	Lượng chất sử dụng (kg)		1,5		
III. Lưu lượng		Đã: 92		(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 70 t.u					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): T. T. T.					

I. Hệ thống		0/5	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		OK		
2	Hệ thống máy bơm		OK		
3	Hệ thống máy thổi khí		OK		
4	Hệ thống van, đường ống		OK		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I		PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		Đủ		
2	Lượng chất pha chế (kg)		1,5		
II		Clorine			
3	Mức nước trong bồn		Đủ		
4	Lượng chất sử dụng (kg)		2		
III. Lưu lượng		Đã: 10 m ³		(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: 10 t.u					
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): B. S. T.					



BAN QLTN 129Đ TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>OK</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>OK</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>OK</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>OK</i>		
5	Kiểm			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
1	Loại	<i>OK</i>	
2	Lượng chất pha chế (kg)	<i>1.5</i>	
II		Clorine	
3	Loại	<i>OK</i>	
4	Lượng sử dụng (kg)	<i>2</i>	

III. Lưu lượng	(m3/ngày đêm)
<i>2.5</i>	

Lưu ý: *7.5 x 10*

Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Nguyễn Văn*

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	<i>OK</i>		
2	Hệ thống máy bơm	<i>OK</i>		
3	Hệ thống máy thổi khí	<i>OK</i>		
4	Hệ thống van, đường ống	<i>OK</i>		
5	Kiểm			

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
1	Loại	<i>OK</i>	
2	Lượng chất pha chế (kg)	<i>1.5</i>	
II		Clorine	
3	Loại	<i>OK</i>	
4	Lượng sử dụng (kg)	<i>2</i>	

III. Lưu lượng	(m3/ngày đêm)
<i>2.5</i>	

Lưu ý: *7.0 x 10*

Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): *Nguyễn Văn*

BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống: 10/5/2023

	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	BT		
2	BT		
3	BT		
4	BT		
5			

II. Hóa chất:

I	PAC	Ghi chú
1	Đu	
2	1,5	
II	Clorine	
3	Đu	
4	1,5	

III. Lưu lượng: 89 m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 60 k m

Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Quang phúc

I. Hệ thống: 11/5/2023

	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	BT		
2	BT		
3	BT		
4	BT		
5			

II. Hóa chất:

I	PAC	Ghi chú
1	Đu	
2	1,5	
II	Clorine	
3	Đu	
4	1,5	

III. Lưu lượng: 92 m³ (m3/ngày đêm)

Lưu ý: 60 k m

Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tung

100

BAN QL TN 129D TRƯỞNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		12/15		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	à đi	BT		
2	ệ th	BT		
3	ệ th	BT		
4	ệ th	BT		
5	hác			

II. Hóa chất		PAC		
I				Ghi chú
1	ng bồn	Đủ		
2	pha chế (kg)	1,5		
II		Clorine		
3	ng bồn	Đủ		
4	ất sử dụng (kg)	1,5		

III. Lưu lượng		96	
Lưu ý:			(m3/ngày đêm)
70.5W			
Thực hiện (kí và ghi rõ họ tên): Tùng			

I. Hệ thống		13/15		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	à đi	BT		
2	ệ th	BT		
3	ệ th	BT		
4	ệ th	BT		
5	hác			

II. Hóa chất		PAC		
I				Ghi chú
1	ng bồn	Đủ		
2	pha chế (kg)	1,5		
II		Clorine		
3	ng bồn	Đủ		
4	ất sử dụng (kg)	2		

III. Lưu lượng		96	
Lưu ý:			(m3/ngày đêm)
60.5W			
Thực hiện (kí và ghi rõ họ tên): Bùi Ngọc Dũng			

BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		14/05	
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục
1		BT	
2	bơm	BT	
3	thổi khí	BT	
4	đường ống	BT	
5	hệ		

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I			
1	lượng bơm	BT	
2	lượng pha chế (kg)	1,5	
II		Clorine	
3	lượng bơm	BT	
4	lượng sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng	9,5 m ³	(m3/ngày đêm)
Lưu lượng	7,2 m ³	
Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Trần Ngọc Dũng</u>		

I. Hệ thống		15/05	
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục
1		BT	
2	bơm	BT	
3	thổi khí	BT	
4	đường ống	BT	
5	hệ		

II. Hóa chất		PAC	Ghi chú
I			
1	lượng bơm	BT	
2	lượng pha chế (kg)	1,5	
II		Clorine	
3	lượng bơm	BT	
4	lượng sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng	9,5	(m3/ngày đêm)
Lưu lượng	7,5 m ³	
Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Trần Ngọc Dũng</u>		



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		16/5		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Điện	BT		
2	Hệ thống bơm	BT		
3	Hệ thống thổi khí	BT		
4	Hệ thống sục ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I		PAC		Ghi chú
1	Lượng nước	hỗn	BT	
2	Lượng	phủ chế (kg)	1,5	
II		Clorine		
3	Lượng nước	hỗn	BT	
4	Lượng	sử dụng (kg)	1,5	
III. Lưu lượng		98	(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
TSCC				
Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				
TSCC				

I. Hệ thống		17/5		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Điện	BT		
2	Hệ thống bơm	BT		
3	Hệ thống thổi khí	BT		
4	Hệ thống sục ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I		PAC		Ghi chú
1	Lượng nước	hỗn	BT	
2	Lượng	phủ chế (kg)	1,5	
II		Clorine		
3	Lượng nước	hỗn	BT	
4	Lượng	sử dụng (kg)	1,5	
III. Lưu lượng		96	(m3/ngày đêm)	
Lưu ý:				
TSCC				
Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				
TSCC				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	2

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
90 m ³	

Lưu ý:

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bà Nguyễn Diệp

I. Hệ thống		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5
II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đ
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
91 m ³	

Lưu ý:

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bà Nguyễn Diệp



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5

II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đã
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
95 m3	

Lưu ý: 7.5 m3

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Đỗ Quang Phát

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất		
I	PAC	Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5

II	Clorine	
3	Mức nước trong bồn	Đã
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5

III. Lưu lượng xả thải:	(m3/ngày đêm)
100	

Lưu ý: 8.0 m3

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tường



BAN QL TN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 9/15				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BA		
2	Hệ thống máy bơm	BA		
3	Hệ thống máy thổi khí	BA		
4	Hệ thống van, đường ống	BA		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đã		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đã		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 9,6			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: SC KW				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): TLVPG				

I. Hệ thống 25/05				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	Đ		
2	Hệ thống máy bơm	Đ		
3	Hệ thống máy thổi khí	Đ		
4	Hệ thống van, đường ống	Đ		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 9,2			(m3/ngày đêm)	
Lưu ý: SC KW				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Bền Ngợi Dũng				



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		26/05	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		K		
2	Hệ thống máy bơm		K		
3	Hệ thống máy thổi khí		K		
4	Hệ thống van, đường ống		K		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC				Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		Đ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		4,5		
II	Clorine				
3	Mức nước trong bồn		Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		4,5		
III. Lưu lượng		(m3/ngày đêm)			
Lưu ý:		23 m ³			
		25 t.u.			
		Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):			
		Luu Ngoc Duong			

I. Hệ thống		27/05/2025	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện		B.T		
2	Hệ thống máy bơm		B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí		B.T		
4	Hệ thống van, đường ống		B.T		
5	Khác				
II. Hóa chất					
I	PAC				Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		Đ	4,5	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)				
II	Clorine				
3	Mức nước trong bồn		Đ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,3		
III. Lưu lượng		(m3/ngày đêm)			
Lưu ý:		93 m ³			
		72 t.u.			
		Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):			
		Huỳnh Quang phước			



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 28/5/2023				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 94 m3		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý: 7.5 kw				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Ông Đỗ Quang phá				

I. Hệ thống 29/5				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn	Đủ		
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn	Đủ		
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng xả thải: 94		(m3/ngày đêm)		
Lưu ý: 7.5 kw				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tiến				



I. Hệ thống		3015	
Tình trạng		Biến pháp khác phục	
Tủ điện		85	
Hệ thống máy bơm		85	
Hệ thống máy thổi khí		85	
Hệ thống van, đường ống		85	
Khác			
II. Hóa chất			
PAC		Ghi chú	
I	Mức nước trong bồn	85	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
Chlorine			
3	Mức nước trong bồn	85	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	
III. Lưu lượng xả thải:		90	
(m3/ngày đêm)			
Lưu ý:			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tung			

I. Hệ thống		315/2025	
Tình trạng		Biến pháp khác phục	
Tủ điện		85	
Hệ thống máy bơm		85	
Hệ thống máy thổi khí		85	
Hệ thống van, đường ống		85	
Khác			
II. Hóa chất			
PAC		Ghi chú	
I	Mức nước trong bồn	85	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
Chlorine			
3	Mức nước trong bồn	85	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	
III. Lưu lượng xả thải:		90	
(m3/ngày đêm)			
Lưu ý:			
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): Tung			



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống 11/06/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		B ₂	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1/5	
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn		B ₂	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1/5	
III. Lưu lượng xả thải:		98 m ³ (m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
.....				
.....				
.....				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				
Dương				

I. Hệ thống 22/6/2025				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		B ₂	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1/5	
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn		B ₂	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1/5	
III. Lưu lượng xả thải:		106 m ³ (m3/ngày đêm)		
Lưu ý:				
.....				
.....				
.....				
Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên):				
Đỗ Văn Dương				

BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống				
	Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú	
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống van, đường ống	BT		
5	Khác			

II. Hóa chất			
I	PAC	Ghi chú	
1	Mức nước trong bồn	Dư	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)	1,5	
II	Clorine		
3	Mức nước trong bồn	Dư	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)	1,5	

III. Lưu lượng xả thải: 93 m³ (m³/ngày đêm)

Lưu ý:

SCTH

Người thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): D. Đào Quang P.

I. Hệ thống				
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	B.T		
2	Hệ thống máy bơm	B.T		
3	Hệ thống máy thổi khí	B.T		
4	Hệ thống an. đường ống	B.T		
5	Khác			

II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nước trong bồn		B.T	
2	Lượng hóa chất pha chế (kg)		1,5	
II	Clorine			
3	Mức nước trong bồn		B.T	
4	Lượng hóa chất sử dụng (kg)		1,5	

III. Lưu lượng		
	Đi: 40.4	(m3/ngày đêm)
Lưu ý: 5.5 t/h		
Thực hiện (kí và ghi rõ họ tên): T. T. T.		



BAN QLTN 129D TRƯỜNG ĐỊNH
NHẬT KÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Hệ thống		5/6/12.5		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nồng độ trong bồn	BT		
2	Lượng chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nồng độ trong bồn	BT		
4	Lượng chất sử dụng (kg)	1,5		
III. Lưu lượng		10.2 (m3/ngày đêm)		
Lưu ý:		92.6 m		
		Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Tường</u>		

I. Hệ thống		06/06/2025		
		Tình trạng	Biện pháp khắc phục	Ghi chú
1	Tủ điện	BT		
2	Hệ thống máy bơm	BT		
3	Hệ thống máy thổi khí	BT		
4	Hệ thống đường ống	BT		
5	Khác			
II. Hóa chất				
I	PAC			Ghi chú
1	Mức nồng độ trong bồn	BT		
2	Lượng chất pha chế (kg)	1,5		
II	Clorine			
3	Mức nồng độ trong bồn	BT		
4	Lượng chất sử dụng (kg)	2		
III. Lưu lượng		100 m3 (m3/ngày đêm)		
Lưu ý:		80.2 m		
		Thực hiện (ký và ghi rõ họ tên): <u>Bà Ngọc Dung</u>		

**PHỤ LỤC 4: BÁO CÁO CÔNG TÁC BVMT NĂM
2023, 2024**

Báo cáo công tác BVMT Chung cư 129D Trương Định 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NHÀ HÀ NỘI 22

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: C.50.1.2/CT22

Hà Nội, ngày 6 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **Chung cư 129D Trương Định.**
- Địa chỉ: Ngõ 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng.
- Quy mô: diện tích xây dựng 1.560,8 m², số lượng căn hộ 204 căn (12 căn/tầng), dân số 755 người, tầng cao công trình 21 tầng và 01 tầng hầm.
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên.
- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22.
- Mã số doanh nghiệp 0100106955 (đăng ký lần đầu: ngày 13/09/2005, thay đổi lần thứ 4: ngày 09/03/2015).
- Người đại diện: Ông Đào Trương Tuấn Chức vụ: Phó giám đốc
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất: Cơ sở là tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ công cộng, không có hoạt động sản xuất do đó không có sản phẩm hàng năm.
- Nhu cầu cung cấp nước cho hoạt động của tòa nhà: Tổng lượng nước tiêu thụ trung bình của tòa nhà: 2.954 m³/tháng tương đương 98,5 m³/ngày. Tổng lượng điện tiêu thụ trung bình của tòa nhà: 24.886 kWh/tháng tương đương 830 kWh/ngày

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

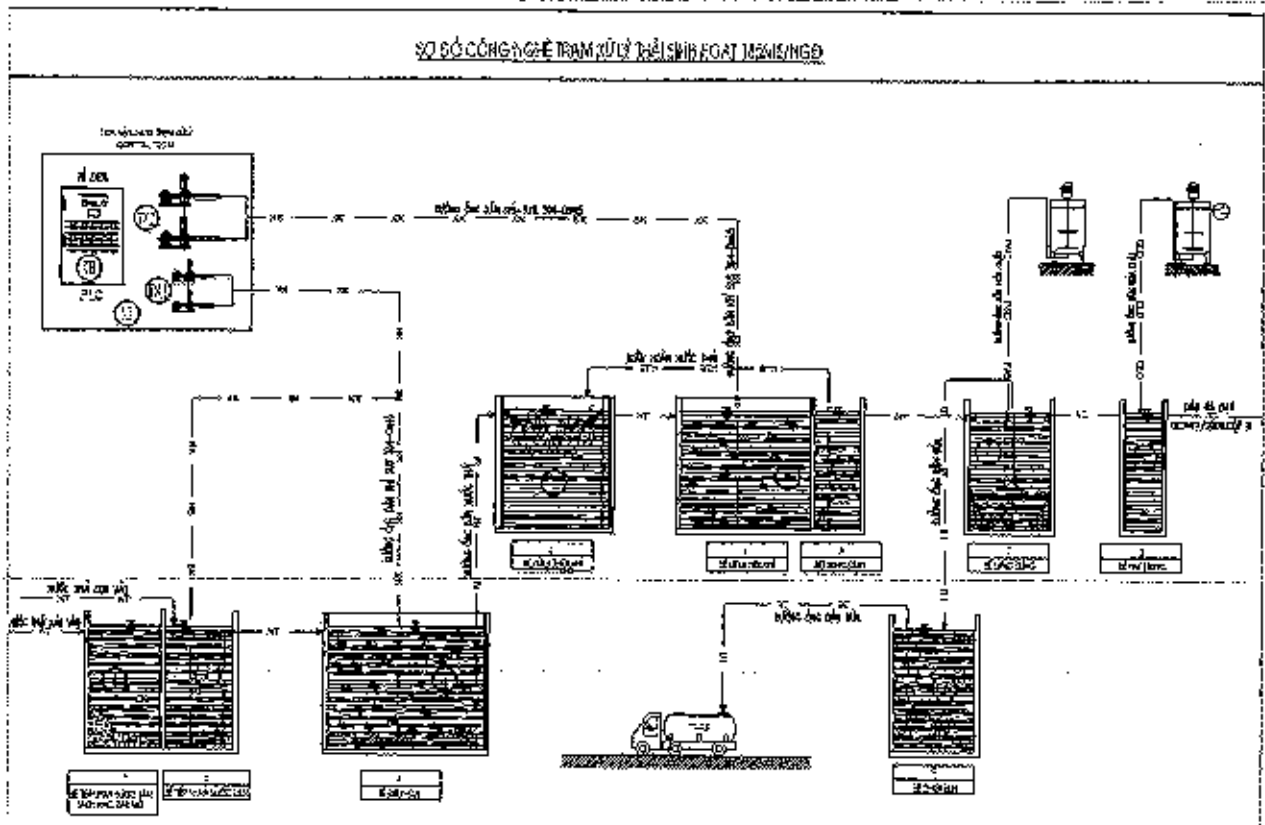
1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải, bao gồm cả các thay đổi so với kỳ báo cáo trước, nếu có

Nước sinh hoạt phục vụ chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt của CBNV (vệ sinh, rửa tay) và hoạt động nấu ăn. Nên nước thải phát sinh từ khu vệ sinh, bể rửa tay và nước thải nhà bếp. Trong quá trình hoạt động, chủ đầu tư sẽ lắp đặt hệ thống xử lý nước thải để cam kết đảm bảo nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành, hiện nay là QCVN 14:2008/BTNMT cột B, trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của phường. Chủ đầu tư xin đề xuất hệ thống công nghệ xử lý nước thải chung có công suất 185 m³/ngày đêm theo sơ đồ sau:

I. Công nghệ xử lý nước thải

Bản vẽ kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Tọa độ, địa giới hành chính vị trí xả nước thải:

- Tại số 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000):

$$X = 2\,322\,298; \quad Y = 588\,268$$

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 549 m³/ ngày đêm, trong đó:
 - + Lưu lượng nước thải sinh hoạt: 184 m³/ ngày đêm.
 - + Lưu lượng nước xả kiệt bể bơi: 365 m³/ ngày đêm.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

1.2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt. Theo quy định tại mục b, khoản 2, điều 97 và phụ lục XXVIII của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Và lưu lượng nước thải của cơ sở tối đa là 185m³/ngày (nhỏ hơn 500m³/ngày). Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.2.1.2. Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

Chung cư 129D Trương Định không phát sinh nước thải công nghiệp.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Chung cư 129D Trương Định không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải cần phải xử lý, vì vậy cơ sở không thực hiện báo cáo nội dung này.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

- Thống kê chất thải phát sinh:

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt

gồm các loại thức ăn thừa, vỏ trái cây, giấy vụn, vỏ bao bì... được phân loại thành chất thải hữu cơ và chất thải tái chế.

- **Thống kê CTRSH:**

Bảng 1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt năm 2022

STT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn)	Đơn vị tiếp nhận
1	Khối lượng rác thải sinh hoạt (14 tấn/tháng)	168	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hai Bà Trưng
Tổng cộng		168	

Đối với chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân và khu dịch vụ công cộng được thu gom, bảo quản và lưu trữ tạm thời tại khu lưu trữ đúng theo quy định. Công ty đã ký hợp đồng số HĐKL/03220105 ngày 31/12/2021 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hai Bà Trưng đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày, không để chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường.

Rác được phân loại tại nguồn sau đó được thu gom và tập trung tại kho chứa rác, sau đó vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- **Thống kê CTCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):** Năm 2022, Chung cư 129D Trương Định không phát sinh CTCNTT.

4. Về quản lý chất thải nguy hại

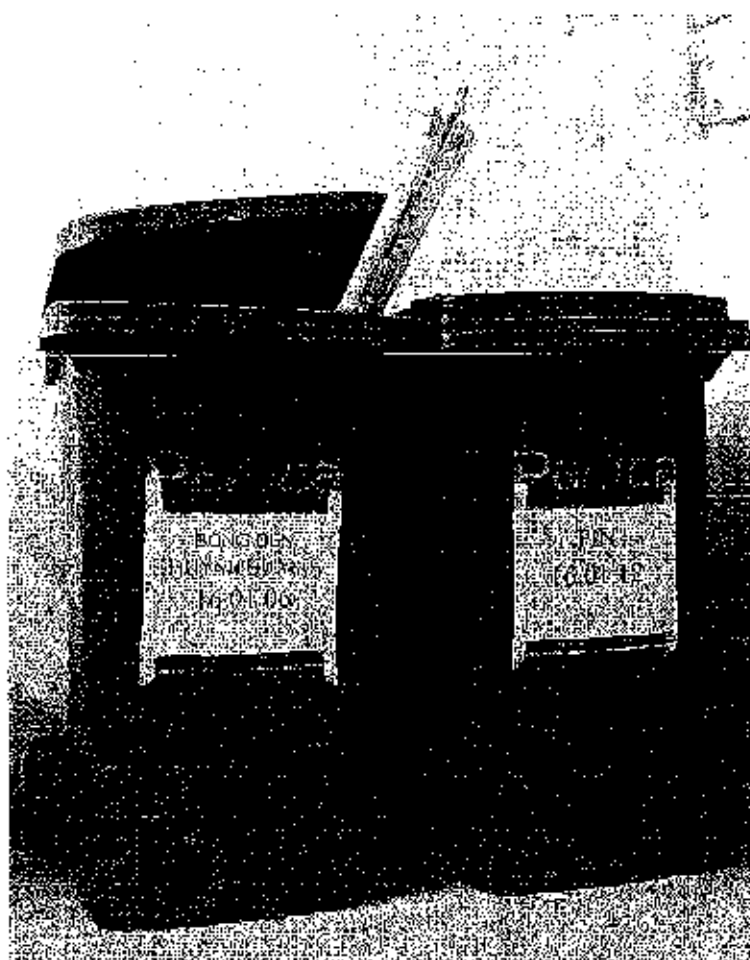
- **Thống kê CTNH**

Chất thải nguy hại như: bóng đèn huỳnh quang, pin đã qua sử dụng được thu gom, phân loại và lưu giữ theo quy định.

Công ty đã thiết kế khu vực lưu trữ, bảo quản chất thải bao gồm cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được phân loại và để riêng biệt theo Nghị định 08/2022/NĐ - CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Tuy nhiên lượng CTNH của chung cư là rất ít, bởi hệ thống chiếu sáng của chung cư chủ yếu là đèn LED, đèn huỳnh quang được sử dụng tại khu để xe tầng 1 và tầng lửng

với số lượng hạn chế, số đèn này cũng chưa đến niên hạn phải thay hay bị hỏng. Bên cạnh đó, chung cư bố trí các hộp thu gom pin thải bỏ của cư dân tại khu vực chung của toà nhà.



- *Thông kê các CTNH được xuất khẩu:* Cơ sở không phát sinh

- *Thông kê các CTNH được tái sử dụng, sơ chế, tái chế xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH:* Cơ sở không phát sinh

- *Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:* Chất thải nguy hại của Chung cư 129D Trương Định được thu gom, bảo quản và lưu trữ tạm thời tại khu lưu trữ đúng theo quy định. Công ty sẽ ký kết hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại khi đủ khối lượng phát sinh..

5. Về quản lý chất thải y tế:

Cơ sở không phát sinh chất thải y tế

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở

❖ Kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố về cháy nổ

- Thiết lập khoảng cách an toàn giữa kho chứa chất thải, chất dễ cháy với các công trình khác.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố cháy nổ

- Tổ chức bộ phận trực kỹ thuật 24/24 để kịp thời các sự cố nhanh nhất, từ đó có phương án xử lý kịp thời.

- Tuân huấn và đào tạo cho kỹ thuật và cán bộ công nhân viên làm việc tại toà nhà về công tác PCCC định kỳ hàng năm.

❖ Kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải đã được tính toán kỹ lưỡng với hệ số an toàn để tránh trường hợp rò rỉ, tràn hoặc vỡ bể xử lý.

- Chuẩn bị bơm, các thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hỏng.

- Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì công trình xử lý nước thải.

- Nhanh chóng khắc phục các sự cố trong thời gian sớm nhất, không để nước thải chưa qua xử lý ra nguồn tiếp nhận

b. Ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Từ khi xây dựng đến nay cơ sở không xảy ra sự cố về môi trường

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa ứng phó, khắc phục sự cố môi trường

a. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

- Tiến hành kiểm tra, giám sát các thiết bị, máy móc định kỳ để kịp thời phát hiện các bộ phận bị hỏng hóc để tiến hành duy tu, bảo dưỡng kịp thời tránh gây hậu quả về kinh tế và giảm thiểu ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Tuyên truyền, tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy theo quy định của Luật PCCC tránh hậu quả đáng tiếc xảy ra đối với tài sản của Công ty và sức khỏe của các cán bộ, công nhân viên của Công ty.

- Kiểm tra và bổ sung các chế phẩm vi sinh vào các bể xử lý nhằm tăng cường khả năng làm sạch nước thải của hệ thống xử lý

b. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động

- Tiếp tục tổ chức lao động tốt.

- Tăng cường phổ biến kiến thức về an toàn lao động tới từng thành viên trong cơ sở.

c. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho các cán bộ, công nhân viên đang làm việc tại chung cư, và xin ý kiến đóng góp của người dân để cải thiện.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát môi trường lao động tại các khu vực trong toà nhà nhằm kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân viên và khách hàng của đơn vị.

7. Về báo cáo quản lý các chất khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Cơ sở không phát sinh các chất khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Trong thời gian từ giai đoạn xây dựng đến nay, đơn vị luôn hoàn thành chấp hành tốt theo các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường và không có đợt thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

PHẦN 2. TÌNH HÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH, CTRCNTT, CTNH

Cơ sở không thuộc đối tượng chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH

PHẦN 3. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ PHẪ LIỆU NHẬP KHẨU

Cơ sở không thuộc đối tượng có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

PHẦN 4. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Cơ sở không thuộc đối tượng khai thác khoáng sản.

Nơi nhận:

- Sở TNMT Hà Nội
- UBND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu: VT

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Linh

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NHÀ HÀ NỘI 22**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2541.24/CT22

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **Chung cư 129D Trương Định.**

2. Địa chỉ

- Địa chỉ: Ngõ 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

3. Người đại diện

- Người đại diện: Ông Đào Trương Tuấn
- Chức vụ: Phó giám đốc

4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng.
- Quy mô: diện tích xây dựng 1.560,8 m², số lượng căn hộ 204 căn (12 căn/tầng), dân số 755 người, tầng cao công trình 21 tầng và 01 tầng hầm.
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên.

5 Giấy đăng ký kinh doanh

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22.
- Mã số doanh nghiệp 0100106955 (đăng ký lần đầu: ngày 13/09/2005, thay đổi lần thứ 4: ngày 09/03/2015).

0 0 0 0 0 0 0 0 0 *

8		00	0 0 0 0 0	000 00 000	00 00 0	0 0	0 00	0 0	0 0 0 0 0

•

[illegible]

•

•

* * * *

0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150	151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	167	168	169	170	171	172	173	174	175	176	177	178	179	180	181	182	183	184	185	186	187	188	189	190	191	192	193	194	195	196	197	198	199	200	201	202	203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215	216	217	218	219	220	221	222	223	224	225	226	227	228	229	230	231	232	233	234	235	236	237	238	239	240	241	242	243	244	245	246	247	248	249	250	251	252	253	254	255	256	257	258	259	260	261	262	263	264	265	266	267	268	269	270	271	272	273	274	275	276	277	278	279	280	281	282	283	284	285	286	287	288	289	290	291	292	293	294	295	296	297	298	299	300	301	302	303	304	305	306	307	308	309	310	311	312	313	314	315	316	317	318	319	320	321	322	323	324	325	326	327	328	329	330	331	332	333	334	335	336	337	338	339	340	341	342	343	344	345	346	347	348	349	350	351	352	353	354	355	356	357	358	359	360	361	362	363	364	365	366	367	368	369	370	371	372	373	374	375	376	377	378	379	380	381	382	383	384	385	386	387	388	389	390	391	392	393	394	395	396	397	398	399	400	401	402	403	404	405	406	407	408	409	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421	422	423	424	425	426	427	428	429	430	431	432	433	434	435	436	437	438	439	440	441	442	443	444	445	446	447	448	449	450	451	452	453	454	455	456	457	458	459	460	461	462	463	464	465	466	467	468	469	470	471	472	473	474	475	476	477	478	479	480	481	482	483	484	485	486	487	488	489	490	491	492	493	494	495	496	497	498	499	500	501	502	503	504	505	506	507	508	509	510	511	512	513	514	515	516	517	518	519	520	521	522	523	524	5

•

•

[illegible]

6. Giấy phép môi trường (Giấy phép môi trường thành phần đối với cơ sở chưa có giấy phép môi trường)

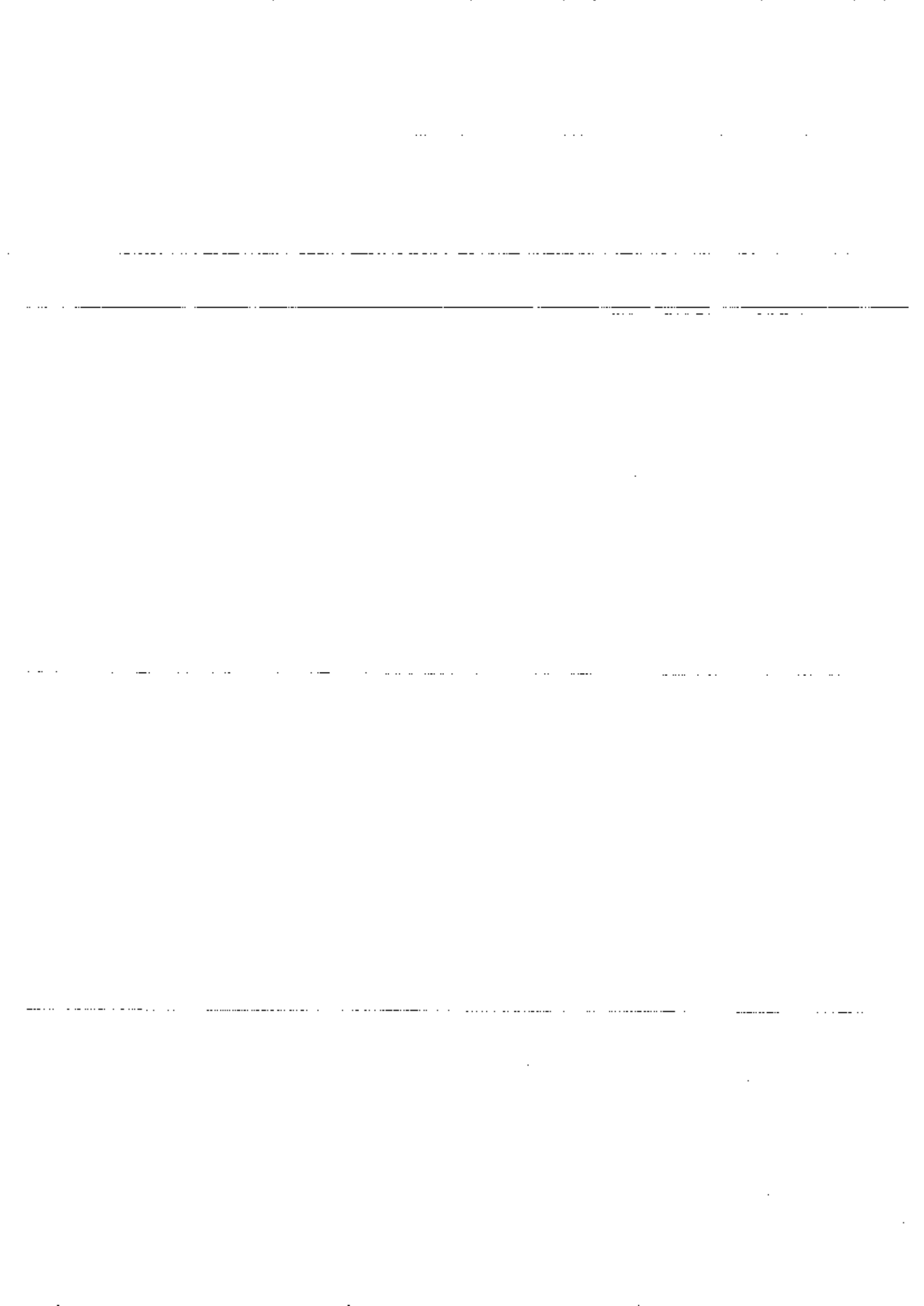
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND ngày 21/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội

7. Khối lượng sản phẩm

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất: Cơ sở là tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ công cộng, không có hoạt động sản xuất do đó không có sản phẩm hàng năm.

8. Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ

- Nhu cầu cung cấp nước cho hoạt động của tòa nhà: Tổng lượng nước tiêu thụ trung bình của tòa nhà: 2.868 m³/tháng tương đương 95,6 m³/ngày. Tổng lượng điện tiêu thụ trung bình của tòa nhà: 24.886 kWh/tháng tương đương 830 kWh/ngày



PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

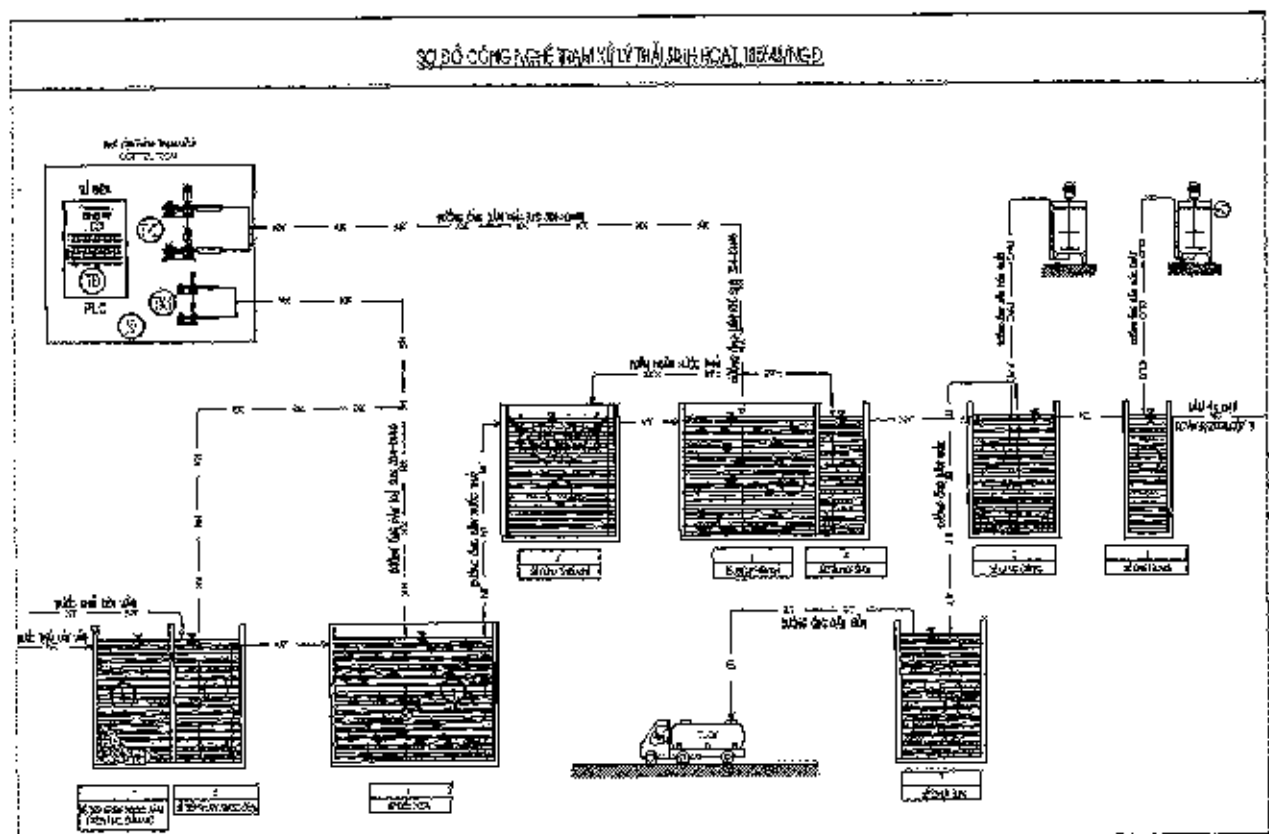
1.1. Xử lý nước thải

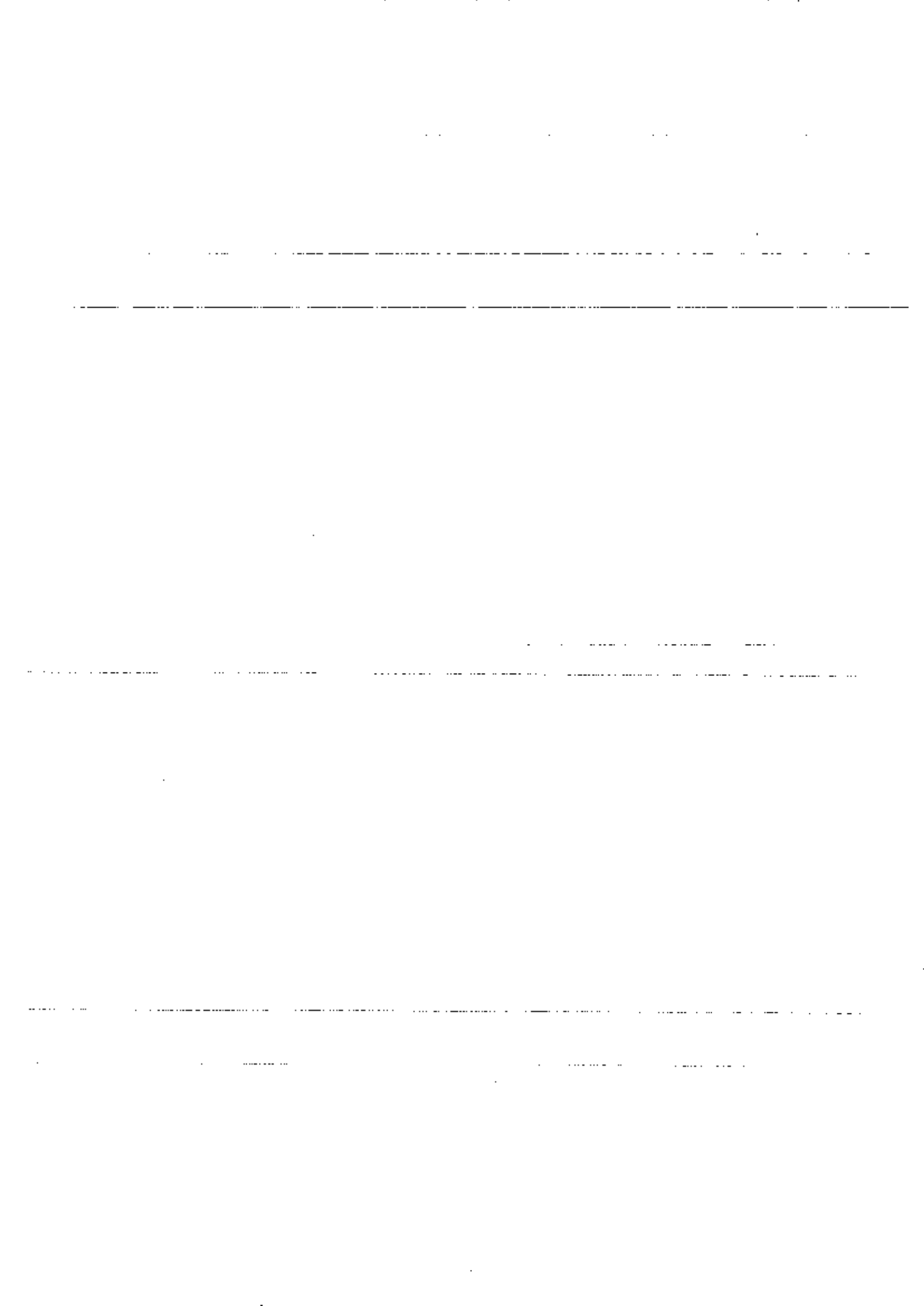
- Liệt kê các công trình xử lý nước thải, bao gồm cả các thay đổi so với kỳ báo cáo trước, nếu có

Nước sinh hoạt phục vụ chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt của CBNV (vệ sinh, rửa tay) và hoạt động nấu ăn. Nền nước thải phát sinh từ khu vệ sinh, bể rửa tay và nước thải nhà bếp. Trong quá trình hoạt động, chủ đầu tư sẽ lắp đặt hệ thống xử lý nước thải để cam kết đảm bảo nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành, hiện nay là QCVN 14:2008/BTNMT cột B, trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của phường. Chủ đầu tư xin đề xuất hệ thống công nghệ xử lý nước thải chung có công suất 185 m³/ngày đêm theo sơ đồ sau:

1. Công nghệ xử lý nước thải

Bản vẽ kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt





Toạ độ, địa giới hành chính vị trí xả nước thải:

- Tại số 129D Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN2000):

$$X = 2\,322\,298; \quad Y = 588\,268$$

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $549\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, trong đó:
 - + Lưu lượng nước thải sinh hoạt: $184\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
 - + Lưu lượng nước xả kiệt bể bơi: $365\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

1.2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt. Theo quy định tại mục b, khoản 2, điều 97 và phụ lục XXVIII của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Và lưu lượng nước thải của cơ sở tối đa là $185\text{ m}^3/\text{ngày}$ (nhỏ hơn $500\text{ m}^3/\text{ngày}$). Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.2.1.2. Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

Chung cư 129D Trương Định không phát sinh nước thải công nghiệp.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Chung cư 129D Trương Định không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động.

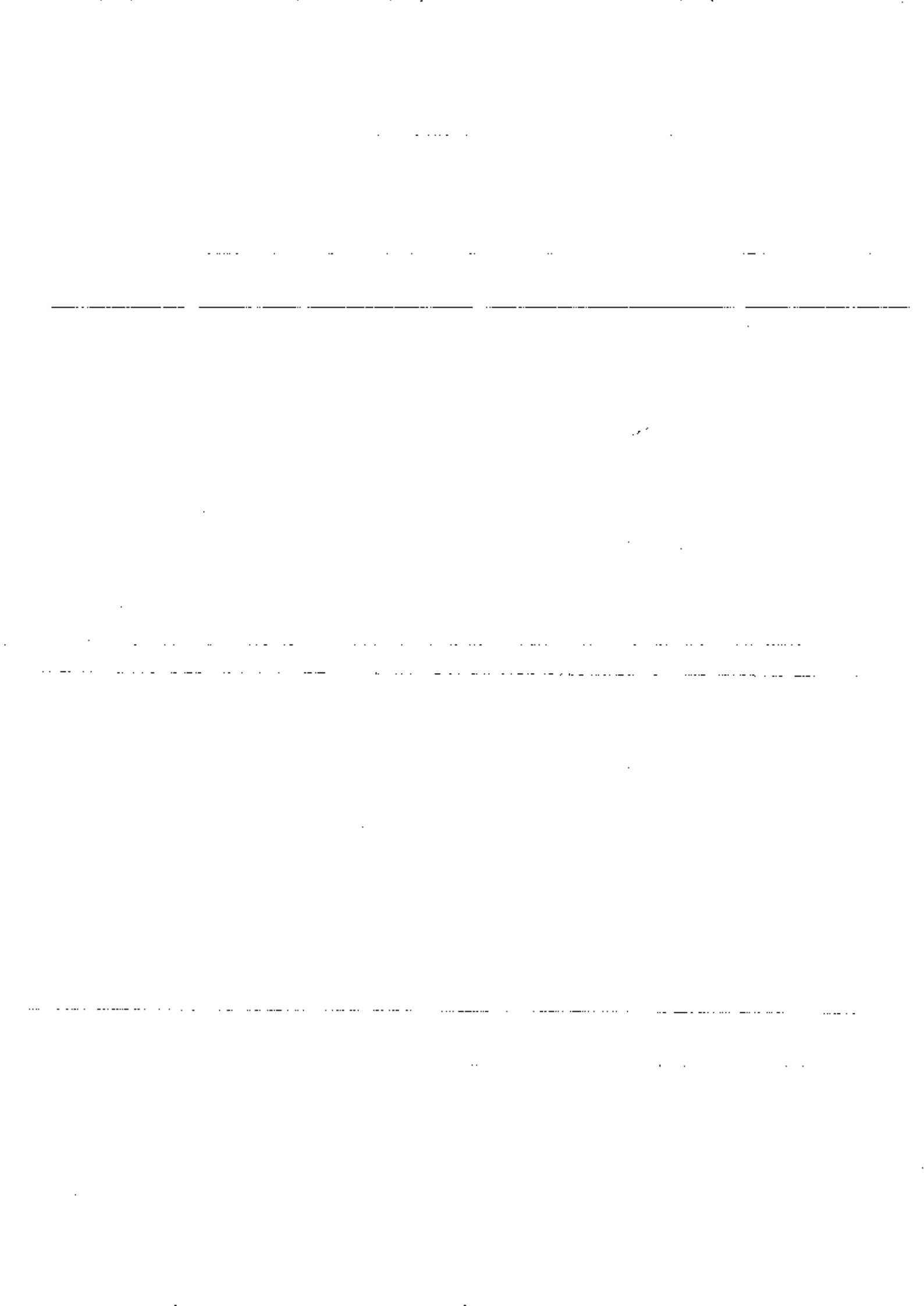
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải cần phải xử lý, vì vậy cơ sở không thực hiện báo cáo nội dung này.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

- Thống kê chất thải phát sinh:

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt



gồm các loại thức ăn thừa, vỏ trái cây, giấy vụn, vỏ bao bì... được phân loại thành chất thải hữu cơ và chất thải tái chế.

- Thống kê CTRSH:

Bảng 1. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt năm 2022

STT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn)	Đơn vị tiếp nhận
1	Khối lượng rác thải sinh hoạt (14 tấn/tháng)	168	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hai Bà Trưng
Tổng cộng		168	

Đối với chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân và khu dịch vụ công cộng được thu gom, bảo quản và lưu trữ tạm thời tại khu lưu trữ đúng theo quy định. Công ty đã ký hợp đồng số HDKL/03220105 ngày 31/12/2021 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Hai Bà Trưng đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày, không để chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường.

Rác được phân loại tại nguồn sau đó được thu gom và tập trung tại kho chứa rác, sau đó vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất): Năm 2022, Chung cư 129D Trương Định không phát sinh CTRCNTT.

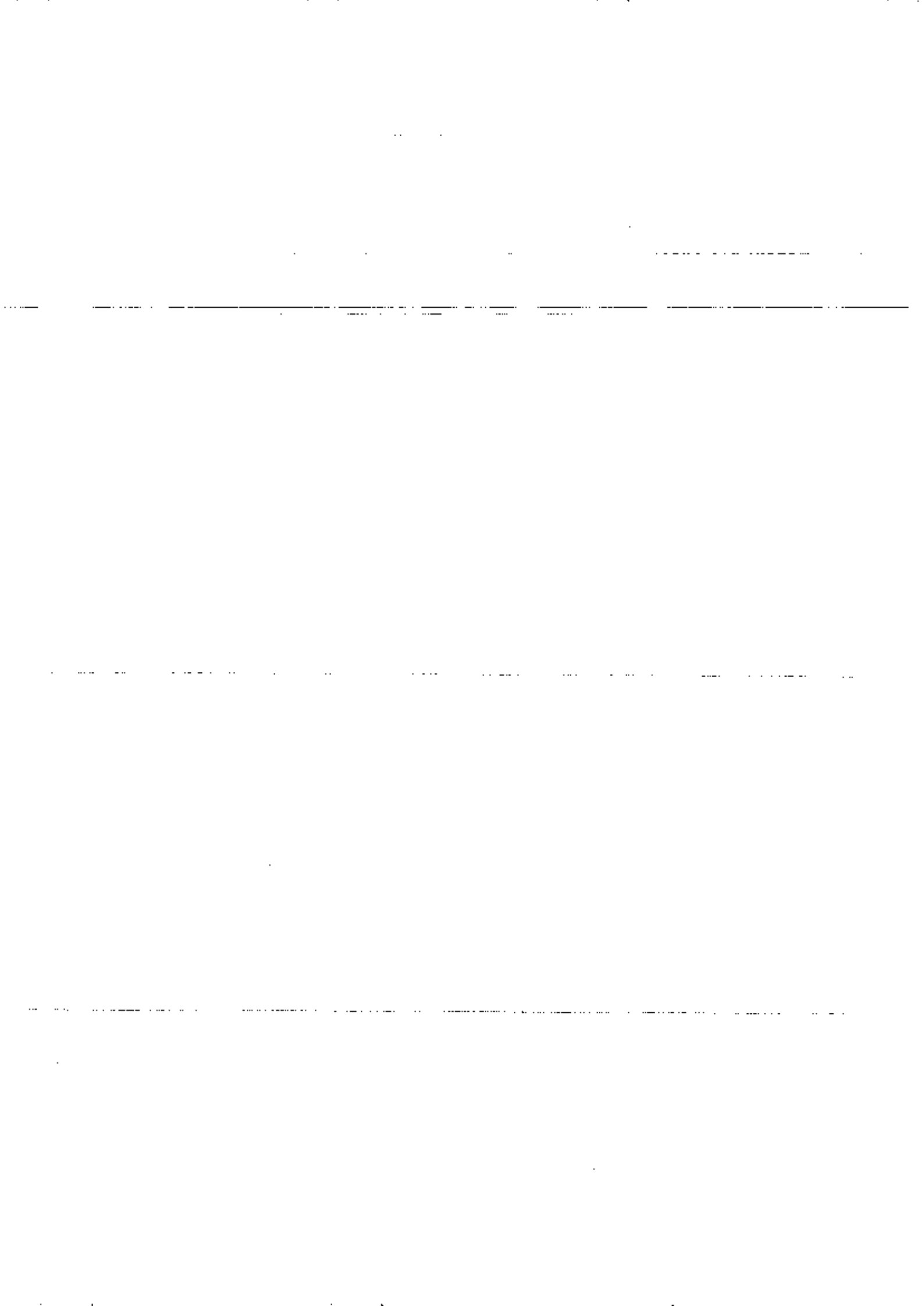
4. Về quản lý chất thải nguy hại

- Thống kê CTNH

Chất thải nguy hại như: bóng đèn huỳnh quang, pin đã qua sử dụng được thu gom, phân loại và lưu giữ theo quy định.

Công ty đã thiết kế khu vực lưu trữ, bảo quản chất thải bao gồm cả chất thải thông thường và chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được phân loại và để riêng biệt theo Nghị định 08/2022/NĐ - CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Tuy nhiên lượng CTRNH của chung cư là rất ít, bởi hệ thống chiếu sáng của chung cư chủ yếu là đèn LED, đèn huỳnh quang được sử dụng tại khu để xe tầng 1 và tầng hầm



với số lượng hạn chế, số đèn này cũng chưa đến niên hạn phải thay hay bị hỏng. Bên cạnh đó, chung cư bố trí các hộp thu gom pin thải bỏ của cư dân tại khu vực chung của toà nhà.



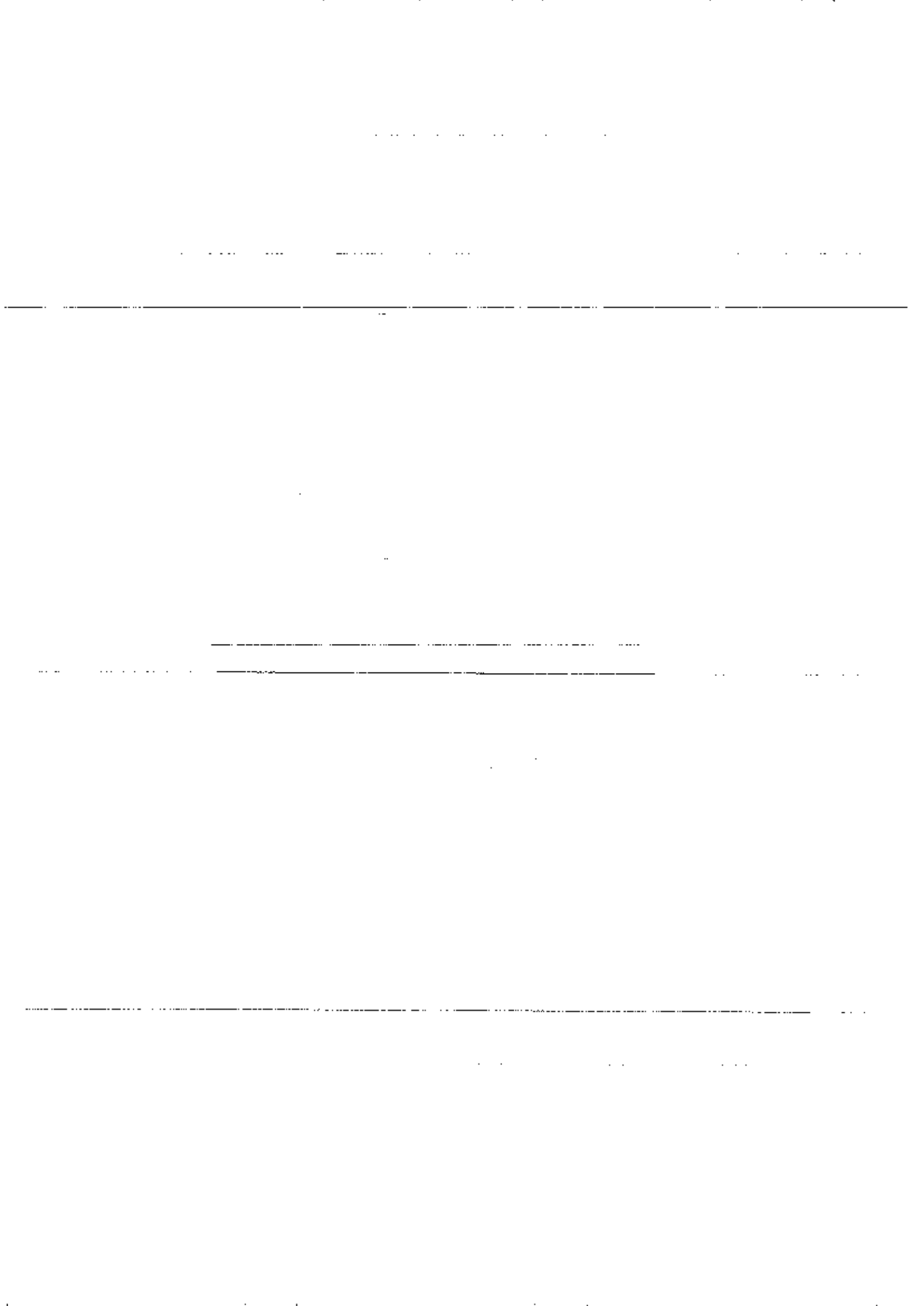
- *Thống kê các CTNH được xuất khẩu:* Cơ sở không phát sinh

- *Thống kê các CTNH được tái sử dụng, sơ chế, tái chế xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH:* Cơ sở không phát sinh

- *Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:* Chất thải nguy hại của Chung cư 129D Trương Định được thu gom, bảo quản và lưu trữ tạm thời tại khu lưu trữ đúng theo quy định. Công ty sẽ ký kết hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại khi đủ khối lượng phát sinh. Hiện tại, Công ty đã có kế hoạch sẽ ký hợp đồng thu gom CTNH vào năm 2025 với đơn vị có chức năng, đảm bảo quản lý chất thải rắn nguy hại theo đúng quy định pháp luật.

5. Về quản lý chất thải y tế:

Cơ sở không phát sinh chất thải y tế



6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở

❖ Kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố về cháy nổ

- Thiết lập khoảng cách an toàn giữa kho chứa chất thải, chất dễ cháy với các công trình khác.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố cháy nổ.

- Tổ chức bộ phận trực kỹ thuật 24/24 để kịp thời các sự cố nhanh nhất, từ đó có phương án xử lý kịp thời.

- Tuân huấn và đào tạo cho kỹ thuật và cán bộ công nhân viên làm việc tại toà nhà về công tác PCCC định kỳ hàng năm.

❖ Kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải đã được tính toán kỹ lưỡng với hệ số an toàn để tránh trường hợp rò rỉ, tràn hoặc vỡ bể xử lý.

- Chuẩn bị bơm, các thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hỏng.

- Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì công trình xử lý nước thải.

- Nhanh chóng khắc phục các sự cố trong thời gian sớm nhất, không để nước thải chưa qua xử lý ra nguồn tiếp nhận

b. Ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Từ khi xây dựng đến nay cơ sở không xảy ra sự cố về môi trường

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa ứng phó, khắc phục sự cố môi trường

a. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

- Tiến hành kiểm tra, giám sát các thiết bị, máy móc định kỳ để kịp thời phát hiện các bộ phận bị hỏng hóc để tiến hành duy tu, bảo dưỡng kịp thời tránh gây hậu quả về kinh tế và giảm thiểu ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Tuyên truyền, tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy theo quy định của Luật PCCC tránh hậu quả đáng tiếc xảy ra đối với tài sản của Công ty và sức khỏe của các cán bộ, công nhân viên của Công ty.

1

[illegible]

•

1. The first step is to identify the key components of the system. This involves understanding the hardware, software, and data involved. For example, in a web application, this might include the server, the database, and the user interface.

* * * * *

•

- Kiểm tra và bổ sung các chế phẩm vi sinh vào các bể xử lý nhằm tăng cường khả năng làm sạch nước thải của hệ thống xử lý

b. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động

- Tiếp tục tổ chức lao động tốt.
- Tăng cường phổ biến kiến thức về an toàn lao động tới từng thành viên trong cơ sở.

c. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho các cán bộ, công nhân viên đang làm việc tại chung cư, và xin ý kiến đóng góp của người dân để cải thiện.

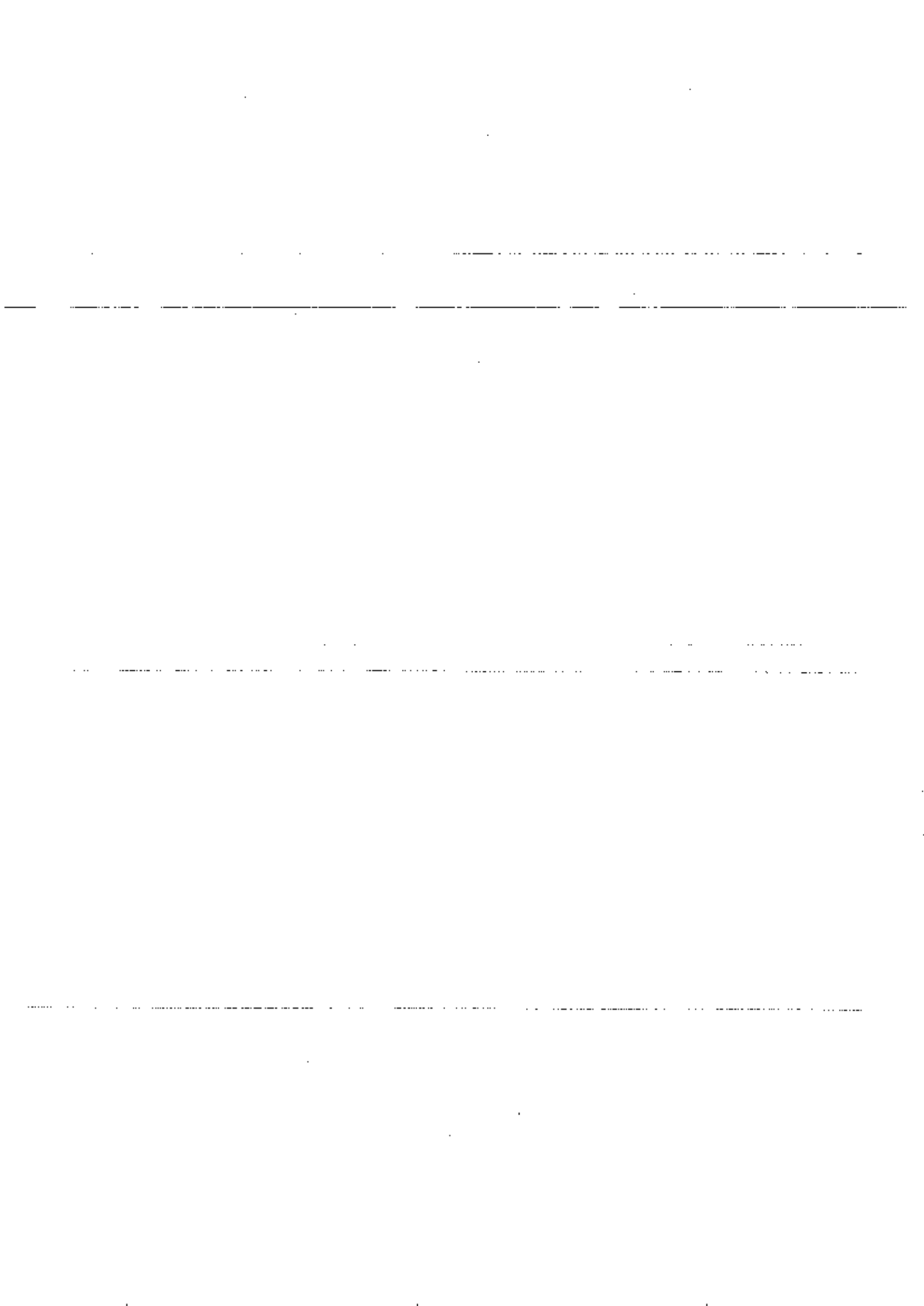
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát môi trường lao động tại các khu vực trong toà nhà nhằm kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân viên và khách hàng của đơn vị.

7. Về báo cáo quản lý các chất khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Cơ sở không phát sinh các chất khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Trong thời gian từ giai đoạn xây dựng đến nay, đơn vị luôn hoàn thành chấp hành tốt theo các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường và không có đợt thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



PHẦN 2. TÌNH HÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH, CTRCNTT, CTNH

Cơ sở không thuộc đối tượng chủ thu gồm, vận chuyển, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH

PHẦN 3. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

Cơ sở không thuộc đối tượng có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

PHẦN 4. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Cơ sở không thuộc đối tượng khai thác khoáng sản.

Nơi nhận:

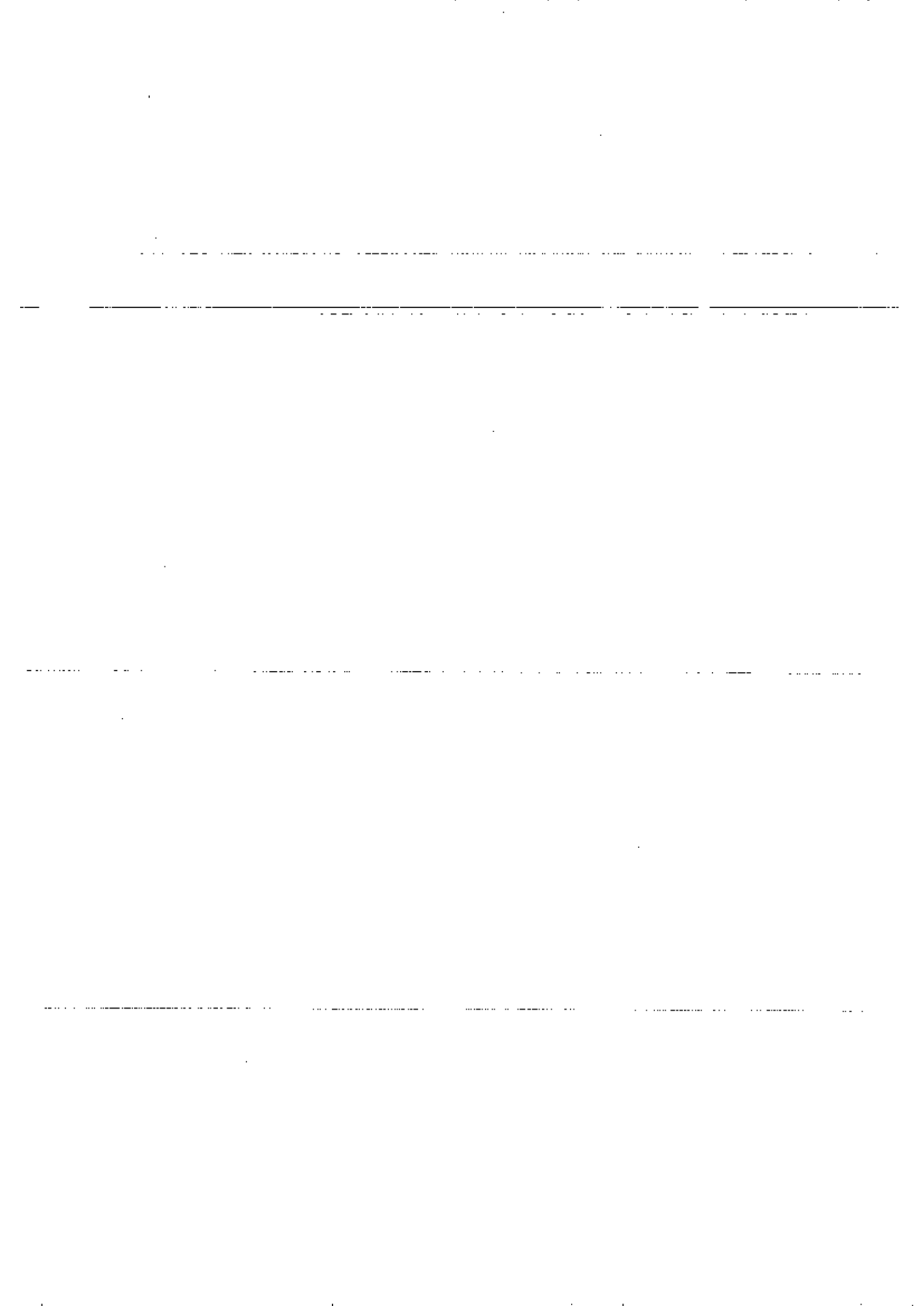
- Sở TNMT Hà Nội
- UBND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu: VT

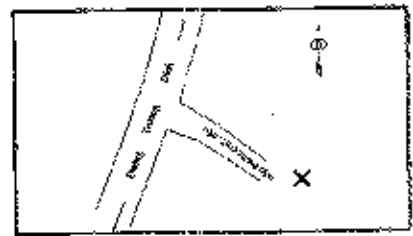
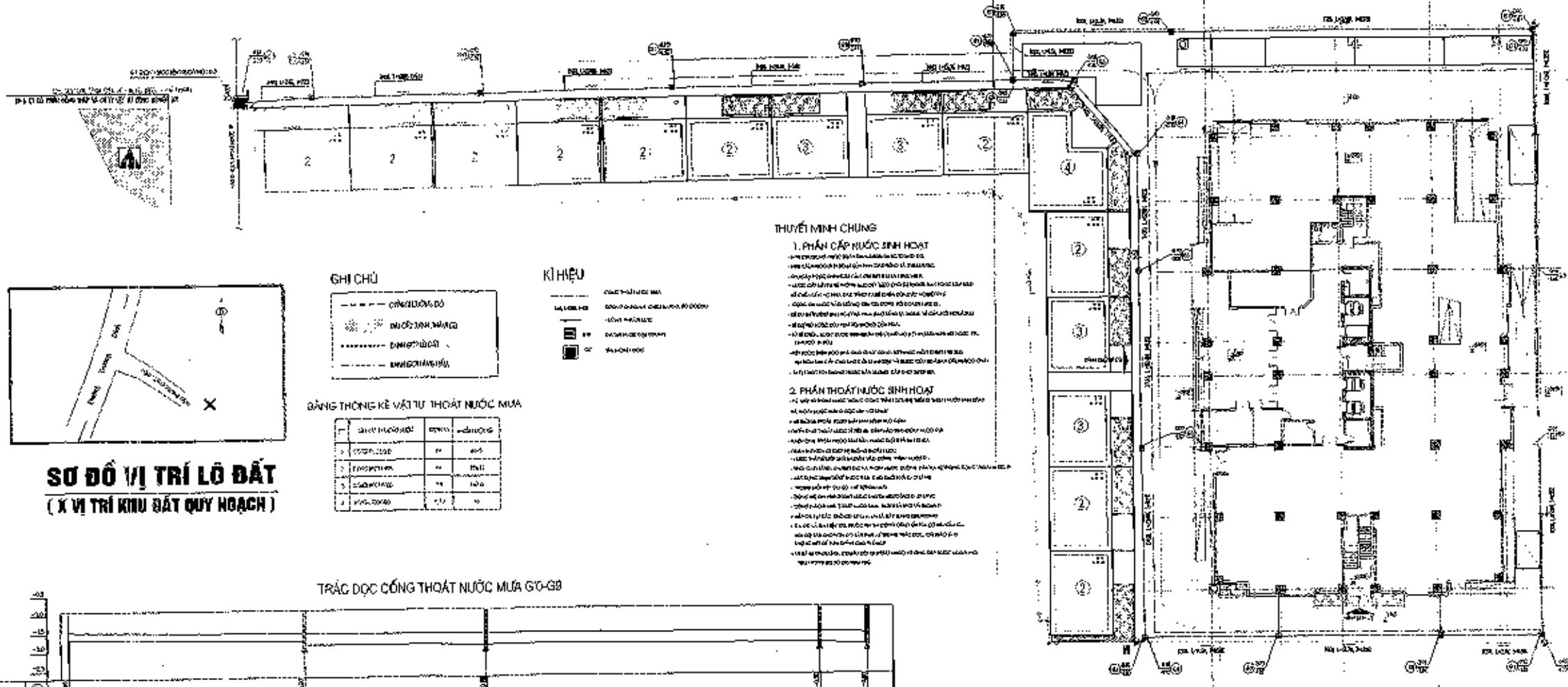
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nagyon Arh. Link





SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LÔ ĐẤT
(X VỊ TRÍ KINH BẤT QUY HOẠCH)

GHI CHÚ

---	CÔNG TRÌNH DẪN
---	ĐƯỜNG LƯỚI MẠNG
---	ĐƯỜNG LƯỚI MẠNG
---	ĐƯỜNG LƯỚI MẠNG

KI HIỆU

---	CÔNG TRÌNH DẪN
---	ĐƯỜNG LƯỚI MẠNG
---	ĐƯỜNG LƯỚI MẠNG
---	ĐƯỜNG LƯỚI MẠNG

BẢNG THÔNG KÊ VẬT TƯ THOÁT NƯỚC MƯA

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TOTAL
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...

THUYẾT MINH CHUNG

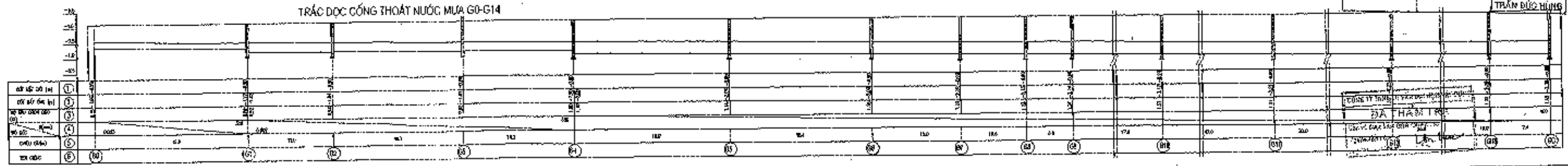
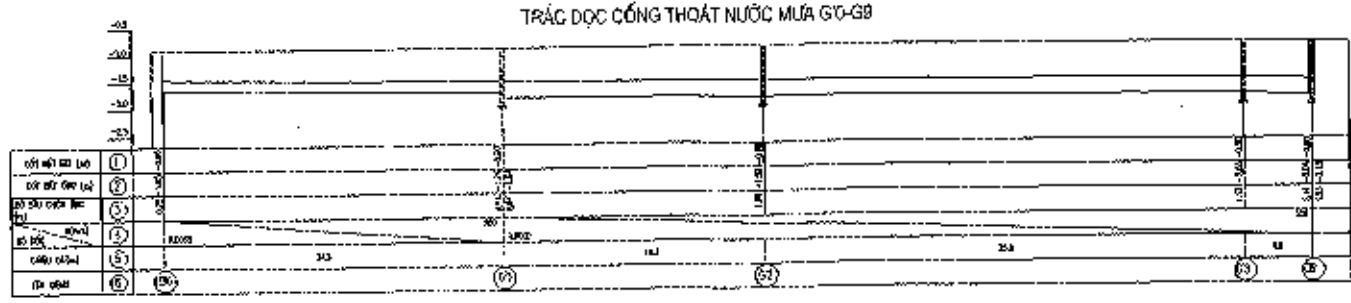
1. PHÂN CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Nguồn nước sinh hoạt được cấp từ hệ thống cấp nước thành phố. Nước được dẫn vào công trình qua đường ống dẫn nước sinh hoạt. Nước được phân phối đến các phòng tắm, nhà vệ sinh, bếp, và các phòng khác trong công trình.

2. PHÂN THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

Nước thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống thoát nước sinh hoạt. Nước được dẫn ra khỏi công trình qua đường ống thoát nước sinh hoạt. Nước được xử lý tại nhà máy xử lý nước thải gần công trình.

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ
T.L: 1/250



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HƯNG 22

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 22 tháng 01 năm 2018.

NGƯỜI DẪN: *[Signature]*
NGƯỜI KIỂM TRA: *[Signature]*
NGƯỜI CHẤM DẤU: *[Signature]*

TRẦN ĐỨC HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HƯNG 22

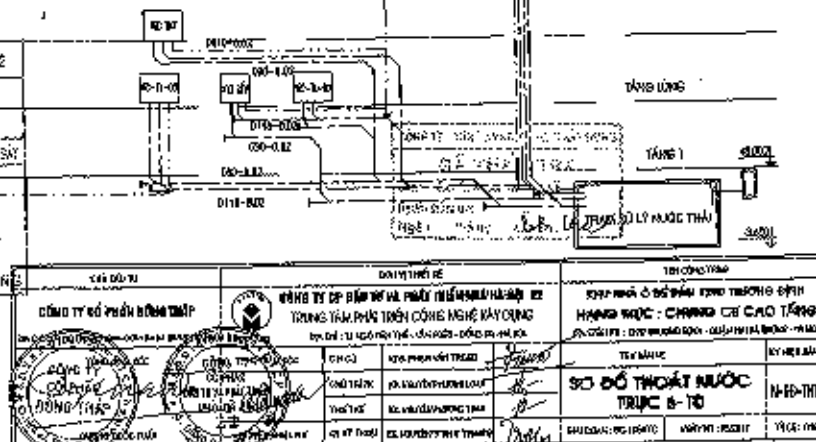
TRƯỜNG KINH QUẢN CÔNG TRÌNH CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

NGƯỜI DẪN: *[Signature]*
NGƯỜI KIỂM TRA: *[Signature]*
NGƯỜI CHẤM DẤU: *[Signature]*

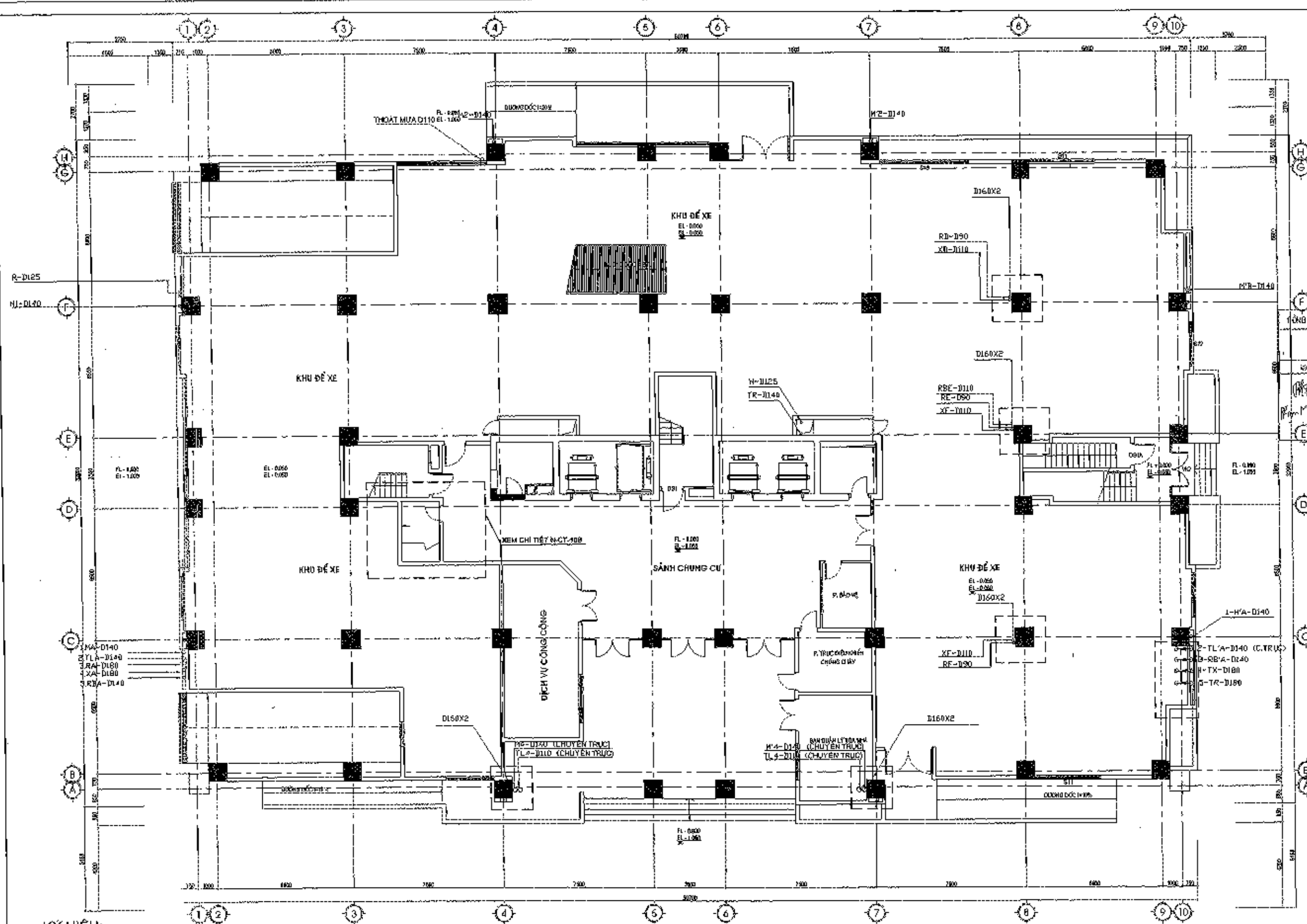
TRẦN ĐỨC HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI		
KẢN VỆ HOÀN CÔNG		
Ngày 22 tháng 02 năm 2019.		
HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG CÔNG TY	NGƯỜI CHỮ KÝ
<i>[Signature]</i> Phan Minh Tiến	<i>[Signature]</i> Trần Đức Hùng	<i>[Signature]</i> Trần Đức Hùng



TÊN CÔNG TRÌNH	
KHU NHÀ Ở ĐỀ BÀN 1290 TRƯỜNG BÌNH	
HẠNG MỤC : CHUNG CƯ CAO TẦNG	
DỰ ÁN SỐ : 3/20 TRƯỜNG BÌNH - QUẬN HẢI BÀ TRUNG - HẢI PHÒNG	
THIẾT KẾ	KỸ THUẬT
HOÀN CÔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG HẦM	
GIẢI ĐOẠN : BÀN	NGÀY NH : 07/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 22 tháng 01 năm 2019.
 KẾ HOẠCH: SƠ LƯỢC THIẾT KẾ: DỰ ÁN TƯ VẤN KIẾN TRÚC:

PHẠM MINH TÂM
 NGUYỄN QUÝ CÔNG
 TRẦN ĐỨC HÙNG

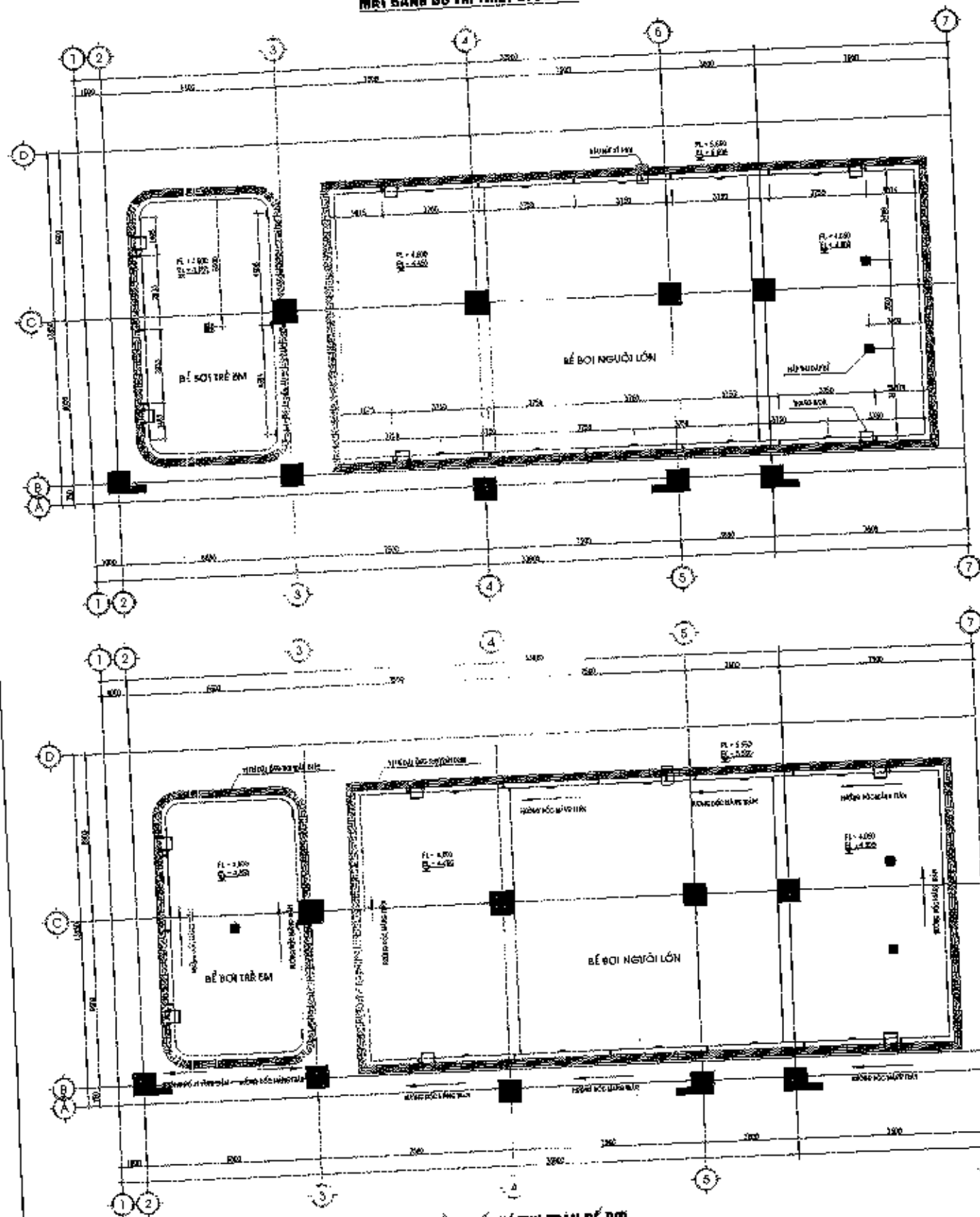
KÝ HIỆU:

- M: Ống thoát nước mưa
- X: Ống thoát xi, yếu
- RB: Ống thoát bếp
- R: Ống thoát nước rửa
- TL: Ống thoát nước bồn cầu, máy giặt
- TH: Ống thông hơi khu vệ sinh
- H: Ống thông bể phốt

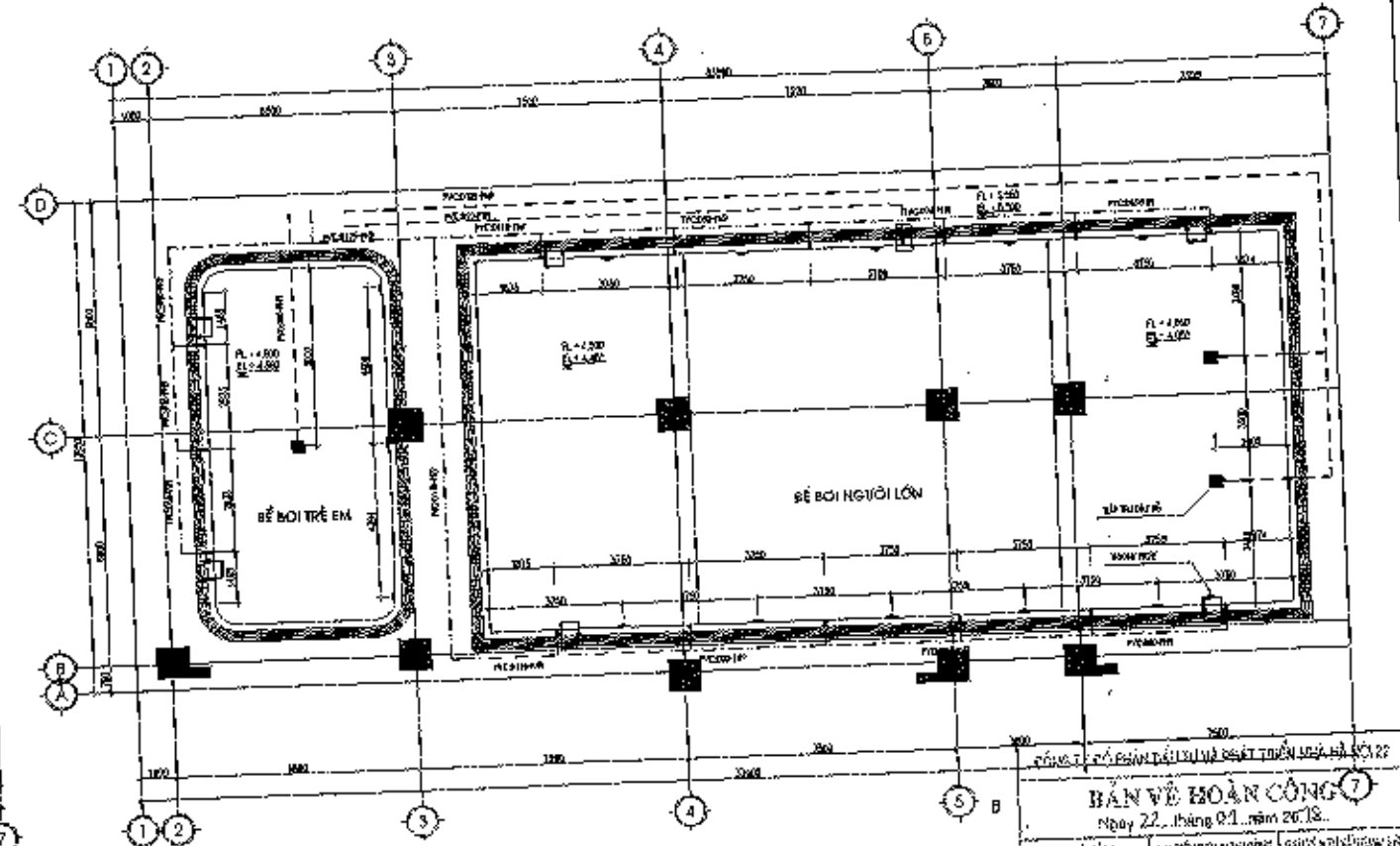
HOÀN CÔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 1

TÊN CÔNG TRÌNH	
Khu nhà ở để bán 1290 Trương Định	
Hạng mục: Chung cư cao tầng	
Địa điểm: Khu vực phía Bắc - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội	
YẾU ĐỀ	YẾU ĐỀ
HOÀN CÔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TẦNG 1	H-B-TN-02
ĐƠN VỊ: BƯỞI	NGÀY HT: 01/2019

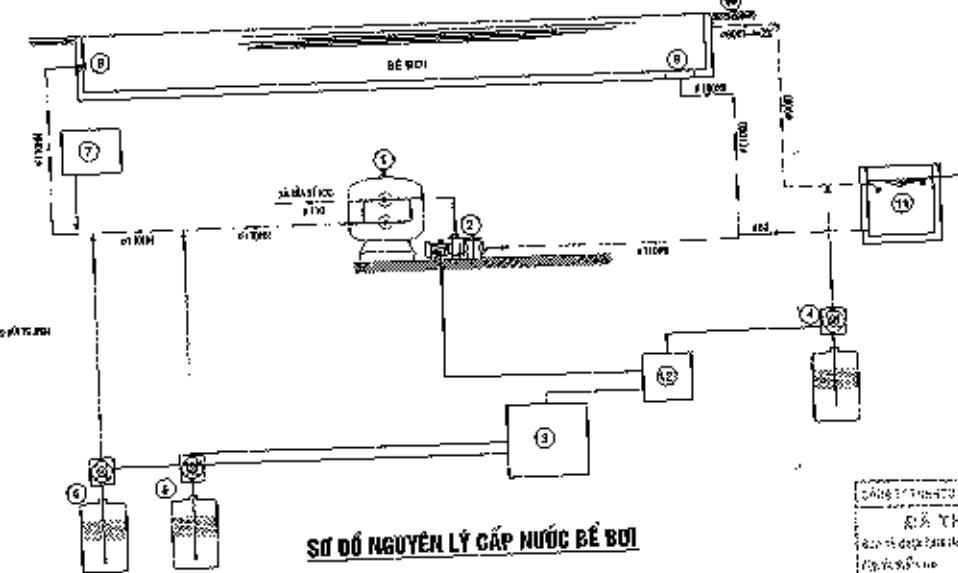
MẶT BẰNG BỐ THÍ THIẾT BỊ BỂ BƠI



MẶT BẰNG BỐ THÍ THU TRẠM BỂ BƠI



MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC BỂ BƠI



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP NƯỚC BỂ BƠI

CHÚA CHỈ

- ① đường ống nước cấp
- ② đường ống nước thoát
- ③ bể chứa nước
- ④ bể chứa nước
- ⑤ bể chứa nước
- ⑥ bể chứa nước
- ⑦ bể chứa nước
- ⑧ bể chứa nước
- ⑨ bể chứa nước
- ⑩ bể chứa nước
- ⑪ bể chứa nước
- ⑫ bể chứa nước

- ① bể chứa nước
- ② bể chứa nước
- ③ bể chứa nước
- ④ bể chứa nước
- ⑤ bể chứa nước
- ⑥ bể chứa nước
- ⑦ bể chứa nước
- ⑧ bể chứa nước
- ⑨ bể chứa nước
- ⑩ bể chứa nước
- ⑪ bể chứa nước
- ⑫ bể chứa nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ

HẠNH VỆ HOÀN CÔNG

Ngày 22... tháng 01... năm 2018...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: *[Signature]*

ĐẠI DIỆN NHÀ THIẾT KẾ: *[Signature]*

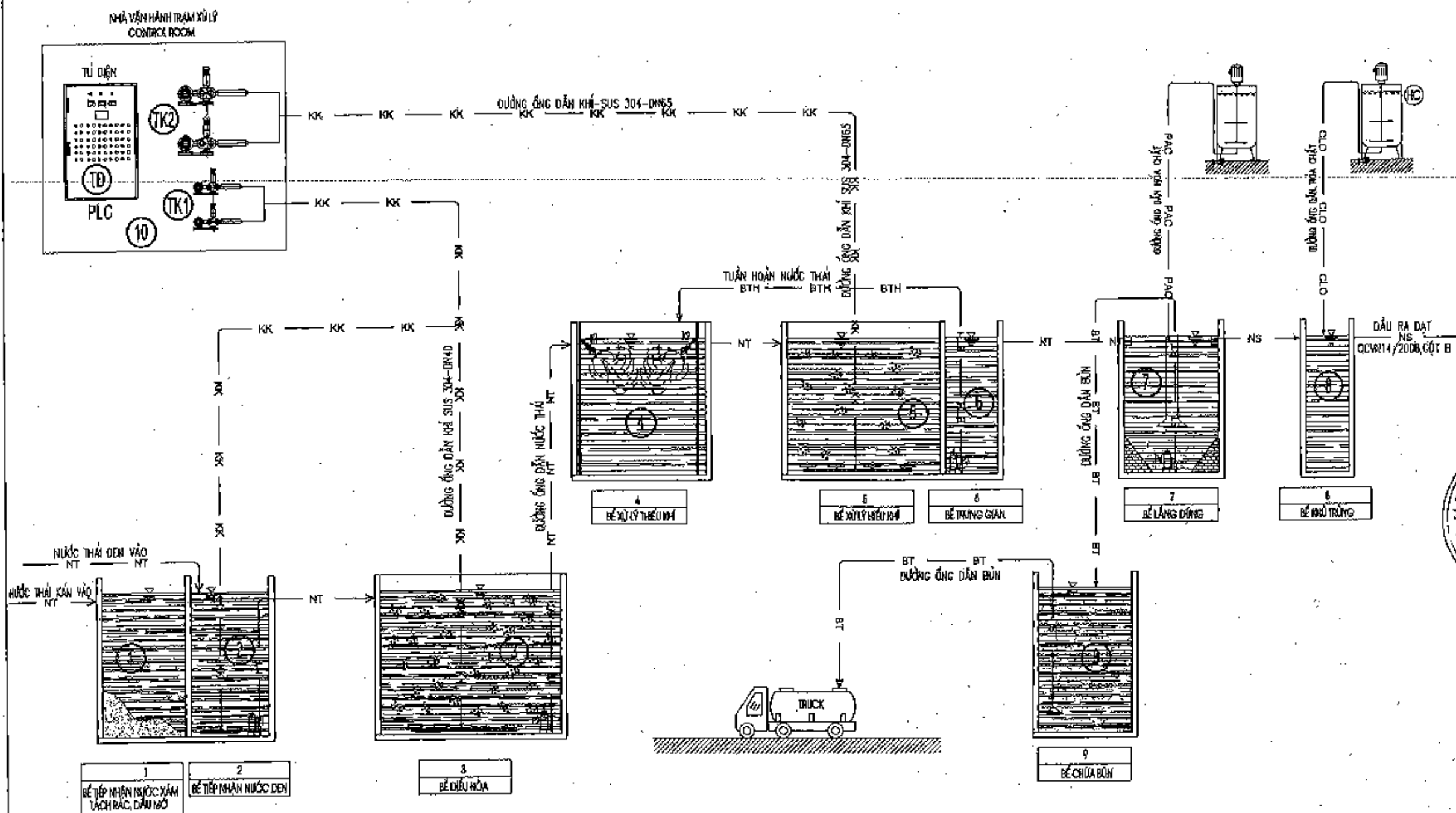
ĐẠI DIỆN NHÀ XÂY DỰNG: *[Signature]*

CHỦ ĐẦU TƯ HOÀN CÔNG

XEM TẠI BỘ BẢN VẼ HOÀN CÔNG HẠNH MỤC BỂ BƠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THIẾT KẾ	ĐẠI DIỆN NHÀ XÂY DỰNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ THẢI SINH HOẠT 185M3/NGĐ



GHI CHÚ:

- 1- BỂ TIẾP NHẬN NƯỚC XANH, TÁCH CHẤT RÁC, CHẤT NỖI
- 2- BỂ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐEN
- 3- BỂ ĐIỀU HÒA
- 4- BỂ XỬ LÝ SINH HỌC THIỂU KHÍ
- 5- BỂ XỬ LÝ SINH HỌC HIẾU KHÍ
- 6- BỂ TRUNG GIẢN
- 7- BỂ LẮNG ĐÓNG
- 8- BỂ KHU TRỪNG

- P1- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐEN
P2- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
P3- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIẢN TUẦN HOÀN NƯỚC THẢI
P4- BƠM BÙN BỂ LẮNG
K1- MÁY KHUẤY CHỖ 1
K2- MÁY KHUẤY CHỖ 2
TK- CỤM 2 MÁY THỞ KHÍ DẠT CẠN
HC- CỤM HÓA CHẤT

- NT — NT — ĐƯỜNG ống dẫn nước thải
KK — KK — ĐƯỜNG ống dẫn khí
NS — NS — ĐƯỜNG ống dẫn nước sạch
BTH — BTH — ĐƯỜNG ống dẫn bùn tuần hoàn
BT — BT — ĐƯỜNG ống dẫn bùn
PAC — PAC — ĐƯỜNG ống hóa chất trợ lắng
CLO — CLO — ĐƯỜNG ống hóa chất khử trùng
LẤY CỐT MẶT ĐƯỜNG LÀ CỐT 6000

LẦN SỬA	NỘI DUNG SỬA CHỮA	NGÀY
DỰ ÁN: KHU NHÀ Ở ĐỀ BÀN 129D TRƯỜNG ĐÌNH		
ĐỊA CHỈ: 129D TRƯỜNG ĐÌNH - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG THÁP 129D TRƯỜNG ĐÌNH - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI		
TƯ VẤN THIẾT KẾ: NHÀ THẦU CHẾ:		
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG ĐỊA CHỈ: 13 NGÕ YÊN THIỆP - VÂN MIEU - ĐÔNG BÀ - HÀ NỘI		
PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH LINH		
CHỮ KÝ VÀ CHẤM DẤU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22 CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22 ĐỊA CHỈ: 13 NGÕ YÊN THIỆP - VÂN MIEU - ĐÔNG BÀ - HÀ NỘI HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI		
ĐIỀU VẬN HÀNH:		
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐOÀN VĂN MẠNH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	
Kiểm tra	AN NGỌC THUY	
HÀNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HỒ SƠ	KÝ MỆU BẢN VẼ	
ĐC-TK-BYT	BVKTNT713	
TỶ LỆ: 1/100	HOÀN THÀNH: 6-2017	

LẦN SỬA	NỘI DUNG SỬA CHỮA	NGÀY

DIỆN
KHU NHÀ Ở ĐỀ BÀN 1280 TRƯỜNG ĐỊNH

ĐỊA CHỈ
1280 TRƯỜNG ĐỊNH - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP
1280 TRƯỜNG ĐỊNH - Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

TƯ VẤN THIẾT KẾ
NHÀ THẦU CHẾ:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: 13 NGUYỄN THẾ MẠNH MÊLIHÔNG ĐÀ NẴNG

PHÓ GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN ANH LINH

NHÀ THẦU PHỤ:
CÔNG TY
CƠ PHÂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ ĐÀO TẠO VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: PHÒNG 214, TOWER 1, NGUYỄN VĂN LINH, HÀ NỘI
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐỘC
VIỆT NAM

ĐANG VĂN MUYÊN

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN
CHỦ ĐẦU TƯ	ĐANG VĂN MUYÊN	
THIẾT KẾ VẼ	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	
Kiểm tra	AN NGỌC THUY	

HẠNG MỤC:

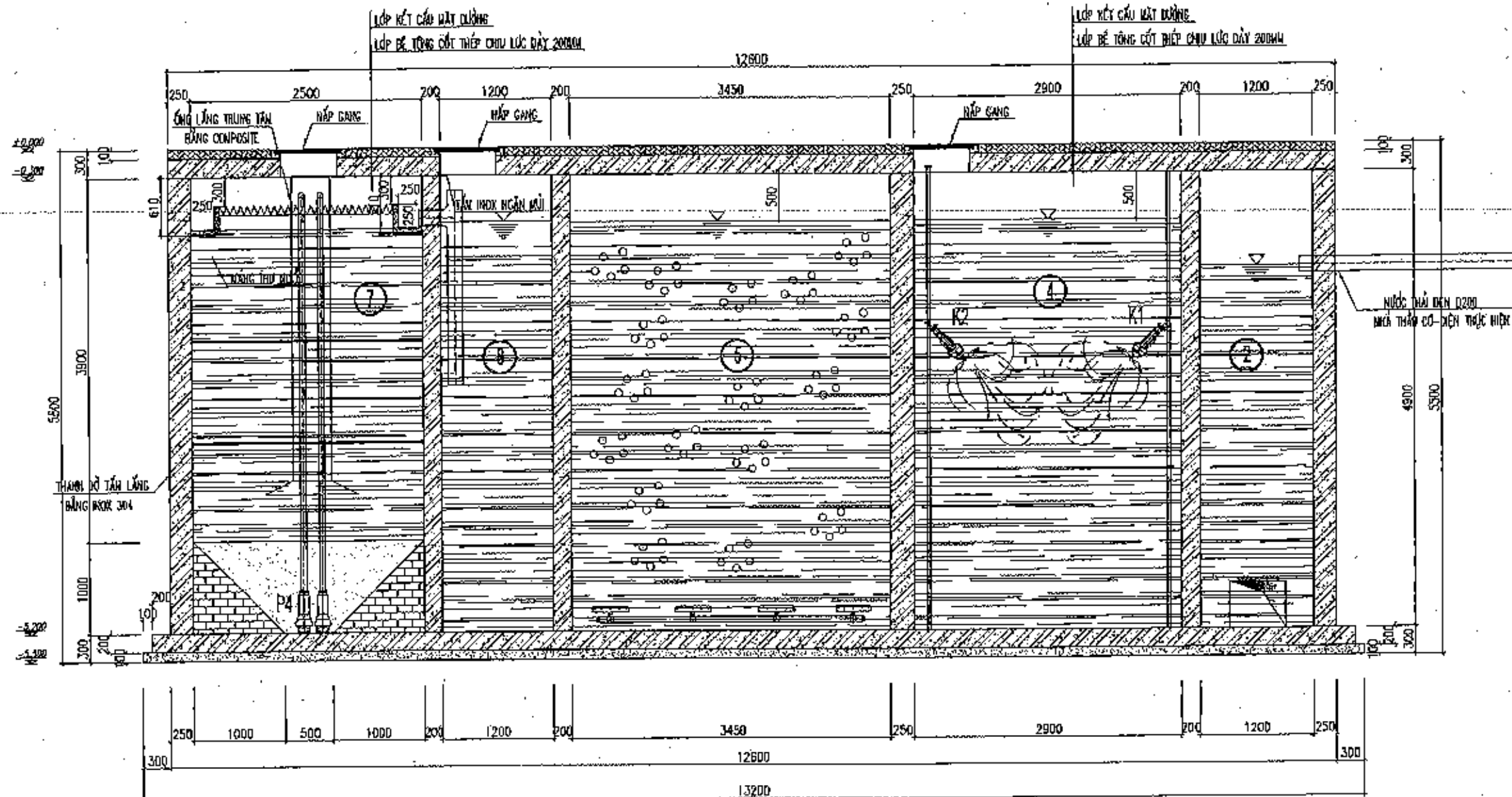
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT A-A
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HỒ SƠ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
ĐC-TK-BVTC	BVKTNT107
TỶ LỆ: 1/100	HOÀN THÀNH: 6-2017

MẶT CẮT A-A



GIẢI THÍCH

- 1- BỂ TIẾP NHẬN NƯỚC XÁM, TÁCH CHẤT RẮN, CHẤT NỔI
- 2- BỂ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐEN
- 3- BỂ ĐIỀU HÒA
- 4- BỂ XỬ LÝ SINH HỌC THIẾU KHÍ
- 5- BỂ XỬ LÝ SINH HỌC HIẾU KHÍ
- 6- BỂ TRUNG GIẠN
- 7- BỂ LẮNG ĐÔNG
- 8- BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- P1- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐEN
P2- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
P3- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIẠN TUẦN HOÀN NƯỚC THẢI
P4- BƠM BÙN BỂ LẮNG
K1- MÁY KHUẤY CHÌM 1
K2- MÁY KHUẤY CHÌM 2
TK- CỤM 2 MÁY THƠM KHÍ ĐẶT CẠN
HC- CỤM HÓA CHẤT

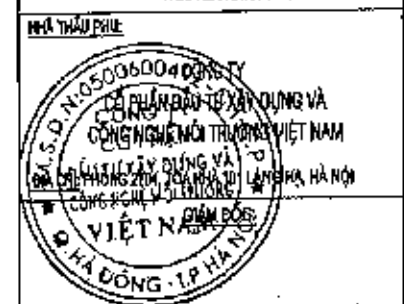
- NT — NT — ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI
KK — KK — ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
NB — NS — ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC SẠCH
BTH — BTH — ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN TUẦN HOÀN
BT — BT — ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
PAC — PAC — ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT TẠO LẮNG
CLO — CLO — ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT KHUẤY TRÙNG
LẤY CỐT MẶT ĐƯỜNG LÀ CỐT Ø100

LẦN SỬA	NỘI DUNG SỬA CHỮA	NGÀY

DỰ ÁN:
KHU NHÀ Ở ĐỀ BÀN 1290 TRƯỜNG ĐỊNH
 ĐỊA CHỈ:
 1290 TRƯỜNG ĐỊNH - Q. HUY BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI
 CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG THÁP
 1290 TRƯỜNG ĐỊNH - Q. HUY BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI
 TƯ VẤN THIẾT KẾ
 NHÀ THẦU CHỌN:
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22
 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
 ĐỊA CHỈ: 13 NGUYỄN THIỆP - VÂN MIEU - ĐÔNG ĐA - HÀ NỘI
 PHÓ GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN ANH LINH
 NHÀ THẦU PHỤ:



ĐẶNG VĂN HUYỀN
 CHỨC DANH:

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN
CHỦ TRƯỞNG	ĐOÀN VĂN VƯỢNG	
THIẾT KẾ VẼ	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	
Kiểm tra:	AN NGỌC THUY	

HẠNG MỤC:

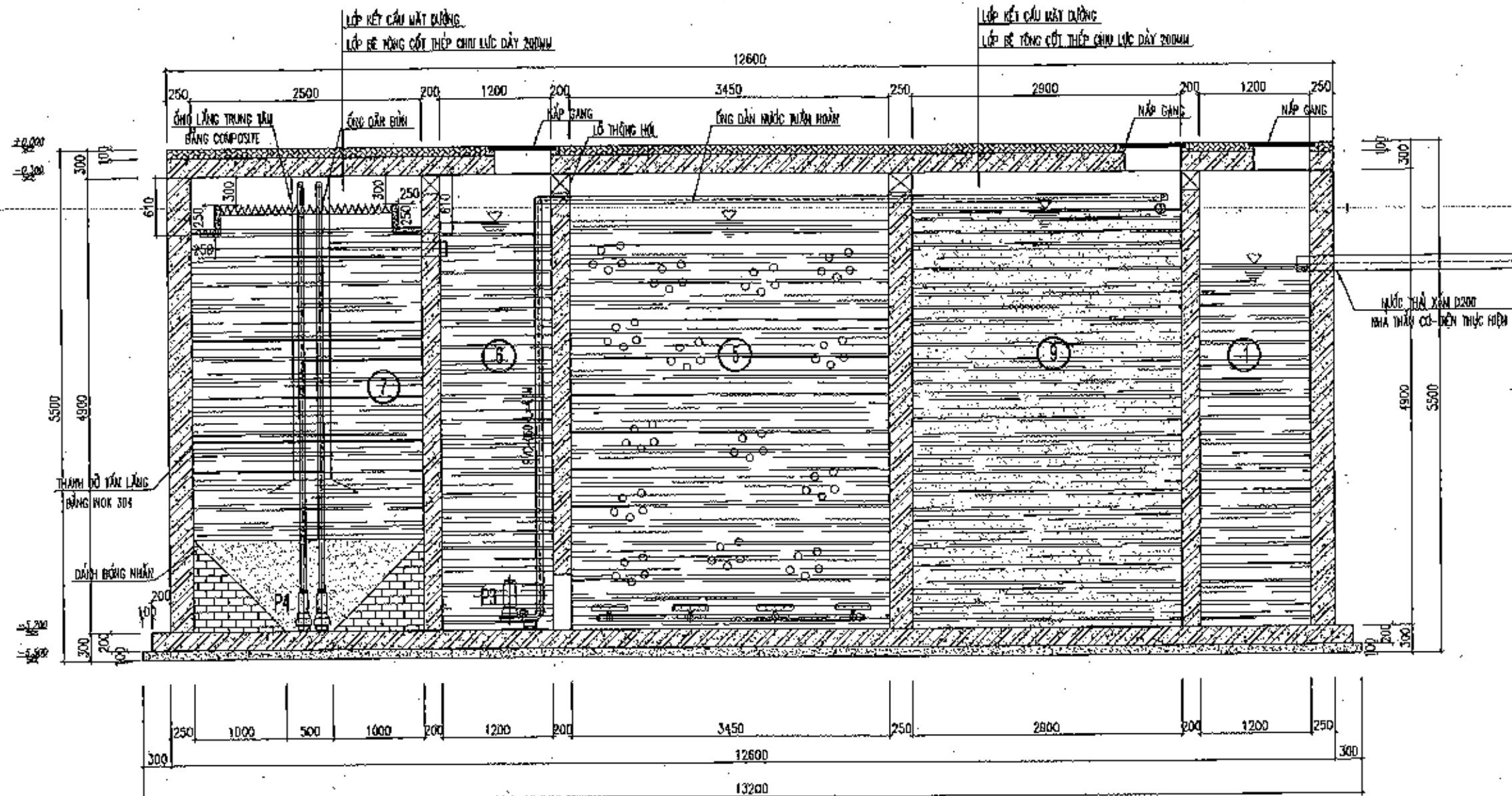
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT B-B
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MÔ SỐ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
ĐC-TR-BVTC	BVKT/NT/DB
TỶ LỆ: 1/100	HOÀN THÀNH: 8-2017

MẶT CẮT B-B



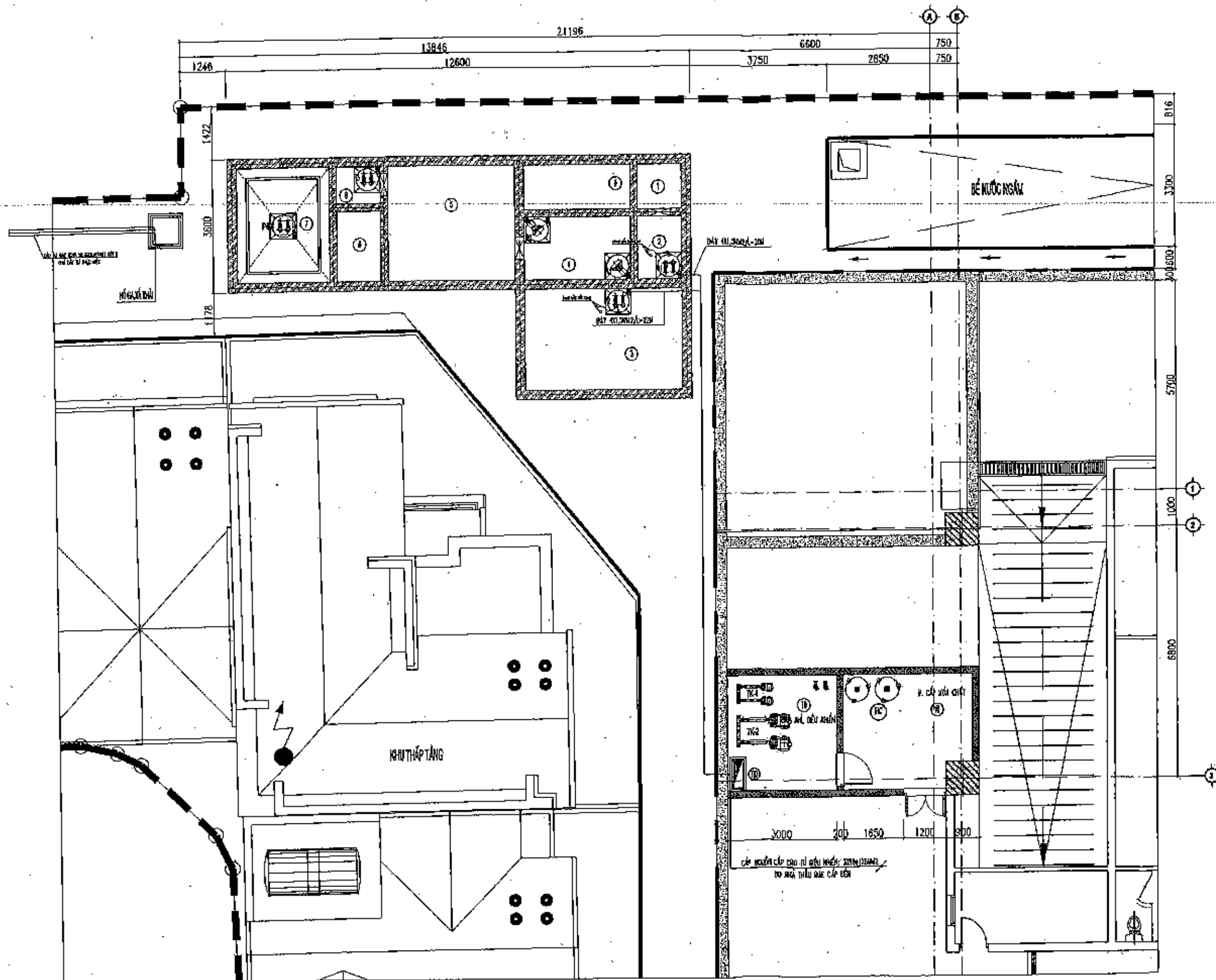
GHI CHÚ:

- 1- BẾ TIẾP NHẬN NƯỚC XẢM, TÁCH CHẤT RÁC, CHẤT NÓI
- 2- BẾ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐEN
- 3- BẾ ĐIỀU HÒA
- 4- BẾ XỬ LÝ SINH HỌC THIỂU KHÍ
- 5- BẾ XỬ LÝ SINH HỌC HỮU CƠ
- 6- BỂ TRUNG GIẢN
- 7- BỂ LẮNG ĐỒNG
- 8- BỂ KHỬ TRÙNG

- P1- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BẾ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI ĐEN
 P2- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BẾ ĐIỀU HÒA
 P3- BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ TRUNG GIẢN TUẦN HOÀN NƯỚC THẢI
 P4- BƠM BỒN BỂ LẮNG
 K1- MÁY NHÁY CHÌM 1
 K2- MÁY NHÁY CHÌM 2
 TK- CỤM 2 MÁY THỔI KHÍ DẠT CẠN
 HC- CỤM HÓA CHẤT

- NT — NT — ĐƯỜNG ống dẫn nước thải
 KK — KK — ĐƯỜNG ống dẫn nước
 NS — NS — ĐƯỜNG ống dẫn nước sạch
 BTH — BTH — ĐƯỜNG ống dẫn bùn tuần hoàn
 BT — BT — ĐƯỜNG ống dẫn bùn
 PAC — PAC — ĐƯỜNG ống hóa chất trợ lắng
 CLO — CLO — ĐƯỜNG ống hóa chất khử trùng
 LẤY CỐT MẶT DƯỠNG LÀ CỐT 0.000

MẶT BẰNG TỔNG HỢP ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NHÀ VẬN HÀNH (Q=185M3/NG.D)



LẦN SỬA	NỘI DUNG SỬA CHỮA	NGÀY																		
DIỆN: KHU NHÀ Ở ĐỀ BÀN 1280 TRƯỜNG BÌNH ĐỊA CHỈ: 1280 TRƯỜNG BÌNH - Q. XUÂN BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG THÁP 1280 TRƯỜNG BÌNH - Q. XUÂN BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI TƯ VẤN THIẾT KẾ: NHÀ TRƯỞNG CHẾ: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI 22 TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG ĐỊA CHỈ: 13 NGUYỄN THẾ VĂN, NGUYỄN ĐỒNG BÀ HÀ NỘI PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH LINH Ms. S. DAV. 0500600492 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM ĐỊA CHỈ: 13 NGUYỄN THẾ VĂN, NGUYỄN ĐỒNG BÀ HÀ NỘI CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM VIỆT NAM HÀ NỘI - TP. HÀ NỘI ĐẶNG VĂN HUYỀN ĐẶNG VĂN HUYỀN <table><tr><th>CHỨC DANH</th><th>HỌ VÀ TÊN</th><th>KÝ TÊN</th></tr><tr><td>CHỦ TRƯỞNG</td><td>ĐOÀN VĂN KIỆT</td><td> </td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN VĂN TƯỜNG</td><td> </td></tr><tr><td>Kiểm tra:</td><td>AN NGỌC THÁY</td><td> </td></tr></table> HẠNG NƯỚC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI <table><tr><th>HỒ SƠ</th><th>KÝ HIỆU BẢN VẼ</th></tr><tr><td>ĐC-TK-HVTC</td><td>BVKTĐM03</td></tr><tr><td>TỶ LỆ: 1/100</td><td>HOÀN THÀNH: 6/2017</td></tr></table>			CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN	CHỦ TRƯỞNG	ĐOÀN VĂN KIỆT		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TƯỜNG		Kiểm tra:	AN NGỌC THÁY		HỒ SƠ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	ĐC-TK-HVTC	BVKTĐM03	TỶ LỆ: 1/100	HOÀN THÀNH: 6/2017
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN																		
CHỦ TRƯỞNG	ĐOÀN VĂN KIỆT																			
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TƯỜNG																			
Kiểm tra:	AN NGỌC THÁY																			
HỒ SƠ	KÝ HIỆU BẢN VẼ																			
ĐC-TK-HVTC	BVKTĐM03																			
TỶ LỆ: 1/100	HOÀN THÀNH: 6/2017																			